



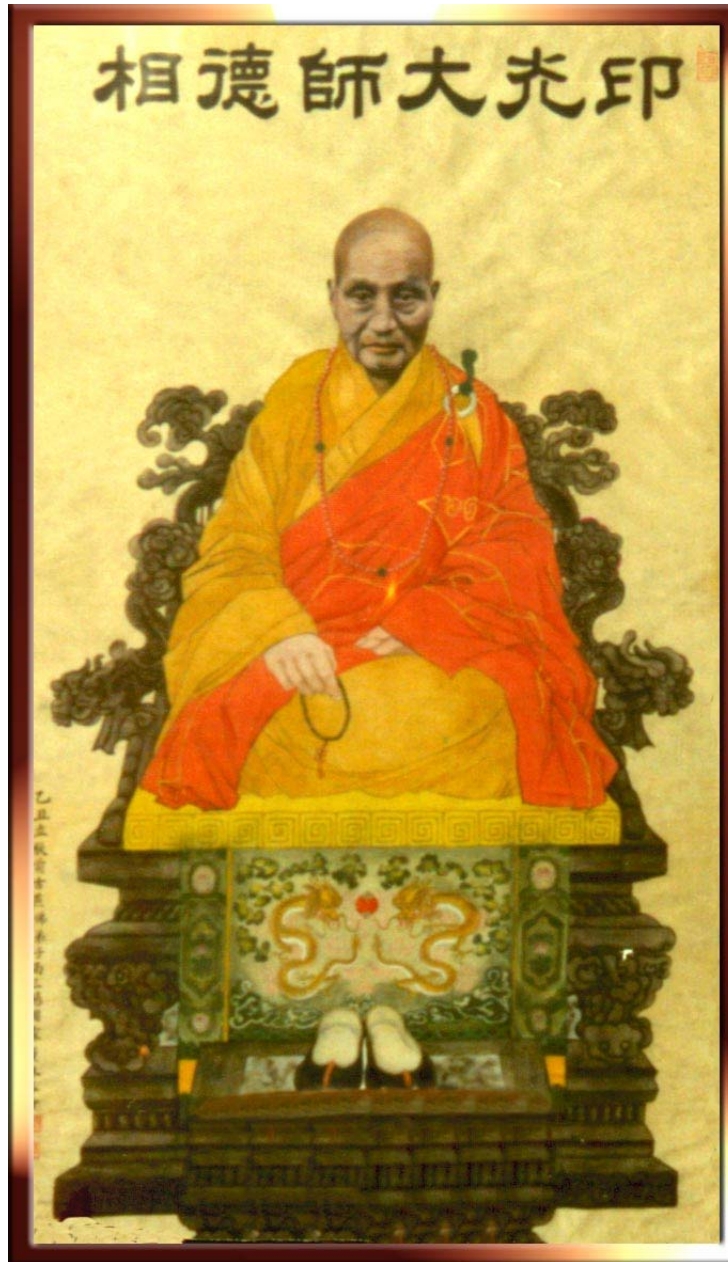
Nam Mô Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật



Tịnh Độ Pháp Ngữ

*Lá Thư Tịnh Độ
Hương Quê Cực Lạc
Tịnh Độ Thập Nghi Luận
Tịnh Độ Hoặc Vấn*

Dịch Giả:
Hòa Thượng Thích Thiên Tâm



Ấn Quang Đại Sư Đức Tướng

MỤC LỤC

<i>MỤC LỤC</i> _____	<i>1</i>
<i>Lá Thư Tĩnh Độ</i> _____	<i>7</i>
Tựa _____	9
Thơ đáp Cư Sĩ Đặng Bá Thành (1 - 2) _____	13
Thơ đáp Cư Sĩ Đặng Tân An _____	22
Thơ đáp Cư Sĩ Cao Thiệu Lân (1 - 2) _____	25
Thơ gửi Cư Sĩ Trần Tích Châu _____	34
Thơ đáp Cư Sĩ Lâm Giới Sanh _____	43
Thơ đáp anh em một vị Cư Sĩ ở Vĩnh Gia _____	47
Thơ đáp Cư Sĩ Bộc Đại Phàm _____	52
Thơ gửi Cư Sĩ Vệ Cẩm Châu _____	59
Thơ đáp một Cư Sĩ ở Vĩnh Gia _____	66
Thơ gửi Nữ Sĩ Từ Phước Hiền _____	86
Thơ gửi Đế Nhàn Pháp Sư _____	97
Thơ đáp một Cư Sĩ ở Vĩnh Gia _____	99
Thơ đáp một Cư Sĩ _____	101
Thơ đáp Cư Sĩ Trần Huệ Siêu _____	104
Thơ đáp Ly Ẩn Tẩu _____	106
Thơ đáp Cư Sĩ Phạm Cổ Nông _____	113
Thơ đáp Cư Sĩ Ngô Hi Chân _____	115
Thơ đáp Cư Sĩ Lưu Trí Không _____	117
Thơ đáp Cư Sĩ Châu Trí Mậu (1 - 3) _____	119
Thơ đáp Cư Sĩ Uông Võ Mộc _____	126
Thơ đáp một Cư Sĩ ở Ninh Ba _____	129
Thơ đáp Nhạc Tiên Kiều _____	132
Thơ đáp Cư Sĩ Trương Vân Lôi _____	133
Thơ gửi Cư Sĩ Tạ Dung Thoát _____	135

Thơ đáp Cư Sĩ Tạ Thành Minh _____	141
Thơ đáp Cư Sĩ Mã Khế Tây (1 - 3) _____	145
Thơ đáp một Cư Sĩ ở Đông Giang _____	149
Thơ đáp hai Cư Sĩ Ngạn Như, Dật Như _____	152
Thơ đáp Cư Sĩ Bao Sư Hiền _____	154
Thơ đáp Pháp Hải Đại Sư _____	155
Thơ đáp Cư Sĩ Hoàng Hàm Chi _____	158
Thơ đáp Cư Sĩ Hà Huệ Chiêu _____	160
Thơ đáp Cư Sĩ Úc Trí Lãng _____	165
Thơ đáp một vị Cư Sĩ _____	168
Thơ đáp Cư Sĩ Châu Mạnh Do (1 - 10) _____	170
Thơ đáp Cư Sĩ Cừ Bội Khanh (1 - 2) _____	181
Thơ khuyên dạy một vị Tỳ Kheo Ni _____	186
Thơ đáp Cư Sĩ Phạm Cổ Nông _____	188
Thơ khuyên người mới phát tâm học Phật _____	192
Thơ đáp Cư Sĩ Châu Tụng Nghiêu _____	201
Thơ đáp Cư Sĩ Dương Đức Quan _____	206
Thơ đáp Cư Sĩ Phật Điển _____	209
Thơ đáp Cư Sĩ Hoàng Tụng Bình _____	210
Thơ đáp Cư Sĩ Trạch Phạm _____	212
Đáp 20 câu hỏi của Cư Sĩ Khúc Thiên Dương _____	216
Một bức thơ phúc đáp khắp nơi _____	223
Vườn Thơ Tịnh Độ _____	235
Lời Bạt _____	241
Mấy Lời Bày Tổ _____	245
Tịnh Độ Pháp Nghi _____	247
<i>Hương Quê Cực Lạc</i> _____	265
Lời Nói Đầu _____	267
Tựa _____	271

Thích Ca Mâu Ni Phật	276
Đạo Sư A Di Đà Phật	280
Quán Thế Âm Bồ Tát	282
Đại Thế Chí Bồ Tát	284
Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát	286
Phổ Hiền Bồ Tát	288
Mã Minh Bồ Tát	290
Long Thọ Bồ Tát	291
Thiên Thân Bồ Tát	294
Giác Minh Diệu Hạnh Bồ Tát	296
Huệ Viễn Đại Sư	300
Đàm Loan Đại Sư	302
Trí Giả Đại Sư	304
Đạo Xước Đại Sư	306
Thiện Đạo Đại Sư	308
Hoài Cảm Đại Sư	311
Vĩnh Minh Đại Sư	313
Tuân Thức Đại Sư	316
Từ Giác Đại Sư	318
Từ Chiếu Đại Sư	321
Hữu Nghiêm Đại Sư	326
Ưu Đàm Đại Sư	328
Thiên Như Đại Sư	331
Diệu Hiệp Đại Sư	335
Không Cốc Đại Sư	338
Tông Bổn Đại Sư	340
Tử Bá Đại Sư	342
Liên Trì Đại Sư	345
Hám Sơn Đại Sư	349

Ngẫu Ích Đại Sư _____	351
Triệu Lưu Đại Sư _____	354
Đạo Phái Đại Sư _____	356
Tĩnh Am Đại Sư _____	358
Triệt Ngộ Đại Sư _____	361
Ngộ Khai Đại Sư _____	366
Diệu Không Đại Sư _____	369
Ấn Quang Đại Sư _____	373
Hoằng Nhất Đại Sư _____	380
<i>Tĩnh Độ Thập Nghi Luận</i> _____	389
Phi Lộ _____	391
Nghi thứ nhất _____	393
Nghi thứ hai _____	395
Nghi thứ ba _____	397
Nghi thứ tư _____	398
Nghi thứ năm _____	400
Nghi thứ sáu _____	402
Nghi thứ bảy _____	403
Nghi thứ tám _____	406
Nghi thứ chín _____	409
Nghi thứ mười _____	410
<i>Tĩnh Độ Hoặc Vấn</i> _____	417
Hoặc vấn thứ 1 _____	420
Hoặc vấn thứ 2 _____	422
Hoặc vấn thứ 3 _____	422
Hoặc vấn thứ 4 _____	430
Hoặc vấn thứ 5 _____	437
Hoặc vấn thứ 6 _____	437

Hoặc vấn thứ 7	438
Hoặc vấn thứ 8	446
Hoặc vấn thứ 9	447
Hoặc vấn thứ 10	447
Hoặc vấn thứ 11	448
Hoặc vấn thứ 12	449
Hoặc vấn thứ 13	451
Hoặc vấn thứ 14	454
Hoặc vấn thứ 15	455
Hoặc vấn thứ 16	456
Hoặc vấn thứ 17	458
Hoặc vấn thứ 18	460
Hoặc vấn thứ 19	462
Hoặc vấn thứ 20	463
Hoặc vấn thứ 21	468
Hoặc vấn thứ 22	470
Hoặc vấn thứ 23	471
Hoặc vấn thứ 24	473
Hoặc vấn thứ 25	473
Hoặc vấn thứ 26	475
Lời phụ	481

Lá Thư Tịnh Độ

Nguyên Tác:
Ấn Quang Đại Sư

Dịch Giả:
Hòa Thượng Thích Thiên Tâm

Tựa

Đức Phật ra đời với nhân duyên mở bày chân tánh, khiến cho chúng sanh thoát vòng mê khổ, ngộ vào bản thể sáng suốt, an vui. Bao nhiêu pháp môn, tất cả nghĩa lý màu nhiệm trong một đời giáo hóa của đức Bốn Sĩ, đều không ngoài mục đích ấy. Nhưng, tìm một lối thẳng tắt để mau thoát khỏi đường sanh tử, một pháp hợp lý, hợp cơ cho chúng sanh giữa thời buổi này, chỉ có môn Tịnh Độ. Tại sao thế? Vì trong đời mạt pháp, người tu hành bị nhiều chướng duyên làm thối chuyển. Nhìn về người: Phần sắc thân hay đau yếu, mạng sống ngắn ngủi; phần tâm tánh thì nghiệp hoặc sâu nặng, trí huệ tối mờ. Xét về cảnh: Phần đời thường xảy ra nạn nước tai trời; phần đạo lại ít bậc thiện tri thức dắt dẫn, nhiều kẻ dối tu, đầy đầy những mối dị đoan, tà ngoại! Cho nên trong Kinh Đại Tập, đức Như Lai huyền ký rằng: ‘Đời mạt pháp ỨC ỨC người tu hành, song khó được một kẻ ngộ đạo, chỉ nương nơi pháp môn niệm Phật mà thoát khỏi luân hồi...’

Thời gian gần đây, ở Trung Hoa có Ấn Quang Pháp Sư là bậc danh đức trong tăng giới. Ngài

suốt thông cả tông lẫn giáo, chuyên dùng pháp môn Niệm Phật làm phương tiện lợi mình lợi người. Trước tiên, Pháp Sư xuất gia ở đỉnh Chung Nam, sau một thời gian đi tham học các nơi, lại về ẩn tích tại non Phổ Đà, nơi lầu tàng kinh chùa Pháp Võ. Tuy mấy mươi năm khổ hạnh, ít cùng người ngoài giao thiệp, những dấu cao nhân một phen bị khách trần khám phá, ngọn gió thanh bay thoáng khắp xa gần. Biết được hạnh đức của Pháp Sư, tăng tục bốn phương đều ngưỡng mộ; có kẻ vượt suối trèo non mà cầu lời chỉ thị, có người mượn tin hồng nhan mà hỏi lối nam châm. Những thủ bút của Ngài được hàng cử sĩ sưu tập lại thành bốn quyển và cho in ra với nhan đề *Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao*. Bình sanh, Pháp Sư ấn tặng sách Phật được năm triệu bộ, tượng Phật hơn một triệu xấp. Đệ tử của Pháp Sư đến hơn hai mươi muôn người, nhiều vị nhờ ơn chỉ dạy của Ngài, được sanh về Cực Lạc, khi lâm chung đều có chứng nghiệm. Năm Dân Quốc thứ 29, Pháp Sư biết trước ngày về Tây Phương, ngời thoát hóa ở Linh Nham Tịnh Tông Đạo Tràng, hưởng tuổi đời tám mươi và sáu mươi tăng lạp. Lúc làm lễ trà tỳ, ba mươi hai cái răng còn nguyên, xá lợi ngũ sắc hiện ra rất nhiều. Sau khi Pháp Sư vắng sanh, giới Phật tử

xuất gia, tại gia cảm nhớ đức hóa lớn lao của Ngài, hợp nhau làm lễ truy niệm và đồng ý suy tôn Ngài làm vị Tổ thứ mười ba trong tông Tịnh Độ.

Bộ Văn Sao của Pháp Sư, khi mới xuất gia, tôi đã được hân hạnh xem qua. Trong thời kỳ nhập thất gần đây, một thuận duyên đưa đến, tôi lại có cơ hội khảo duyệt lần nữa, để giúp sự thắng tấn trên đường tu niệm. Nhận thấy trong ấy có nhiều điểm hữu ích cho người niệm Phật, tôi lựa rút những đoạn cần thiết, phiên dịch ra quốc văn, lấy nhan đề *Lá Thơ Tịnh Độ*. Đáng lẽ trong quyển này tôi phải phụ thích để nhấn rõ một vài điểm thiết yếu, và giải đôi chỗ khó hiểu với người sơ cơ, nhưng vì sức khỏe kém nên ý nguyện không thành. Tôi lại thẹn mình nghiệp hoặc sâu dày, đường tu không thấy tiến bộ, bắt buộc phải để tinh thần nhiều hơn trong sự nhiếp niệm, nên khi phiên dịch lời lẽ thô sơ, đã chẳng diễn tả được ý nghĩa thâm thúy của Pháp Sư, lại làm lờn mắt xanh của làng học Phật! Tuy nội dung còn nhiều khuyết điểm, nhưng nhân duyên đã thế, âu cũng xin tùy phần tùy sức mà dâng chút ngu thành! Sự phiên dịch đây, với tôi, chỉ có mục đích góp phần khuyến tấn lẫn nhau cùng các bạn sen trên đường Cực Lạc.

Nếu công việc này có thể giúp quý vị phần nào
nơi sự kiến giải cũng như tu niệm, xin đem kết quả
ấy hồi hướng trang nghiêm Tịnh Độ cho bốn ơn ba
cõi và pháp giới hữu tình.

Ngày Phật thành đạo, năm 2500
Liên Du Thích Thiên Tâm

Thơ đáp Cư Sĩ Đặng Bá Thành (1 - 2)

☯ 1 ☯

Từ buổi tương ngộ đến nay, thấm thoát đã sáu năm, không những tuyết sương thay đổi, mà vận nước cũng khác xưa. Cảnh đời vô thường, thật nên thương cảm! Tiếp được thơ, biết cư sĩ không xao lãng tịnh nghiệp, tôi rất vui mừng! Nhưng trong thơ thấy nói tâm không an vì cảnh nhà thiếu thốn, hay đau yếu dây dưa mà không an chẳng...? Nếu cảnh nhà thiếu kém, thiết tưởng cư sĩ nên lui một bước. Phải nghĩ rằng: giữa đời, người hơn ta vẫn nhiều, song kẻ thua ta cũng không ít; chỉ cầu khỏi đói lạnh, mơ chi đến giàu sang? Thẳng như cư sĩ biết vui theo số phận, an với cảnh duyên, hãy còn có thể chuyển phiền não thành Bồ Đề, lo gì không đổi được u buồn thành vui đẹp? Nếu đau yếu dây dưa, nên thống niệm thân là cội khổ, sanh lòng chán lìa, gắng tu tịnh nghiệp để cầu quyết sanh về Cực Lạc. Các đức Như Lai đều lấy sự khổ làm thầy mới thành đạo Phật, chúng ta cũng phải lấy đau bệnh làm thuốc để cầu giải thoát khỏi nẻo luân hồi. Nên biết phàm phu đủ nghiệp hoặc ràng buộc, nếu không có những nỗi khổ cơ cùng tột bệnh... tất sẽ theo đuổi theo trường sắc, thanh, danh, lợi, khó mà buông bỏ. Trong lúc đặc ý như thế, ai chịu quay đầu nhìn lại, tưởng đến sự chìm đắm về sau ư? Thầy Mạnh Tử nói: ‘Người nào sắp lãnh một trọng trách thiêng liêng, trước tiên phải nhọc thân, khổ trí, hoặc đói khát, khổn cùng, việc làm thất bại. Có như

thế, kẻ ấy mới rèn luyện được ý chí nhẫn nại, vững bền, tài năng cao siêu xuất chúng.’ Thế thì biết, con người được thành lập, phần nhiều nhờ nghịch cảnh, và trong trường hợp ấy, ta chỉ nên an lòng thuận chịu mà thôi. Nhưng *trọng trách* của thầy Mạnh nói, chỉ là tước vị ở đời, mà còn phải khổ nhọc như thế mới làm nên; huống nữa kẻ phàm phu thấp thủ như chúng ta, muốn gánh vác công việc trên thành đạo Phật, dưới độ chúng sanh đó ư! Nếu như không bị một chút điên đảo vì nghèo bệnh, thì tình trần lừng lẫy, tịnh nghiệp khó thành, gương lòng sẽ bị tối mờ, nhiều kiếp trôi lăn trong ác đạo, sự giải thoát buổi tương lai chưa biết đâu là kỳ hạn!

Người xưa đã bảo: ‘Ví chẳng một phen sương thấm lạnh. Hoa mai chi dễ thoảng mùi hương!’ Lời này là ý tứ trên đây vậy.

Cư sĩ nên bền chí niệm Phật để mau tiêu túc nghiệp, chớ sanh lòng phiền não rồi oán trời trách người, cho nhân quả là hoang đường, chê Phật Pháp không linh nghiệm. Nên biết chúng ta từ vô thủy đến nay, gây nghiệp ác vô lượng vô biên, như Kinh Hoa Nghiêm nói: ‘Giả sử nghiệp ác có hình tướng, mười phương hư không chẳng thể dung chứa hết.’ Thế thì sự tu trì lơ là chút ít, đâu dễ dứt trừ hoặc chướng hết được. Đức Thích Ca, A Di Đà vì thương xót chúng sanh không đủ sức dứt nghiệp, riêng mở pháp môn ‘nương nhờ Phật lực, đời nghiệp vãng sanh.’ Ân đức ấy thật vô cùng rộng lớn, dù trời đất cha mẹ cũng khó sánh trong muôn một. Vậy cư sĩ nên hết lòng sám hối, tự có thể nhờ Phật gia bị khiến cho nghiệp tiêu, thân tâm yên ổn. Như

bệnh khổ bức bách không thể nhẫn chịu, thì hôm sớm ngoài thời niệm Phật, cư sĩ nên chí thành niệm danh hiệu đức Quán Thế Âm. Vì với bốn nguyện tâm thỉnh cứu khổ, Bồ Tát hiện thân khắp mười phương quốc độ; chúng sanh trong lúc nguy biến nếu có thể trì tụng kính lạy, Ngài sẽ tùy cơ cảm mà giúp đỡ, khiến cho thoát khổ được vui.

Về môn Niệm Phật, tuy giản dị nhưng rất rộng sâu. Điều cần yếu là phải chí thành tha thiết, thì đạo cảm ứng mới thông nhau, hiện đời mới được sự lợi ích chân thật. Nếu bê trễ biếng lười, không chút chi kính sợ, tuy cũng gieo nhân giải thoát về sau, nhưng quả báo của tội khinh lờn thật không thể tưởng nghĩ! Dù có chút ít phước dư khỏi đọa vào ác đạo, được sanh về cõi trời, người, cũng quyết khó dự nơi Liên Trì hải hội.

Đến như tượng Phật, phải tôn kính như Phật sống không nên xem là đất, gỗ, giấy, đồng. Kinh điển là thầy của chư Phật ba đời, là pháp thân xá lợi của Như Lai, cũng phải kính như Phật, không nên xem là loại giấy mực. Khi đối trước kinh tượng, phải như tôi trung thờ chúa thánh, con thảo đọc di ngôn. Được như thế tội nghiệp nào không tiêu, phước huệ nào chẳng đủ? Hiện nay hàng sĩ phu học Phật vẫn nhiều, song hầu hết đều đọc văn giải nghĩa để cung cấp cho nguồn biện luận, tỏ ra mình là một nhà thông hiểu giáo lý; xét về chỗ chí thành cung kính, y giáo tu trì, thật là ít có người! Tôi thường cho rằng: Muốn được sự thật ích của Phật Pháp, phải tìm nơi lòng cung kính. Có một phần cung kính thì tiêu một phần tội nghiệp, thêm một phần phước huệ,

hai ba phần cho đến mười phần cung kính cũng như vậy. Trái lại, nếu càng khinh thường thì tội chướng càng thêm, phước huệ càng suy giảm. Như thế chẳng đáng kinh sợ đau tiếc lắm ư? Khi gặp bè bạn, cư sĩ nên đem ý này khuyên bảo nhau, đó là một món pháp thí rất lớn. Pháp môn Tịnh Độ, như thông hiểu được, vẫn là điều rất quý, bằng có chỗ chưa rõ, cũng cứ tin chắc lời của Phật, Tổ chớ nghi ngờ, nghi thì cùng với Phật cách xa, khi lâm chung quyết khó được tiếp dẫn. Cổ đức cho rằng: ‘Pháp môn Tịnh Độ chỉ có Phật với Phật mới rõ cùng tận, bậc đẳng địa Bồ Tát cũng không thể thấu hiểu hết.’ Như bậc đẳng địa Đại Sĩ còn không thể thấu hiểu hết, ta đâu nên đem tâm lượng phàm phu mà ước đoán sai lầm ư? Nếu muốn nghiên cứu, nên xem Tịnh Độ Thập Yếu; quyển này do ngài Ngẫu Ích Đại Sư rút những tinh hoa trong các kinh sách Tịnh Độ soạn ra, rất hợp thời cơ, đáng liệt vào bậc nhất. Mở đầu quyển là tập Di Đà Yếu Giải, từ trước đến giờ về Kinh A Di Đà, chỉ có những lời chú thích này là siêu tuyệt, phải tuân giữ không nên khinh thường. Người thông minh đời nay, tuy học Phật Pháp nhưng vì chưa gần gũi với bậc cụ nhân tri thức, nên hầu hết đều chuyên trọng lý tánh, bác bỏ sự tu và nhân quả. Họ đâu biết, nếu sự tu nhân quả đã mất, lý tánh cũng không còn. Lại có những kẻ tài cao, văn từ quý thần kinh động mà xét đến hành vi thì không khác chi hạng vô trí thức, truy nguyên đều do bác bỏ sự tu nhân quả mà ra. Mỗi tệ ấy khiến cho nhiều người lầm lạc noi theo, đó là dùng thân báng pháp, tội lỗi không ngần! Bậc thượng trí thấy thế càng

thêm xót thương đau đớn! Bộ Pháp Uyển Châu Lâm nói rõ nhân quả, sự lý đều đầy đủ, những tích báo ứng cũng tinh tường, có thể khiến cho người xem kinh sợ, dù ở nơi nhà tối cũng như đối trước Phật, trời, không dám khởi niệm ác. Với bộ này, bậc thượng, trung, hạ đều được lợi ích, chắc không đến nỗi làm đường, chấp lý bỏ sự mà theo thói tà vạy, ngông cuồng. Ngài Mộng Đông đã bảo: ‘Người khéo nói tâm tánh, quyết không bỏ nhân quả; kẻ tin sâu nhân quả tất rõ suốt tâm tánh, đó là lẽ đương nhiên.’ Lời của Ngài là một chí luận ngàn đời, cũng là mũi kim đâm trên đỉnh đầu những kẻ cuồng huệ.

Bộ Pháp Uyển, các nơi lưu thông Phật Pháp đều có bán. Về sự lợi ích, khi đọc xong sẽ tự rõ, cư sĩ nên khuyên tất cả bạn tri giao mua xem. Mùa thu rồi, lệnh đệ lên viếng Phổ Đà, tôi có đem những điều *thành kính* để khuyên nhau, nhưng không biết y có cho lời tôi là thiết thực chăng?

☪ 2 ☪

Được thơ, xem qua để khiến cho người vui đẹp! Thuở xưa Cừ Bá Ngọc đến năm mươi tuổi, nhìn lại năm bốn mươi chín, thấy mình còn sai lầm. Đức Khổng Tử lúc gần bảy mươi, ước được sống thêm lâu để học tinh tường bộ Kinh Dịch, cho khỏi điều lỗi lớn. Sự học của thánh hiền thật đã đi cùng đến chỗ khởi tâm động niệm! Học giả đời nay ưa theo từ chương, ít ai nghĩ đến điểm chánh tâm, thành ý. Bởi thế, tuy trọn ngày đọc sách mà không rõ ý chỉ của thánh hiền, ngôn ngữ hành vi so với

chỗ học trái rất xa, như sáng, tối, vuông, tròn không thể cùng dung hợp. Ấy là chưa nói đến lỗi lầm của tâm niệm, nếu kể ra được thì biết bao nhiêu!

Kinh Phật dạy người thường tu pháp sám hối, để kỳ cho dứt hết vô minh, thành đạo Bồ Đề. Cho nên, đức Di Lặc tuy đến ngôi đẳng giác, còn phải ngày đêm sáu thời lễ mười phương Phật, để cầu vô minh hết sạch, tròn chứng pháp thân, huống nữa là hạng phàm phu nghiệp lực sâu nặng ư? Nếu không biết hổ thẹn, sám hối, tuy bản tánh đồng với chư Phật, nhưng bị hoặc nghiệp che lấp, không thể hiển hiện, ví như tấm gương báu lâu đời, chẳng những không ánh sáng mà tấm gương cũng bị khuất mất. Nếu biết gương sẵn tánh sáng, gia công lau chùi mãi, ánh sáng lần phát cho đến khi rực rỡ cùng cực, thành ra một vật rất quý trong đời. Nên biết ánh sáng ấy sẵn có, không phải lau chùi mà được, nếu được thì lau đá gạch cũng ứng chói sáng. Lại phải biết gương tuy sẵn đủ ánh sáng, nhưng nếu không lau chùi thì cũng không thể chói sáng được. Tâm tánh chúng sanh cũng thế, tuy đồng với Phật, nhưng nếu chẳng đổi dữ làm lành, bỏ trần hiệp giác, thì tánh đức sẵn đủ không thể lộ bày. Đem tâm thức sẵn đủ tánh Phật tạo nên nghiệp khổ nhiều kiếp đắm chìm, cũng như nhà tối có chứa của báu, đã không dùng được lại bị tổn thương, há chẳng đau tiếc lắm ư? Pháp môn Niệm Phật chính là pháp mầu bỏ trần hiệp giác trở lại cội nguồn vậy. Người tại gia vì bị việc đời ràng buộc, khó nổi ở trong tịnh thất tham thiền tụng kinh, với pháp môn này rất là tiện lợi. Mỗi người đều có thể tùy sức tùy phần lễ tụng

trì niệm để hồi hương vãng sanh. Ngoài giờ khóa tụng chánh thức, khi đi, đứng, nằm, ngồi, nói, nín, động, tịnh, ăn cơm, mặc áo, tất cả thời, tất cả chỗ, đều nên niệm Phật. Nhưng, ở nơi sạch sẽ, khi nghiêm kính, niệm thầm hay ra tiếng đều được. Nếu ở chỗ không sạch sẽ (như nơi đại tiểu tiện), hoặc khi không nghiêm kính (như lúc ngủ nghỉ, tắm gội), chỉ nên niệm thầm. Khi nằm nghỉ, nếu niệm ra tiếng, đã không cung kính lại lao hơi, lâu ngày thành bệnh. Niệm thầm công đức đồng như niệm ra tiếng, nhưng cần phải rõ ràng, tha thiết và đừng xao lãng.

Cư sĩ biết phát lộ sám hối điều ấy rất hợp với pháp môn Tịnh Độ, vì lẽ tâm tịnh thì cõi Phật mới thanh tịnh. Nhưng đã sám hối, tất cả phải sửa lỗi làm lành, nếu không thì thành ra nói suông chẳng được thật ích. Đến như muốn không tham luyến cảnh ngoài, chuyên niệm Phật, được nhất tâm, cũng chẳng có pháp chi kỳ lạ, chỉ đem một chữ *chết* dán nơi đầu, treo nơi lông mày, thường nghĩ rằng: ‘Ta từ vô thủy đến nay, gây nghiệp ác không lường, không ngần, giả sử nghiệp ấy có hình tướng, mười phương hư không, chẳng thể dung chứa. Duyên đâu may mắn, nay được thân người lại nghe Phật Pháp, nếu không một lòng niệm Phật cầu sanh Tây Phương, khi hơi thở dứt rồi, do nghiệp ác cũ chắc khó khỏi sa đọa vào địa ngục. Chừng ấy phải chịu những sự khổ cùng cực, như vạc dầu lò lửa, rừng kiếm non đao, không biết trải bao nhiêu kiếp mới xong. Khi ra khỏi địa ngục, bởi nghiệp chưa dứt, lại đọa vào loài ngạ quỷ, bụng rất to lớn, cổ họng nhỏ như cây kim, trong miệng

thường tuôn ra lửa, nhiều kiếp đói khát, không nghe được tên nước uống, cùng không có lúc tạm no lòng. Hết kiếp ngạ quỷ, lại đọa vào nẻo súc sanh, hoặc để cho người dùng cối chõ, hoặc bị bán vào lò thịt. Khi được làm người thì ngu si không trí, dễ bề tạo nghiệp, khó nổi làm lành, chẳng mấy lúc lại bị đọa nữa. Nghiệp cũ trả chưa xong đã tạo nghiệp mới, cứ mãi luân hồi trong sáu đường trải qua kiếp số nhiều như bụi nhỏ, mệnh mang biển khổ không biết đâu là bến bờ.’ Nếu thường xét nghĩ như thế, sự tu hành sẽ được chuyên nhất. Thuở xưa Thương Thiện Hòa, Trương Chung Quì lúc sắp chết, tướng địa ngục hiện, niệm Phật vài tiếng, liền thấy Phật đến tiếp dẫn vãng sanh. Sự lợi ích như thế, trọn một đời giáo hóa của Phật, trong trăm ngàn muôn ức pháp môn, chỉ thấy ở môn Niệm Phật. Tôi thường cho rằng: ‘Chín cõi chúng sanh rời pháp này, trên khó nổi viên thành quả giác. Mười phương chư Phật bỏ pháp môn này, dưới không thể độ khắp quần mê.’ Nếu cư sĩ lòng tin thiếu đáo, tha thiết vì sự sanh tử không móng một niệm nghi hoặc, thì tuy chưa ra khỏi đời ác trược, đã chẳng phải là người ở lâu trong cõi Ta Bà, tuy chưa đến Liên bang, nhưng sẽ là khách mới của miền Cực Lạc. Từ đây, khi thấy người hiền phải gắng làm cho bằng, gặp việc nhơn đừng nên thua nhượng, đâu nỡ dần dà trễ nải để làm một lúc, lỡ muôn đời hay sao? Người có huyết tánh, chắc không chịu sống làm thầy đi thịt chạy, chết đồng mục nát với cỏ cây. Vậy cư sĩ phải nên cố gắng.

Lại, niệm Phật tuy quý ở chuyên nhất, nhưng cư sĩ trên còn cha mẹ, dưới có vợ con, đành rằng không nên quá vọng cầu sự giàu sang, song bốn phận trong gia đình cũng lo sao cho tròn, không phải tu hành là bỏ tất cả. Nếu bỏ tất cả mà cha mẹ vợ con không thiếu thốn thì được, bằng chẳng thế, đã trái với đời lại trái với đạo, điều ấy cũng nên biết qua. Phận làm con, phải đem sự tu hành khuyên cha mẹ, nếu song thân biết niệm Phật, được sanh về Tây Phương thoát nẻo luân hồi, thì đạo hiểu ở đời không sao sánh kịp. Như có kẻ nào đem pháp môn Tịnh Độ khuyên nhiều người tu niệm thì công đức giáo hóa sẽ về phần mình, sen vàng buổi tương lai chắc ở nơi thượng phẩm.

Thơ đáp Cư Sĩ Đặng Tân An

Lời thỉnh ích của cư sĩ, tôi thật khó đối đáp! Tại sao thế? Vì chí hướng của cư sĩ lớn, kiến thức của tôi nhỏ, lớn nhỏ không đồng, cơ giáo tất khó hợp nhau. Tuy nhiên, trong thật tướng Nhất Thừa, tìm tướng lớn nhỏ không thể được. Nơi ấy, nói lớn thì lớn, nói nhỏ thì nhỏ, lớn nhỏ vẫn đầy đủ tánh pháp giới. Cái nhỏ của tôi biết, lại bao trùm tất cả pháp trong mười cõi pháp. Ngài Thiện Đạo Hòa Thượng nói: ‘Nếu muốn học về *Giải*, tất cả pháp từ phàm phu đến Phật địa đều nên học. Như muốn học về *Hạnh*, nên lựa một pháp hợp lý hợp cơ, gắng sức tinh chuyên mới mau được thật ích. Chẳng thế thì dù trải qua nhiều kiếp cũng khó thoát ly.’ Pháp hợp lý hợp cơ ấy không chi hơn dùng lòng tín nguyện, trì danh hiệu Phật cầu sanh Tây Phương. Muốn tìm học, nên y theo Kinh Di Đà Yếu Giải và các sách Tịnh Độ.

Phật giáo là một pháp công cộng trong mười phương pháp giới, ai cũng nên tu và đều có thể tu. Bởi chưa thấy rõ bản sắc của Phật giáo, một nhóm Nho sĩ lập luận mù quáng rằng: Đạo Phật bỏ nhơn luân, hại chánh lý! Tại sao mà biết họ sai lầm? Vì đức Phật đối với kẻ làm cha nói lành, với con nói thảo, với vua nói nhơn, với tôi nói trung, cho đến chồng vợ kính yêu, anh em hòa thuận; tất cả lời hay hạnh tốt ở đời, trong Kinh Phật đều nói rành rẽ. Thế thì cùng với Nho giáo có khác chỗ nào? Hơn nữa, về điểm chỉ rõ lý nhơn quả ba

đời, trong đạo Nho không thấy nói. Đến như những việc: dứt hoặc chứng chơn, đầy đủ Bồ Đề, về nơi vô đắc, thì Nho giáo phải kém thua xa. Tiếc cho hàng Nho sĩ kia chưa thấy, nếu họ được xem kỹ và hiểu sâu lý ấy, chắc sẽ đau thương rơi lệ, tiếng khóc động cõi đại thiên, hối hận vì mình đã khinh báng Phật giáo! Nhưng dùng lời báng pháp tội nhỏ, dùng thân báng pháp tội lớn vô cùng! Đời nay có những người ưa nói Đại Thừa cho rằng mình đã ngộ đạo, bảo: ‘Ta chính là Phật, cần gì phải niệm Phật? Phiền nào tức Bồ Đề, cần gì dứt phiền nào? Dâm, giận, mê là giới, định, huệ, cần gì trừ bỏ dâm, giận, mê?’ Lời nói của họ thật cao trên chín tầng mây, việc làm xét lại ở dưới chín lớp đất! Những người như thế, gọi là oan gia của nhà Phật, so với kẻ không biết Phật Pháp mà khinh báng, tội còn nặng hơn muôn phần. Với hạng sau này, luận về công họ nghiên cứu Phật Pháp chẳng phải toàn là vô ích, nhưng chỉ làm cái nhân được độ về sau. Còn tội dùng thân báng pháp quyết phải chịu khổ trong đường ác đạo không biết bao nhiêu kiếp số.

Cư sĩ nên nghiên cứu kinh luận Đại Thừa cho chỗ hiểu biết được đầy đủ. Về phần tu, phải lấy tín nguyện, trì danh làm chánh hạnh. Đến như lúc cư xử bình thường, hoặc sợ làm tội không hay, giảm phước không biết, nên đọc bộ An Sĩ Toàn Thư và Pháp Uyển Châu Lâm tất sẽ nắm được khuôn phép để giữ gìn, tâm niệm không dám buông lung nữa. Thảng hoặc còn sợ mình kiểm soát không kịp, nên y theo pháp công quá cách của đức Phù Hộ Đế Quân mà thực hành, thì có

thể vượt phàm lên thánh, dứt hoặc chứng chơn. Như thế, ở nước Trung Hoa này, cư sĩ sẽ là người ít ai hơn được.

Thơ đáp Cư Sĩ Cao Thiệu Lân (1 - 2)

☯ 1 ☯

Trong bức thư gửi đến, thấy nói cư sĩ đang nhiếp tâm niệm Phật, lạy Kinh Pháp Hoa, và gắng trừ lỗi mà chưa được như ý, nghĩ muốn y theo pháp công quá cách để tự kiểm điểm mỗi ngày. Bao nhiêu điều ấy, đủ chứng sự tu hành của cư sĩ gần đây là thiết thật vì mình, không như những kẻ tự khi dối người, phô trương bề ngoài để cầu danh dự. Như thế còn gì hay hơn, tôi xin tùy hỷ.

Phép lễ tụng trì niệm, phải lấy lòng thành kính làm chủ. Nếu thành kính cùng cực, dù ở địa vị phàm phu công đức chưa được viên mãn, nhưng kết quả cũng khó nghĩ bàn! Trái lại thì, tuy lễ tụng, xét ra khác gì múa hát, dù có bày nét khổ, vui, thương cảm, đều là giả trang vì chẳng phải tự nơi đáy lòng phát lộ. Nếu có công đức, chẳng qua là si phước ở cõi trời, người, mà chính đó là chỗ y cứ để gây nghiệp ác, gieo nên quả khổ vô lượng về sau. Nên đem điều này tỏ khắp với đồng bạn, khuyên nhau chơn thật tu hành để sự lợi ích được lan rộng. Cách thức lạy kinh của cư sĩ lập ra, về lý vẫn không ngại, nhưng về sự, nếu lạy suông, phải niệm: ‘Nam Mô Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh, Pháp Hoa Hội Thượng Phật, Bồ Tát.’ Niệm xong cúi xuống lạy, vừa tưởng bài kệ lễ kinh:

*Pháp tánh chơn không tự hư không,
Pháp Bảo thường trụ khó nghĩ bàn!*

*Nơi trước Pháp Bảo hiện bóng con,
Như pháp một lòng nương kính lạ.*

Lại tưởng toàn bộ kinh và chư Phật, Bồ Tát ở trong kinh đều phóng ánh sáng soi đến thân mình cùng các loài hữu tình trong pháp giới. Nếu lạ từng chữ, phải niệm: ‘Nam Mô Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa Kinh (...) tự Pháp Bảo.’ Cứ lạ chữ nào thì niệm chữ ấy, từ chữ: ‘Như, thị, ngã, văn...’ cho đến hết bộ kinh đều niệm như thế. Nhưng pháp quán tưởng chẳng phải dễ, nếu hiểu lý không rành hoặc tâm thức rối loạn, sợ e bị những việc ma. Điều cần yếu phải lấy sự chí thành cung kính làm chủ, nếu quán tưởng được thì quán, bằng không, nên đem hết lòng thành mà lạ, công đức cũng vô lượng. Theo chương trình của cư sĩ đã lập: đối trước kinh mà lạ, khi lạ xuống tưởng kệ, lúc đứng lên niệm Phật, quán Phật..., tốt hơn là nên để kinh trước bàn Phật cúng dường rồi chuyên nhất lễ Phật A Di Đà. Chớ cho rằng công đức duyên tưởng một vị Phật không rộng lớn bằng duyên tưởng nhiều vị Phật. Nên biết Phật A Di Đà là pháp giới tạng thân, bao nhiêu công đức của chư Phật trong mười phương pháp giới, nơi một đức Phật A Di Đà đều đầy đủ cả. Ví như lưới châu của trời Đế Thích, ngàn châu hiện đủ trong một hạt châu, một hạt châu in bóng khắp ngàn châu, mỗi châu đều dung nhiếp lẫn nhau, không dư không thiếu. Nếu bậc Đại Sĩ tu hành đã lâu, không ngại gì duyên cảnh rộng nhiều, cảnh càng nhiều tâm càng chuyên nhất. Trái lại kẻ mới học đạo, nếu duyên cảnh nhiều tâm thức sẽ rối loạn, và

người chướng sâu huệ cạn có khi còn bị những việc ma. Vì lẽ ấy, Thế Tôn ta và chư Tổ đều bảo phải một lòng chuyên niệm Phật A Di Đà, đợi khi nào chứng được Tam Muội thì trăm ngàn pháp môn, không lường diệu nghĩa thấy đều đầy đủ. Người xưa nói: ‘Tắm được biển cả, tức là dùng nước trăm sông; đến điện Hàm Ngươn còn hỏi Trường An chi nữa?’ Lời này có thể gọi là một tượng trưng rất đúng cho lẽ trên đây vậy.

Đến như sự dứt dử làm lành, thành thật kiểm điểm lấy mình, tuy không chi hay hơn pháp công quá cách; nhưng nếu tâm không chuyên chú nơi sự thành kính, dù mỗi ngày có ghi công chép lỗi cũng là việc suông. Sổ công quá cách ở vùng này chưa thấy có. Cứ theo chỗ hiểu của tôi, chỉ nên giữ lòng thành kính trong tất cả thời, đừng để một niệm không tốt nổi lên, khi đối đãi với người phải luôn luôn gìn lòng trung thứ. Được như thế, dù vọng niệm có thoát khởi cũng liền tự biết, biết rồi liền trừ, tất ba nghiệp không bị lôi cuốn vào đường lầm lạc. Những kẻ tiểu hơn bề ngoài hiền lành, trong lòng ác độc, cho rằng không ai biết mình; đâu ngờ người phàm dù không biết, song bậc tu hành đắc đạo, thấy hiểu rõ ràng. Lại, chư thiên, quỷ thần tuy chưa đắc đạo, nhưng nhờ quả báo có tha tâm thông, nên cũng hiểu biết được. Nói gì là các bậc Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát và chư Phật, tha tâm đạo nhãn thấy suốt ba đời như xem nơi lòng bàn tay đó ư? Muốn không biết, chỉ có mình không biết thì được, nếu mình biết thì trời đất, quỷ thần, Phật, Bồ Tát tất rõ biết. Hiểu nghĩa này, tuy ở nơi nhà tối, chỗ vắng cũng không dám móng niệm

ác. Kẻ ngoan cố nếu được biết lý trên đây cũng tự hổ thẹn, lựa người chơn tu hay sao? Như muốn bớt lỗi phải ghi nhớ điểm này, hằng đem lòng kính sợ. Nhưng đây là ước theo chỗ hiểu biết cạn cợt của tình đời mà nói, thật ra tâm ta cùng mười phương pháp giới đồng thể dung hợp, vì ta mê nên sự thấy biết chỉ cuộc ở riêng mình. Mười phương chư Phật chứng suốt tạng tâm, tất cả chúng sanh trong pháp giới khởi lòng động niệm, các Ngài đều thấy biết rõ rệt như hình tượng in bóng trong gương. Đó là vì chư Phật đã vào bản thể bình đẳng chân như, mình và người không khác.

Nếu cư sĩ rõ suốt nghĩa này, có thể tự dè dặt sợ hãi, giữ lòng kính thành, trước tiên còn gắng sức trừ vọng, lâu ngày vọng niệm sẽ tiêu mòn không khởi nữa.

❧ 2 ❧

Được thơ, biết gần đây cư sĩ tu trì thân thiết, xét mình sửa lỗi noi dấu thánh hiền, chẳng phải cầu lấy hư danh, tôi lấy làm vui đẹp! Muốn học Phật, Tổ, thoát sanh tử, những điểm đầu tiên là: hổ thẹn, sám hối, dứt dũ, làm lành, giữ trai giới và thường tự răn nhắc. Lại cần phải đạt đến chỗ thật, hết sức mà làm, bằng không thì thành sự dối ở trong giả dối. Cho nên, biết không khó, làm mới chính là khó! Nhiều bậc thông minh giữa đời, vì nói có làm không, thành thử luống qua một kiếp, uổng chơi non báu đi về tay không, thật rất đáng đau tiếc! Vọng niệm lầy lừng là do bởi chưa chơn thiết giữ gìn chánh niệm, nếu cứ chuyên chú một cảnh thì vọng

tưởng sẽ đổi thành chánh trí. Cho nên, trị đắc sách thì giặc cướp đều là con đở, trị thất sách tuy kẻ tâm phúc cũng hóa oan gia. Ở địa vị phàm phu, ai lại không có nghiệp hoặc? Nhưng khi bình thường nếu đề phòng trước, lúc gặp cảnh duyên, phiền não mới không bạo phát; dù phát khởi cũng có thể liền tự biết mà dứt trừ. Những cảnh làm duyên để khởi phiền não rất nhiều. Nhưng mạnh nhất là tiền của, sắc đẹp và chuyện ngang trái bất thường. Nên biết của tiền phi nghĩa hại hơn rấn độc, thì không còn lòng tham muốn khi thấy của. Giúp đỡ người chính là xây đắp nền phước đức cho mình về sau, biết như thế, khi có ai hoạn nạn cầu cứu, không vì tiếc của không cho, mà khởi lòng phiền não. Về sắc đẹp, lúc đối trước người xinh tốt như hoa, tợ ngọc, cho đến kẻ kỹ nữ, nên tưởng đó là chị, hoặc em ruột, sanh lòng cứu độ xót thương, tất không bị sắc làm động niệm ái dục. Ở gia đình, chồng vợ phải kính nhau như khách, nên xem thê thiếp là người ơn giúp đỡ lẫn nhau và vì sự nối dõi dòng họ, mới không bị sắc dục hại mình. Đến như gặp việc ngang trái nên sanh lòng xót thương dung thứ cho kẻ không biết lỗi lầm, chớ tranh chấp hơn thua. Lại tưởng rằng: kiếp trước mình đã từng làm khổ hại người, hôm nay bị việc này là trả nợ tiền khiên; nghĩ như thế tự nhiên vui vẻ, không sanh lòng nóng giận muốn báo cừu. Song, những phương pháp trên đây là để áp dụng với kẻ sơ cơ, nếu bậc Đại Sĩ tu hành đã lâu, bao nhiêu phiền não đổi thành tạng tâm sáng suốt, muôn cảnh vẫn không thật tánh, những việc tổn hại lợi ích đều tự nơi người mà thôi.

Đến như luận về pháp môn Niệm Phật thì Tín, Nguyện, Hạnh là tông yếu. Ba món này đầy đủ, quyết định được vãng sanh. Về phần Tín, Nguyện, nên để tâm chú trọng, phải một lòng cầu về Tây Phương, chớ mong kiếp sau trở lại làm người hưởng sự giàu sang. Chẳng những không muốn thọ thân vua ở cõi trời, người, dù cho thân một vị cao tăng nghe một hiểu ngàn, được đại tổng trì, mở rộng pháp hóa làm lợi ích chúng sanh, cũng xem như gốc tội không khởi niệm ưa thích (vì đó là ngộ chớ chưa phải chứng, vẫn còn bị luân hồi và có thể đọa lạc). Được như thế thì tín nguyện của ta mới cảm đến Phật, và thệ nguyện của Phật mới có thể nhiếp thọ ta. Nên biết cõi Cực Lạc chẳng những sức phàm phu không thể đến, mà chính bậc thánh Tiểu Thừa cũng không đến được, vì nơi ấy là cảnh bất tư nghi của Đại Thừa. Bậc tiểu thánh hồi tâm về Đại Thừa mới có thể đến, còn phàm phu nếu không tín nguyện cảm Phật, dù cho có tu tất cả thắng hạnh và hạnh màu trì danh cũng không thể vãng sanh. Cho nên, tín nguyện rất là cần yếu. Ngài Ngẫu Ích nói: ‘Được sanh cùng chẳng, toàn do tín nguyện có hay không; phẩm sen cao thấp, đều bởi trì danh sâu hoặc cạn.’ Đây là một luận án sắt, dù ngàn Phật ra đời cũng không thay đổi. Với lẽ này, nếu cư sĩ nhận chắc, mới có phần nơi cõi Tây Phương.

Như niệm Phật khó quy nhất, phải nhiếp tâm niệm kỹ. Phép nhiếp tâm không gì hơn chí thành, tha thiết, nếu không chí thành mà muốn quy nhưt ấy là điều rất khó. Đã chí thành niệm còn chưa thuần, phải lắng tai nghe. Không luận niệm thầm hay ra tiếng, đều phải

niệm khởi từ nơi tâm, tiếng ra từ nơi miệng rồi lại vào tai (dù niệm thầm nơi ý vẫn có tướng miệng niệm). Tâm và miệng rành rẽ, tai nghe rõ ràng nhiếp tâm như thế, vọng niệm tự dứt. Nếu làn sóng vọng tưởng nổi trào quá mạnh, nên dùng pháp *Thập Niệm Ký Số* đem hết tâm lực chuyên vào câu niệm Phật, thì vọng tưởng bị đàn áp không có chỗ xen hở để nổi lên. Phép này nhiếp tâm rất tuyệt diệu, thuở xưa những vị hoàng dương tông Tịnh Độ chưa nói đến là vì căn cơ người thời ấy còn sáng lẹ, không cần dùng cách này vẫn có thể niệm Phật được quy nhất. Ấn Quang tôi vì tâm khó điều phục, nhiều phen dùng thử mới biết là hay, nguyện cùng những người độn căn đời sau y theo tu tập để được đồng sanh về Cực Lạc. *Thập Niệm Ký Số* là khi niệm Phật phải ghi nhớ rành rẽ từ một đến mười câu, hết mười câu liền trở lại một, cứ như thế xoay vần mãi. Nhưng phải niệm trong vòng mười câu mà thôi, không được hai hoặc ba mươi câu, lại không nên lần chuỗi, chỉ dùng tâm ghi nhớ. Nếu nhớ niệm luôn một mạch mười câu thấy khó, thì phân làm hai đoạn, từ một đến năm, từ sáu đến mười. Nếu hoặc còn thấy kém sức lại chia làm ba hơi, từ một đến ba, bốn đến sáu, bảy đến mười. Cần để ý: Niệm, nhớ và nghe phải rõ ràng, vọng niệm mới không xen vào được. Dùng pháp này lâu, sẽ được nhất tâm. Nên biết pháp Thập Niệm Ký Số cùng pháp Thập Niệm của ngài Từ Vân, về phần nhiếp vọng thì đồng, phần dụng công lại rất khác. Phép Thập Niệm tùy theo hơi người dài ngắn, không luận được bao nhiêu câu Phật, cứ một hơi kể là một niệm. Về pháp này mỗi

buổi sớm mai, chỉ dùng trong mười niệm mà thôi, nếu quá số ấy lâu ngày sẽ thành bị lao hơi. Pháp Thập Niệm Ký Số thì niệm một câu biết một câu, mười câu biết mười câu, từ một đến mười rồi trở lại, dù cho mỗi ngày niệm cho đến mấy muôn câu cũng ghi nhớ như thế. Niệm như vậy không những trừ được vọng, lại có thể dưỡng thần, vì tùy sức tùy ý, hoặc chậm hoặc mau, không chi trở ngại. Lại, so với cách niệm lần chuỗi ghi số, pháp Thập Niệm Ký Số lợi ích hơn nhiều vì lần chuỗi thân mỗi nhọc, tinh thần xao động, còn cách này thì thân nhàn mà tâm an. Chỉ những khi nào làm việc, hoặc khó ký số, nên khẩn thiết niệm suông, đợi lúc xong việc lại nhiếp tâm ký số. Như thế thì vọng tưởng không còn tung hoành, tâm cảnh an trụ vào câu niệm Phật.

Đức Đại Thế Chí Bồ Tát nói: ‘Nhiếp cả sáu căn, tịnh niệm nối liền, được Tam Ma Địa, đây là bậc nhất.’

Lời này với hạng lợi căn thì không cần luận, nếu kẻ độn căn như chúng ta, bỏ pháp Thập Niệm Ký Số mà muốn nhiếp sáu căn, nối tịnh niệm, thật khó vô cùng! Cách niệm Phật lần chuỗi chỉ nên dùng trong những khi đi đứng, còn lúc tịnh dưỡng thần, nếu lần chuỗi thì do tay động, thần cũng không an, lâu ngày có thể sanh bệnh. Khác hơn thế, pháp Thập Niệm Ký Số lúc đi, đứng, nằm, ngồi đều dùng được, nhưng khi nằm chỉ nên niệm thầm, nếu ra tiếng đã không cung kính lại bị lao hơi, nên nhớ kỹ.

Cư sĩ tuổi đã năm mươi, nếu muốn được giải thoát trong hiện đời, phải chuyên chú nơi môn Tịnh Độ.

Kinh Kim Cang, Pháp Hoa nên tạm gác một bên, đợi khi nào lý Tịnh Độ thông suốt, niệm Phật được nhứt tâm rồi sẽ hay. Nếu bây giờ vừa nghiên cứu vừa tu hành, e cho thời gian có hạn, trí lực không kham, bên nào chẳng thành bên nào, hai sự lợi ích cùng bị mất cả.

Thơ gửi Cư Sĩ Trần Tích Châu

Đức Như Lai ra đời nói pháp độ sanh, vẫn muốn cho tất cả loài hữu tình đều thoát khỏi sự sống chết, chứng ngay đạo Bồ Đề. Nhưng vì chúng sanh căn cơ sai khác, không thể hoàn toàn thỏa mãn tấm lòng xuất thế của Phật, nên đấng Từ Nghiêm chỉ còn có cách tùy theo cơ nghi mà lần lượt dẫn dụ. Với bậc đại căn, đức Thế Tôn vì nói Phật Thừa chỉ ngay bản tánh, khiến cho một đời tròn chứng quả Phật, như Thiện Tài trong Kinh Hoa Nghiêm, Long Nữ trong Kinh Pháp Hoa. Bậc thứ, thì Ngài vì nói Bồ Tát, Duyên Giác hoặc Thanh Văn Thừa khiến cho lần lượt tu tập và chứng quả. Bậc thứ nữa, Ngài lại vì nói ngũ giới, thập thiện, khiến cho không đọa vào đường ác, thọ thân trời, người, lần lượt gieo hạt giống lành, tùy theo thiện căn lớn nhỏ, về sau trong pháp tam thừa do sức huân tập cũ mà phát ra hiện hạnh tu tập; hoặc có kẻ y theo Bồ Tát Thừa tu sáu độ muôn hạnh, chứng được pháp thân, hoặc có kẻ y theo Duyên Giác, Thanh Văn Thừa, ngộ mười hai nhân duyên và pháp Tứ Đế mà dứt hoặc chứng chơn. Các pháp môn ấy tuy có lớn, nhỏ, mau, chậm không đồng, nhưng đều phải dùng sức mình tu tập sâu dày mới có thể thoát nẻo luân hồi, chứng vào bản tánh. Nếu hai món hoặc kiến, tư còn chùng một mảy tơ thì gốc sanh tử vẫn chưa trừ được. Dù cho sức định huệ có sâu, cũng y như cũ theo đường luân chuyển. Như bậc A Na Hàm còn phải sanh về cõi trời Ngũ Bất Hoàn, trải qua

nhieu kiếp mới chứng quả A La Hán. Đến địa vị này thì gốc sanh tử mới dứt hẳn. Nhưng đó cũng chỉ là quả nhỏ của hàng Thanh Văn, còn phải hướng về nẻo đại Bồ Đề, nương theo bản nguyện thọ sanh trong mười phương thế giới, rộng tu sáu độ muôn hạnh, để trên cầu đạo Phật, dưới độ chúng sanh. Từ đó tùy nơi công hạnh của mình sâu cạn hoặc chậm mau, mà lần lượt chứng vào Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, rồi Đẳng Giác. Đến vị này lại còn phá một phẩm vô minh, chứng một phần Tam Đức mới vào ngôi Diệu Giác mà thành Phật.

Trong một đời thời giáo của Như Lai, các pháp môn tuy không lường không ngần, song địa vị chứng nhập rất lại không qua những ngôi thứ trên đây. Như bên tông Thiền chỉ ngay bản tâm, thấy tánh thành Phật, rất là tròn tất mau lẹ; nhưng đó là ước theo pháp thân sẵn có, không trải qua nhân quả tu chứng mà luận, nếu y theo địa vị tu chứng thì cũng không gì khác với bên Giáo. Giữa đời mạt pháp này, bậc thiện tri thức rất ít, căn người lại hèn kém, tìm được kẻ tổ ngộ còn khó thay, huống chi là thật chứng? Đức Như Lai biết chúng sanh nếu chỉ nương nơi sức mình rất khó được giải thoát, nên ngoài các pháp môn, lại mở riêng môn niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Như lòng tín nguyện được chơn thiết, dù cho kẻ phạm tội ngũ nghịch thập ác khi sắp chết tướng địa ngục hiện, có bậc thiện tri thức dạy bảo niệm Phật mười câu hoặc một đôi câu, cũng được nhờ sức từ của Phật tiếp dẫn vãng sanh, huống nữa là người tu các pháp lành không làm ác ư? Nếu là bậc tinh tu phạm

hạnh, sức thiền định sâu thì phẩm sen càng cao, thấy Phật nghe pháp mau lẹ, đến như người đại triệt đại ngộ, dứt hoặc chứng chơn cũng nên hồi hướng vãng sanh, để cầu tròn chứng pháp thân, mau thành quả Phật. Các pháp môn khác, nếu nhỏ thì hạng đại căn không cần tu, lớn thì hạng tiểu căn không thể tu; chỉ có môn Tịnh Độ này trùm khắp ba căn, gồm thâm lợi độ, cao siêu như đức Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, không thể vượt ra ngoài, thấp kém như kẻ ngũ nghịch thập ác chủng tánh A Tỳ cũng được dự vào trong. Giả sử đức Như Lai không mở môn này, thì chúng sanh đời mạt pháp chẳng còn hy vọng thoát đường sanh tử. Nhưng pháp môn Tịnh Độ tuy rộng lớn như thế, mà cách tu lại rất dễ dàng. Vì có ấy, chẳng những phàm phu khó tin mà hàng nhị thừa cũng đa nghi, cho đến bậc quyền vị Bồ Tát hoặc còn lòng ngờ, trừ những người kiếp trước có gieo căn lành Tịnh Độ và bậc Đại Thừa Bồ Tát quả vị đã cao mới sanh được lòng tin sâu chắc. Như Thái Tử khi vừa sanh ra, tuy tài đức chưa lập, song nhờ thế lực của vua cha, nên sang trọng hơn quần thần, người đủ tín nguyện niệm Phật dù là phàm phu song chủng tánh đã hơn nhị thừa, vì biết đem tâm phàm gieo vào biển giác, thâm hiệp với đạo màu, nhờ sức Phật mau lên bậc Bất Thối.

Muốn nói môn Tịnh Độ, nếu không so sánh lược qua sự khó dễ về tự lực của các môn khác cùng tha lực của pháp này, thì dù không nghi pháp cũng sanh ra nghi ngờ chính mình. Và nếu lòng nghi còn một mảy tơ, tất sẽ nhân nghi thành chướng, đừng nói không tu, có tu

cũng chẳng được hoàn toàn thật ích. Vì thế *tin* là điều nên tìm cầu trước nhất. Phải tin nhận chắc cõi Ta Bà thật là khổ, cõi Cực Lạc thật vui. Sự khổ ở Ta Bà không lường không ngần, ước lại có tám điều: sanh, già, bệnh, chết, thương xa lìa, oán gặp gỡ, cầu không toại ý, năm ấm lầy lừng. Tám món này, dù sang như vua chúa, hèn như kẻ ăn xin cũng không tránh khỏi. Bảy thứ trước là quả cảm của đời quá khứ, một món sau là nhân khổ của đời vị lai, nhân quả dây dưa nối nhau không dứt, hết kiếp này đến kiếp khác chẳng được thoát ly. Ngũ ấm là năm món che, vì sắc, thọ, tưởng, hành, thức che lấp chơn tánh như mây đen án mặt trời không cho ánh sáng hiển lộ, và đối với sáu trần khởi hoặc gây nghiệp như ngọn lửa bốc cháy nên gọi là *lầy lừng*. Món thứ tám này là cội gốc của tất cả sự khổ. Người tu hành khi sức thiền định đã sâu, không chấp sáu trần, không khởi lòng ưa ghét, từ nơi điểm ấy gia công thì hoặc nghiệp sẽ lần trừ sạch, dứt hẳn nguồn sanh tử. Nhưng công phu ấy rất không dễ, trong đời mạt pháp thật khó có người làm được, nên cần phải chuyên tu tịnh nghiệp cầu sanh Cực Lạc, nhờ sức từ của Phật tiếp dẫn về Tây Phương. Đã đến cõi ấy, hóa sanh nơi hoa sen, thì không còn sự khổ về sanh; thuần tướng đồng nam, sống lâu như hư không, thân không suy biến, thì già, bệnh, chết chẳng còn nghe tên huống là có thật? Từ đó bạn cùng thánh chúng, gần với Di Đà, chim nước rừng cây diễm nói pháp màu, tùy nơi căn tánh nghe rồi tu chứng, chừng ấy người thân còn không có, lựa là oan gia? Ở cõi Cực Lạc, tướng ăn được ăn, tướng mặc được mặc, cung điện lầu đài đều là

châu báu tự nhiên hóa hiện, bảy điều khổ ở cõi trước đã đổi thành bảy điều vui, đến như thân thì có thần thông oai lực lớn, không rời chỗ ở, trong một niệm có thể đến khắp mười phương thế giới làm những việc cầu Phật độ sanh; tâm thì có trí huệ biện tài cao, nơi một pháp biết hết thật tướng các pháp, tuy nói việc thế gian đều hợp với lý màu. Thế là nổi khổ năm ấm cũng không còn, chỉ hưởng sự yên vui tịch tịnh. Cho nên trong kinh nói: ‘Thế giới ấy tên là Cực Lạc, vì chúng sanh ở cõi đó không có các sự khổ, chỉ hưởng những điều vui.’ Tóm lại, nổi khổ ở Ta Bà tả chẳng xiết, sự vui ở Cực Lạc nói không cùng, nếu cư sĩ dứt hẳn mối nghi ngờ, tin chắc lời của Phật, mới gọi là tin sâu. Nên để ý: đừng đem trí hiểu biết của phàm phu suy độ, nhận lầm rằng: ‘Bao nhiêu sự màu lạ không thể nghĩ bàn ở Tây Phương đều thuộc về ngụ ngôn để thí dụ cho tâm pháp, chớ không phải cảnh thật.’ Nếu có sự hiểu biết lầm lạc ấy, tất sẽ mất điều lợi ích vãng sanh Tịnh Độ, mối hại này rất lớn, phải nên cẩn thận.

Đã biết Ta Bà là khổ, Cực Lạc là vui, nên phát lòng thệ nguyện thiết thật, nguyện lìa Ta Bà về Cực Lạc. Lòng nguyện ấy ví như người bị sa xuống hầm như cầu mau ra khỏi, lại như kẻ ở lao ngục mong nhớ cố hương. Sự mong cầu cần phải khẩn thiết, vì sức mình không thể tự thoát khỏi, phải nhờ bậc có thế lực lớn dìu dắt. Chúng sanh ở cõi Ta Bà, đối với cảnh thuận nghịch khởi lòng tham, giận, mê, gây nghiệp giết, trộm, dâm, làm ô uế bản tâm trong sạch, ấy là hầm như sâu thẳm. Đã gây nghiệp ác, tất chịu quả khổ, trải nhiều kiếp luân hồi

trong sáu nẻo đó là lao ngục lâu dài. Về kiếp trước, đức A Di Đà phát bốn mươi tám lời nguyện độ sanh, trong ấy có một nguyện: ‘Nếu chúng sanh nào nghe danh hiệu ta, chí tâm xưng niệm cho đến mười lần, cầu sanh về Cực Lạc, như không được vãng sanh, ta thề không thành Phật.’ Đức từ phụ tuy thệ nguyện độ sanh như thế, nhưng nếu chúng sanh không cần tiếp dẫn, Phật cũng chẳng biết làm sao? Như có người hết lòng xưng danh, cầu lìa cõi Ta Bà, đều được Phật xót thương tiếp dẫn. Đức A Di Đà oai lực rất lớn, có thể cứu vớt loài hữu tình ra khỏi hầm nơ lao ngục ở cõi trước, đem về Cực Lạc, khiến cho vào cảnh giới Phật, đồng sự thọ dụng của Như Lai. Muốn sanh Tây Phương, trước phải tin sâu nguyện thiết. Thiếu hai điều này, dù có tu hành, cũng không thể cảm ứng với Phật, chỉ được phước báo cõi trời, người và gieo nhân giải thoát về sau mà thôi. Nếu tín nguyện đầy đủ thì muôn người vãng sanh không sót một. Ngài Vĩnh Minh đã bảo: ‘Muôn tu, muôn người về’ là chỉ cho người có tín nguyện đầy đủ vậy. Đã tin sâu, nguyện thiết lại phải tu hạnh niệm Phật, dùng tín nguyện làm tiên đạo, niệm Phật làm chánh hạnh. Ba món này chính là tông yếu của pháp môn Niệm Phật, nếu thiếu một, quyết không thể vãng sanh.

Về hạnh niệm Phật, đều tùy theo hoàn cảnh của mỗi người mà lập, không thể chấp định một lẽ lối. Như thân được nhàn nhã, nên từ mai đến chiều, chiều lại mai, đi, đứng, nằm, ngồi, nói, nín, động, tịnh, mặc áo, dùng cơm, cho đến lúc đại tiểu tiện, tất cả thời, tất cả chỗ, làm sao cho câu niệm Phật chẳng rời lòng. Như

khi tắm gội sạch sẽ, y phục chỉnh tề và chỗ nơi thanh khiết thì niệm thầm hay ra tiếng đều được. Nếu lúc ngủ nghỉ, mình trần, đi đại tiểu tiện, và chỗ nơi không sạch, chỉ nên niệm thầm; chớ nói những khi không nghiêm sạch như thế chẳng nên niệm, chỉ e lúc ấy niệm không được đó thôi. Tuy rằng niệm Phật là công việc suốt đời đừng cho xen hở, nhưng mỗi buổi sớm mai phải lễ Phật, trước tụng Kinh A Di Đà qua một lần, chú vãng sanh ba lần, rồi đọc bài kệ ‘A Di Đà Phật thân sắc vàng...’ Đọc kệ xong, niệm ‘*Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, Đại Từ Đại Bi, A Di Đà Phật.*’ Kế tiếp niệm ‘*Nam Mô A Di Đà Phật*’ hoặc năm trăm câu, một ngàn câu, càng nhiều càng tốt. Khi niệm nên đi nhiều quanh bàn Phật, nếu chỗ đi nhiều không tiện, thì quì, hoặc ngồi, hoặc đứng niệm đều được. Niệm sắp xong lại quì trước bàn Phật niệm Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Hải Chúng, mỗi thánh hiệu 3 lần, rồi đọc bài văn Tịnh Độ, phát nguyện hồi hướng vãng sanh. Đọc văn Tịnh Độ là y theo nghĩa trong văn mà phát tâm, nếu chẳng thế thì thành đọc suông, không được thật ích. Sau bài phát nguyện, niệm Tam Quy Y, lễ Phật lui ra. Đây là thời khóa buổi mai, chiều cũng như thế. Nếu muốn lạy Phật nhiều, hoặc sau khi niệm Phật, tùy ý đánh lễ, kế tiếp chín lần xưng danh Bồ Tát, lễ chín lạy rồi phát nguyện hồi hướng; hoặc lúc công khóa xong, muốn lạy bao nhiêu cũng được. Lễ Phật phải chí thành khẩn thiết, chẳng nên lếu láo thô sơ; bồ đoàn không được quá cao, cao thì mất sự cung kính.

Như công việc đa đoan không rảnh, nên định vào buổi sáng sớm sau khi súc miệng rửa mặt, có bàn Phật thì đến trước lễ ba lạy, rồi đứng thẳng chấp tay niệm ‘*Nam Mô A Di Đà Phật*’ hết một hơi là một niệm. Niệm đủ mười hơi, tiếp đọc bài kệ ‘Nguyện cùng người niệm Phật. Đều sanh về Cực Lạc. Thấy Phật thoát sanh tử. Như Phật độ tất cả.’ Đọc kệ xong, lễ Phật ba lạy lui ra. Nếu không bàn Phật thì chấp tay hướng về phương Tây cũng như cách thức trên mà niệm. Đây là pháp Thập Niệm của ngài Từ Vân Sám Chủ lập ra cho hàng vua quan, việc chánh rồi nhiều không đủ thời giờ tu tập. Tại sao phải niệm luôn hết một hơi? Vì tâm chúng sanh tán loạn lại không rảnh để chuyên niệm, niệm như thế là mượn hơi nhiếp tâm khiến cho quy nhất. Nhưng phải tùy hơi dài ngắn không nên ép, ép thì hao hơi; lại chỉ giữ đủ mười niệm không nên hai hoặc ba mươi, nhiều cũng lao hơi. Bởi vì tán tâm niệm Phật khó được vắng sanh, pháp này làm cho tâm chuyên nhất, tuy số niệm có ít nhưng công đức rất sâu, quyết định sẽ sanh về Cực Lạc. Lúc rảnh và gấp đã có cách thức, thì khi bình thường không rảnh gấp, nên châm chước mà lập phép tắc tu trì.

Lại người niệm Phật, mỗi việc phải gìn lòng trung thứ, mỗi niệm đề phòng sự lỗi lầm, biết lỗi mau cải, thấy việc nghĩa vui làm, mới hợp với Phật. Nếu chẳng thế, tất nơi lòng còn có sự chướng ngại, không hợp với tâm Phật, quyết khó cảm thông. Và, khi lễ bái, tụng Kinh Đại Thừa cùng làm tất cả việc hữu ích trong đời, đều phải hồi hướng về Tây Phương, không nên chỉ đem

hạnh niệm Phật hồi hướng vãng sanh, còn bao nhiêu công đức kia để hồi hướng về phước báo thế gian. Nếu như thế là tâm không quy nhất rất khó vãng sanh. Phải biết người chân thật niệm Phật, tuy không cầu phước báo thế gian, song cũng được sống lâu, mạnh khỏe, cửa nhà yên vui, con cháu phát đạt, tóm lại bao nhiêu phước báo ở đời đều được đầy đủ. Nếu riêng cầu phước không chịu hồi hướng vãng sanh, thì trái lại phước báo rất kém ít, có hại đến sự vãng sanh. Pháp môn Niệm Phật các Kinh Đại Thừa đều khen ngợi, Kinh Tiểu Thừa tuyệt không nói đến, người chưa thông giáo lý bác niệm Phật là Tiểu Thừa, ấy là nói càn, chớ nên nghe theo. Đến như sự cầu cơ mà cư sĩ nói, phần nhiều thuộc về loài linh quỷ dựa theo trí thức của người cầm cơ để viết ra. Trong ấy nếu bàn về việc thế gian thì có phần đúng, còn về Phật Pháp, vì không phải chỗ họ hiểu biết, nên lầm đặt ra điều ngôn như sau quyển Kim Cang Trực Giải có phụ thêm những hiệu Tiên Thiên, Cổ Phật v.v... Ấy là lời ma rất ác, làm mất trí huệ, hại chánh kiến của người, nếu đem ra truyền bá, đã không phước còn mang tội lớn nữa.

Thơ đáp Cư Sĩ Lâm Giới Sanh

Đã mấy năm không gặp nhau, tắc lòng hằng tưởng nhớ đến cư sĩ. Mùa thu rồi, nhân lệnh huynh Lâm Chi Phân đi dự kỳ hương thí, có đem thơ đến Phổ Đà, tôi mới được biết sự tu trì của cư sĩ trong thời gian gần đây. Nghe nói trong nhà bất hạnh, mất đứa con yêu, nên cư sĩ hôm sớm thương buồn không an, tôi muốn nói rõ sự lý nhân quả, nhưng vì công việc biên soạn quá gấp, nên chỉ viết thơ kể sơ lược qua. Ngày rằm hôm nay, thầy Triệt Quyền lên núi thăm, trong câu chuyện lại nói đến tình trạng oán trách của cư sĩ, và những tà thuyết của một vài người tục dựa vào đó bảo: làm lành mang họa, tu hành không lợi ích chi... Tôi nghe xong bất giác ngậm ngùi, e rằng bậc thượng trí nhân việc này trể nải sự tu, kẻ hạ ngu lại dám làm ác, nên không nại quẻ hèn, xin đem lời ngay để cùng nhau bày tỏ.

Trong Kinh Phật thường nói: Quả báo thông ba đời và người sanh con cái lược có bốn nhân. Quả báo thông ba đời gồm có: hiện báo, sanh báo và hậu báo. Hiện báo là đời nay làm dữ, lành, đời nay được họa phước; như sĩ tử cần học tập, hiện thân được công danh. Việc này mắt phàm đều có thể thấy. Sanh báo là đời nay làm dữ lành, đời sau được họa phước; như ông cha trọng văn chất, con cháu mới phát đạt, hiển vinh (sanh báo ước nơi bản nhơn và việc cách đời khó chỉ rõ, là tạm mượn thí dụ để cho dễ hiểu, xin đừng nhân lời mà

hại ý). Việc này mắt phàm không thấy, thiên nhãn còn có thể thấy được. Hậu báo là đời nay làm dữ, lành, đến đời thứ ba, thứ tư, hoặc ngàn muôn đời, cho đến vô lượng vô biên hằng hà sa kiếp về sau mới được họa phước; như vương nghiệp của đời Thương, Châu, thật ra mở đầu từ ông Tắc, ông Khiết. Việc ba, bốn đời thiên nhãn còn thấy được, nếu việc trăm ngàn kiếp thiên nhãn không thể thấy, nhưng đạo nhân của hàng Thanh Văn thấy biết rõ ràng. Đến như việc vô lượng vô biên hằng hà sa kiếp, chỉ có đấng Như Lai ngũ nhãn tròn sáng mới nhìn sáng suốt trước sau. Cảnh ấy còn không phải là nhân giới của Thanh Văn, huống chi là thiên nhãn, nhục nhãn? Biết được quả báo ba đời, thì sự làm lành được phước, dữ mang họa, lời thánh vẫn không sai, và giàu nghèo, sang, hèn, thọ, yếu, cùng, thông đều có số phần, đâu từng thiên lệch? Như hình đẹp xấu thế nào, bóng hiện trong gương cũng như thế ấy, người trí biết sửa đổi hình, kẻ ngu luống ghét hờn với bóng! Cảnh nghịch vẫn thuận chịu, là biết vui số phần; không oán trời trách người, mới có thể lập mạng.

Con cái có bốn nhân: báo ân, báo oán, trả nợ, đòi nợ. Báo ân là con đối với cha mẹ đời trước có mang ân, vì báo ân nên đến làm con, trọn đời phục dịch nhọc nhằn, khiến cho song thân khi sống còn được phụng dưỡng an vui, lúc qua đời được chôn cất, cúng tế. Cho đến hoặc con làm những việc giúp nước an dân, danh nêu thanh sử, để cho thiên hạ đời sau nhân kính người mà mến trọng cả cha mẹ như các ông: Tăng Lỗ Công, Trần Trung Túc, Vương Quy Linh, Sử Đại Thành...

Đòi nay những con thảo cháu hiền đều thuộc về hạng ấy.

Báo oán là cha mẹ đối với con đời trước có điều phụ nghĩa, nó mới đến làm con để báo oán. Khi còn nhỏ con đã sanh lòng ngỗ nghịch, lớn lên lại gây họa làm lụy cho cha mẹ; khi song thân còn sống, không cung phụng, lúc chết, để nhục lây đến kẻ cứu tuyền. Thậm chí có khi, con nắm quyền chức trọng yếu rồi làm điều trái phép, khiến cho nhà cửa nát tan, dòng họ diệt tuyệt, mồ mả bị đào xiềng, để thiên hạ đời sau nhân thóa mạ người mà ghét luôn cả cha mẹ, như bọn Vương Mãng, Tào Tháo, Đổng Trác, Tần Cối...

Trả nợ là đời trước con có thiếu tiền của nơi cha mẹ, vì trả nợ nên đến làm con, nếu số thiếu nhiều thì trả đến mãn đời song thân, thiếu ít hoặc đến nửa chừng rồi đi. Như con học vừa thành danh thoát chết mất, buôn bán mới được lợi bổng lia trần.

Đòi nợ là đời trước cha mẹ có thiếu tiền nơi con, nay nó đến làm con để đòi lại. Như số nợ nhỏ thì cha mẹ chỉ tốn tiền cho con ăn mặc, thuốc men, học hành, cưới gả, và dạy bảo đủ điều muốn cho mai sau thành lập, nhưng vì kỳ hạn đã mãn, nó liền qua đời. Nếu số nợ lớn, có khi đưa con xài phá tiêu tan hết sự sản của cha mẹ mới thôi.

Nay tôi xem lệnh tử dương như đòi nợ mà đến, may vì số nợ có ít, nên vừa lớn khôn đã vội từ trần. Vậy cư sĩ nên sám hối nghiệp đời trước, gắng sức tu hành. Do sự bồi phước ấy, chắc có lẽ rồi đây cư sĩ sẽ sanh được đứa con quý làm rạch rỡ tông môn chớ chẳng

không! Xem như đức Khổng Tử là thánh hơn mà người con một mắt thuở trung niên, thầy Nhan Uyên là bậc đại hiền, song lại tuổi xuân ngắn ngủi, ông Nguyên Hiến nghèo xơ xác, thầy Tử Lộ bị tuấn nạn. Bá Di, Thúc Tề chết đói nơi núi Thú Dương, còn ngài Cừ Bá Ngọc cùng khốn ở nước Vệ. Cư sĩ cho rằng thánh hiền do tu đức mà bị trời phạt ư? Hay là sống chết, giàu sang đều có số mạng? Vậy cư sĩ chỉ nên trách đức mình chưa đủ, chớ hỏi điều họa phước làm chi. Được như thế kiết thần sẽ đến, tai tinh tự nhiên lánh xa.

Trong đời sống, con người có đủ tám sự khổ, dù sanh lên cõi trời cũng khó khỏi năm tướng suy, chỉ thế giới Cực Lạc ở phương Tây là thuần vui không khổ. Biết đâu do cư sĩ có công hoằng dương pháp môn Tịnh Độ nên thánh thần đem đứa con không phước thọ ấy, làm một mũi kim thống tình đâm trên đỉnh đầu, để cư sĩ thấy rõ ba cõi như nhà lửa không an, các sự khổ dẫy đầy rất đáng sợ, kiếp người vô thường mau như chớp, khi đại hạn đã đến không ai cầm giữ được ai. Tất cả pháp hữu vi như mộng huyễn, bóng bọt, bây giờ chưa tỉnh ngộ cần tu tịnh nghiệp thì có khác nào gỗ đá vô tình? Người có ý chí đâu chịu làm khối thịt biết đi, chạy, để ngày kia đồng chết mục với cỏ cây? Đâu nỡ tự cam ở cảnh phàm ngu, cứ mãi nâng cao cảnh thánh? Gặp duyên nhắc nhở khẩn yếu như thế mà không phấn phát, nghe được chánh pháp mà không chịu làm theo, ấy là Phật phụ chúng sanh hay là chúng sanh phụ Phật?

Là người trí huệ, mong cư sĩ xét nghĩ...

Thơ đáp anh em một vị Cư Sĩ ở Vĩnh Gia

Từ độ trọng xuân biệt nhau, không mấy chốc đã sang tiết hạ, bóng thiều quang mau lẹ, rất dễ kinh người! Mỗi khi nghĩ đến nhị vị lòng tin tuy chơn thiết, nhưng lẽ đạo chưa rõ thông, đến nỗi bỏ chỗ cao mình theo nơi thấp tối, không những mình mất chánh kiến, để cười cho bậc đại gia, mà chính như Ấn Quang này đã mang tiếng là kẻ quen biết với nhau, cũng tự thấy sanh lòng hổ thẹn! Trong bức thơ gửi đến, cư sĩ nói: Về sau có viết được quyển chi sẽ tùy thời xin phủ chánh; nhưng tôi mất yếu thể suy, nếu vô sự tất không gần gũi nghiên bút, dù có việc phải cần đến, xét lại cũng như nhóm một đồng chữ, có chỗ nào đáng xem? Tuy nhiên, e rằng luống phụ lòng nhị vị hằng mong tưởng, tôi xin đem chút canh thừa cơm hẩm sơ lược sắp bày, như không hiềm vì nặng mùi, thì cũng có thể tạm đỡ lòng, để lần lượt nếm đến món cao lương tự tánh.

Về bài Tứ Liệu Giản, nghĩa lý rất sâu xa thiết đáng, nên tìm xét kỹ, muôn lần xin chớ lấy sự giải thích cạn cợt của một vài người mà khinh thường. Nếu như thế, rất uổng phụ tấm lòng đại từ bi của ngài Vĩnh Minh, một phen cạn lời, khuyên bảo. Quyển Trì Kinh Lợi Ích Tùy Tâm Luận sở dĩ có, là vì người đời nay khi thọ trì kinh điển, phần nhiều không mấy may kính sợ. Muốn được sự thật ích trong Phật Pháp phải tìm nơi lòng kính sợ; nếu chí thành cung kính, còn có thể mau chứng quả Phật, huống nữa là địa vị thấp ư? Thiện Đạo Hòa

Thượng vốn là hóa thân của đức A Di Đà, có thần thông trí huệ lớn, nhưng lối giáo hóa về tông Tịnh Độ, Ngài không chuộng nơi huyền diệu, chỉ trọng sự thiết thật bình thường. Về điểm chuyên và tạp tu của Ngài chỉ dạy, rất có lợi ích vô cùng! Chuyên tu là thân nghiệp chuyên lễ, khẩu nghiệp chuyên xưng (khi tụng kinh chú, nếu chí tâm hồi hướng vãng sanh cũng có thể gọi là chuyên xưng) ý nghiệp chuyên nhớ. Được như thế, thì muôn người tu đều vãng sanh không sót một. Tạp tu là gồm tu nhiều pháp môn khác hồi hướng Tây Phương, vì tâm không thuần nhất nên khó được lợi ích, trong trăm ngàn người chỉ hy vọng được ba bốn người vãng sanh mà thôi. Đây là lời vàng chắc thật, ngàn đời không thay đổi. Nhị vị nên y theo những lời này để tự lợi, và đem khuyến tất cả mọi người. Đến như pháp trì chú chỉ được dùng làm trợ hạnh, không nên làm chánh hạnh kiêm với niệm Phật. Phép trì chú tuy không thể nghĩ bàn, nhưng phạm phu vãng sanh toàn nhờ nơi tín nguyện chơn thiết hợp với sức hoằng thệ của đức A Di Đà, đạo cảm ứng thông nhau mà được tiếp dẫn. Nếu chẳng rõ ý này cho rằng các pháp không thể nghĩ bàn, tu môn nào cũng được, tất sẽ thành không thiện, không tịnh, muôn đời chìm đắm, chừng ấy biết nương tựa cùng ai? Như xét nghĩ mình là phạm phu đầy đủ nghiệp chướng, nếu không nhờ sức hoằng thệ của Phật, trong đời này quyết khó thoát khỏi luân hồi, mới thấy Pháp môn Tịnh Độ lực dụng hơn tất cả các giáo pháp khác.

Trì chú, tụng kinh dùng để trồng phước huệ, tiêu tội nghiệp thì được, nếu vọng ý muốn cầu thần thông, đó là bỏ gốc theo ngọn, không khéo dụng tâm. Thảng như tâm ấy cố kiết, lại thêm đạo lý không minh, giới lực không chắc, niệm bồ đề không sanh, lòng hơn thua lừng lẫy, e có ngày bị ma dựa phát cuồng! Muốn được thần thông trước phải đắc đạo; đắc đạo thì thần thông tự đủ, như không gắng sức nơi đạo, chỉ cầu thần thông, đừng nói là không được chi, dù có được cũng trở thành chướng đạo. Vì thế, chư Phật, Tổ đều nghiêm cấm không cho tu học theo đường lối ấy. Bởi người đời thường có những tâm niệm như vậy, nên tiện đây tôi cũng nói qua. Nhị vị trên nhà hãy còn lệnh thân, nên thường đem pháp môn Tịnh Độ và những sự tích cảm ứng giảng giải, khiến cho người sanh lòng vui đẹp tin làm theo. Nếu không lấy điều này báo hiếu, dù có thể làm đạo hiếu của đời, kết cuộc có ích lợi gì cho song thân đâu? Vua Võ vốn bậc thánh nhân, còn không thể cứu cha là ông Cổn hóa làm con rùa ba chân đạp vào súc loại. Xem việc này há không tỉnh ngộ, gấp cầu dẫn thần thức song thân dự hội Liên Trì, hầu gần đức Phật để người chứng được bản tánh Vô Lượng Quang Thọ ư?

Sự khổ hạnh của cư sĩ Chí Liên tuy cũng tốt, nhưng e cô chưa hiểu tông chỉ Tịnh Độ, hoặc không thể buông bỏ hết những tâm niệm chuyển nữ thành nam và mong hưởng phước báo ở cõi trời, người, thì sự lợi ích vô biên vì cái vui nhỏ thế gian mà thành ra uổng mất! Nên đem điều này giảng rõ để chí hướng cô được thêm quyết định. Vả lại, khuyên một người sanh Tịnh Độ,

chính là thành tựu một chúng sanh làm Phật, và đã thành Phật tất độ vô lượng chúng sanh, công đức không ngần ấy sẽ về phần mình. Lại nữa, người tu Tịnh Độ đã đem pháp môn này khuyên bảo mọi người, đối với vợ con đâu nữ không diu dắt để cho kẻ trong nhà một phần lợi ích lớn hay sao? Như người trong thân quyến sẵn có căn lành thì còn gì hay hơn; bằng không được thế, cũng phải lần lượt un đúc khiến cho mỗi ngày càng gần với lẽ đạo. Đây mới gọi là lòng từ ái sâu rộng, nếu bỏ điều này mà gọi là từ ái thì cũng chỉ có danh không thật mà thôi. Lời tôi nói chẳng qua sơ lược một đôi điều để nêu ra phần đại khái, không đủ lấy làm khinh trọng, xin xem rõ các bộ Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục; Lạc Bang Văn Loại.... tự có chỗ nương theo, chẳng còn nghi ngờ gì nữa.

Nỗi khổ ở Ta Bà nói không cùng, dù cho gặp thuở thanh bình, chúng sanh cũng vẫn chen chúc trong bầu nhiệt nảo, nhưng vì nhẫn chịu lâu ngày thành quen, nên không tự biết đó thôi. Gần đây, ở Trung Hoa thường bị nạn binh lửa, sự khổ không thể tả xiết! Nhìn ra các nước ngoài, cuộc đại chiến đã ba năm, số người chết quá nhiều mà thế chiến tranh vẫn còn thịnh, chưa biết ngày nào mới thôi. Thảm cảnh ấy do nghiệp ác của chúng sanh gây nên, cũng chính là trạng thái của kiếp đao binh mở đầu; nỗi khổ về sau, nếu nghĩ đến thật đáng kinh sợ! Mong nhị vị phát đại tâm mau cầu vãng sanh để sớm chứng đạo quả, rồi trở lại hóa độ chúng sanh nơi cõi Ta Bà này. Kinh nói: ‘Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả.’ Bồ Tát e mang ác quả nên dứt ác

nhân, chúng sanh tranh tạo ác nhân, để rồi chịu ác quả.
Trong khi chịu quả khổ lại không biết sám hối còn gây
thêm điều dữ để đối trị, thế nên oan oan tương báo nối
mãi khôn cùng, nghĩ đáng thương mà cũng đáng sợ!

Biết được lẽ này, không cầu sanh Tây Phương
chưa phải là trượng phu!

Thơ đáp Cư Sĩ Bộc Đại Phàm

Từ xa đón bức văn chương, riêng lòng không khỏi hổ thẹn! Ấn Quang từ nhỏ thiếu học, nên kiến thức mù mờ, bấy lâu nổi trôi đất khách, chỉ ăn gỏi ở Phố Đà. Hôm nay không ngờ được các hạ, một bậc hiểu sâu tâm tông Nho, Phật, từng tham vấn các phương tri thức, học hạnh siêu quần chẳng xem là quê mùa để lời hỏi đến, lại quá vì khen ngợi, khiến cho người bối rối không an. Thăm nghĩ các hạ học vấn rộng rãi, thấy hiểu cao xa, đâu có lẽ còn hoài nghi với mấy điều tầm thường như thế, chắc là không ngoài bản ý muốn làm gương mẫu để dẫn phát cho kẻ đồng tu đó thôi. Tuy nhiên các hạ đã lấy biết làm không biết, tôi cũng chẳng ngại gì lấy không biết làm biết, xin tùy lời giải đáp, đâu dám bắt chước ông quan già phê án, mà chính là học trò dâng nạp vở thi. Vậy những lời bày tỏ sau đây, nếu có sai lầm, xin nhờ phủ chính.

1. Niệm Phật tuy quý tâm niệm, nhưng cũng không nên bỏ sự đọc tụng ra tiếng, vì thân, miệng, ý giúp đỡ lẫn nhau. Dù rằng tâm có thể nhớ nghĩ, song nếu thân không lễ kính, miệng chẳng trì tụng, thì cũng khó được lợi ích. Như người đời khi khiêng đồ vật nặng còn phải dùng tiếng giúp sức, huống là việc muốn nhiếp tâm để chứng Tam Muội hay sao? Cho nên Kinh Đại Tập nói: ‘Niệm lớn thấy Phật lớn, niệm nhỏ thấy Phật nhỏ.’ Cổ đức cũng bảo: ‘Niệm lớn tiếng thì thấy thân Phật cao lớn, niệm nhỏ tiếng thì thấy thân Phật bé nhỏ.’

Với hạng phàm phu, tâm thường hôn trầm, tán loạn, nếu không nhờ sức thân lễ miệng tụng, tất khó được nhứt tâm.

2. Chỗ chân lý thực tế mới không còn sanh diệt, ngoài ra, trong Phật sự có pháp nào chẳng phải là sanh diệt? Bậc Đẳng Giác Bồ Tát phá bốn mươi mốt phẩm vô minh, chứng bốn mươi mốt phần bí tạng cũng không ngoài sự lấy, bỏ, sanh, diệt, huống nữa là việc niệm Phật đối với phàm phu ư? Nhưng sanh diệt tuy là cội sanh tử, mà cũng là gốc Bồ Đề, có sanh diệt hay không, chỉ do nơi người mà thôi. Nhiếp cả sáu căn, nối liền tịnh niệm, chính là đem sự sanh diệt bỏ giác hiệp trần, đổi thành sự sanh diệt bỏ trần hiệp giác, để kỳ chứng được Phật tánh chơn như không sanh diệt vậy.

3. ‘Niệm niệm ở Tịnh Độ mới được vãng sanh’ là thuộc về thân phận của bậc vãng sanh thượng phẩm. Nếu chấp định nghĩa này tự cầu thượng phẩm thì còn chi hay hơn, bằng chấp định để dạy hạng căn cơ trung, hạ, tất cả sẽ làm trở ngại sự thăng tấn của người chẳng ít. Tại sao thế? Vì lẽ họ cho pháp này quá cao, rồi cam phận thấp kém, không chịu tu trì. Lại, pháp niệm Phật tuy thuộc ý thức, nhưng cũng đủ cả các thức, trong kinh văn há chẳng nói: ‘nhiếp cả sáu căn’ đó ư? Sáu căn đã nhiếp thì sáu thức để làm gì? Tức như chuyển câu niệm Phật vào hàm tàng thức cũng không ngoài công dụng của sáu thức.

4. Đoạn luận vấn về mục ‘Niệm Phật tương tục, dao chém chẳng dứt’ vẫn không còn ngờ; nhưng vì các hạ chưa phân biệt giới hạn của Thiên Tông, Tịnh Độ, và

tự lực, tha lực, nên thành một khối hoài nghi. Pháp môn Niệm Phật là nương nhờ sức Phật ra ba cõi, sanh về Tịnh Độ, nay đã chẳng phát nguyện tất cũng không có lòng tin. Nếu không tín nguyện, chỉ niệm danh hiệu Phật, vẫn thuộc về tự lực, và bởi thiếu tín nguyện nên không thể thông cảm với sức hồng thệ của đức A Di Đà. Thảng như trừ được phiền não kiến, tư, còn có thể vãng sanh, nếu chưa trừ, hoặc trừ chưa hết, thì gốc nghiệp vẫn còn và phải bị luân hồi. Về điều này ông Ngũ Tổ Giới, Thảo Đường Thanh là những bằng chứng xác thật. Phải biết, nếu bỏ tín nguyện mà niệm Phật, thì có khác nào sự tham cứu của nhà tu thiền. Và nếu được vãng sanh, chẳng hóa ra nhân quả không phù hợp hay sao? Ngài Ngẫu Ích bảo: ‘Được sanh cùng chẳng, toàn do nơi lòng tín nguyện có, không; phẩm vị cao thấp, đều bởi công trì danh sâu, cạn’ là một luận án chắc chắn không thay đổi. Trong Kinh A Di Đà, câu: ‘Một lòng không loạn’ là nương theo đoạn công đức y, chánh, ở văn trước khuyên sanh lòng tin, và nối theo đoạn: ‘Nếu có chúng sanh nào nghe kinh này, phải nên phát nguyện cầu sanh về nước kia’ chính là bảo phải phát nguyện. Hơn nữa, về điểm tín nguyện, trong mấy đoạn văn sau cũng lập lại nhiều lần. Các hạ cắt đứt mấy đoạn văn ấy, chỉ nhìn vào câu ‘một lòng không loạn’ xem sự nhất tâm có tín nguyện cùng không tín nguyện đồng như nhau, nên mới thắc mắc về chỗ: ‘Niệm Phật đến trình độ dao chém chẳng đứt tức là thuần nhứt rồi, tại sao lại không được vãng sanh?’

5. Ngoài câu niệm Phật, nếu có niệm khác tức là *xen tạp*. Những niệm ấy rất nhiều khó kể hết được, chỉ nêu phần chánh như: niệm cầu đại triệt, đại ngộ, niệm mong được đại tổng trì, v.v... chớ không phải chỉ cho sự phát nguyện là *xen tạp*. Nên biết pháp môn Tịnh Độ lấy Tín Nguyện, Hạnh làm tông chỉ. Hạnh như cỗ xe, Nguyện như người phu xe, Tín như kẻ dẫn đường, đủ cả ba mới thành tựu sự tấn thú của xe. Vì thế người tu Tịnh Độ hôm sớm phải phát nguyện. Lại chớ nên chấp nê rằng những lúc không niệm Phật, hoặc khi phát nguyện là cắt đứt, *xen tạp*, tịnh niệm không thành. Thử hỏi: tâm niệm ấy có từng trải qua những cảnh thấy, nghe, mặc áo, ăn cơm, cùng các sự cử động khác hay không? Nếu có, với mấy điều này đã không thấy cắt đứt, *xen tạp*, sao lại cho những việc kia là *tạp loạn*? Cho nên, dù niệm Phật đến cảnh giới ‘một niệm muôn năm’ cũng không ngại gì tới sự khởi cư hằng ngày. Bằng tuyệt nhiên không cả, hoặc ra chỉ có pháp thân Bồ Tát mới đảm đương nổi. Nhưng các bậc Đại Sĩ tuy ở yên một chỗ mà hiện vô số thân trong cõi vi trần, làm vô lượng Phật sự, nếu quả có *xen hử tạp loạn*, thì chắc không biết là bao nhiêu? Chư Phật, Bồ Tát có thể đồng thời khắp đến mười phương, song đây chỉ là một việc, thật ra tâm ta vẫn đủ các lý, ứng muôn sự, không phải như thế mà thôi đâu!

6. Ước theo nghi thức xưa nay, sự phát nguyện thường ở vào khoảng sớm mai và tối. Nhưng cũng có người khi niệm Phật xong thời nào, liền hồi hướng phát nguyện ngay lúc ấy. Các hạ đã hiểu sâu tánh, tướng mà

còn cho rằng: ‘niệm Phật và niệm cầu sanh không thể đi đôi’, thì dường như đối với viên lý sự vô ngại, chưa được tin chắc. Lại bảo: ‘Nếu có thể đi đôi tất tâm niệm sẽ chia làm hai: một nửa về Phật, nửa về nguyện, thế thì một người ưng thành hai vị Phật.’ Xin hỏi, cơn bình thường, có lúc nào các hạ đương lúc mắt thấy sắc mà tai vẫn nghe tiếng cho đến ý vẫn suy nghĩ hay không? Nếu quả có thế, tại sao riêng với việc này các hạ hãy còn ngờ? Vậy nên biết, tâm niệm công dụng không lường; tám thức há chẳng phải là thể dụng của một tâm ư? Kia đã không thành tám vị Phật, tại sao đây lại thành hai vị Phật?

7. Bình sanh tuyệt không tín nguyện, khi lâm chung khó được nhờ sức Phật. Đã nói: ‘Lúc nghiệp lành dữ đồng thời đều hiện’, thì chẳng những câu niệm Phật không hiện không được vãng sanh, dù có hiện cũng không được vãng sanh. Tại sao thế? Vì không phát nguyện vãng sanh, vì không cần Phật tiếp dẫn. Kinh Hoa Nghiêm nói: ‘Giả sử nghiệp ác có hình tướng, mười phương hư không chẳng thể dung chứa.’ Cổ đức bảo: ‘Tâm nghiệp rất nhiều, ngã về mối nặng như người mắc nợ, chủ mạnh kéo đi.’ Nay nghiệp lành dữ đều hiện, bởi không tín nguyện, tất phải bị nghiệp lực lôi cuốn mất sự chủ trương. Thế thì biết, nương cậy sức mình, dù hoặc nghiệp còn một mảy tơ cũng không thoát khỏi sanh tử, lựa là nhiều ư? Niệm Phật đến nhứt tâm mà không tín nguyện, trong vô số người, hoặc may có được một vài kẻ vãng sanh. Rất không nên đem điều ấy giáo hóa làm mất căn lành Tịnh Độ của tất cả chúng

sanh đời sau. Vì nếu chỉ nương tự lực niệm cho đến nghiệp dứt tình không, chúng Vô Sanh Nhẫn thì khắp thế gian khó được một đôi người. Thảng như ai nấy đều y theo thuyết này mà tu trì, không chú trọng đến tín nguyện, tất vô lượng chúng sanh sẽ nổi chìm trong biển khổ, bật nẻo thoát ly, ấy cũng vì một lời nói gây nên tổn hại. Mà người chủ trương thuyết trên kia lại còn ngênh ngang tự đắc cho rằng lời mình rất cao; đâu biết đó là cuồng ngôn làm dứt mất huệ mạng Phật, khiến chúng sanh lầm lạc nghi ngờ! Thương thay!

Pháp môn Tịnh Độ phải xem là đặc biệt, không nên đem sánh với giáo nghĩa thông thường. Ví như đức Phật chẳng mở môn này, chắc trong đời mạt pháp không có ai thoát khỏi đường sanh tử! Bộ Di Đà Yếu Giải của ngài Ngẫu Ích, lý sự đều đến chỗ cực điểm, nếu các hạ y theo đó hành trì, thì ngày kia trên phẩm vị vãng sanh không ai sánh kịp. Người xưa tu hành đều có thể chứng đạo, trái lại người đời nay ít kẻ minh tâm. Ấy bởi căn cơ có thấp kém ư? Hay là do lòng cung kính, khinh mạn khiến nên như thế? Tôi xem nhiều truyện ký, thấy những bậc cao nhân đều trọng kính tượng như Phật sống, sự kính sợ của các Ngài dù cho tôi trung, con thảo, cũng không thể phưởng phát được một đôi phần. Vì lòng thành kính cùng cực, nên các vị ấy có thể dứt hoặc chứng chơn, vượt thẳng lên cõi thánh. Thử xem một việc Nhị Tổ Thần Quang đứng hầu dưới tuyết, chặt cánh tay cầu pháp ở Thiếu Lâm, cũng đủ thấy lòng thành kính của Ngài dường nào! Người đời nay xem tượng Phật như gỗ đất, kính Phật như giấy cũ, dù có

lòng tin thọ trì, chẳng qua là đọc tụng lâu thông nơi đầu mồm mà thôi, có điều thật ích gì đáng bàn luận! Tuy rằng như thế cũng gieo được viển nhân, nhưng tội khinh lờn thật không thể tưởng nghĩ! Các hạ là bậc luận giỏi học nhiều, khi đề xướng Phật Pháp, xin nhắc nhở điều này, để mọi người cùng được lợi ích. Như thế, pháp môn và chúng sanh sẽ hân hạnh biết bao!

Thơ gởi Cư Sĩ Vệ Cẩm Châu

(Cư sĩ nhân gặp hỏa tai, nhà cửa vật dụng bị cháy sạch, vợ kinh hãi đau nặng, nên tâm thần mê muội như điên cuồng, Ấn Quang Pháp Sư gởi bức thơ này khuyên dạy...)

Kinh Pháp Hoa nói: ‘Ba cõi không an, dường như nhà lửa, sự khổ đầy đầy, rất đáng sợ hãi.’ Tuy nhiên, nhiều khi cảnh ngộ cũng làm nên cho người bằng những giai đoạn: họa, phước, nghịch, thuận, khổ, vui... không nhất định. Với bậc có trí, biết quyền biến, khéo an theo số phận, thì cảnh họa, nghịch, khổ nào không hóa thành phước, thuận, vui?

Cho nên người quân tử thường vui theo phần, biết số mạng, không oán trời trách người, dù gặp cảnh ngộ nào cũng vẫn an nhàn, bình thản! Người xưa có câu ‘Cảnh giàu sang an theo giàu sang, cảnh nghèo hèn an theo nghèo hèn, cảnh man rợ an theo man rợ, cảnh hoạn nạn an theo hoạn nạn...’ Cư sĩ tuy có lòng ưa thích điều lành, nhưng chưa rõ chỗ chí lý của đạo Nho và Phật, nên mới một phen gặp cảnh nghịch đã bối rối kinh cuồng. Tôi xin đưa những điều sau đây để cư sĩ nhận rõ:

Trong đời, rất rộng đầy, cao sáng, không hơn chi trời đất và hai vầng nhật, nguyệt. Nhưng mặt trời đứng bóng rồi thì xế, mặt trăng đầy rồi lại vơi, cho đến gò cao thành vực thẳm, biển cả hóa nương dâu, cuộc đời vẫn

thế, thịnh suy thay đổi là lẽ thường. Xưa nay đạo đức ai hơn Khổng Tử, mà Ngài còn phải bị vây nơi đất Khuôn, tuyệt lương ở nước Trần, đi châu du liệt quốc kết cuộc không được gì, chỉ có một người con được năm mươi tuổi lại chết, may còn đứa cháu để nối tổ tông. Thấp hơn một bậc, như thầy Nhan Uyên, Nhiễm Bá Ngưu thì mạng vắn; thầy Tử Hạ, Tả Kỳ Minh lại mù lòa; ông Khuất Nguyên chết chìm; thầy Tử Lộ bị bầm mắt. Như các Ngài ấy là những bậc đại thánh, đại hiền mà cũng không tránh được nghịch cảnh, nhưng vì biết thuận theo số mạng, nên vẫn tùy phận an vui. Mấy điều này đối với thời ấy, tợ hồ như không phước, nhưng tấm gương đạo đức của các Ngài trăm năm về sau, từ vua đến dân ai không kính ngưỡng? Thế thì phước còn chi hơn? Trong đời sống, con người tính đủ điều, làm đủ việc, xét lại chẳng qua vì vấn đề ăn mặc và để sự nghiệp cho con cháu mà thôi. Nhưng ăn thì canh rau có thể qua bữa, cần gì hải vị sơn hào; mặc thì bộ vải cũng đủ che thân, lựa là nhiều hàng gấm vóc? Còn con cháu hoặc làm ruộng, hoặc bán buôn, đều tự nuôi sống được, hà tất phải giàu có trăm vạn? Vả lại, xưa nay những kẻ vì con cháu mưu sinh cuộc vinh hiển muôn đời, có ai bằng Tần Thủy Hoàng? Vị bạo chúa này dẹp trừ sáu nước, đốt sách chôn học trò, thâu góp hết binh khí trong thiên hạ để đúc chuông, bản ý muốn cho dân ngu yếu đặng không thể làm loạn. Đâu dè, khi Trần Thiệp đứng lên, anh hùng đều nổi dậy, cơ đồ nhất thống không đầy mười ba năm bỗng tiêu tan, cho đến con cháu cũng bị diệt tuyệt. Ấy là muốn cho con cháu vinh hiển, trở lại

thành cảnh bại vong. Đời Hiến Đế nhà Hán, Tào Tháo mượn chức Thừa Tướng chuyên oai quyền lấn ép vua, muốn cho con cháu mình làm chúa trong nước, không ngờ đến khi chết, thi hài chưa kịp liệm, Tào Phi đã soán nghịch, bắt tằm thiếp của cha làm cung phi của mình. Tháo chết rồi đọa vào ác đạo, trải hơn một ngàn bốn trăm năm, đến đời Càn Long nhà Thanh, ở Tô Châu có người giết heo, khi mổ ra thấy trên lá phổi có chữ ‘Tào Tháo.’ Một người láng giềng mục kích cảnh tượng ấy, rất sợ hãi, liền xuất gia tu hành, pháp danh là Phật An, chuyên tâm niệm Phật được sanh về Tây Phương. Việc này có ghi trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục. Như Tào Tháo một đời phí hết tâm cơ lo cho con cháu, tuy được làm Hoàng Đế nhưng chỉ trong vòng bốn mươi lăm năm thì mất nước. Vả lại khi còn ở ngôi, mỗi năm thường cùng các nước Đông Ngô, Tây Thục đánh nhau, có mấy lúc được an nhàn? Từ đó về sau trải qua các triều: Tấn, Tống, Tề, Lương, Trần, Tùy, và Ngũ Đại: Lương, Đường, Tấn, Hán, Châu đều không lâu dài. Tự trung duy có đời Đông Tấn là bền nhất, nhưng cũng chỉ được một trăm lẻ ba năm, ngoài ra thì hoặc hai ba năm, tám chín năm, hoặc một đôi mươi năm, bốn năm mươi năm, liền tiêu diệt. Đây là chỉ kể mấy đời chánh thống, nếu nói đến những ngụy triều tiếm cướp, thời gian lại còn ngắn hơn nữa. Bao nhiêu vua chúa của các triều ấy, buổi sơ tâm đều muốn để sự vinh hoa cho tông tộc, song tìm đến sự thật, trái lại khiến cho con cháu mang họa cướp giết, mất tuyệt giống dòng.

Cư sĩ nên suy nghĩ: sang như thiên tử, giàu có bốn biển, còn không thể bảo đảm cho tông tộc hưởng phước lâu dài, huống nữa là kẻ phàm thường, từ vô lượng kiếp đến nay tạo nghiệp ác đầy như đất liền, sâu như biển cả, mà muốn cho nhà cửa thường hưng thịnh, có phước không họa ư? Phải biết sự vật giữa đời đều giả dối như mộng, huyễn, bóng, bọt, sương, chớp, như trăng đáy nước, hoa trong gương, như ánh chớp chờn lúc trời nắng và như thành cửa thần Càn Thát Bà (nhạc thần của Thiên Đế, thành quách đều là huyễn hiện), không có chi là chân thật. Duy có một niệm tâm tánh của ta vẫn hằng còn, trùm suốt xưa nay, không biến đổi, hư hoại. Tuy không biến hoại mà thường tùy duyên: theo duyên ngộ tịnh thì làm Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, Phật, vì công đức sâu cạn, nên phẩm vị có cao, thấp; theo duyên mê nhiễm thì lạc vào cõi trời, người, A Tu La, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục, do tội phước nặng nhẹ, nên sự khổ, vui, có ngắn, dài. Nếu người không biết Phật Pháp thì đã đành, cư sĩ đã sùng tín đạo Phật, sao chẳng nhân cảnh nghịch ấy mà nhìn rõ cuộc đời, bỏ mê theo ngộ, một lòng niệm Phật cầu sanh về Tây Phương vượt nẻo luân hồi, lên ngôi tứ thánh; đó có phải là nhân họa nhỏ mà hưởng phước to chăng? Đường lối thoát ra là thế, cư sĩ lại cứ bối rối mơ màng như ngậy như dại; thảng hoặc lo buồn quá độ đến mất thân mạng, thì chẳng những chính mình nhiều kiếp bị trầm luân, mà vợ yếu con cô cũng bơ vơ, làm sao tự lập? Như thế là cư sĩ muốn hại mình và làm liên lụy cho người. Sao lại tối tăm đến thế?

Kinh nói: ‘Bồ Tát sợ nhân, chúng sanh sợ quả.’ Vì tránh quả khổ nên Bồ Tát dứt trước những nhân ác, do đó tội chướng tiêu trừ, công đức đầy đủ, cho đến khi thành Phật mới thôi. Chúng sanh thường gây nhân ác, lại muốn khỏi quả khổ, có khác nào kẻ sợ bóng mình mà cứ chạy trốn dưới ánh mặt trời? Nhiều người mới làm lành chút ít đã mong được phước lớn, khi gặp cảnh nghịch liền cho rằng: ‘làm lành mắc họa, không có nhân quả’, rồi từ đó lui sụt sơ tâm, trở lại chê bai Phật Pháp. Những kẻ ấy không hiểu ‘lý nhân quả thông cả ba đời’ và ‘tâm mình có thể cải tạo hoàn cảnh.’ Nhân quả thông cả ba đời là thế nào? Như đời này làm lành hoặc dữ, đời này hưởng phước hay mang họa, đó là hiện báo. Đời này làm lành hoặc dữ, đời sau được phước hay mang họa, là sanh báo. Đời này làm lành hoặc dữ, đời thứ ba, thứ tư, hoặc mười, trăm, ngàn, muôn đời, cho đến vô lượng vô biên kiếp về sau mới được phước hay mang họa, gọi là hậu báo. Hậu báo thì sớm chầy không định, đã gây nhân tất có quả, đó là lẽ tự nhiên. Tâm mình có thể cải tạo hoàn cảnh là thế nào? Ví như có người gây nghiệp ác sẽ phải vĩnh viễn bị đọa vào địa ngục, nhiều kiếp chịu thống khổ; người ấy bỗng sanh tâm sợ hãi, hổ thẹn, phát lòng Bồ Đề, đổi dữ làm lành, tụng kinh niệm Phật, tự tu và khuyên người, cầu sanh về Cực Lạc. Do sự hối cải ấy, nghiệp địa ngục trước kia liền tiêu diệt, đổi thành quả khổ nhẹ trong hiện đời như: hoặc bị người khinh chê, hoặc đau bệnh, nghèo nàn, cùng gặp những việc không vừa ý. Chịu những khinh báo như thế xong, người ấy có thể thoát

đường sanh tử, nhập thánh siêu phàm. Như Kinh Kim Cang nói: ‘Nếu có người thọ trì kinh này mà bị kẻ khác khinh chê, người đó đời trước gây tội nghiệp đáng đọa vào ác đạo, do đời này bị sự khinh chê nên tội trước liền được tiêu diệt, sẽ chứng quả Vô Thượng Bồ Đề.’ Đây chính là nghĩa: tâm mình có thể cải tạo hoàn cảnh vậy.

Người đời khi gặp tai nạn, nếu không oán trời, tất cũng trách người, ít ai nghĩ đến sự trả nghiệp mà sanh lòng ăn năn chữa cải. Phải biết: ‘trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu’ là lẽ đương nhiên, đã gieo chông gai, đừng mong đến mùa gặt được lúa nếp. Làm dữ mà vẫn hưởng phước, là đời trước vun bồi cội phước đã đầy, nếu không làm dữ thì phước còn lớn hơn. Ví như con nhà giàu, ăn chơi bài bạc, xem tiền như rác, nhưng không liền bị đói lạnh, là do vì của cải quá nhiều. Nếu mỗi ngày cứ như thế, dù cho gia nghiệp trăm vạn, tất có lúc cũng gặp cảnh người mất nhà tan. Làm lành mà hay bị tai nạn, là đời trước trồng gốc tội đã sâu, nếu không làm lành thì họa càng lớn hơn nữa. Ví như người phạm tội nặng chưa kịp hành hình, lại lập được công nhỏ; vì công nhỏ, chưa có thể hoàn toàn ân xá, nên cải án nặng thành nhẹ. Nếu lập công mãi đến khi công to, không những trừ hết tội trước lại được phong hầu bá tướng, tập ấm đời đời.

Bạc trượng phu phải vượt hẳn thường tình, đừng để cho ngoại vật làm lụy đến thân. Giả sử có vàng ngọc đầy kho, khi giặc dữ đến cướp, phải bỏ nhà trốn chạy, đừng nên ôm cửa mà đợi chết. Bởi vì vàng ngọc tuy quý,

nhưng sánh với mạng người, hãy còn kém hèn; đã không thể giữ được cả hai, thôi thà bỏ của mà bảo toàn thân mạng. Như hiện thời, tài sản của cư sĩ đã hóa ra đồng tro tàn, lo buồn cho lắm cũng vô ích, chỉ nên tùy duyên qua buổi, gắng sức niệm Phật cầu sanh Tây Phương, để cùng tận kiếp vị lai lìa hẳn sự khổ, chỉ hưởng điều vui. Thế là do họa tai mà thành đạo vô thượng, sao vẫn còn mê muội đau buồn?

Mong cư sĩ xét kỹ lại những lời tôi nói, tất sẽ cởi được mối u sầu, như vệt mây mù lộ vẻ trời trong, nơi tai ương tìm thấy hạnh phúc, đổi cơn nóng bức thành mát mẻ, vui tươi. Bằng cứ chấp nê không tỉnh, chắc khó tránh khỏi chứng bệnh kinh cuồng. Nếu một khi bản tâm đã mất, tà ma sẽ dựa vào; chừng ấy dù có ngàn Phật ra đời, cũng không biết làm sao cứu vãn được!

Thơ đáp một Cư Sĩ ở Vĩnh Gia

☪ 1 ☪

Vân Thê Đại Sư lập pháp dạy người đều từ nơi chỗ bình thật đi vào. Nếu y theo đó tu trì, sẽ được ngàn muôn yên ổn, quyết không đến nỗi được ít cho là đủ và bị ma dựa phát cuồng. Vương Canh Tâm chưa hiểu rõ yếu chỉ nhập đạo, đã vội tự hào múa bút lớn lời mạt sát tất cả, tuy có tâm hoằng pháp, nhưng thật ra là gây tội phá hoại pháp môn. Ấy cũng bởi y không gần bậc tri thức và tự xét hai chứng bệnh: tim đập, ác mộng của mình. Những bệnh ấy đều là triệu chứng của nghiệp ác đời trước. Nhưng, hiện cảnh tuy có tốt xấu, chuyển biến chỉ tại nơi ta. Cảnh xấu hiện mà chuyên tâm niệm Phật thì nhân dữ sẽ hóa ra lành, nghiệp ác đời trước trở thành vị đạo sư trong hiện tại. Tiếc vì người đời phần nhiều bị nghiệp ràng buộc, không thể cải tạo, nên thành ra cảnh té giếng bị đá rơi theo, trên khổ lại càng thêm khổ!

Tha tâm thông có nhiều thứ không đồng, nay xin nói ước về tâm thông của những bậc đắc đạo. Như Trù Am Đại Sư, bất luận ai hỏi kinh sách gì, Ngài đều có thể đọc thuộc rành rẽ, không sai một chữ. Tại sao thế? Vì Đại Sư nghiệp hết tình không, lòng như gương sáng; lúc có người hỏi đến những kinh sách họ đã từng xem, Ngài liền nhìn vào những câu chữ in trong thức thứ tám của người ấy, đọc lại rành mạch. Cho nên cổ đức nói: ‘Kinh pháp một phen nhiễm vào thức thần, hằng làm

giống đạo.’ Việc trên đây có thể làm bằng cố để cho ta tin. Vì khi người xem kinh sách, bóng dáng của những thứ ấy in vào tâm thức không mất. Bởi vô minh che lấp, nên lâu ngày họ quên, những bậc có tha tâm thông nhìn nơi tâm thức của người ấy, tùy theo lời hỏi đọc lại rõ ràng. Đến như có người hỏi những kinh sách họ chưa được thấy, bậc tha tâm thông có thể nhìn vào tâm thức của những người khác đã xem rồi, vì họ đọc lại. Trên đây, là việc lấy tâm người khác làm tác dụng cho tâm mình, không phải nơi lòng các vị ấy thường có bao nhiêu thứ kinh sách đã ghi nhớ lâu ngày không quên. Bởi không hiểu lẽ này, nhiều người cho đó là pháp chi kỳ lạ, thật ra chỉ là cảnh trạng nghiệp tiêu trí sáng, cõi lòng không không mà thôi.

Trong sự phò cơ có rất nhiều linh quỷ giả mạo tiên, Phật, thánh, thần. Loài quỷ thấp kém hoặc khi không có tha tâm thông; hạng cao thì biết được lòng người, nên có thể mượn sự thông minh trí thức của người mà làm thi phú. Ông Kỹ Văn Đạt có thuật rằng: ‘Cơ bút phần nhiều là việc dối mượn của hạng ma quỷ linh thiêng. Một độ nọ, tôi cùng người anh là Đản Nhiên có thí nghiệm về việc này. Tôi vốn có thiên tư về thi văn mà chữ viết dở, anh tôi thì chữ tốt, song không có khiếu văn chương. Khi tôi phò bút thì thi từ thông suốt, nét chữ lếu láo. Trái lại, đến phiên anh tôi thì nét chữ cứng đẹp, thi từ tầm thường. Lại một việc, lúc hỏi đến chỗ bí yếu trong những bài giảng bút mạo lấy của người xưa, cơ lên nói: năm tháng lâu quá không còn ghi nhớ. Vì những lẽ ấy, tôi biết là giả dối.’ Thế là loài

quỉ tuy linh, song chỉ có thể mượn được sự hiểu biết hiện tại của người. Đến như các việc trong tâm thức có, nơi sự biết hiện tại vì lâu nên quên, hoặc những chữ nghĩa chính mình không hiểu, thì quỉ không thể chỉ dẫn ra được. Cho nên tha tâm thông của linh quỉ sánh với bậc đắc đạo, thật kém xa như trời vực. Tuy nhiên, vì hai việc ấy có chỗ giống nhau, e rằng cư sĩ bị cơ bút mê hoặc, tôi mới dẫn giải ra đây. Lại xin nói thêm một việc trong Tống Cao Tăng Truyện: Ngài Tăng Giám qua nhà Vương Xử Hậu thọ trai, thấy chủ nhân đang cao giọng ngâm nga xem ra dáng đắc ý, nhân hỏi là đọc văn gì? Xử Hậu đáp: ‘Đây là quyển vở trúng Tiến Sĩ của tôi.’ Giám mỉm cười mà rằng: ‘Dưới thềm gió mát, lại có sự thung dung như thế ư?’ Nói đoạn, lấy trong túi ra một tập, bảo: ‘Quyển ông đang đọc ấy có phải là đây chăng?’ Xử Hậu xem ra thì chính là văn từ mình đã làm trong ngày thi, liền nói: ‘Đây là bút tích của tôi chép ra sau này.’ Tăng Giám bảo: ‘Cố nhiên không phải là nguyên tác của ông, điều đó tôi vẫn biết.’ Xử Hậu nói tiếp: ‘Nhưng sao trong túi kia lại có bài văn ấy?’ Sư đáp: ‘Không phải chỉ riêng bài này, từ khi ông đọc sách đến giờ, cho đến những lúc đùa cợt, một nét bút nét vẽ, nơi túi của tôi đều có đủ.’ Xử Hậu kinh sợ, không dám hỏi nữa. Ngài Trù Am chỉ có tha tâm thông, chưa thấy có thần thông. Tăng Giám Đại Sư đã có tha tâm thông lại kiêm cả thần thông, có thể đem bóng dáng kinh sách trong tàng thức, hiện thành hình chất đưa cho người xem, kỳ thật trong túi của Ngài không chứa sẵn thứ ấy.

Gần đây, ở Thượng Hải đàn cơ bút mở ra rất nhiều. Sự chỉ dạy bỏ dỡ làm lành và những thuyết luân hồi nhân quả thiển cận của các đàn ấy, đều rất có ích cho thế đạo, lòng người. Nhưng mấy điểm nói về cơ trời, Phật Pháp, thì không khỏi mơ hồ, lầm lẫn. Chúng ta là đệ tử Phật, không nên bài bác việc đó, vì có trở ngại cho sự làm lành của người, song cũng chẳng nên phụ họa khen ngợi, vì sẽ mang lỗi đem điều ước đoán viển vông khiến cho Phật Pháp hư loạn, chúng sanh nghi lầm. Ấn Quang này tự xét mình nhiều nghiệp chướng nhưng quyết không dám theo tình bỏ lý, gây sự lầm lỗi cho người. Những lời trên đây xin châm chước tình lý mà làm theo mới khỏi điều tệ hại.

Mười món lợi ích của sự niệm Phật, xin xem chương ‘Thập Chúng Thắng Lợi’ ở những trang sau cuối bộ Tịnh Độ Chỉ Qui. ‘Hồi hướng’ là tâm suy nghĩ, miệng phát ra lời tín nguyện, đem công đức mình xoay về nơi nào.

Việc ấy nên để vào khoảng sau lúc công khóa tối và buổi trưa, khi tụng kinh niệm Phật xong. Niệm Phật phải từ mai đến chiều không nên hờ dớt; nếu trong tâm hằng có niệm cầu sanh, cũng là thường thường hồi hướng. Các Kinh Đại Thừa đều khiến cho chúng sanh mau thành Phật, chỉ tiếc phần đông khi đọc kinh thiếu lòng chí thành, nên không được hoàn toàn lợi ích. Chương ‘Đại Thế Chí Bồ Tát’ ở quyển năm Kinh Lăng Nghiêm, chính là lời chỉ dạy tối thượng về tông Tịnh Độ. Câu ‘Người quân tử học vì mình’ là ý nói bậc quân tử mỗi niệm đều tự xét mình, xem có trái đạo cùng chăng?

Cảnh giới ‘thức ngủ như một’, chỉ có dụng công phu đáo để mới được. Nhưng nếu khi thức hằng nhiếp tâm niệm Phật, lâu ngày tự nhiên dù trong mộng cũng ít khởi vọng niệm.

☪ 2 ☪

Từ độ cuối đông đến hạ tuần tháng ba năm nay, tôi có tiếp được bốn phong thơ, thức ăn, vải, và bài vấn đáp của anh em cư sĩ cùng Từ Quân, do Sư Thần đem đến. Như thế, đủ thấy cư sĩ tha thiết vì đạo, mến trọng tôi đã quá nhiều! Trước tiên, tôi có ý mong Từ Quân đến, kể lại vì kiểm duyệt bộ Văn Sao để cho người in ra, mắt hơi suy kém, nên mới chậm lời phúc đáp. Bức thơ kỳ tháng chạp rồi, thật là đúng với nghĩa ‘bạn bè dùng nhân giúp nhau’, chỉ có điều suy tặng Ấn Quang quá nhiều, khiến cho người càng thêm hổ thẹn!

Nhân đạo có năm giềng lớn: vua tôi, cha con, anh em, chồng vợ và bạn bè. Nhưng tại sao trong năm luân ấy lại không nói đến thầy? Vì thầy là bậc thành tựu phần đức dục cho ta, cũng như cha, dặt dìu khuyên bảo để ta nên người, cũng như anh, nên ngài Mạnh Tử nói: ‘Thầy là cha anh.’ Lại nữa, thầy thường nhắc nhở giúp ích ta nhiều việc cũng như bạn, nên nhà Phật thường gọi: ‘Tìm thầy hỏi bạn.’ Ấn Quang này tự xét mình kém phần thật đức, không có ý muốn làm thầy người, chỉ mong ở địa vị bè bạn để giúp đỡ khuyên nhắc lẫn nhau mà thôi. Nhưng nhiều vị chẳng suy lượng giùm, nên tôi đã thiếu sự răn trách, lại còn không được nhắc

bảo đến nữa! Cư sĩ mong tôi thân chứng Tam Muội, lại e có trái với chỗ hy vọng, nên không nài khó nhọc, viết thơ khuyên lơn. Từ khi tôi buộc tóc thọ học đến giờ, chưa gặp được người ích hữu như thế. Cử chỉ ấy làm cho Ấn Quang này vừa cảm động vừa tự thẹn! Mấy chữ *tội chết* là lời bày tôi can vua, cư sĩ đem dùng với thầy bạn rất không phải cách. Ấn Quang túc nghiệp sâu nặng, khi sanh ra vừa được nửa năm, bị đau mắt luôn cả sáu tháng. Sự thống khổ trong lúc ấy thật vô cùng, trừ khi ăn và ngủ ra, không một khắc nào ngớt tiếng kêu gào khóc lóc. Nhưng may nhờ căn lành đời trước, nên còn được thấy ánh sáng mặt trời. Đến tuổi thành đồng được học tập lại do nghiệp cũ dẫn dắt, uống lầm thuốc độc bài báng Phật Pháp của bọn Hàn Dũ, Âu Dương Tu. Kế đó định tâm xét nghĩ biết mình lỗi lầm, liền sanh lòng hổ thẹn, quy y Tam Bảo xuất gia làm tăng. Nếu lúc bấy giờ không nhờ sức Tam Bảo thâm gia bị, khiến cho sự biết tự tỉnh, thì tôi đã sa vào ngục A Tỳ chịu vô lượng sự khổ, đâu còn được cùng các vị chỉ đồng nói tây, luận về tự lực, tha lực như ngày hôm nay ư?

Kỳ thất hoàn mãn, Tam Muội chưa thành, do tôi tinh thần suy kém mà cũng bởi túc nghiệp sâu dày. Nhưng Phật đã không bỏ người chướng nặng, xin cũng nhờ chút công hạnh ấy để được vãng sanh. Phép Thập Niệm Ký Số không phải là Sổ Tức (đếm hơi thở), chỉ có điểm ghi nhớ từ một đến mười có hơi giống với lối Sổ Tức mà thôi. Trong Liên Tông Bảo Giám, lại làm để là đếm đến trăm, ngàn, muôn. Vì e cư sĩ không biết mà thọ hại, nên tôi mới dẫn ra để chứng rõ, vậy không nên

gọi đó là pháp Sở Tức Trì Danh. Muốn chứng Tam Muội, đã có lời chỉ dạy xác đáng của Phật, Tổ, sao lại đòi hỏi đến chỗ chứng của tôi mới chịu làm theo? Kinh A Di Đà nói: ‘Giữ lấy danh hiệu, hoặc một ngày cho đến bảy ngày, một lòng không loạn.’ (Đây là lời tỉ lệ không nên chấp định. Nếu căn tánh Đẳng Giác, một niệm liền được không loạn, đợi gì một ngày? Như căn tánh nghịch ác, dù trọn đời cũng khó được nhất tâm, huống chi bảy ngày?) Quán Kinh nói: ‘Pháp thân chư Phật Như Lai vào tâm tưởng của tất cả chúng sanh. Cho nên khi tâm các người tưởng Phật, tâm ấy chính là ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp tùy hình, tâm ấy tưởng Phật, tâm ấy là Phật.’ Kinh Lăng Nghiêm, Đại Thế Chí Bồ Tát nói: ‘Nhiếp cả sáu căn, tịnh niệm nối nhau, được Tam Ma Địa, đây là bậc nhất.’ Trong bài kệ lựa căn viên thông, ngài Văn Thù bảo: ‘Nghe vào, nghe tánh mình. Tánh thành đạo Vô Thượng.’ Kinh Tứ Thập Nhị Chương dạy: ‘Tu tâm là thế nào? Giữ nó lại một chỗ, thì không việc gì chẳng xong.’ Ngài Mộng Đông bảo: ‘Thật vì sanh tử, phát lòng Bồ Đề, lấy tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật.’ Mười sáu chữ này là cương yếu của tông Tịnh Độ. Muốn tu Tam Muội sao không lấy thánh ngôn làm lượng, triệt để tuân theo những lời trên đây, lại dùng tôi là kẻ phàm phu nghiệp chướng mà làm mực thước, há chẳng trái ngược lắm ư?

Nhưng, lời ấy phát ra chẳng phải không duyên cớ. Chắc có lẽ vì thấy trong quyển Di Đà Trung Luận thuật rõ cảnh giới của Tịnh Nhất Đại Sư, và Vương Canh Tâm tự bảo là đắc tâm truyền với Ngài, nên cư sĩ

cho rằng tôi cũng có nhiều cảnh lạ không thể nghĩ bàn, và bí quyết truyền thọ đó chẳng? Cư sĩ nên xét: Tam Muội dịch là chánh định hay chánh thọ, ấy là thể vọng tan chơn hiện, lặng lẽ sáng suốt, trong ấy đâu có cảnh giới gì? Cho nên Kinh Lăng Nghiêm nói: ‘Tròn chứng quả bồ đề là không chứng đắc chi cả.’ Người tu thiền vì chỉ cậy sức mình, không cần Phật gia bị, nên trong khi công phu đắc lực, chân vọng công kích lẫn nhau, thường có nhiều cảnh giới thoát ẩn thoát hiện. Ví như lúc mưa to sắp tạnh, mây mù tản mát, trời đang u ám bỗng lộ ánh sáng, phút chốc lại thay đổi không lường. Những cảnh giới ấy, nếu chẳng phải người có đủ đạo nhãn, tất khó nổi phân biệt. Nếu lầm nhận cho là thật, sẽ bị ma dựa phát cuồng, không thể cứu chữa. Khác hơn thế, người niệm Phật dùng lòng tín nguyện, tha thiết trì hồng danh muôn đức, thì như mặt trời chói sáng giữa hư không, như đi con đường thẳng rộng, không những quý mị tuyệt tích mà vọng niệm cũng lặng tiêu. Suy cho cùng, chẳng qua niệm đến công lực tinh thuần, thì toàn tâm là Phật, toàn Phật là tâm, tâm Phật như một mà thôi. Lý và hạnh này tôi còn e mọi người không hiểu, vẫn muốn tuyên dương để nêu cao bản nguyện độ khắp chúng sanh của Phật, đâu dám giấu kín để truyền riêng cho cư sĩ hay sao? Nếu có bí quyết truyền thọ riêng nơi chỗ ẩn khuất tức là tà ma ngoại đạo, không phải Phật Pháp. Nhưng Ấn Quang thật cũng có chỗ diệu quyết chỉ riêng mình được, nay nhân cư sĩ thỉnh cầu, không ngại gì đem ra bày tỏ với các hàng Phật tử trong thiên hạ. Diệu quyết ấy là gì? Là chí thành, là cung kính.

Điều này cả thế gian đều biết, đạo lý này cả thế gian đều muội! Ấn Quang do muốn tiêu trừ tội nghiệp sâu nặng và báo đáp ân Phật, hằng để ý tìm cầu gương sáng tu trì của cổ đức, nên được biết rằng chí thành cung kính là bí quyết rất mau để vượt phàm lên thánh, thoát nẻo luân hồi. Mấy điểm này, đối với những người hữu duyên tôi đã thường thường khuyên nhắc. Nên biết *thành kính* không phải chỉ để riêng cho người học Phật, mà tất cả mọi việc nếu muốn được tinh nhất, phải lấy đây làm nền tảng.

Từ Quân có trồng linh căn từ kiếp trước, thân quyến thờ Phật mấy đời, khi nhỏ đã được đầy đủ về gia huấn, lớn lên lại trải đôi ba mươi năm học hỏi lịch duyệt, vì sao lại bỏ nơi huyền diệu, dùng chỗ tầm thường, mền chuộng văn tôi mà cho in ra như thế? Nên biết, sự hoàng pháp lợi sanh quý ở nơi biết thời cơ. Cách điều trị đáng dùng cho căn bệnh người đời nay, bậc thông hiểu Phật giáo không chịu chỉ rõ, duy nói những phương pháp cao huyền, phần nhiều là những thứ thuốc không hợp với bệnh. Đôi khi do thứ thuốc quý ấy, bệnh lại tăng thêm. Ấn Quang cũng như kẻ dung y, chẳng những không rõ gốc bệnh lại không hiểu tánh chất thuốc men, chỉ đem hoàn Vạn Ứng A Đà Đà (A Đà Đà dịch là Phổ Trị, thuốc trị tất cả bệnh) của tiên tổ bí truyền, bao nhiêu chứng hư, thật, hàn, nhiệt, đều dùng hoàn này cho uống. Nếu ai có lòng tin, dùng thử sẽ được an lành. Cho đến những chứng bệnh Tàn Huẩn, Biến Thước đều bó tay, khi uống thuốc này vào, liền thấy hồi sanh khởi tử. Cho nên đối với những kẻ có

tâm cứu người giúp đời, tôi không ngại gì đưa thiệp quảng cáo, để tất cả bệnh nhân đều được uống hoàn này. Tôi vẫn biết các phương thuốc của Tàn Huẩn, Biến Thước là nhiệm màu, song chẳng khuyên người dùng, vì bệnh thuộc về túc nghiệp không phải sức của thần y trị được...

Chứng thật tướng ngay đời hiện tại, chẳng phải thế gian tuyệt không người, nhưng e cư sĩ chưa có căn lành ấy. Nếu tôi không nói rõ duyên cớ, hoặc khi cư sĩ chí cao mà hạnh chưa kịp, vì quá vọng tưởng đến sự chứng quả, lâu ngày sanh ra bệnh cuồng loạn tâm. Chùng ấy cầu siêu hóa ra đọa, muốn khéo trở thành vụng, kết quả cũng không thoát khỏi luân hồi. Phải biết, ngộ được lý nhị không duy hạn phạm phụ lợi căn mới có đủ khả năng. Như bậc người Viên Giáo ở nơi vị danh tự tuy chưa phục đoạn phiền não, mà sự tỏ ngộ cùng chư Phật vẫn đồng. Nếu nói ước về Tông, cảnh giới ấy gọi là đại triệt đại ngộ; ước về Giáo là đại khai viên giải. Nhưng đại ngộ cùng viên giải, không phải chỉ tỏ ngộ một cách mừng tượng đâu! Như Bàn Cư Sĩ nghe Mã Tổ nói câu: ‘Đợi khi nào người uống một hớp hết nước sông Tây, ta sẽ nói cho’, liền quên ngay sự huyền giải. Ngài Đại Huệ Kiền nghe Viên Ngộ Thiền Sư ngâm câu: ‘Gió nồm vào điện các, hơi mát vẫn vơ sanh’, cũng thế. Trí Giả Đại Sư tụng Kinh Pháp Hoa đến câu: ‘Đó là chơn tinh tấn, gọi là chơn pháp cúng dường Như Lai...’ trong phẩm Dược Vương Bản Sự, thoát rộng suốt đại ngộ, lặng lẽ nhập định, thấy hội Linh Sơn nghiêm nhiên chưa tan. Ngộ được như thế mới gọi

là đại triệt, đại ngộ, đại khai viên giải. Đó là ngộ đạo, nếu nói đến chứng đạo vào thể thật tướng, thì lại không phải là việc làm của hạng cụ phước phàm phu. Ngài Nam Nhạc Huệ Tư, thầy đắc pháp của Trí Giả Đại Sư, là bậc có thần thông trí huệ lớn. Khi sắp tịch, có người hỏi đến chỗ chứng Ngài đáp: ‘Ta ban sơ chỉ cầu Đồng Luân, nhưng vì lãnh chúng quá sớm, chỉ chứng được Thiết Luân mà thôi.’ (Đồng Luân tức là vị Thập Trụ, phá vô minh, chứng thật tướng, vào cõi thực báo, phần chứng Tịch Quang. Bậc sơ trụ có thể hiện làm thân Phật trong một trăm cõi Đại Thiên để giáo hóa chúng sanh. Nhị trụ thì một ngàn cõi, tam trụ một muôn, mỗi trụ số tăng lên gấp mười. Thiết Luân tức là vị thập tín. Sơ tín dứt kiến hoặc, thất tín dứt tư hoặc, bát, cửu, thập, tín phá trần sa, phục vô minh. Ngài Nam Nhạc thị hiện ở ngôi thập tín, thì còn chưa chứng được thật tướng). Trí Giả Đại Sư là đức Thích Ca hóa thân, lúc sắp tịch, có kẻ hỏi: ‘Đại Sư chứng đến vị nào?’ Đáp: ‘Nếu ta không lãnh chúng, tất thanh tịnh sáu căn, vì tổn mình lợi người nên chỉ được ngũ phẩm.’ (Sáu căn thanh tịnh tức là vị thập tín, như phẩm Pháp Sư Công Đức trong Kinh Pháp Hoa đã nói. Ngũ phẩm là vị quán hạnh, phục hết ngũ trụ phiền não mà chưa dứt được kiến hoặc). Ngẫu Ích Đại Sư lúc lâm chung có bài kệ rằng: ‘Danh tự vị đây là Phật nhãn. Rồi ta biết sẽ phó ai?’ (Địa vị danh tự viên ngộ tạng tánh, chỗ tỏ ngộ đồng với Phật, song còn chưa phục được kiến, tư hoặc, huống chi dứt trừ? Người đại ngộ ở đời mạt pháp, phần nhiều thuộc về hạng này. Xem như ngài Ngũ Tổ Giới thân sau

làm Tô Đông Pha, ngài Thảo Đường Thanh làm Tăng Lỗ Công, ấy cũng còn khá. Kế đó, ngài Hải Ấn đầu thai làm con gái ông Châu Phòng Ngự, và tộ hơn hết là cao tăng ở non Nhạn Đẳng kiếp sau làm Tần Cối. Bởi các vị ấy tuy ngộ suốt lý tánh mà chưa dứt được phiền hoặc, nên một phen thọ sanh, phần nhiều quên mất túc căn). Như Ngẫu Ích Đại Sư thị hiện ở vị danh tự. Thiên Thai Trí Giả ở vị quán hạnh, Nam Nhạc Huệ Tư ở vị tương tự, thì thấy thật tướng pháp không dễ gì chứng. Thật ra bản địa của ba Đại Sư đều không thể suy lường, nhưng vì sợ người đời sau chưa chứng xứng rằng chứng, nên các Ngài dùng thân thuyết pháp khiến cho hàng hậu tấn xét mình hổ thẹn, dứt bỏ tánh tự thị, ngưng cuồng. Ân đức thị hiện răn dạy ấy, dù nát thân cũng khó đền đáp. Vậy cư sĩ nên tự lượng xem mình có thể siêu việt ba Đại Sư ấy chăng? Tốt hơn là nên niệm Phật tụng kinh, bồi đắp căn lành, ngày kia sanh về Tây Phương tùy nơi công hạnh cạn sâu lần lần tu tập, thì sớm muộn gì cũng sẽ được đạo quả. Ấy là con đường duy nhất để chứng thật tướng của người đời nay đó!

Kim Luân Chú Pháp không cho hỏi việc, chỉ được hỏi căn lành hoặc pháp môn mà thôi. Nhưng chúng sanh đời mạt pháp chẳng luận căn lành có hay không, đều quyết định phải chuyên tu Tịnh Độ, vậy chớ nên hỏi pháp môn làm chi. Đến như căn lành nếu có, nên gắng sức tu thêm, không lại càng phải cố công vun bồi, cũng không cần hỏi. Chỉ nên trì chú giúp tu tịnh nghiệp, chớ vội tác pháp làm nhọc lờn Phật thánh. Nếu thường tác pháp mà tâm không cung kính, chí thành, sẽ

khởi các việc ma. Duy có một điều nên tác pháp, nhưng không phải là phần việc của cư sĩ. Ví như có người phát tâm xuất gia, mình chưa chứng đạo, không thể quán căn cơ người ấy, mới cầu Phật từ bi thăm chỉ thị xem có nên thâm nhận chăng? Làm như thế để tránh mối tệ: hạng vô lại lẫn vào phá rối Phật Pháp. Người đời nay trong sự thâm đệ tử, chỉ muốn cho được nhiều. Đôi khi biết rõ đó là kẻ hạ lưu, cũng gấp gấp dung nạp, không nghĩ gì đến sự lựa chọn. Tâm tham danh lợi, ưa quyến thuộc ấy, khiến cho Phật Pháp suy tàn đến mức khó nổi chấn hưng!

Nghiệp chướng nặng, tham giận nhiều, thân suy yếu, tâm kinh sợ, phải một lòng niệm Phật, lâu ngày các chướng ấy tự tiêu trừ. Trong phẩm Phổ Môn nói: ‘Chúng sanh nào nhiều dâm dục, giận hờn, ngu si, nếu thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát, sẽ được xa lìa các nghiệp ấy.’ Niệm Phật cũng như thế, song phải dùng hết tâm lực, đừng tạp tưởng, nghi ngờ, thì cầu việc gì cũng được. Đức Quán Thế Âm Bồ Tát có nhân duyên rất lớn với chúng sanh cõi Ta Bà, ngoài thời niệm Phật, nên kiêm trì danh hiệu Ngài. Hoặc giả, kiêm trì chú Lăng Nghiêm hay Đại Bi cũng được.

Đến như việc xem kinh, nếu muốn làm Pháp Sư vì chúng tuyên dương, nên trước xem chánh văn, sau sẽ xem lời chú số. Nếu xét thấy mình tinh thần không đầy đủ, kiến giải chẳng hơn người, thì hãy chuyên niệm Phật, chớ nên phí tâm lực, hao tháng ngày đi theo việc không cần kíp ấy. Như muốn tùy phận duyệt kinh để được thêm phần lợi ích, phải giữ ba nghiệp trong sạch,

khẩn thiết chí thành, lạy Phật rồi ngồi định tâm giây phút, sau sẽ giở kinh tụng ra tiếng hay lặng lẽ xem. Khi ấy phải ngồi ngay ngắn như đối trước Phật nghe lời viên âm, không dám móng khởi một niệm biếng trễ, phân biệt, chẳng nên tìm hiểu văn nghĩa, chỉ một mạch xem thẳng từ đầu đến cuối. Duyệt kinh như thế, nếu là bậc lợi căn, có thể ngộ lý nhị không, chứng pháp thật tướng, dù người căn tánh tối chậm, cũng được tăng thêm phước huệ, nghiệp chướng tiêu trừ. Đức Lục Tổ bảo: ‘Chỉ xem Kinh Kim Cang cũng có thể minh tâm kiến tánh’, tức là nói lối xem trên đây, vì thế mới gọi là *chỉ*. Y như thế mà duyệt kinh, thì xem các Kinh Đại Thừa đều có thể minh tâm kiến tánh, đâu riêng gì Kinh Kim Cang? Chớ nên một mặt theo sự phân biệt, tìm hiểu: câu này nghĩa ra sao, đoạn này ý thế nào? Bởi vì đó thuộc về vọng tưởng suy lường, không thể thâm hiệp với tâm Phật, ngộ suốt lý kinh, và làm nhân duyên cho sự diệt tội sanh phước. Xem kinh với tâm phân biệt, nếu biết cung kính thì còn có thể gieo chút căn lành, bằng biếng trễ khinh thường chắc không khỏi đem nhân lành mà gây quả ác, sự khổ sẽ vô cùng! Người xưa rất chuyên trọng nghe kinh vì tâm khó sanh phân biệt. Như có người tụng kinh ra tiếng, một người ở gần bên nhiếp tâm lắng nghe mỗi câu chữ rõ ràng, chẳng dám duyên theo cảnh bên ngoài, vì nếu xao lãng một chút thì bị gián đoạn, văn nghĩa không được suốt thông. Khác hơn thế, người tụng bởi có văn kinh để y cứ, dù không chuyên chú cũng đọc được rành rẽ. Người nghe chỉ nương theo tiếng, nếu phóng tâm liền đứt mất sự liên

lạc. Nghe kinh được như thế, công đức đồng với người tụng cung kính chí thành. Nếu người tụng kinh kém lòng thành kính, công đức lại không thể sánh kịp người nghe.

Đời nay, nhiều kẻ xem Kinh Phật như giấy cũ, trên bàn kinh để những tạp vật lẫn lộn, bừa bãi. Khi duyệt kinh, không rửa tay, súc miệng, có khi rung lắc thân mình, vất tréo chân lên, thậm chí buông ra hơi dưới, chẳng kiêng sợ chi cả. Như thế đâu phải muốn diệt tội sanh phước, mà muốn cho loài ma vương phá hoại Phật Pháp, chứng minh khen ngợi mình là ‘người bao quát dung thông, rất hợp với đạo màu Đại Thừa không còn chấp trước.’ Hàng Phật tử chơn tu trông thấy chỉ còn lạng lẽ, thương buồn, thầm rơi lệ than thở cho cảnh ma quyến thịnh hành, không biết làm sao cứu vãn được! Thuở xưa, ngài Trí Giả tụng kinh bổng rỗng suốt tổ ngộ lạng lẽ nhập định, nếu có tâm phân biệt thì đâu được như thế ư? Một vị cổ đức tả Kinh Pháp Hoa, chăm chú quên cả muôn duyên, đến trời tối vẫn còn ngồi viết. Kẻ thị giả đi vào thưa ‘Trời tối lắm rồi, sao thầy còn tả kinh được?’ Vị ấy liền giật mình xem lại thì đã tối sẩm không thấy bàn tay. Khi duyệt kinh, tham thiền, trì chú, niệm Phật, nếu đồng một sự chuyên tâm như thế, dụng công lâu, sẽ có ngày được suốt thông, tổ ngộ. Đời Minh, ngài Tuyết Kiêu Tín Thiền Sư, người ở thành phủ Ninh Ba, trung niên xuất gia, dốt không biết một chữ. Nhưng nhờ công khổ hạnh, siêng năng tham cứu, nhịn việc khó nhịn, làm việc khó làm, không bao lâu Ngài bổng đại triệt đại ngộ, những lời nói ra đều

hiệp với thiên cơ. Rồi từ đó lần lần Ngài tự biết đọc, viết, không mấy lúc đã nghiêm nhiên là một nhà thông thái bút pháp tung hoành. Những sự lợi ích như thế đều là nơi tâm chuyên tinh tham cứu, không phân biệt mà có. Người duyệt kinh nên lấy đây làm gương mẫu. Tập Ngũ Lục của Tuyết Kiều Tín Thiên Sư đã được bỏ vào Đại Tạng Kinh nhà Thanh. Tấn sĩ Đàm Tảo Am, một bậc thạc học quy y với Thiên Sư, có khắc bia hơn muôn lời để ca tụng đạo hạnh của Ngài. Vậy khi duyệt kinh quyết không nên khởi lòng phân biệt; được như thế, vọng tưởng sẽ tự lặng chìm, tánh thiên chơn lần lần hiện rõ.

Nếu muốn nghiên cứu kinh để hiểu nghĩa lý, hoặc chú số ra, nên dành một thời riêng chỉ chuyên về việc ấy. Lúc nghiên cứu tuy không nghiêm cẩn bằng khi xem, nhưng cũng chẳng nên toàn không cung kính, bất quá có đôi chút thơ thái hơn mà thôi. Như chưa được nghiệp tiêu trí sáng, phải lấy sự duyệt kinh làm chủ, phần nghiên cứu chỉ nên phụ trợ. Chẳng thế thì cùng năm mãn tháng cứ mãi theo việc nghiên cứu, dù cho tìm hiểu được như vệt mây bày trăng sáng, mở cửa thấy non xanh, cũng chỉ thêm nguồn biện bác trên đầu môi chót lưỡi, có can thiệp gì đến sự sanh tử đâu? Rồi ngày ba mươi tháng chạp đến nơi, quyết định không dùng một mảy may nào được! Nếu có thể y như cách trên mà duyệt kinh, thì những nghiệp tham giận tình chấp lần lần tiêu tan, trí huệ trở nên sáng suốt. Bằng chẳng thế, đã không được sự thật ích, lại còn e do nghiệp lực đời trước, dẫn sanh tà kiến, bác không nhân

quả, những phiền não dâm, giết, trộm, dối, sẽ kế tiếp nhau nổi lên như lửa cháy bùng. Lúc ấy đôi khi lại còn cho mình là người tu Đại Thừa, tất cả đều không ngại, đem câu ‘Tâm bình cần gì giữ giới’ của Lục Tổ, tự bào chữa: ‘phá giới mà không phá mới thật là giữ giới.’ Trên đường tu hành có nhiều nổi hiểm nguy, chơn pháp rất khó được là như thế! Vì lẽ ấy, chư Tổ phần nhiều đều chủ trương tu Tịnh Độ, để nhờ sức từ của Phật dẹp trừ nghiệp lực khiến cho không phát hiện. Vậy cư sĩ nên lấy sự niệm Phật làm chánh, duyệt kinh làm trợ. Trong các kinh như: Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, Kim Cang, Niết Bàn, Viên Giác, hoặc chuyên chú một bộ hay luân phiên mà xem. Phép duyệt kinh quyết không nên khác với lời tôi nói. Nếu thờ ơ không kiêng sợ, tất bị những tình kiến phân biệt làm mất sự lợi ích lớn, tội nghiệp sẽ vô cùng!

Lúc trước tôi cho rằng cư sĩ cùng Sư Thần đều đã tin triệt để pháp môn Tịnh Độ. Đến khi xem bài văn cáo của cư sĩ hỏi Từ Quân, thì thấy nói muốn trì chú và nghiên cứu giới học. Lại bảo: ‘Về công đức của mật chú, trong tông Tịnh Độ không thấy có sự cao siêu như thế, nên lòng nao nức chưa biết có nên theo cùng chăng?’ Cư sĩ thử xét mình là căn cơ bậc nào, mà lại muốn thông đạt tất cả pháp môn như thế? Tôi chỉ e sự tán loạn bất định ấy lâu ngày có thể làm cho cư sĩ rối tâm mê muội đó thôi. Còn Sư Thần thì cho rằng: ‘Theo Mật Tông chú lực đi đến đâu, dù là một chút hơi bay bụi dính, chúng sanh nơi đó đều được giải thoát. Tịnh Tông không có sự lợi ích như thế!’ Phải biết, trì chú tuy

công đức vô lượng, niệm Phật há không năng lực chẳng nghĩ bàn? Sao chẳng xem đoạn: Chúng sanh phạm tội ngũ nghịch thập ác, khi sắp chết tướng địa ngục hiện, niệm Phật vài tiếng liền được vãng sanh? Lại há không thấy trên hội Hoa Nghiêm, các Đẳng Giác Bồ Tát chứng đồng với Phật, còn phát mười đại nguyện vương hồi hướng Tây Phương để cầu viên thành quả giác đó ư? Và, nếu môn Tịnh Độ không thù thắng, tại sao chư Phật, Tổ, cho đến ngàn kinh muôn luận đều ân cần cặn kẽ khuyên bảo tu trì? Thật ra, các pháp môn Đại Thừa đều viên diệu, chỉ vì chúng sanh duyên có cạn sâu, căn cơ có sanh, thực, thành thử sự lợi ích có khó cùng dễ đó thôi! Ngài Thiệu Đạo là đức A Di Đà hóa thân, trong khi khai thị về chuyên tu, e rằng hành nhơn tâm trí không định, nên đã khuyên dạy: ‘Dù cho bậc thánh trong bốn quả, hoặc hàng Bồ Tát ở những vị trụ, hạnh, hướng, địa, nhấn đến mười phương chư Phật đầy cả hư không pháp giới đều hiện thân phóng quang, bảo hãy bỏ môn Tịnh Độ, các Ngài sẽ truyền dạy pháp môn thù thắng, cũng chẳng dám vâng theo, vì trước đã quyết chí chuyên tu Tịnh Độ nên không thể rút lời nguyện.’ Thiệu Đạo Hòa Thượng biết trước người đời sau hay ‘đứng núi này trông núi nọ’ rồi không có định kiến, nên mới nói lời ấy. Lời vàng ngọc trên đây, chính những kẻ đã tôn Ngài làm thầy còn ít biết vâng theo, hướng chỉ người chưa nghe hiểu? Một pháp môn rất hợp lý hợp cơ như thế ở trước mặt mà đành bỏ qua, lại đi theo con đường nghiệp thức mơ màng, không thiền, không tịnh,

há chẳng phải là nghiệp ác đời trước xui khiến hay sao?
Thương thay!

Lý nhị không, tức là ngã không và pháp không. Ngã không là biết rõ trong năm ấm hoặc sắc hoặc tâm (sắc là sắc thân, sắc ấm, tâm là thọ, tưởng, hành, thức) đều do nhân duyên hòa hợp sanh ra, khi nhân duyên chia lìa, liền mất, không thật có cái ta làm chủ tể. Pháp không là thấu suốt năm ấm đương thể vốn không. Tâm Kinh nói: ‘Soi thấy năm uẩn đều không’ chính là nghĩa này. Lý pháp không đây tức là thật tướng, do phá vô minh chứng được, nên nói: ‘Vượt qua tất cả khổ ách.’ Lại lý thể pháp thân lìa hẳn những tướng: sanh, diệt, đoạn, thường, có, không, mà làm căn bản của các tướng, rất là chân thật, nên gọi *thật tướng*. Thật tướng này chúng sanh cùng Phật vẫn đồng, mà hàng phàm phu, Nhị Thừa do vì mê bỏ nên không được thọ dụng. Ví như tự mình có hạt bảo châu trong vạt áo, vì không hay biết nên phải chịu nghèo hèn. Ngộ đạo là trạng thái thông suốt rõ ràng, như mây tan trăng hiện, cửa mở núi bày, lại như người mắt sáng trông thấy đường về, và cũng như người từ lâu nghèo khổ bỗng gặp kho báu. Chứng đạo là như theo đường cũ về đến nhà phủi chân ngồi nghỉ, lại như đem kho báu ấy tùy ý tiêu dùng. Ngộ thì kẻ đại tâm phàm phu, kiến giải đồng với Phật, chứng thì bậc sơ địa không biết chỗ cất bước tới lui của nhị địa. Hiểu được nghĩa ngộ và chứng này, tự nhiên chẳng khởi lòng khinh mạn bậc trên, cũng không sanh tâm lui sụt, mà ý chí cầu sanh Tịnh Độ dù muôn trâu vẫn không thể kéo lôi.

Thời này là thời buổi nào? Nạn binh lửa đang lúc lẫy lừng, nam bắc đánh nhau, trong ngoài chiến loạn, ba bốn năm gần đây, số người chết đến hằng triệu. Từ xưa đến nay chưa nghe có sự thảm thiết như thế! Lại thêm các tai biến: bão lụt, động đất, ôn dịch, tiếp diễn thường thường. Riêng về nạn nắng lụt, không đầy một năm có khi đến đôi ba lần. Vật giá vì thế mắc gấp bội hơn trước. Lúc này, may mà được sống, dám không gắng sức chuyên tu tịnh nghiệp để cầu vãng sanh ư? Nỡ đem thân người khó được, mơ màng theo những pháp tu không hợp thời cơ ư? Hiện giờ nếu không gắng sức chú định một môn, ngày kia muốn được nghe pháp huyền diệu thẳng tắt này, sợ e không còn dịp may ít có như hôm nay nữa!

Thơ gởi Nữ Sĩ Từ Phước Hiền

Tôi dừng gót ở Phổ Đà đã hơn hai mươi năm, đối với hàng Phật tử tại gia, chưa từng tới lui giao thiệp. Gần đây, nhân có thầy Phước Nghiêm lên núi thăm, trong vòng không đầy tuần nhật, thầy nhiều phen qua chỗ thất tôi ở nói về sự trình tháo của nữ sĩ. Mỗi khi gởi đến việc ấy, thầy lại tỏ vẻ bùi ngùi cảm động. Lúc đó tôi có tỏ bày ý kiến: Nữ sĩ tuy trình liệt đáng khen, nhưng tiếc vì không biết đường lối tu hành. Nếu cơn nào rảnh tôi sẽ gởi lời khuyên nhắc, lược giải về cương yếu của môn niệm Phật, để cho người tùy sức phần bước vào con đường Tịnh Độ. Nghiêm Sư nghe nói liền tán thành và hết lời yêu cầu. Vì thế nên mới có bức thơ gởi cho nữ sĩ hôm nay.

Phật Pháp là pháp sẵn đủ nơi tâm của tất cả chúng sanh, người xuất gia tại gia đều có thể thọ trì. Nhưng thân nữ có nhiều chướng duyên nếu lìa quê đi xa, rất dễ bị người lấn hiếp. Vậy nữ sĩ chỉ nên ở tại nhà giữ giới niệm Phật, quyết chí cầu sanh Cực Lạc, không cần phải lìa quê hương xuất gia làm Ni. Việc nghiên cứu khắp kinh giáo, đi các nơi tham hỏi bậc minh sư là phần của người nam, nữ giới bắt chước theo không tiện. Người nữ chỉ nên gắng tu tịnh nghiệp, chuyên trì hiệu Phật, nếu có thể nhiếp cả sáu căn, nổi luôn tịnh niệm, tự nhiên hiện đời thân chứng Tam Muội, khi lâm chung lo gì không chiếm phẩm cao? Dù chưa chứng Tam Muội, cũng được dự vào hải hội, gần gũi đức A Di Đà,

rồi lần lần trở về tánh bản chân, tự nhiên thông suốt vô biên giáo hải như tấm gương lớn soi rõ muôn hình. Chừng ấy mặc ý cõi thuyền đại nguyện, không rời An Dưỡng, hiện thân ở cõi Ta Bà, cùng vô số phương tiện độ thoát loài hữu tình, khiến cho đều đến Liên bang chứng Vô Sanh Nhẫn. Ấy mới khởi phụ với chí quyết liệt tu trì ngày hôm nay, mới đáng gọi là hoa sen sanh trong lửa, người nữ mà trượng phu đó!

Tu tịnh nghiệp, điều căn bản là phải quyết lòng cầu sanh Tây Phương. Cho nên pháp môn Tịnh Độ lấy Tín, Nguyện, Hạnh làm tông chỉ. *Tín* là phải tin cõi Ta Bà có vô lượng nỗi khổ, cõi Cực Lạc sự an vui không cùng! Nỗi khổ ở Ta Bà đại ước có tám thứ: sanh, già, bệnh, chết, thương xa lìa, oán gặp gỡ, cầu không toại ý, và năm ấm lấy lừng. (Năm ấm lấy lừng là chúng sanh đối với sắc, thọ, tưởng, hành, thức, khởi hoặc gây nghiệp như lửa cháy hừng). Sự vui ở Cực Lạc, nói về thân thì hóa sanh trong hoa sen, tuyệt không già, bệnh, chết, thuần là người nam; cho đến danh từ ác đạo hầy còn chẳng nghe, hưởng chi có thật? Nếu về cảnh thì vàng ròng làm đất, bầy báu làm ao, hàng cây cao ngắt trời, lầu các giữa chừng không, và sự ăn mặc thọ dụng, khi tưởng đến đều được hóa hiện vừa ý, không phải như ở cõi này do sức người tạo tác mà thành. Ở Cực Lạc, Phật A Di Đà tướng đẹp vô biên, một khi trông thấy từ dung, liền chứng Pháp Nhẫn, đức Quán Âm Thế Chí cùng Thanh Tịnh Hải Hội phóng ánh sáng trong sạch, đồng nói pháp màu. Thế nên, tuy là hàng phàm phu đầy đầy nghiệp lực, nếu phát lòng tín nguyện tha thiết,

sẽ được nhờ Phật nhiếp thọ. Khi đã vãng sanh về cõi kia, thì nghiệp ác phiền não đều tiêu tan, trí huệ công đức đều tròn đủ. Tin được như thế mới gọi là lòng tin chân thật. Như muốn được biết rõ hơn, nên xem kỹ kinh: A Di Đà, Vô Lượng Thọ và Quán Vô Lượng Thọ. Những kinh này chuyên nói về duyên khởi sự lý của Tông Tịnh Độ, cũng gọi là Tịnh Độ Tam Kinh. Ngoài ra các Kinh Đại Thừa phần nhiều đều có nói về Tịnh Độ. Như Kinh Hoa Nghiêm là khi đức Như Lai mới thành Chánh Giác, vì các bậc Pháp Thân Đại Sĩ ở bốn mươi mốt vị, xứng tánh nói ngay pháp Nhất Thừa màu nhiệm. Sau rốt, lúc ngài Thiện Tài đi tham hỏi khắp các phương tri thức, chỗ chứng bằng chư Phật, Phổ Hiền Bồ Tát lại vì nói mười đại nguyện vương, khuyên ngài Thiện Tài và hải chúng trong cõi Hoa Tạng hồi hướng cầu sanh về thế giới Cực Lạc, để mau tròn đầy quả Phật. Trong Quán Kinh, chương Hạ Phẩm Hạ Sanh có nói: ‘Hạng người phạm tội ngũ nghịch thập ác, làm đủ các việc không lành, khi sắp chết tướng địa ngục hiện, được bậc thiện tri thức khuyên bảo niệm Phật, kẻ ấy vâng lời niệm chưa đầy mười câu, liền thấy Hóa Phật đưa tay tiếp dẫn vãng sanh.’ Kinh Đại Tập dạy: ‘Đời mạt pháp ước ước người tu hành nhưng ít có kẻ ngộ đạo, chỉ nương theo môn Niệm Phật mới được thoát luân hồi.’ Thế thì biết pháp niệm Phật là con đường đồng tu của thượng thánh hạ phàm. Với pháp này, kẻ ngu người trí đều có thể làm theo, cách hành trì dễ mà thành công cao, dùng sức ít song hiệu quả mau lẹ. Bởi môn Tịnh Độ chuyên nhờ Phật lực nên sự lợi ích rất lớn, vượt hơn tất cả giáo

pháp thông thường. Người xưa nói: ‘Tu các môn khác như con kiến bò lên núi cao, niệm Phật vãng sanh như thuyền buồm xuôi theo gió nước.’ Lời này có thể gọi là sự so sánh rất xác đáng, rõ ràng.

Nếu muốn nghiên cứu nên xem bộ Yếu Giải Kinh A Di Đà của Ngẫu Ích Đại Sư trứ thuật. Bộ này diễn tả sự lý đến chỗ cực điểm, là lời chú giải rất hay rất xác, đứng vào bậc nhất từ khi Phật nói kinh ấy đến giờ, dù cho Cổ Phật tái hiện ra đời chú giải lại cũng không hơn được. Vậy nữ sĩ chớ nên khinh thường, phải triệt để tin theo. Về Kinh Vô Lượng Thọ, có lời chú sớ của Huệ Viễn Pháp Sư đời Tùy, văn nghĩa rất rõ ràng. Kinh Quán Vô Lượng Thọ thì có bộ Tứ Thiệp Sớ của Thiện Đạo Hòa Thượng. Ngài Thiện Đạo muốn lợi khắp ba căn nên phần nhiều phát huy về sự tướng. Sau chương Thượng Phẩm Thượng Sanh, Ngài chỉ rõ sự hơn kém của hai lối tu chuyên và tạp, lại bảo phải sanh lòng tin bền chắc, dù đức Thích Ca hoặc chư Phật hiện thân dạy bỏ môn Tịnh Độ tu theo các pháp khác, cũng không dời đổi chí nguyện. Lời trên đây có thể gọi là cây kim chỉ nam của người tu tịnh nghiệp. Đến như bộ Quán Kinh Sớ Diệu Tông Sao của bên Thiên Thai Tông thì nghĩa quá viên dung màu nhiệm, người căn cơ trung, hạ khó được lợi ích, vẫn không bằng bộ Tứ Thiệp Sớ lợi khắp ba căn. Đã biết những nghĩa lý trên đây, cần y theo đó tin chắc. Chỗ chính mình hiểu đến thì tin đã đành, dù chỗ mình chưa hiểu đến cũng vẫn tin. Phải biết pháp môn Tịnh Độ do nơi kim khẩu của Phật nói ra, chớ nên

đem sự suy lường không thấu đáo của tình phàm mà sanh lòng nghi hoặc. Tin như thế mới gọi là chân tín.

Đã tin chắc rồi, cần phải phát nguyện lìa cõi Ta Bà như tù nhân mong ra khỏi ngục, nguyện sanh về Cực Lạc như viễn khách nhớ quê xưa. Nếu chưa được sanh Tịnh Độ, dù có ai đem ngôi báu của Thiên Vương dâng cho, cũng xem là nhân duyên đọa lạc, không móng một niệm ưa thích. Cho đến việc: đời sau đổi thân nữ ra nam, tuổi trẻ xuất gia, nghe một hiểu ngàn, được đại tổng trì, cũng nên xem đó là đường lối tu hành quanh quẩn, không sanh lòng mong ước, chỉ muốn khi lâm chung được Phật tiếp dẫn về Tây Phương mà thôi. Khi được vãng sanh, tất sẽ thoát vòng sanh tử, vượt cảnh phàm vào cõi thánh, ở hàng bất thoái, chứng quả Vô Sanh. Chừng ấy nhìn lại mới biết ngôi vua ở cõi trời, người, cho đến việc tái sanh xuất gia làm tăng, là sự nhọc nhằn nhiều kiếp, không biết chừng nào mới được giải thoát. Rồi so sánh lại, thấy những điều ấy đối với phẩm sen của mình ngày nay, không khác nào lửa đóm cùng vàng nhật rạng và con kiến bò lên núi Thái Sơn! Cho nên, người tu Tịnh Độ quyết không nên cầu phước báo ở cõi trời, người, và đời sau trở lại xuất gia làm tăng. Nếu có may mắn những niệm ấy, tức không phải tin sâu nguyện thiết, ngăn cách với lời từ thệ của đức A Di Đà, không được cảm ứng và nhờ Phật tiếp dẫn. Thật đáng thương lắm! Đáng tiếc lắm! Nỡ đem hạnh màu không thể nghĩ bàn, cầu lấy quả vui hữu lậu để khi hưởng hết phước rồi lại bị sa đọa, theo giòng hoặc nghiệp, chịu sự khổ vô cùng ư? Trong vị đề hồ nếu để thuốc độc, chất

ngon ngọt ấy sẽ giết người; tu Tịnh Độ mà không khéo dụng tâm thì sự tai hại cũng y như thế! Vậy phải dứt tuyệt những niệm lỗi lầm như trên, mới có thể hoàn toàn thọ dụng sự lợi ích của môn Tịnh Độ.

Đã tin sâu nguyện thiết, lại cần phải chấp trì sáu chữ hồng danh ‘Nam Mô A Di Đà Phật.’ Không luận lúc đi, đứng, ngồi, nằm, nói, nín, động, tịnh, mặc áo, ăn cơm, cho đến khi đại tiểu tiện, đều giữ chắc sáu chữ ấy nơi tâm (hoặc trì bốn chữ cũng được). Phải gắng làm sao cho mỗi niệm đều hiện tiền, toàn Phật là tâm, tâm Phật như một, niệm cho đến chỗ chí cực quên cả trần tình. Chừng ấy lòng không, Phật hiện, đương đời có thể thân chứng Niệm Phật Tam Muội, đến khi lâm chung sanh về Thượng Phẩm. Tu trì như thế có thể gọi là dùng hết công năng vậy. Đến như trong công việc hằng ngày, có mấy may điều lành và các công đức tụng kinh lễ Phật, đều đem hồi hướng vãng sanh. Như thế thì tất cả hành môn đều là trợ hạnh của Tịnh Độ, như gom cát bụi thành đất, hợp sông ngòi thành biển, sự sâu rộng sẽ vô cùng. Lại cần phải phát lòng Bồ Đề, thề độ chúng sanh, đem công tu hồi hướng bốn ân ba cõi và loài hữu tình trong pháp giới. Đó là rộng kết pháp duyên với tất cả chúng sanh, như lửa thêm dầu, mạ được mưa, làm cho thắng hạnh Đại Thừa của mình sớm mau thành tựu. Nếu không biết nghĩa này thì thành ra kiến chấp tự lợi của phàm phu, Nhị Thừa, tuy tu hạnh màu, cảm quả rất thấp kém. Dù rằng trong sự niệm Phật, tất cả thời, tất cả chỗ đều không ngại, nhưng cũng phải thường giữ lòng kính sợ, lại phải trọng tượng Phật như Phật sống, xem

Kinh Phật lời Tổ như Phật, Tổ đối trước mình thuyết pháp, không dám có chút khinh mạn nghi ngờ. Lúc bình thường niệm Phật hoặc thầm hay ra tiếng tùy ý, song những khi nằm ngủ, đại tiểu tiện, tắm gội, rửa chân và đi ngang qua chỗ không nghiêm sạch, đều phải niệm thầm, nếu ra tiếng tức là không cung kính. Nên biết, niệm thầm công đức cũng đồng như niệm ra tiếng. Tôi thường nói: muốn được sự lợi ích thiết thật trong Phật Pháp, phải tìm nơi lòng cung kính, có một phần cung kính thì tiêu một phần tội nghiệp, thêm một phần phước huệ; có mười phần cung kính, tiêu mười phần tội nghiệp, thêm mười phần phước huệ. Nếu không cung kính, tuy cũng gieo viển nhân, nhưng ác quả của tội khinh lờn thật chẳng thể tưởng nghĩ! Người tại gia đời nay trong khi đọc Kinh Phật đều phạm bệnh này, nên với kẻ hữu duyên, tôi thường nhắc đi nhắc lại mãi.

Niệm Phật cần phải nhiếp tâm niệm do tâm khởi, tiếng từ miệng ra, mỗi câu mỗi chữ đều rành rẽ, rõ ràng. Lại phải lắng tai nghe kỹ, in câu niệm Phật vào tâm. Nếu nhiếp nhĩ căn thì các căn kia không còn buông chạy theo bên ngoài, mới có thể mau được nhất tâm bất loạn. Đại Thế Chí Bồ Tát bảo: ‘Nhiếp cả sáu căn, tịnh niệm nối liền, được Tam Ma Địa, đây là bậc nhất’, chính là ý này. Đức Văn Thù nói: ‘Nghe vào, nghe tánh mình. Tánh thành đạo vô thượng’, cũng đồng một nghĩa trên đây. Rất không nên cho pháp Trì Danh là cạn cợt, rồi tu theo các pháp: Quán Tưởng, Quán Tượng, Thật Tướng. Trong bốn pháp niệm Phật chỉ có môn Trì Danh là rất hợp cơ, nếu giữ đến một lòng

không loạn, thì lý màu thật tướng toàn thể lộ bày, cảnh lạ Tây Phương hiện ra rõ rệt. Cho nên tức nơi Trì Danh mà chứng được thật tướng, không cần quán tưởng cũng thấy Tây Phương; một pháp Trì Danh chính là cửa màu vào đạo, con đường thẳng tắt đến quả Bồ Đề. Người đời nay phần nhiều không hiểu về giáo lý của pháp Quán, nếu tu theo Quán Tưởng, Thật Tướng, hoặc có khi bị ma dựa vào. Vậy tốt hơn là nên lựa hạnh dễ tu, cũng cảm được quả nhiệm màu, đừng học khéo thành vụng, cầu siêu trở lại bị đọa, thì đáng tiếc lắm!

Quyển Tịnh Độ Thập Yếu do Ngẫu Ích Đại Sư dùng mất Kim Cang, lựa lấy những đoạn hợp lý hợp cơ trong các kinh sách Tịnh Độ mà làm thành, đáng liệt vào bậc nhất. Tịnh Độ Thánh Hiền Lục ghi chép những hạnh nguyện trong nhân, công đức trên quả của Phật A Di Đà cùng các vị Bồ Tát: Quán Âm, Thế Chí, Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ. Kế đó lại ghi việc tự tu dạy người của các bậc Tổ Sư, thiện tri thức, như ngài Huệ Viễn, Trí Giả, cùng những sự tích vãng sanh của bốn chúng và hàng vua, quan, sĩ, thứ, phụ nữ, người tội ác, loại súc sanh. Trong ấy có phụ vào những ngôn luận thiết yếu, khiến cho người xem có chỗ nương tựa, không còn nghi ngờ. Đọc quyển này, có thể lấy người xưa làm thầy, mà gắng tu tịnh nghiệp, so với sự đi tham hỏi các bậc tri thức, lại càng thân thiết hơn. Bộ Long Thơ Tịnh Độ Văn phân loại về các môn tu trì, cạn lời khuyên tỏ, khiến cho người dứt nghi sanh lòng tin, là một pho sách rất hay để dẫn dắt kẻ sơ cơ. Ba thứ trên đây và Vô Lượng Thọ Kinh Sớ, Quán Kinh Tứ Thiệp Sớ,

cộng lại là năm, trước kia tôi đã nói với thầy Phước Nghiêm thỉnh giùm gửi đến, không biết nữ sĩ có được chẳng? Nếu không, xin hồi âm, tôi sẽ cho nhà bưu cục gửi tặng. Được mấy thứ sách ấy, có thể biết đủ các nghĩa tông Tịnh Độ, dù không xem khắp các kinh cũng chẳng hại gì! Nếu không rõ pháp môn Tịnh Độ, giả sử có hiểu sâu ba Tạng Kinh, ngộ suốt tự tâm chẳng nữa, muốn thoát vòng sanh tử, còn trải qua không biết bao nhiêu đại kiếp mới làm tròn bốn nguyện. Niệm Phật như thuốc A Đà Đà trị hết muôn bệnh, pháp môn kỳ diệu như thế mà không biết, há chẳng đau tiếc lắm ư? Biết mà không tu, và tu mà không chuyên tâm gắng chí, lại càng đáng đau tiếc hơn nữa!

Người nữ ra khỏi nhà có nhiều chướng duyên, hưởng chi thêm sự độ dụng khó khăn, lại càng bất tiện. Nếu là người nam xuất gia làm tăng, còn phải vào thiền đường học nghi tắc cho biết quy củ nhà chùa, rồi đi du phương mới không trở ngại. Chẳng thế thì cả mười phương tông lâm, không ở chỗ nào được. Việc thọ giới đối với nữ nhơn, như người gia tư đầy đủ có thể tự chủ, cũng nên đi đến chùa xin thọ, bằng không dư giả, hà tất phải cố định như thế! Chỉ cần một lòng tha thiết chí thành, đối trước bàn Phật sám hối bảy ngày, tự thệ xin thọ giới. Sám hối đến ngày thứ bảy xong, quì trước Phật xướng rằng: ‘Đệ tử là Phước Hiền thề thọ năm giới, làm mãn phần Ưu Bà Di. (Ưu Bà Di dịch là Cận Sự Nữ, mãn phần là giữ trọn năm giới). Thề suốt đời không giết hại, suốt đời không trộm cắp, suốt đời không dâm dục, (nếu có gia đình thì nói không tà dâm), suốt đời không

nói dối, suốt đời không uống rượu.’ Nói như thế ba lần, tức là đắc giới. Điều cần yếu là phải hết lòng thọ trì, thì công đức sánh với sự cầu chư tăng truyền giới cho vẫn không hơn kém. Chớ nên nghi rằng thọ giới như thế không đúng pháp, phải biết cách thức trên đây là do theo thánh huấn của Như Lai trong Kinh Phạm Võng. Ở Phổ Đà, mùa thu không có truyền giới, chỉ truyền vào khoảng thượng tuần tháng giêng đến mười chín tháng hai thôi. Nhưng rất mong nữ sĩ ở yên nơi nhà tu tịnh nghiệp đừng bôn ba sương tuyết đến đây làm chi. Nếu còn chấp trước không đổi ý, ấy là chẳng biết điều hay dở, đã hại sự thanh tu của chính mình, lại phụ lời thành thật của lão tăng này nữa. Tôi muốn cho nữ sĩ hiện đời thành tựu đạo nghiệp, quyết không có ý chi làm ngăn trở pháp duyên, xin nghĩ kỹ sẽ tự rõ. Đến như việc không được xuất gia ý muốn quyên sinh, xét ra chí nguyện tuy có mãnh liệt, nhưng tâm niệm ấy thật là si cuồng. Giữa thời mạt pháp này, kẻ chơn tu rất ít, mấy ai là bậc hạnh giải cao siêu kham làm thầy dẫn dắt cho người? Nữ sĩ chỉ biết xuất gia làm ni là giải thoát, nhưng chưa rõ nhiều nỗi chướng ngại của ni tăng. Và, cũng đừng tưởng rằng quyên sinh là rảnh nợ đời đâu? Một khi chết rồi, thần thức sẽ bị nghiệp lực dẫn dắt đi đâu thai, còn e do tâm niệm phẫn uất ấy, bị sa đọa vào loài bàng sanh, muốn trở lại làm thân người nữ cũng là việc cầu may khó được. Dù cho lại được làm thân người nữ, hoặc thân nam, hay là thân vua chúa cõi người, cõi trời, đâu có bảo đảm còn gặp Phật Pháp mà tu hành? Và đâu chắc rằng ở trong Phật Pháp lại hân

hạnh gặp môn Tịnh Độ là một pháp hiện đời vượt thoát vòng sanh tử? Dù có gặp được nữa, cũng đâu bằng bây giờ cứ nhẫn nại yên sống mà tu trì, đợi đến khi hết báo thân liền sanh về cõi Cực Lạc? Tôi đã cạn lời khuyên nhắc, thử hỏi từ trước đến nay có ai vì nữ sĩ chỉ rõ sự lợi hại ấy chẳng? Nếu không y như lời lão tăng, tức là phụ ơn dạy bảo, sự khổ về sau sẽ còn gấp bội hơn ngày hôm nay nữa!

‘Đường đạo tuy bằng song khó dắt. Phải do nơi kẻ quyết lòng đi.’ Vậy nghe cùng không, nữ sĩ tự nên suy xét. Xin nhờ đem những lời trên đây chuyển lại cho trình nữ Phước Liên được biết.

Thơ gởi Đê Nhàn Pháp Sư

Ấn Quang từ lúc mới xuất gia liền tin pháp môn Tịnh Độ, nhưng vì nghiệp chướng che lấp, trong hai mươi năm nay, ngày luống qua ngày. Nghĩ những thẹn khi tự thấy miệng tuy niệm Phật, song lòng không nhiếp đạo! Gần đây, nhờ ơn Pháp Sư khuyên nhắc, xin thề không dám để phụ tấm lòng chiếu cố, xót thương. Chỉ khổ nỗi hôn trầm, tán loạn thay nhau đánh đổ, đạo lực không thêm được chút nào, lối cũ vẫn còn nguyên dấu cũ. Cho nên mỗi ngày tôi xem hơn mười tờ tịnh điển, mong nương theo ngôn hạnh sáng suốt của người xưa để phát lòng thẳng tắn.

Pháp môn Bảo Vương Tùy Túc, tôi thử dùng thì thấy vọng niệm không còn sôi nổi như lúc trước, tưởng rằng lâu ngày chắc cũng có lúc được nhìn cảnh mây tạnh trời trong. Tôi tra trong Lạc Bang Văn Loại và Thánh hiền Lục đều thấy có chép đoạn này, bỗng chợt hiểu pháp Thập Niệm mượn hơi nhiếp tâm của ngài Từ Vân là căn cứ ở nơi đây. Và, trong bộ Liên Tông Bảo Giám cũng có nói đến nữa. Như thế đủ thấy người xưa liệu biết cơ nghi đời mật pháp, nếu phi phương pháp này chắc khó nổi gia công, nên đã dự lập ra trước. Nhưng cổ nhơn ít ai đem môn Bảo Vương Tùy Túc để giáo hóa, vì thuở trước căn tánh người còn sáng lẹ, một khi phát lòng quả quyết, tự được nhất tâm. Đời nay, người chướng nặng căn độn như tôi, e đến chết cũng không được cảnh giới không loạn. Vì thế, tôi không

dám giấu sự dở riêng của mình, mong thỉnh ý nơi bậc cao minh; vậy có nên thực hành cùng chẳng, xin nhờ chỉ rõ? Tôi lại nghĩ: pháp này nhiếp cả Ngũ Đình Tâm Quán, nếu có thể theo hơi thở mà niệm, tức là gồm đủ hai môn: Sổ Tức và Niệm Phật. Nếu nhiếp tâm niệm Phật thì lòng tham nhiễm lần lần dứt tuyệt, sân hận không còn lấy lừng, khi hôn trầm tán loạn đã lui, trí huệ liền hiện mà phá luôn cả si mê nữa. Pháp môn nhiếp sáu căn của đức Thế Chí, theo ngu ý thì những người niệm Phật lơ là hiện thời, dường như chẳng nên dùng, vì nếu không lần chuỗi ghi số, họ sẽ trở thành biếng trễ. Khác hơn thế, những ai quyết tâm niệm Phật, nếu bỏ pháp này, nhất định khó thành Tam Muội.

Pháp Sư nương bản nguyện lợi sanh, tự mình tuy không dùng, nhưng cũng nên vì người thí nghiệm, để dạy kẻ hậu lai. Phép nhiếp sáu căn với bậc lợi cơ, trong một hai thất, quyết sẽ được không loạn. Dù cho hạng ngu kém như tôi, nếu cố gia công hoặc tám năm hay mười năm, tưởng may ra có thể được nhất tâm.

Thơ đáp một Cư Sĩ ở Vĩnh Gia

Người niệm Phật chẳng phải không thể trì chú, nhưng cần nên phân chủ, trợ cho rõ ràng, tự nhiên trợ cũng về chủ. Nếu lơ là xem đồng như nhau thì chủ cũng không thành chủ nữa! Chú Chuẩn Đề, Đại Bi đâu có hơn kém, nếu tâm chí thành, pháp pháp đều linh, tâm không chí thành, pháp pháp không linh. Một câu niệm Phật bao trùm đại tạng giáo, đầy đủ tất cả, vẫn không thiếu sót pháp nào. Bậc thông tông thông giáo mới có thể làm người chơn niệm Phật, và hạng ngu tối không hiểu chi, chỉ biết thành thật vâng lời, cũng có thể làm người chơn niệm Phật. Ngoài hai hạng này, chơn hay không đều do nơi mình gắng sức, tự xét có thực hành đúng giáo pháp cùng chẳng? Đến như tu Tịnh Độ, đã có ý quyết định không nghi, cần gì phải hỏi sự hiệu nghiệm của người khác? Dù cho cả thế gian đều không hiệu nghiệm cũng chẳng sanh một niệm nghi ngờ vì lời thành thật của Phật, Tổ có thể đủ làm bằng cứ. Nếu cứ hỏi sự hiệu nghiệm của người khác, tức là tâm còn do dự, chưa tin chắc lời của Phật, việc làm tất khó xong. Bậc anh liệt, quyết chẳng đến đổi bỏ lời Phật theo lời người. Những kẻ không chủ trương chỉ lấy sự hiệu nghiệm bên ngoài làm tiên đạo, thật là đáng thương xót!

‘Tùy Tự Ý Tam Muội’ là đường lối tu chung từ phàm đến thánh. Hàng sơ tâm Bồ Tát trong ấy nói, tuy gồm nhiếp tất cả phàm phu, song thật ra là chỉ cho bậc sơ trụ Bồ Tát ở Viên giáo, đã phát ba tâm chứng ba đức. Bậc này do phát lý tâm của chính nhân, chứng đức

pháp thân, phát huệ tâm của liễu nhân, chứng đức bát nhã, phát thiện tâm của duyên nhân chứng đức giải thoát, nên có thể hiện thân thập pháp giới ở trong mười phương quốc độ, khắp ứng các cơ mà làm việc cầu Phật độ sanh. Thế nên *sơ tâm* không phải chỉ riêng cho hạng phàm phu mới phát tâm tu hành. Cư sĩ thấy trong Kim Luân Chú nói về việc ngộ pháp Nhị Không, chứng lý Thật Tướng, liền vui mừng khắp khởi muốn đứng ra nhận lãnh, tôi e cho không khởi lạc vào lưới ma. Vậy xin chỉ rõ việc ấy ra đây, để cư sĩ hiểu biết, tránh sự sai lầm. ‘Ngộ pháp Nhị Không, chứng lý Thật Tướng’, chính là thân phận của hàng sơ tâm Bồ Tát đã nói trên. Pháp thức trong quyển ấy chỉ dạy, hạng phàm phu có thể y theo mà tu hành. Đến như về thân phận, dù cho bậc Thanh Văn đủ đại thần thông cũng không đảm đương nổi, huống là phàm phu? Lại, trong ấy mấy đoạn: ‘Không chỗ trụ sanh tâm, không trụ pháp bố thí, ba luân thể không, một đạo thanh tịnh, đều phát minh rất rõ.’ Tôi muốn đem những nghĩa này làm thành bài tụng cho người đọc hiểu được cương yếu, nhưng vì bận nhiều việc không được rảnh, để hẹn lại năm sau. Đến như chỗ nói: ‘Quán thân tức không quán chi cả, chỉ quán vô duyên’, vô duyên chính là nghĩa ‘không, không có tánh chi’ trong Tùy Tự Ý Tam Muội đã nói. Và, vì ‘không có chi’ nên không duyên vào đâu được. Nếu chẳng do nơi cội gốc này, chém một dao cho đứt đoạn, thì làm sao đứt được mối phan duyên?

Mấy lời trên đây tuy giản lược, song ý nghĩa rất rộng sâu. Xin thuật lại cho Từ Quân được rõ.

Thơ đáp một Cư Sĩ

(Phụ nguyên thơ)

(Bỉ nhân rất tin pháp môn Tịnh Độ, đã quyết định phụng hành, nhưng với hai chữ ‘Nguyện, Hạnh’ còn phải nhờ dạy bảo. ‘Nguyện cùng Hạnh nên đi riêng hay chung?’ Vấn đề này lâu nay tôi vẫn hằng thắc mắc. Xin chia hai phương diện để luận:

1. Nếu Nguyện và Hạnh riêng, thì trước khi niệm Phật phải phát nguyện cầu sanh, như đọc bài văn trong nghi thức Thập Niệm của ngài Từ Vân chẳng hạn, rồi sau mới niệm. Và, khi niệm Phật phải làm sao cho ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm, tâm và miệng như một, cứ như thế mà niệm mãi, tuyệt chẳng có ý nguyện cầu sanh. Ý theo phương pháp này mà niệm thì sanh về Thượng Phẩm. Đây là căn cứ theo lời của ngài Triệt Ngộ Thiền Sư.

2. Nếu Nguyện và Hạnh chung, là trong khi niệm kiêm cả nguyện, thì tiếng cùng tâm phải tha thiết như trẻ thơ té xuống nước cầu cứu với mẹ. Đây là lời của ngài Ngọc Phong Thiền Sư. Lại, Kiên Mật Đại Sư cũng bảo: ‘Sáu chữ hồng danh, trong mỗi niệm đủ tâm ưa chán’, cùng với thuyết của ngài Ngọc Phong vẫn đồng.

So hai phương diện trên đây, thuyết thứ nhất dường như thiếu sự khẩn thiết trong khi niệm Phật, Ngẫu Ích Đại Sư đã bảo: ‘Cầu sanh Tịnh Độ toàn nhờ nơi tín nguyện, thiếu hai điều kiện này, dù niệm đến gió thổi không vào, mưa rơi chẳng lọt, chắc như tường đồng vách sắt, cũng không được vãng sanh.’ Thế thì nếu

theo thuyết thứ nhất, e khi niệm đến một lòng không loạn, cũng chưa đứng vững. Như theo thuyết thứ hai thì trong khi niệm Phật nơi tâm còn giữ chữ nguyện, sợ rằng dù lòng không loạn, cũng khó được thuần nhất. Gần đây, Sư Vi Vi ở Hàng Châu cũng tỏ sự lo ngại về việc ‘Nguyện Hạnh chẳng thể kiêm chẳng thể không kiêm’ như tôi.

Với hai thuyết trên, kẻ mạt học tối tăm này chưa biết giải quyết thế nào? Tưởng rằng bậc cao hiền chắc có lời luận xác đáng, xin vì người sau chỉ rõ bên bờ).

Pháp môn Tịnh Độ lấy Tín, Nguyện, Hạnh làm tông, như cái đánh có ba chân, thiếu một tất không đứng vững. Các hạ siêng tu Tịnh Nghiệp, với chữ *Tín* đã quyết định không còn nghi, đến như *Nguyện, Hạnh*, thì tự hồ có sự chấp kia đây đối đãi, nên không thể suốt thông dung hội. Vì thế, nơi pháp viên diệu không ngại bỗng tự sanh nhiều điều chướng ngại, khiến cho ánh trăng sáng muôn vàng của ngài Triệt Ngô, Kiên Mật, Ngẫu Ích, chỉ nhân một sợi tơ trước mắt mà thành ra cách phân. Thật cũng đáng tiếc lắm!

Người chơn niệm Phật, trong khi niệm vẫn đầy đủ ba món Tín, Nguyện, Hạnh. Như con nhớ mẹ, lúc cảm thương kêu gọi, quyết chẳng khi nào có tâm niệm không tin và không nguyện thấy bóng Từ Thân. Thế thì còn hỏi chi ‘Nguyện, Hạnh chung hay riêng’, còn nói chi ‘có Nguyện tâm khó thuần nhất’ và ‘chẳng thể kiêm chẳng thể không kiêm.’ Ấy là không việc mà thêm việc đó! Xem lời các hạ và luận điệu của vị tăng kia dường

như cả hai đều chưa biết thiết thật hành trì trong câu niệm Phật, không khác nào người chưa cất bước đi, đã vội nghĩ ngợi đến cảnh tượng lúc về nhà. Thế nên, với những pháp ngữ đối trị sự phân biệt của cổ nhân, trở lại càng thêm phân biệt! Thử hỏi: ‘Ngoài tâm không Phật, ngoài Phật không tâm’, chẳng khẩn thiết mà được như thế ư? Không tín nguyện mà được như thế ư? Lời của hai ngài Triệt Ngộ, Kiên Mật tuy có khác, song thật ra ý nghĩa vẫn giúp đỡ thành tựu lẫn nhau, các hạ lại nhận làm ‘Nguyện, Hạnh chung, riêng’ có thể gọi là thiếu con mắt trạch pháp đó! Đến như lời của Ngẫu Ích Đại Sư chính là món pháp dược để đối trị hạng người nương tựa Thiên Tông, niệm đức Di Đà tự tánh, cảnh Tịnh Độ duy tâm, không tu đúng theo tông chỉ của môn Niệm Phật, chỉ cầu được một lòng không loạn làm mức cuối cùng. Ấy là việc ngoài tông Tịnh Độ, sao các hạ lại dẫn ra so sánh với điểm tín nguyện đầy đủ của sự chơn tu, khiến cho đường lối lẫn lộn như thế?

Trên đây là ước về lý mà nói chung, nếu về sự, thì phát nguyện nên ở vào khoảng sớm, tối, khi niệm Phật xong. Lúc ấy, hoặc dùng bài văn ‘Tiểu Tịnh Độ’, như có đủ thời giờ, nên đọc bài Tịnh Độ Văn của ngài Liên Trì. Bài này lời ý đều đầy đủ, đứng đầu các bài văn Tịnh Độ xưa nay. Nên biết, đọc nguyện văn là y theo văn mà thật tâm phát nguyện, không phải đọc qua một lần là phát nguyện đâu! Trừ lúc phát nguyện sớm và tối, trong tất cả các thời khác chỉ hết lòng khẩn thiết niệm Phật mà thôi.

Thơ đáp Cư Sĩ Trần Huệ Siêu

Được thơ, biết cư sĩ lòng mộ đạo thâm thiết, tôi rất vui mừng! Nhưng vì duyên sự quá nhiều, thêm phải gấp giảo định lại bộ An Sĩ Toàn Thư, nên sự phúc đáp có phần chậm trễ.

Tâm tham, giận, mê người người đều có, song nếu biết đó là bệnh thì thế lực của nó cũng không đến nỗi lấy lòng. Ví như kẻ trộm vào nhà, nếu chủ nhân nhận lầm là người nhà, tất nhiên tài vật đều bị nó lấy hết. Như gia chủ biết đó là kẻ trộm, đuổi ngay liền tức khắc, thì trong nhà yên ổn, của cải mới được bảo toàn. Cổ đức nói: ‘Không sợ niệm khởi sớm, chỉ lo giác ngộ chậm.’ Tham, giận, mê dù có nổi lên, giác ngộ được, tâm ấy liền tiêu diệt. Trái lại, nếu an nhiên xem nó như người trong nhà, thì có khác nào nhận giặc làm con, bảo sao tiền của không bị hao mất?

Niệm Phật không thể khẩn thiết, vì chẳng biết cõi Ta Bà khổ lụy, miền Cực Lạc an vui. Phải nghĩ rằng: ‘Thân người khó được, trung quốc khó sanh, Pháp Phật khó nghe, môn Tịnh Độ lại càng khó gặp. Hiện thời, nếu ta không chí tâm niệm Phật, một khi vô thường đến, nhất định sẽ theo nghiệp ác nặng nề trong đời này hoặc kiếp trước mà đọa vào ba đường dữ, chịu sự khổ lâu dài, biết chừng nào mới được thoát ly?’ Thường nghĩ như thế, sẽ tự tỉnh ngộ, tha thiết. Và phải tưởng đến sự khổ nơi địa ngục mà phát tâm Bồ đề. Bồ đề tâm là lòng lợi mình lợi người. Khi phát tâm này, như đồ máy được

gấn điện, có năng lực rất mạnh mẽ mau lẹ, sự tiêu nghiệp chướng thêm phước huệ, những căn lành công đức bình thường không thể sánh kịp.

Bị cảnh xoay chuyển là do công tu hãy còn cạn cợt, nên khi trong lòng có sự giận mừng, nét xấu, đẹp liền hiện ra nơi mặt. Nếu chánh niệm nhiều, tự nhiên tất cả phiền não đều giảm nhẹ. Cho nên, người chơn tu tuy ở cảnh trần lao, hằng tinh chuyên rèn luyện, khiến cho nghiệp tập lần lần tiêu diệt. Ấy mới là công phu thiết thật, và như thế tâm sẽ được tự chủ, thoát khỏi sự chi phối do hoàn cảnh bên ngoài.

Người tại gia không theo chúng, sự tụng niệm đều tùy mình, hoặc ngồi, đứng, quì, đi nhiều quanh đều được, không nên chấp định một lối nào. Nếu chấp định, người sẽ dễ nhọc, tâm khó tương ứng. Nếu chăm chú theo sức khỏe, công phu của mình, lựa điều thích hợp mà làm, mới có lợi ích. Cứ theo lệ thông thường, thì trước nên đi nhiều quanh, kế đó ngồi, rồi sau quỳ. Như đi nhiều và quỳ thấy mỏi nhọc, nên ngồi niệm, ngồi lâu sanh hôn trầm, thì đi nhiều quanh bàn Phật hoặc đứng niệm, đợi khi hôn trầm tan mới trở lại ngồi. Khi niệm nên coi theo đồng hồ định thời, đừng lần chuỗi, vì lần chuỗi khó dưỡng tâm.

Thơ đáp Ly Ân Tầu

Vừa rồi Hải Thi Đạo Nhơn ở Gia Hưng có chuyển đến cho tôi phong thơ của các hạ. Xem xong, biết các hạ từ lâu đã gia công tu Tiên, chỗ sở đắc rất thâm, nay lại muốn hỏi môn Tịnh Độ là pháp cứu cánh trong đạo Phật. Ấy có thể gọi là người từ kiếp trước đã trồng sâu căn lành đối với Phật Pháp, nên không chấp theo sự câu kiến của thần Hà Bá, mà biết nghĩ tìm trong biển giáo, bến giải thoát hoàn toàn. Nhưng các hạ đã quen biết với Hải Thi Đạo Nhơn, sao không hỏi người, lại bỏ chỗ cao minh tìm nơi thấp kém, e rằng có phụ với sở vọng chăng? Hải Thi vốn là bậc kiêm thông tông giáo, gồm tu Thiền Tịnh, chính là chiếc thuyền đại nguyện trong biển sanh tử đó. Vì người quá khiêm tốn, nên lấy chữ *thi* tự đặt tên, thật ra nếu trong biển sanh tử mà gặp được cái tử thi ấy, quyết sẽ mau lên bờ giác, yên ổn trở lại quê nhà. Như thế chẳng hơn tìm hỏi Ấn Quang là kẻ dung tăng, đối với pháp môn kém phần hiểu biết hay sao? Nhưng các hạ đã tưởng lầm hỏi đến, tôi cũng xin tùy chỗ thiếu kiến đáp lại, hoặc may có thể vì người giải chút nghi ngờ chăng?

Thiết nghĩ trong thể đạo Phật, Tiên, vẫn đồng nguồn, nhưng về chi phái thật ra cách nhau xa khác. Đạo Phật dạy người trước tiên tu pháp quán Tứ Niệm Xứ, quán thân không sạch, thọ là khổ, tâm vô thường và pháp vô ngã. Khi được biết thân, thọ, tâm, pháp là không sạch, khổ, vô thường, vô ngã, đều giả dối như

mộng huyền, thì tánh chơn như sẽ tự hiện bày. Đạo Tiên ước về lúc chánh truyền ban đầu, cũng không chuyên chủ nơi sự luyện đơn vận khí để cầu trường sanh, nhưng người sau tu hành lại lầm cho đó là tông chỉ chơn chánh. Đạo Phật bao trùm tất cả pháp, chẳng những đối với vấn đề thân tâm tánh mạng, phát huy rõ ràng, mà các việc nhỏ của thế đế như hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ, cũng không bỏ sót. Duy về việc luyện đơn vận khí, trong Phật Pháp tuyệt không nói đến một chữ, lại còn răn cấm là khác nữa. Vì lẽ bên Tiên thì khiến cho người giữ gìn thân tâm làm chân thật, bên Phật lại chỉ rõ thân tâm vốn giả dối, theo duyên sanh diệt, không phải là bản hữu chân tâm. Phép luyện đơn chẳng phải không bỏ ích, song chỉ có thể làm cho người sống lâu, nhẫn đến thành Tiên sanh lên trời, nếu nói về sự giải thoát luân hồi thì vẫn còn là việc mộng. Các hạ đã biết Tiên có số kiếp, Phật thọ không cùng, thì trong lúc tuổi cao này, phải chuyên tâm gắng sức nơi pháp môn Tịnh Độ. Việc tham học thiền, giáo, nên giản lược qua, bởi các pháp ấy rộng lớn sâu xa không dễ gì nghiên cứu, dù tìm đến chỗ cùng cực, cũng phải trở về môn Niệm Phật mới có thể trong hiện đời giải quyết được sự sanh tử. Phàm những kinh luận về Tịnh Độ, các hạ phải gấp gấp tìm xem, y theo đó thực hành, tin chắc lời của Phật, Tổ, không nên vì chỗ mình chưa hiểu đến vội đem lòng nghi. Nếu có thể đầy đủ cả Tín Nguyện Hạnh, tự nhiên sẽ được nhờ sức từ của Phật tiếp dẫn về Tây Phương. Một khi đã vãng sanh thì gần đức Di Đà, bạn cùng hải chúng, lần lần chứng quả vô

sanh, lên ngôi Bồ Xứ. Chừng ấy nhìn lại việc thành Tiên làm kẻ tùy thuộc cho Thiên Đế, sánh với địa vị hiện tại, thật cách nhau như vực thẳm trời xa!

Quyển Mộng Đông Ngũ Lục và các thuyết của Bành Thiệu Thăng mà các hạ nói, chắc là sự trộm văn sửa đổi của nhà luyện đơn, không phải chính thật trong nguyên thơ. Bởi nhà luyện đơn cũng có kẻ cho ngồi vận khí là tham thiền, nên mới nói ‘niệm Phật cùng tham thiền đồng, chỉ hơi khác với đạo pháp.’ Câu ‘chỉ hơi khác với đạo pháp’, chính là bên đạo gia thêm vào. Trừ câu này ra, toàn văn tuy nghĩa lý không quá sai lầm, nhưng vẫn lúng củng mơ hồ. Trong Mộng Đông Ngũ Lục tuyệt không có văn này, ấy là do nhà luyện đơn trộm lấy văn nghĩa biên chép ra, sự thật chính họ cũng không hiểu nữa. Nhưng nay chẳng cần biện rõ việc ấy làm chi, xin tìm xem quyển Mộng Đông Ngũ Lục sẽ tự biết. Đến như chỗ họ dẫn những lời của Bành Nhị Lâm cư sĩ cũng đồng với việc trên đây, song sự sai lầm lại càng nhiều hơn. Đoạn nói: ‘Bốn chữ A Di Đà Phật dễ niệm, chỉ cần mỗi niệm nối nhau một lòng không loạn, mới có thể nhất khí tuần hoàn. Chừng ấy tinh khí thần gom lại một chỗ, lâu ngày thành xá lợi tử, lâu nữa kết làm bồ đề châu mà thành Phật.’ Trên đây là đem pháp niệm Phật làm phép luyện đơn. Nhị Lâm cư sĩ quyết không nói những lời ấy. Đó là do hạng chánh nhãn chưa mở, nên lấy chánh làm tà. Máy quyển Huệ Mạng Kinh, Tiên Phật Hiệp Tông của họ viết ra, sự sai lầm lại càng quá lắm. Hạng người tà ngụy ấy dẫn lời của người, cải đầu sửa đuôi để chứng minh cho lý thuyết mình.

Tội trạng khinh miệt chánh lý, vu khống bậc tiền hiền, mê hoặc người đời của họ thật không bút mực nào tả ra cho xiết! Những kẻ đó chỉ cầu hư danh trong một thời, đầu dè về sau phải chịu nhiều sự khốn khổ, nên đức Như Lai gọi là hạng người đáng xót thương!

Đến như chỗ luận về pháp ‘hồi quang phản chiếu’, tuy không đến đổi trở ngại, song câu ‘hai mắt chăm nhìn đầu ngón tay’ chắc có lẽ dẫn làm câu ‘hai mắt chăm nhìn nơi chót mũi.’ Hoặc khi đó là cách thức của Nhị Lâm cư sĩ lập ra, nhưng chấp tay lâu không khỏi mỏi nhọc, đầu bằng quán ánh sáng trắng nơi chót mũi được tự tại an vui hơn? Bởi người mới tập định, niệm khó quy nhất, nếu thường quán nơi chót mũi thì tâm không còn chạy theo cảnh bên ngoài. Đây là pháp quán thiển cận của kẻ sơ cơ vậy. Quyển Mộng Đông Ngữ Lục do cư sĩ Tiền Y Am trích những đoạn chuyên chỉ Tịnh Độ trong bộ Mộng Đông Di Tập in ra, cho lưu thông ở phương nam, để giúp sự đòi hỏi của những người từ lâu mong mến bộ ấy mà không được gặp. Toàn tập ở Bắc Kinh mới đủ, phương nam duy có quyển lược bản của Tiền Y Am sao ra mà thôi. Quyển Ngữ Lục ấy lời lẽ tinh diệu, là một tác phẩm đứng vào bậc nhất từ ngài Ngẫu Ích và Tĩnh Am về sau. Với quyển này, nếu các hạ có thể đi đến cùng, tin chắc không nghi, quyết sẽ cảm được sen vàng nở trong ao báu, khi lâm chung thác chất nơi đó mà làm khách mới ở cõi Tây Phương. Quyển Di Đà Yếu Giải là cây kim chỉ nam của người tu Tịnh Nghiệp, kinh này ở phần đầu bộ Tịnh Độ Thập Yếu. Tịnh Độ Thập Yếu là thành phần của những

giáo pháp rất hợp lý hợp cơ do ngài Ngẫu Ích sưu tập trong các kinh sách Tịnh Độ viết ra, gồm có mười loại nên gọi là *Thập Yếu*. Đại Sư để quyển Di Đà Yếu Giải ở trước là tỏ ý tôn trọng kinh.

Xá Lợi, vốn tiếng Phạn, dịch nghĩa: thân cốt hoặc linh cốt, là kết tinh của sức tu giới định huệ, không phải do luyện khí thần mà thành. Đó cũng là biểu tượng của người tu đến cảnh tâm cùng Phật hiệp. Nhưng xá lợi chẳng phải chỉ do thịt, xương, tóc biến thành trong lúc thiêu thân, mà sự xuất hiện của nó có nhiều trường hợp khác nhau. Như thuở xưa có vị cao tăng đang khi tắm gội bỗng được xá lợi. Tuyết Nham Khâm Thiền Sư lúc cạo đầu, tóc Ngài biến thành một xâu xá lợi. Có kẻ chí tâm niệm Phật, xá lợi từ trong miệng vọt ra. Một người thợ khắc văn Long Thơ Tịnh Độ, xá lợi hiện trong bản cây. Có vị tín nữ thêu Phật, thêu kinh, được xá lợi dưới mũi kim. Lại có kẻ đi xa về, ngậm ngùi thương cảm tế lễ trước tượng, nơi tượng bỗng hiện ra xá lợi. Thiền Sư Trường Khánh Nhàn, khi tịch rồi thiêu hóa, nhằm lúc trời nổi gió lớn, khói bay xa ba bốn mươi dặm, khói đến chỗ nào nơi ấy đều có xá lợi, lượm gom lại được hơn bốn thạch. Thế thì biết xá lợi do đạo lực hóa hiện, nhà luyện đơn không rõ, lầm tưởng là luyện tinh khí thần kết thành. Bởi họ thấy những danh tướng trong Phật Pháp, không chịu tìm hiểu căn nguyên, vội đem phụ hội một cách sai lạc vào sự luyện đơn của mình. Chỉ nghe nói chứng quả bồ đề mới được thành Phật, chưa từng có việc luyện tinh khí thần, trước thành xá lợi tử, sau kết làm bồ đề châu mà

thành Phật bao giờ! Tánh và mạng của nhà luyện đơn nói, đều là lối tu chấp trước trên thần thức, sắc thân. Họ không hiểu lẽ ấy, trở lại chê đạo Phật chỉ tu tánh không biết tu mạng, đâu dè việc làm của họ chính là chỗ phá trừ bên Phật giáo. Về việc này, các hạ tìm xem đoạn quán Tứ Niệm Xứ trong Kinh Phật sẽ tự rõ.

Bồ Tát Quán Thế Âm từ kiếp lâu xa về trước đã thành Phật, hiệu là Chánh Pháp Minh. Vì lòng từ bi sâu thiết, nên tuy ở cõi Thường Tịch, Ngài hóa hình nơi ba cõi: Thực Báo, Phương Tiện, Đồng Cư; tuy thường hầu cận đức A Di Đà, mà vẫn khắp hiện thân Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, Duyên Giác, cho đến thân lục đạo trong mười phương pháp giới. Những việc lợi ích, Ngài đều làm, chúng sanh đáng dùng thân nào được độ, Ngài hiện thân ấy mà nói pháp. Non Phổ Đà chính là nơi ứng tích của Bồ Tát. Vì muốn cho chúng sanh có chỗ bày tỏ lòng thành, đức Quán Thế Âm mới thị tịch tại núi này, đâu phải Bồ Tát chỉ ở Phổ Đà mà không ở những nơi khác ư? Như chỉ duy một vầng trăng trên trời mà bóng in khắp ngàn muôn sông hồ, từ biển cả cho đến giọt sương, những nơi có nước trong là có trăng hiện. Song nếu nước đục, bóng trăng sẽ mờ khuất. Tâm tánh ta ví như nước, nếu chúng sanh một lòng chuyên niệm đức Quán Thế Âm, Bồ Tát liền dùng đủ cách thuận, nghịch, ẩn, hiển, khiến cho được lợi ích. Trái lại, nếu không chuyên nhất, tức là nước tâm lờ đục, tất nhiên khó mong nhờ Ngài cứu độ. Nghĩa này rất thâm, xin xem đoạn ‘Phổ Đà Sơn Chí’, trong bộ Văn sao của tôi sẽ tự rõ. Bồ Tát khi còn ở trong nhân, do quán tánh nghe

mà chúng viên thông, lúc ở trên quả, do quán tiếng chúng sanh xưng danh hiệu mà tìm đến cứu độ, nên gọi là Quán Thế Âm. Lại, Bồ Tát đạo pháp rộng lớn không ngần, tùy theo căn tánh của tất cả chúng sanh, nói đủ pháp để giáo hóa, không riêng lập một môn nào, nên pháp môn của Ngài gọi là Phổ Môn.

Trên đây là việc thiển cận, vì các hạ chưa nghiên cứu đến, nên không rõ. Tôi cũng tùy lời hỏi mà đáp, thật ra đó không phải là môn Tịnh Độ, một giáo pháp có thể đem lại cho các hạ sự ích lợi hoàn toàn. Nhưng nếu nói rõ việc ấy ra đây, lại e lòng dòng thêm phí giấy mực. Các hạ nên thỉnh Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Quán Vô Lượng Thọ, Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, Triệt Ngộ Ngũ Lục mà xem, sự lý tu chứng thế nào, trong ấy có nói đủ tất cả.

Thơ đáp Cư Sĩ Phạm Cổ Nông

Pháp môn Tịnh Độ lấy Tín, Nguyện, Hạnh làm tông; Tín, Nguyện có rất sâu thiết, Hạnh mới được tinh cần. Khi tai họa gấp rút, siêng năng thành khẩn, lúc bình thường không việc, chậm trễ biếng lười, là sự tu hành không chí quyết, và đó cũng là bệnh chung của phàm phu. Nhưng sống trong tình thế hiện giờ, ví như người nằm yên trên đồng củi to, ở dưới lửa đã phát cháy tuy chưa đốt đến thân, trong giây phút khói lửa sẽ mịt mù, không phương trốn tránh. Nếu còn lơ láo qua ngày, không chuyên chí cầu cứu nơi câu niệm Phật, sự thấy hiểu cũng là cạn kiệt lắm!

Trong Phật Pháp, tu về các môn khác, tất phải đến chỗ hạnh khởi giải tuyệt mới thật có ích, chẳng riêng gì pháp quán tưởng của Tịnh Độ Tông. Người tu thiền lấy một câu thoại đầu không nghĩa vị làm bốn mạng ngươn thần, để tất cả tâm trí vào đó, thường thường tham cứu chẳng kể ngày tháng, đợi đến khi tiêu hết tình kiến đối với cảnh trong ngoài, mới gọi là đại triệt đại ngộ. Đó chẳng phải là hạnh khởi giải tuyệt ư? Đức Lục Tổ bảo: ‘chỉ xem Kinh Kim Cang cũng được tỏ lòng thấy tánh.’ Đó chẳng phải là hạnh khởi giải tuyệt ư? Chữ *khởi* đây phải hiểu nghĩa là *cực*. Duy dùng sức cùng cực mới có thể quên cả thân tâm thế giới, lặng suốt một màu. Nếu công chưa cùng cực, tuy quán niệm, song vẫn còn có kia đây, toàn là việc của tình phàm, toàn là sự thấy hiểu phân biệt, đâu được chân thật lợi

ích? Cho nên người xưa khi tham thiền, đầu não như cây khô, do đó đạo phong truyền rộng khắp nơi, đời sau còn ngưỡng mộ. Sự lợi ích ấy đều do ở nơi một chữ *cực* mà thôi.

Người đời nay ưa nói suông, ít hay thực hành. Tu tịnh nghiệp phải gồm cả lý sự, mà sự lại càng nên chuyên hơn. Tại sao thế? Vì người thông hiểu lý, toàn sự đều lý, trọn ngày sự trì tức là lý trì. Kể chưa rõ lý, khi nghe nói lý trì, cảm thấy nghĩa ấy màu nhiệm, lại hợp với ý biếng trễ không thích phiền nhọc của mình, liền chấp lý bỏ sự. Đâu ngờ khi bỏ sự, lý cũng thành ra việc suông! Mong các hạ đem việc tu hành kiêm cả sự lý khuyên bảo mọi người, công đức sẽ lớn lắm!

Thơ đáp Cư Sĩ Ngô Hi Chân

Môn niệm Phật ước có bốn pháp: Trì Danh, Quán Tưởng, Quán Tượng và Thật Tướng. Tự trung, chỉ có pháp Trì Danh nhiếp cơ rất rộng, đã dễ tu lại không khởi các việc ma. Nếu muốn quán tưởng, phải xem kỹ Quán Kinh và hiểu rõ những lý: tức tâm là Phật, tâm tịnh Phật hiện, các cảnh đều duy tâm không nên chấp trước... Đã rõ cảnh không phải từ bên ngoài đến, không sanh chấp trước, thì cảnh càng nhiệm màu, tâm càng thuần nhất. Nếu được như thế, sự lợi ích của quán tưởng đâu phải kém nhỏ, tầm thường?

Trái lại, như cảnh quán chẳng thuần, lẽ đạo chưa thấu suốt, chỉ đem tâm vội gấp muốn thấy cảnh thì toàn thể là vọng, đã không được thông cảm với Phật, còn làm nhân cho việc ma. Bởi do gấp muốn thấy cảnh, tâm càng thêm vọng động, khiến cho oan gia nhiều kiếp về trước nhân cơ hội đó hóa hiện cảnh giới để làm cho hành giả mê lầm. Lúc ban sơ dụng tâm đã không chơn, đâu biết đó là cảnh ma hiện, nên vui mừng khắp khởi, tình niệm chẳng yên. Nhân đó, ma liền dựa vào làm cho mê tâm mất tánh. Chừng ấy dù có Phật hiện thân cũng không biết làm sao cứu độ!

Vậy cư sĩ nên lượng xét căn cơ mình, đừng quá ham việc cao xa, thành ra muốn lợi trở lại mang hại. Thiện Đạo Hòa Thượng nói: ‘Chúng sanh đời mạt pháp thần thức rối loạn, đem tâm thô quán cảnh nhiệm, quyết khó thành công.’ Cho nên đức Phật thương xót,

riêng mở môn Trì Danh, vì sợ có kẻ không khéo dụng tâm, lạc vào ma cảnh. Tu theo pháp Trì Danh rất dễ, chỉ giữ một niệm nối nhau sẽ được vãng sanh. Lại sự chí thành khẩn thiết cũng là phương pháp mau để trị tâm vọng và ma cảnh.

Cư Sĩ nên xét lại kỹ, và đem hết tâm lực cố gắng tu hành!

Thơ đáp Cư Sĩ Lưu Trí Không

Vừa rồi tiếp được thơ, biết người bệnh lâu mới lành mạnh, lòng rất vui mừng! Việc sống thác trọng đại, cơn vô thường chóng mau, tai nghe nói đến tuy kinh sợ, song không thống thiết bằng tự thân đã từng trải những giờ phút gần kề cảnh ấy. Vậy người nên phát lòng đại Bồ Đề, đem tình cảnh mình khuyên trong thân quyến, bạn bè, và người có duyên thì sự lợi ích mới được rộng.

Trong thơ nói: vì niệm Phật mau gấp nên mới lao hơi, đó là tại người không khéo dụng tâm. Niệm Phật phải tùy sức mình, hoặc niệm thầm hay ra tiếng, niệm lớn hay nhỏ đều được, sao lại cứ một mặt niệm to tiếng, để đến đổi lao hơi thành bệnh như thế? Bệnh nặng của người tuy bởi nơi thương khí mà ra, song kỳ thật là do sức nghiệp từ vô lượng kiếp đến nay phát hiện. Bởi người niệm Phật tinh tấn, nên mới chuyển hậu báo làm hiện báo, đổi quả nặng thành quả nhẹ, chớ nên vì đó mà thối chí, nghi ngờ. Một cơn bệnh ấy, đã tiêu không biết bao nhiêu kiếp số những tội ác đáng lẽ phải đọa vào tam đồ. Thế mới biết sức Phật khó nghĩ, ơn Phật khó đền, nên sanh lòng vui mừng, hổ thẹn và càng thêm tin tưởng. Từ đây, phải siêng năng tu hành, đem môn Tịnh Độ khuyên người, khiến cho những kẻ thân sơ đều được sanh về Cực Lạc. Ấy mới không phụ ơn đức Phật đã dùng cơn bệnh thức tỉnh và chuyển trừ tội chướng cho mình.

Non Phổ Đà không cần đến làm chi, vì tiền đi về tốn kém nhiều. Ở nhà niệm Phật công phu dễ tiến, lại khỏi phí của tiền sức khỏe. Như thế có phải tiện lợi hơn không?

Thơ đáp Cư Sĩ Châu Trí Mật (1 - 3)

☪ 1 ☪

Được thơ, biết người sanh lòng tin, muốn quy y Phật Pháp. Song, quy y Tam Bảo phải dứt điều ác, làm việc lành, gắng giữ trọn luân thường, phát lòng tín nguyện cầu sanh về Tây Phương. Lại phải có lòng thương xót hộ sanh, đừng giết hại, và trì lục trai hoặc thập trai. Nếu chưa có thể dùng thanh đạm trọn đời, cũng chớ nên quá tham trong sự ăn uống. Như thế mới không trái với tâm từ bi của Phật. Người tên Châu Mộc, vậy nay ta đặt cho pháp danh là Trí Mật. Bởi tâm tánh ví như cây, do lửa phiền não thiêu đốt nên cây ấy héo khô. Nếu có trí huệ thì phiền não không sanh, và cây tâm tánh tự nhiên tốt tươi thành mật.

Muốn thọ năm giới, trước nên xét lại tâm mình, như có thể giữ được mà không phạm, thì hỏi cư sĩ Hóa Tam về cách tự thọ giới trước bàn Phật, y sẽ chỉ lại cho. Đã quy hướng Phật Pháp, phải xem kỹ Văn Sao của ta, y theo thực hành, mới không bị kẻ dung thường làm mê hoặc, khiến cho sanh tâm cầu phước báo đời sau, hoặc mong thành Tiên rồi tu pháp luyện đờn vận khí. Nếu có thể lãnh hội ý nghĩa trong bộ Văn Sao, thì dù có trăm ngàn ngoại đạo cũng không thể lay chuyển được tâm người. Chớ cho rằng bộ ấy không đủ y cứ, phải biết những lời trong đó đều do theo ý nghĩa Kinh Phật, hoặc thành ngôn của các bậc Tổ Sư, thiện tri thức mà thuật lại, không phải tự ta bịa đặt viết ra.

Nên nhận xét kỹ, sự lợi ích sẽ được nhiều.

☸ 2 ☸

Người ý chí rất kém, tâm lại quá cao, tuy nói vâng lời ta, thật ra toàn là y theo thiên kiến của mình. Trong môn Tịnh Độ, lòng tin là cội gốc. Tin được chắc, kẻ phạm tội ngũ nghịch thập ác đều có thể vãng sanh; tin chưa vững, bậc thông tông thông giáo còn hoặc nghiệp cũng không duyên phận. Người đã chẳng phải là bậc thông tông giáo, có thể nương sức mình trừ hoặc nghiệp để khỏi sanh tử, lại không tin nơi sức Phật và công đức của tự tánh đều không thể nghĩ bàn, thì làm sao để giải thoát? Phải biết, nếu đủ tín nguyện sâu thiết cầu về Tây Phương, không người nào chẳng được vãng sanh. Niệm Phật là pháp tròn tất mau lẹ để thoát nẻo luân hồi; với sự hướng thượng của môn này, người còn chưa biết, lại sanh lòng háo thắng đi nghiên cứu Khởi Tín Luận! Luận Khởi Tín tuy là cương yếu của Phật Pháp, nhưng khó đem sự lợi ích cho người căn tánh kém và kẻ sơ cơ. Dù cho nghiên cứu Luận Khởi Tín được thông suốt không còn nghi, đến khi dụng công lại phải y theo pháp niệm Phật cầu sanh mới là ổn thỏa. Nếu nói về lý giải, lại còn có những nghĩa của pháp tướng, thiền, giáo rất nhiệm màu, người làm sao thông suốt cho hết được? Tâm người cao như thế, mà không biết hạn lượng sự cao theo sức mình! Người tự cho rằng ‘căn tánh hèn kém, khó mong sanh về Tây Phương, chỉ cầu không đọa tam đồ cũng vui lòng’, đâu biết nếu

chẳng được vãng sanh, tương lai sẽ bị đọa vào ác đạo? Quan niệm ấy đã không hợp với giáo huấn của Phật, lại trái lời khuyên bảo của ta, mà gọi: ‘vâng theo thực hành, một lòng niệm Phật’, là thế nào?

Nay người chức nghiệp tầm thường, tư cách chưa phải là bậc cao thượng, sự lập chí như thế, thật khiến cho người đáng than thở và buồn cười? Nên dứt hẳn mối cao vọng cầu làm bậc đại thông gia ấy đi, rồi chuyên tâm nghiên cứu các kinh sách Tịnh Độ và xem lại mấy bức thơ ta gửi cho Cao Thiệu Lân, Từ Nữ Sĩ trong Văn Sao, y theo đó thực hành. Chớ nên vì mình căn tánh hèn kém mà nâng cao sự vãng sanh, để việc ấy ra vòng ngoài. Phải dùng câu niệm Phật làm bốn mạng ngươn thân, tùy lúc động tịnh đều nắm chắc đừng buông bỏ. Lại, những tâm niệm, hành vi phải giữ sao cho hợp với tông chỉ: dứt các điều ác, làm những việc lành. Ngoài ra, nếu có sức dư, không ngại gì tụng trì kinh chú, nên lấy sự chí thành làm cội gốc, đừng gấp muốn suốt thông nghĩa lý. Nếu trước vội muốn thấu hiểu, chẳng chuyên nơi sự tụng niệm chí thành, dù có thấu hiểu cũng không thật ích, hướng chi khó thấu hiểu ư? Đến như các môn pháp tướng, thiền, giáo, nghiên cứu trọn đời cũng khó nắm được chỗ quy thú, dù được, còn phải dứt sạch hết hoặc nghiệp mới thoát khỏi luân hồi. Nói đến việc này, e rằng mộng không thành mộng đó thôi! Bộ Văn Sao của ta, người xem chưa kỹ, nên lời nói ra, cao thì tới mây xanh, thấp lại tận đáy biển thẳm. Trong ấy, luôn luôn nhắc đến những kinh sách nên xem, cách thức xem như thế nào, và sự khó được lợi ích của

các môn pháp tướng, thiền, giáo. Sở dĩ có sự khó dễ vì pháp môn Tịnh Độ nương nhờ sức từ của Phật, các pháp môn khác chỉ dùng sức mình. Những môn kia đều là giáo lý thông thường, như sĩ phu trong đời do tài đức mà làm quan cao thấp. Môn Tịnh Độ là giáo lý đặc biệt, như thái tử mới sanh đã tôn quý hơn quần thần. Vì thế, hai bên không thể sánh nhau, mà phàm phu nghiệp chướng vẫn nhiều, há chẳng dè dặt trong sự lựa chọn pháp môn để tu hành ư?

Người đã tự nhận năng lực kém hèn, kiếp người có hạn, sao còn mãi theo cao vọng của mình? Việc ấy ta không ép, nếu người làm được bậc đại thông gia thì cũng hân hạnh cho Phật giáo, sợ e khi làm chẳng xong, môn Tịnh Độ lại chưa tin chắc, rồi ra hỏng mất cả đời. Giả sử đời nay có tu được chút ít công đức, kiếp sau nhất định sẽ lạc vào vòng phước báo của thế gian. Người thử nghĩ: người giàu sang đã mấy ai không tạo nghiệp? Như ngày nay vận nước nguy biến, dân chúng lầm than, đều do bởi ảnh hưởng phước báo của những người đời trước tu hành không trí huệ. Khi đã lạc vào kiếp sau, người làm thế nào bảo đảm được mình khỏi mê lầm, không đọa ác đạo? Nếu chẳng sanh về Tây Phương, một đời không đọa còn có thể, hai đời không đọa rất ít lắm đó!

卍 3 卍

Phật nói kinh chú rất nhiều, đâu có ai thọ trì cho hết được. Nên người xưa chỉ lựa những thứ cần yếu để

làm nhật khóa. Sớm thì tụng Lăng Nghiêm, Đại Bi, Thập Chú, Tâm Kinh, xong lại niệm Phật hồi hướng Tây Phương. Tối đến tụng Kinh Di Đà, văn Đại Sám Hối, Mông Sơn, rồi niệm Phật hồi hướng. Hiện nay các chùa đều bớt công phu, thời mai chỉ tụng Lăng Nghiêm, Tâm Kinh; thời hôm tụng Kinh Di Đà, văn Mông Sơn, cách ngày lại tụng Kinh Đại Sám Hối, Mông Sơn. Người nói nghi nhật tụng trong tông lâm kinh chú rất nhiều, đó là những thứ phụ lục ngoài hai thời khóa. Người cư sĩ tại gia có thể y theo thời khóa của nhà thiền, hoặc tùy ý mình lập riêng. Như sớm tối đều tụng Kinh Di Đà, chú Vãng Sanh, niệm Phật; hoặc sớm tụng chú Đại Bi, niệm Phật, tối tụng Kinh Di Đà, chú Vãng Sanh, niệm Phật, hay trì Kinh Kim Cang cũng được. Nhưng không luận tụng niệm kinh chú chi, đều phải niệm Phật hồi hướng, mới hợp với tông chỉ tu Tịnh Nghiệp.

Những điều người bày tỏ, tuy cũng là ý tốt, song thật ra không có chủ định, chỉ theo hoàn cảnh đổi dời. Kinh nào, chú nào, lại chẳng ngợi khen công đức thù thắng? Theo quan niệm của người, tụng kinh này sẽ mất kinh kia, trì chú này tất buông chú nọ, bỏ hết nghĩ tiếc uống, tụng trì cả sức lại không kham. Như thế có được gọi là người chơn tu hiểu lý hay chẳng? Suy rộng ra, nếu người gặp nhà tu Thiền khen pháp Thiền, bác Tịnh Độ, cũng bắt chước họ tham thiền; cho đến các môn khác như: Thiên Thai, Mật Tông, Pháp Tướng, Hiền Thủ, mỗi khi gặp bậc tri thức đề xướng, tất người sẽ mất chủ định bỏ đây theo kia. Chẳng biết người căn tánh bậc nào, mà muốn thông suốt hết các pháp như

thế? Ta chỉ e cho người nghiệp sâu trí cạn, khi làm nhà đại thông gia không được, lại bỏ luôn cả pháp nương sức Phật vãng sanh của môn Tịnh Độ, để lúc lâm chung nếu chẳng đi đến vạc dầu lò lửa, quyết lạc vào bụng ngựa thai lừa! Giả sử may mắn không mất thân người chẳng nữa, lại do đời nay tuy có công tu song thiếu chánh trí, nên nhân đó hưởng được si phước, rồi tạo nghiệp ác, khi vô thường đến, cũng đi thẳng vào tam đồ. Chừng ấy muốn nghe tên trời, đất, cha, mẹ còn không được, huống nữa là biết pháp môn Tịnh Độ ư? Người xem Văn sao của ta hiểu như thế nào? Phải biết, một câu A Di Đà Phật, nếu trì niệm đến chỗ cùng cực, thành Phật còn có dư. Người cho rằng tụng Kinh Di Đà và niệm Phật, không thể diệt được định nghiệp hay sao? Phật Pháp cũng như tiền, tại người khéo dùng; người có tiền, làm việc gì lại không được? Nếu người có thể chuyên tu một pháp, cầu sự chi lại chẳng thành? Lựa là phải khẳng khẳng trì chú này tụng kinh kia mới được công đức như thế, ngoài ra không được những công đức khác hay sao? Nếu khéo thể theo lời ta, tự nhiên hiểu một việc rõ trăm việc; bằng chẳng thế, dù nói cho nhiều, tâm người cũng không chủ định, nào có ích gì?

Phàm phu ở trong mê, lòng tin không vững, nên thường có những việc khi tu hành khi tạo nghiệp, thoát tin tưởng thoát nghi ngờ. Đó cũng bởi lúc ban sơ người dạy không biết cách, nếu trước tiên đem việc nhân quả thiển cận chỉ bảo lần lần, thì đâu đến nỗi có sự mê lầm trái ngược như thế! Nhưng tội đã qua tuy rất nặng, nếu hết lòng sám hối sửa đổi, y theo sự hiểu biết chơn

chánh, chí quyết tu tịnh nghiệp, lợi mình lợi người, thì tội chướng tiêu mòn, tâm tánh sáng tỏ. Nên kinh nói: ‘Trong đời có hai bậc anh dũng, một là người không tạo tội, hai là kẻ đã tạo mà biết sám hối.’ Một chữ *hối* phải tự đáy lòng phát lộ, nếu không thật tâm ăn năn chữa cải, dù nói lảm cũng là thừa. Ví như người đọc phương thuốc mà không chịu uống, làm sao bệnh được lành? Nếu có thể y theo cách trị dùng thuốc, chắc chắn bệnh sẽ tiêu trừ, thân tâm yên ổn. Chỉ lo cho kẻ lập chí chẳng bền, thành ra cảnh một ngày phơi nắng mười ngày để lạnh, rồi cũng luống có danh suông, không phần thật ích mà thôi!

Thơ đáp Cư Sĩ Ưông Võ Mộc

(Phụ nguyên thơ)

‘Võ Mộc tôi niệm Phật đã mười năm, mới biết chút ít ý thú. Thiết nghĩ phương pháp chỉ dạy về môn Niệm Phật của các ngài Linh Phong, Mộng Đông và bộ Văn Sao của Tôn Sư, đại để đều là phương tiện lập thiết cho hạng ngu tối quê mùa. Như bọn chúng tôi, được thông hiểu chữ nghĩa, hay suy nghĩ tìm tòi, nếu cứ dùng phương pháp ấy, chắc không thể sanh về Tịnh Độ! Theo ngu ý, những người niệm Phật cầu vãng sanh, trước tiên phải biết: ‘niệm Phật đó là ai?’ Vì nếu thấy được chủ nhân ông, thì niệm Phật mới có chỗ dùng và sự vãng sanh mới có thể cầm vững! Chẳng riêng gì niệm Phật cần nên như thế, mà tụng kinh trì chú đều phải theo đường lối này. Người đời nay khi nói đến niệm Phật là bảo: phải niệm cho già giặn, tấm lòng như chết, mới có thể vãng sanh. Họ đâu biết, nếu không rõ ‘niệm Phật đó là ai?’, thì làm sao niệm được già giặn và tấm lòng như chết? Như thế, giả sử mỗi ngày đêm niệm đến mười muôn câu, đối với việc sanh tử có quan hệ gì? Có kẻ lại bảo: ‘Người xưa phần nhiều chuyên chú về trì danh, không tham cứu trong câu niệm Phật.’ Võ Mộc tôi nói: ‘Đó là việc sau khi tham cứu xong rồi của cổ đức, hạng sơ cơ không nên bắt chước theo.’ Người niệm Phật đời nay, mười phần hết chín không rõ ý chỉ ấy, thật đáng thương xót! Tôi thường thường cạn lời khuyên bảo, mà hàng cư sĩ có kẻ lại cho tôi là tà kiến nữa. Nghĩa mầu Phật Pháp chìm tối đến thế, nghĩ nên than thở, ngậm ngùi!

*Nay xin bày tỏ nỗi lòng, kính cầu Tôn Sư ấn
chúng và mong đem nghĩa ấy giải rộng thêm ra. Đó là
hạnh phúc của chúng sanh, đâu những riêng cho Võ
Mộc!*

Xem rõ ý trong thơ, riêng lòng xiết bao khen ngợi!
Các hạ có tâm rất tốt, muốn cho mọi người đều thấy
tánh bản lai, để sanh về phẩm sen bậc thượng. Quán
Kinh nói: ‘đọc tụng Đại Thừa, hiểu nghĩa thứ nhất, phát
lòng Bồ Đề, khuyên nhắc người tu’, âu là bản ý của các
hạ đó chăng?

Tuy nhiên, nói Pháp cần phải hợp cơ, nếu không
xét căn cơ, làm cho pháp được, thì đồng với kẻ dung y
dùng thuốc giết người. Nên biết hai tông Thiền, Tịnh,
cội nguồn vẫn một, song lối tu khác nhau, bên Thiền lấy
sự tánh bản lai làm tông, bên Tịnh dùng tín, nguyện,
niệm Phật cầu sanh làm yếu chỉ. Giả sử người đời là
bậc thượng căn, thì lời của các hạ thật có lợi vô cùng.
Nhưng xét lại, người thượng căn rất ít, kẻ trung, hạ quá
nhiều, nếu không dạy phát tín, nguyện cầu sanh, mà
bảo tham cứu câu niệm Phật, đó là điều hại lớn. Vì nếu
tham cứu được tỏ ngộ, vẫn là hân hạnh, song còn phải
phát thêm nguyện thiết để cầu vãng sanh. Như tham
cứu không thành, mà trong tâm thường giữ quan niệm
‘không biết niệm Phật đó là ai, chẳng thể vãng sanh’, thì
quyết khó cùng Phật cảm thông và được nhờ sự tiếp dẫn.
Người biết được ‘niệm Phật đó là ai’, chính là bậc đã tỏ
ngộ, thấy suốt chân tánh. Đời nay, tham cứu đến chỗ
đại triệt đại ngộ phỏng có mấy người? Đừng nói chi ai,

chính như các hạ cũng chưa từng đến địa vị ấy. Tại sao biết được? Vì nếu các hạ đã đến, quyết không khi nào dám nói những câu: ‘Ngài Linh Phong, Mộng Đông lập thiết để dạy hạng ngu tối quê mùa không biết niệm Phật đó là ai, chẳng được gọi là niệm già già, tấm lòng như chết dù cho mỗi ngày đêm niệm mười muôn câu, không quan hệ gì đến việc sanh tử, và người xưa chuyên chủ trì danh là việc sau khi tham cứu, kẻ sơ cơ chẳng nên bắt chước theo.’

Xét ra, tấm lòng các hạ thật muốn cho mình và người đều được lợi ích, song lời nói của các hạ, chính mình đã làm, lại khiến cho người lạc lầm. Từ đây xin chớ nói những lời ấy nữa, bằng chẳng thế, pháp môn rộng lớn độ khắp chúng sanh của Như Lai, sẽ bị các hạ vùi sâu, đóng kín, không được mở thông. Lỗi ấy đồng với tội khinh báng Phật, Pháp, Tăng, phải nên dè dặt! Chỗ thấy hiểu của các hạ, vì không khéo tùy căn cơ, đem pháp thượng căn khuyên mọi người tu tập, nên thành ra thiên chấp, sai lầm. Các hạ chẳng biết, lại cho mình hiểu đúng với nghĩa chân thật của Phật Pháp, cầu xin ấn chứng. Ấn Quang tuy hèn kém, đâu dám làm hứa nhận khen giúp theo, để chính mình và các hạ đều sa vào tội khinh báng Tam Bảo hay sao? Như cho lời của kẻ dung tăng này không đúng, xin cứ tùy ý mỗi người tự đi riêng đường lối là xong. Ấn Quang đâu dám ép kẻ khác bỏ sở kiến để theo ý hèn của mình. Chẳng qua vì các hạ hỏi đến, nên bất đắc dĩ phải thẳng lời dăng chút ngu thành đó thôi.

Rất hân hạnh mong nhờ sự xét nghĩ xa rộng.

Thơ đáp một Cư Sĩ ở Ninh Ba

Được thơ, biết cư sĩ siêng năng đối trị tập quán, song chưa có hiệu quả. Ấy cũng bởi cư sĩ không tha thiết vì việc sanh tử, chỉ đem ‘pháp môn vượt phàm lên thánh, dứt trừ hoặc nghiệp, thành tựu tịnh niệm’ làm việc lấy có bên ngoài. Duyên cố không được thật hiệu là tại chỗ đó! Phải thường xét nghĩ: ‘thân người khó được, pháp Phật khó nghe, môn Tịnh Độ rất là khó gặp. Nay ta đã may mắn được thân trượng phu, lại có phước duyên gặp môn Tịnh Độ, dám đâu đem ngày giờ hữu hạn để cho sắc, thanh, danh, lợi làm tiêu mòn hầu hết ư? Nỡ cam chịu mãi kiếp sống sông chết uống, rồi vẫn đắm chìm trong sáu nẻo, không biết chừng nào thoát ly đó ư?’ Lại phải đem một chữ *chết* dán trên đầu, khi gặp những cảnh không nên tham luyến, liền biết đó là vạc dầu lò lửa để làm khổ lụy cho mình, thì quyết không đến đổi như con sâu bướm bay vào đèn tự tìm lấy sự thiêu đốt. Lúc gặp những điều đáng làm, lại nghĩ đó là thuyền từ cứu khổ, tất không còn sứt sè trong việc nhân nghĩa, biếng trễ trên bước tu hành. Được như thế, cảnh trần cũng có thể làm duyên nhập đạo, đâu phải từ bỏ hết sự đời mới là tu niệm? Nếu tâm có chủ trương, không xoay theo hoàn cảnh, thì trần lao chính là giải thoát. Cho nên trong Kinh Kim Cang luôn luôn khuyên bảo chẳng nên trụ tướng; tuy phát tâm độ tất cả chúng sanh, song không thấy mình là người hóa độ, chúng sanh là kẻ được độ, cho đến dù chứng đạo cũng không

thấy có tướng thọ giả của quả Vô Dư Niết Bàn. Đó mới là người thật hành đạo Bồ Tát. Nếu trái lại, dù có độ sanh hay tu muôn công đức cũng không thể hợp với thật tướng như thừa, vì chẳng hiểu chúng sanh đương thể là Phật, trong tánh bình đẳng làm khởi tâm phân biệt, khiến cho sự lợi ích vô vi hóa thành phước hữu vi. Như thế làm sao thoát khỏi vòng ràng buộc của sắc tài danh lợi?

Người đời phải có bốn phận, nhưng ngoài phần việc của mình, chớ thêm điều chi vô ích. Nên để thời giờ ấy, tùy phần tùy sức tụng kinh niệm Phật, quyết chí cầu sanh Tây Phương. Đối với tất cả việc lành, hoặc ra của tiền, hoặc dùng lời để tán trợ, nếu không thì phát lòng vui theo, cũng có công đức. Và phải đem những điều này hồi hướng, phụ giúp cho sự vãng sanh. Như thuyền đã đi theo nước xuôi lại thêm chèo chống, chẳng là mau về bến hơn đó ư? Ba mươi tháng chạp là ngày cuối năm, nếu không có dự bị sẵn sàng trước, đâu thể tránh khỏi các tay chủ nợ? Giờ phút lâm chung chính là ngày ba mươi tháng chạp của một đời, nếu chưa đủ tư lương Tín Nguyện Hạnh, vẫn còn nghiệp ác tham giận mê, thì oan gia chủ nợ từ vô lượng kiếp đến nay, đều tới đòi hỏi lôi kéo. Đừng nói chi kẻ không biết pháp môn Tịnh Độ phải bó tay theo nghiệp thọ sanh, tức như người biết mà không thiết thật tu trì, cũng bị nghiệp lực lôi cuốn vào sáu nẻo, kiếp kiếp chịu luân hồi. Muốn cầu đường yếu thoát khổ, chỉ có mỗi niệm sợ chết và chết mà đọa vào ác đạo, thì câu niệm Phật tự

thuần, phẩm sen thành tựu, tất cả cảnh trần không thể cướp được chánh niệm.

Tâm Kinh nói: ‘Soi thấy năm uẩn đều không, vượt qua tất cả khổ ách.’ Năm uẩn bao quát thân tâm và ngoại cảnh, nếu thấy đó là không, thì chính nơi năm uẩn mà rời năm uẩn, chỗ nào không phải pháp môn đại giải thoát, cảnh giới đại Niết Bàn?

Thơ đáp Nhạc Tiên Kiều

Muốn trong hiện đời thật ích, phải y pháp môn Tịnh Độ, tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương, tất sẽ thoát đờng sanh tử. Nếu chẳng thế, đừng nói kẻ không được chơn truyền của Phật giáo không thể giải thoát, dù có được cũng tuyệt phần! Vì được chơn truyền là đại triệt đại ngộ không phải thật chứng. *Chứng* mới khỏi luân hồi, *ngộ* vẫn còn trong vòng ấy. Tu các pháp môn khác, đều phải dứt hoặc chứng chơn mới thoát sanh tử. Riêng môn Tịnh Độ, chỉ cần đủ tin sâu, nguyện thiết, trì danh hiệu Phật, dứt các điều dữ, làm những việc lành, gồm tu cả hai phần chánh trợ, quyết định sẽ vãng sanh. Hơn nữa, về phẩm vị còn được chiếm ngôi ưu thắng. Lại chẳng những người công hạnh tinh thuần quyết được sanh, mà kẻ phạm tội ngũ nghịch thập ác, khi sắp chết biết tỉnh ngộ, hết sức hổ thẹn, sợ hãi chí tâm niệm Phật vài câu liền mạng chung, cũng quyết được sanh. Bởi đức Phật lòng từ rộng lớn, chuyên lấy sự độ sanh làm bổn phận. Nếu kẻ nào biết một niệm quay về, liền được nhiếp thọ. Đó gọi là ‘nương nhờ sức Phật, đối nghiệp vãng sanh.’

Người đời mạt pháp, nếu tu các môn khác, không y theo Tịnh Độ, chỉ được phước báo ở cõi trời, người và gieo nhân giải thoát nơi kiếp lâu xa về sau mà thôi. Do bởi chúng sanh đời này không đủ sức dứt hoặc nghiệp, nên gốc sanh tử hãy còn. Như thế làm sao khỏi mọc lại mầm mộng sanh tử?

Thơ đáp Cư Sĩ Trương Văn Lôi

Quyển Nhập Phật Vấn Đáp có thể dẫn dắt kẻ sơ cơ khiến cho họ lần lần đi sâu vào giáo lý đạo Phật phát lòng tin chơn chánh. Nếu in ra đem biếu tặng để kết pháp duyên, thì công đức còn chi lớn hơn? Nhưng quyển ấy luận rộng về sự lý trong Phật giáo, tuy có nói đến pháp môn Tịnh Độ, thật ra chưa tỏ bày hết ý nghĩa của tông này. Nếu người đã có lòng tin, nên tìm xem các kinh sách Tịnh Độ. Như không đủ phương tiện để khảo duyệt nhiều, thì đọc kỹ một quyển Kinh Trung Kinh Hựu Kinh cũng được. Quyển này gom góp những yếu nghĩa của tông Tịnh Độ, chia thành môn loại rõ ràng, rất lợi ích cho kẻ sơ cơ. Nếu được xem, có thể đi thẳng vào chỗ nhiệm màu của môn Niệm Phật, đỡ tốn công nghiên cứu các kinh sách Tịnh Độ khác.

Phật Pháp tùy người mà lập, quyết không nên chấp theo quy củ thông thường, khiến cho trái với căn cơ và mất sự lợi lớn: một đời được liễu thoát. Vậy nên lượng theo căn tánh mình, tự sắp đặt nghi thức tu trì. Chú Vãng Sanh bằng Phạn Văn, học được rất tốt, song chớ nên sanh lòng phân biệt cho lối tụng xưa nay là không đúng. Nếu có quan niệm ấy, sẽ vướng thêm mối nghi ngờ đối với tất cả chú văn trong đại tạng, rồi nhận lầm rằng những bài ấy không hợp ý Phật. Nên biết thuở xưa các bậc tôn đức dịch kinh, chẳng phải là làm việc luống sông, chớ thấy lối dịch mới khác hơn, vội xem thường lối cũ. Hơn ngàn năm trở lại đây, người tụng

chú theo bản dịch cũ, được lợi ích biết bao nhiêu, đâu phải những người ấy đều không hiểu Phạn văn? Vậy học vẫn nên học, nhưng đừng sanh quan niệm hơn kém thấp cao, thì sự lợi ích tự nhiên không thể nghĩ bàn!

Phép trì chú cũng giống như cách tham câu thoại đầu. Tham câu thoại đầu, vì không thể giải nghĩa, nên dứt được tình phàm phân biệt, chứng vào tánh thiên chơn. Trì chú bởi không biết nghĩa lý, chỉ hết lòng thành khẩn tụng niệm, nên nghiệp chướng tiêu trừ, phước huệ to rộng. Những sự lợi ích ấy, không thể đem tâm tư nghĩ ngợi suy lường. Nghi thức lễ Phật không tiện lập riêng cho người có việc cần kíp, chỉ nên hết lòng thành khẩn, miệng xưng danh, thân cúi lạy, tưởng như Phật hiện ở trước là được. Sống trong đời kiếp trước, chúng sanh tranh đua giết hại lẫn nhau, nếu không có lá bùa hộ thân, chắc khó khỏi tai họa. Lá bùa ấy, chính là chí thành lễ niệm Phật A Di Đà. Lại, đức Quán Thế Âm Đại Sĩ bi nguyện rộng sâu, tìm tiếng cứu khổ, tùy cơ cảm liền ứng hiện, ngoài thời hôm sớm lễ Phật, nên thêm lễ niệm Đại Sĩ, tất sẽ được sự gia bị trong âm thầm, có thể đổi họa làm phước, gặp rủi hóa may mà chính mình không tự biết.

Trên đây là lời kể quê mùa ở phương ngoại vì người tri kỷ lập pháp cứu đời. Nếu nói rằng ‘vì tất cả thế gian’, chẳng phải là không thể được, chỉ e người đời không chịu y phương pháp thực hành, thì biết làm sao?

Thơ gởi Cư Sĩ Tạ Dung Thoát

Nơi quê hương của các hạ được biết pháp môn Niệm Phật, là do Lâm Giới Sanh thỉnh kinh sách Tịnh Độ đem về truyền bá. Nếu trong đời trước các vị cư sĩ không trồng căn lành đối với pháp môn ấy, thì đâu có thể lấy gương xưa làm thầy, sau khi nghe rồi liền sanh lòng tín nguyện, tự tu và khuyên người ư? Và, đâu có thể trong vòng không đầy mười lăm năm, đạo pháp lan rộng như thế ư?

Xét về thiên tư và cảnh duyên của các hạ đối với thời cơ pháp vận hiện nay, thì chỉ nên giữ năm giới để hộ trì Tam Bảo, truyền Tịnh Độ mà khuyên chúng vãng sanh, là hợp lý hợp thời và cần yếu hơn hết. Tại sao tôi lại nói như thế? Vì, các hạ tuổi đã hơn bốn mươi, căn tánh chưa phải là bậc thượng, nếu muốn nghiên cứu Tạng Kinh, tham hỏi hàng tri thức, e cho pháp môn quá rộng, ngày tháng chẳng nhiều, rồi khi trở tay không kịp, có sự ăn năn. Lại hiện nay tuy có bậc tri thức, song tặng chúng phần nhiều đều ô lạm, bạn đồng hạnh ít người (đồng hạnh: bạn giúp đỡ về phần tu tập, có thể khiển trách lẫn nhau, khiến cho đạo hạnh tiến thêm), nếu khi chí hướng thượng suy kém, tất sự biếng trễ cũng nương theo, khó bề gắng gượng. Như tôi năm hai mươi mốt tuổi, từ cha mẹ xuất gia, cũng có thể gọi là lập chí mạnh và phát tâm chơn. Nhưng đến nay tuổi đã năm mươi ba, mà bên tông bên giáo đều không sở đắc chi cả. Nghĩ tủi thẹn luyến phụ ơn mẹ cha, uống làm con đức

Phật! Song cũng may, đối với môn Tịnh Độ, khi mới xuất gia học Kinh A Di Đà, tôi đã sanh lòng tin, thật chưa nhờ bậc tri thức nào chỉ dạy. Vì lúc đó thầy thợ nghiệp và các vị tri thức chỉ chuyên về sự tham cứu, những lời khai thị đều phá môn Tịnh Độ. Tôi lượng biết sức mình, nên không lay chuyển theo ai, dù Phật, Tổ hiện thân cũng chẳng đổi ý, huống nữa là lời nói của bậc tri thức bên tông Thiên? Lại hiện nay, chánh yếu tà mạnh, việc hộ trì Phật Pháp, với tục thì dễ, với tăng lại khó. Nếu các hạ giữ chắc năm giới, chuyên niệm Phật, về phần tu thân lời và hạnh hiệp nhau, thì có thể truyền bá chánh pháp, làm lợi ích cho mọi người. Song chớ nên ở địa vị thầy mà tự cao, và thọ tiền của để lợi dưỡng. Phải đem lẽ chánh khuyên bảo những kẻ thân sơ, tất mọi người đều mến đức vâng theo lời. Đó gọi là: ‘sửa mình được chánh, tuy không bảo người cũng theo, như cỏ ở trước ngọn gió tất phải thuận chiều vậy.’ Lệnh lang không tin đạo Phật, cũng chẳng nên ép, đợi khi nào cảnh ngộ đẩy đưa khiến cho tánh thiên chơn phát lộ, chừng ấy chỉ dùng một lời nhắc bảo, tự nhiên tấm lòng của y sẽ phơi phơi hướng về chánh pháp, khó nổi cản ngăn.

Liên xã mới mở phải có quy tắc nhất định và thận trọng về việc cho người nữ dự vào. Chẳng nên bắt chước theo các nơi khác, thờ ơ không kiểm ước, để đến đổi một pháp vừa lập trăm mối tệ sanh theo, điều ấy rất cần yếu. Không cơ duyên được lẽ bái xá lợi và gần gũi tòng lâm, việc ấy có hại gì? Nếu khi thấy tượng Phật, tưởng như Phật sống, thấy Kinh Phật, lời Tổ, tưởng như

Phật, Tổ đối trước mình chỉ dạy, tấm lòng kính sợ không dám biếng trễ, tức là trọn ngày được thấy Phật và gần gũi các bậc Bồ Tát, Tổ Sư, thiện tri thức. Như thế, xá lợi và tòng lâm có thắm vào đâu? Về tập quán thô lỗ, đừng nói hàng cư sĩ, nếu người xuất gia mà không chơn tu, lại còn quá hơn thế tục. Muốn trừ bỏ tánh ấy, trước phải nhận rõ các pháp giữa đời đều là khổ, không, vô thường, vô ngã, hoặc nơ nhớp, thì ba ngọn lửa tham, giận, mê, sẽ dịu tắt lần. Nếu chưa dứt được, phải dùng lòng ngay thật, xót thương, nhẫn nhục, tha thứ mà đối trị. Thẳng hoặc còn chưa dứt, cứ tưởng rằng mình đã chết, thì bao nhiêu sự nóng bức đều hóa thành mát mẻ tươi nhuận. Kinh Báo Ân dạy phải lần lượt thọ giới, người xuất gia khi thọ giới cũng y theo thứ đệ: giới Sa Di, Tỳ Kheo và Bồ Tát. Nhưng người xưa thọ giới là phát tâm vì dứt sự sanh tử, trái lại, người đời nay phần nhiều đều muốn cho ra vẻ một vị đại tăng, đắc giới hay không, chẳng cần nghĩ đến. Vì thế, mấy ông sư thiếu học thiếu tu bên ngoài, đều là những người đã thọ qua ba đàn đại giới cả. Sự tệ đó do bởi vua Thế Tổ nhà Thanh bỏ độ điệt, bãi lệ thí tăng mà ra. Cho đến những kẻ xưng là thầy người, song chỉ cầu danh lợi, tham quyến thuộc, cũng xuất phát từ nguyên nhân ấy. Tôi e chư tăng ở quý địa không rõ điều này, bảo rằng độ người xuất gia là việc rất tốt, để cho hạng vô lại lẫn vào cửa Phật phá hủy chánh pháp, nên chẳng sợ tị hiềm mà nói thẳng ra.

Môn Tịnh Độ là pháp rất màu nhiệm, viên đốn nhất trong một đời thời giáo của đức Như Lai. (Viên đốn: một pháp đủ tất cả pháp là viên, hiện đời tu, hiện

đời giải thoát là đốn). Hạ phàm phu thấp kém đều được dự vào, bậc Đẳng Giác Bồ Tát cũng không thể vượt ra ngoài pháp ấy. Thật là con đường rất tắt để mau đi đến quả Phật cho thượng thánh hạ phàm. Chư Phật, chư Tổ đều dùng môn này làm chiếc thuyền từ để độ khắp tất cả chúng sanh. Đối với một pháp như thế mà chẳng sanh lòng tin, hoặc tin mà không chơn thiết, đó là người nghiệp chướng sâu nặng, không ưng được giải thoát, sẽ phải chịu khổ luân hồi không biết lúc nào ra khỏi. Khi đã ở trong vòng sanh tử, dù có được làm thân trời, người cũng gần gũi như lữ khách nghỉ nơi quán trọ. Trái lại, phần đọa vào ác đạo, thời gian rất lâu dài, như người ở yên nơi quê nhà. Mỗi khi tôi nghĩ đến điều này, bất giác cả sợ, nên chẳng nài mỗi nhọc, khẩn thiết tỏ với đồng nhân. Nay xin dẫn một bằng chứng rõ ràng, để các hạ phát thêm lòng tín nguyện và đem ra khuyên bảo mọi người.

Những kinh chuyên nói về tông Tịnh Độ, có ba quyển: Phật Thuyết A Di Đà, Quán Vô Lượng Thọ và Vô Lượng Thọ Kinh. Ngoài ra, các kinh điển Đại Thừa phần nhiều đều phát minh pháp môn này. Như Kinh Hoa Nghiêm là khi đức Phật mới thành đạo, vì các bậc pháp thân Đại Sĩ trong bốn mươi một vị: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa, Đẳng Giác, nói pháp cao cả về giới ngoại, hàng phàm phu và nhị thừa đều không thể biết được. Sau rốt, trong phẩm Nhập Pháp Giới, Thiện Tài đồng tử vâng lời dạy của đức Văn Thù, đi tham phỏng khắp các bậc tri thức. (Đồng tử: danh từ xưng tụng bậc dứt hoặc chứng chơn, phá vô

minh trở về bản tánh, tâm hạnh trong sạch chân thật ví như kẻ đồng tử). Người đời không biết, vẽ hình tượng nhi đồng là sai lầm. Như đức Văn Thù, trong Kinh Hoa Nghiêm có chỗ gọi là Văn Thù Đồng Tử. Các kinh khác đôi khi cũng dùng danh từ này để xưng những bậc Bồ Tát). Ban đầu Đồng Tử ra mắt ngài Đức Vân nghe pháp môn Niệm Phật, liền chứng bậc Sơ Trụ. Kế đó lần lượt tham học mọi nơi đều được chứng, cho đến vị trí thức thứ năm mươi ba là đức Phổ Hiền. Bấy giờ, Bồ Tát Phổ Hiền dùng oai thần gia bị, khiến cho chỗ chứng của Đồng Tử bằng mình và chư Phật, (đây gọi là Đẳng Giác Bồ Tát) rồi khuyên ngài Thiện Tài cùng hải chúng Bồ Tát trong cõi Hoa Tạng phát mười nguyện rộng lớn, đem công đức ấy hồi hướng về Tây Phương Cực Lạc, để cầu mau phương tròn quả Vô Thượng Bồ Đề. Lại, chương Hạ Phẩm Hạ Sanh trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: ‘Những chúng sanh tạo năm tội nghịch, mười điều ác, làm đủ những việc chẳng lành, sẽ phải đọa vào địa ngục, trải qua nhiều kiếp chịu sự khổ vô cùng. Nhưng nếu kẻ ấy khi sắp chết gặp bậc thiện trí thức khuyên bảo niệm Phật, liền vâng lời niệm đủ mười câu, tức thì tội chướng tiêu trừ, được vãng sanh.’ Như Trương Thiện Hòa, Trương Chung Quì, trong Long Thơ Tịnh Độ Văn chính là hạng người đó. Thế thì, trên như đức Văn Thù, Phổ Hiền là những bậc Đại Bồ Tát, dưới như kẻ phạm năm nghịch mười ác sắp đọa tam đồ, đều thuộc về cơ nhiếp hóa của môn Tịnh Độ. Bao nhiêu đó cũng đủ thấy pháp môn này quảng đại không bỏ sót một ai, và

đức A Di Đà hạnh nguyện rộng sâu, xem chúng sanh bình đẳng. Tôi thường có đôi liễn:

‘Bỏ đường tắt Tây Phương, chín cỗi chúng sanh khó thể được tròn nên quả giác.

Rời cửa màu Tịnh Độ, mười phương chư Phật không vẹn toàn độ khắp hàng mê.’

Các hạ gắng phát lòng mạnh mẽ tinh tiến, đảm đương pháp này. Nên đem những ngôn luận hợp cơ về sự truyền dương Tịnh Độ của người xưa, giảng lại cho trong thôn ấp nghe. Làm sao cho ở trần không nhiễm, nơi tục tu chơn, mới hợp với danh nghĩa hai chữ *dung thoát*. Vì *dung thoát* là lẩn với trần mà thoát khỏi trần vậy. Đó là ý kiến què hèn của tôi, các hạ nghĩ thế nào? Xin suy gẫm lại.

Thơ đáp Cư Sĩ Tạ Thành Minh

Được thơ, biết nơi quý địa còn có tâm pháp của Nho, Phật, các hạ lại hết sức đảm đương, tôi rất lấy làm vui đẹp! Đến như những lời khen tôi, thật là đưa ngọn cỏ khỏi lâu cao, khoe mắt cá hơn châu ngọc, quá dùng theo lối khách sáo ngoài đời, khiến cho người xiết bao hổ thẹn! Ấn Quang vẫn một kẻ dung tăng, hằng đón lấy canh thừa cơm hẩm nơi nhà bậc phú trưởng giả để tự nuôi sống, nếu có ai không chê rằng nặng mùi, cũng đem để chia sót cho nhau. Nhưng cư sĩ Từ Huất Như bảo rằng thức ăn ấy có ích cho người đói, nên mấy phen đem lời kể quê mùa này in ra lưu bố, tuy về ý có phần khả thủ, song văn chương không đáng để nhìn. Chẳng dè bộ Văn Sao của tôi lại làm lờn mắt xanh của các hạ, thật nghĩ cảm thẹn không cùng! Trong ấy, những điểm: chánh tâm, thành kính, dùng để đối trị sự tìm cầu bên ngoài, sự không biết kiêng sợ của người đời nay, cũng có đôi phần ích lợi cho kẻ sơ học. Nhưng, nếu bậc thông Tông hiểu Giáo được trông thấy, chắc không khỏi bắt nhợn ra. Tuy nhiên, nếu mưa hết những thức ăn khó tiêu của Tông Giáo, thì canh thừa cơm hẩm ấy cũng có thể bồi bổ ngươn khí, đợi đến khi sức khỏe phục hồi, lại dùng thứ cao lương mỹ vị mới được thật ích.

Về các pháp môn: Luật, Giáo, Thiền, Tịnh, thứ nào hợp cơ, xin xem kỹ bài Tịnh Độ Quyết Nghi Luận trong Văn Sao của tôi sẽ tự rõ. Bậc đại thông gia tuy

gồm tu Thiền, Tịnh, song tất lấy Tịnh Độ làm chủ. Nếu như hạng người thường không cần phải nghiên cứu khắp kinh luận sâu xa, chỉ nên làm lành dứt dữ, một lòng niệm Phật cầu về Tây Phương mà thôi. Hạng người ấy vẫn sinh sống theo đời mà gồm tu đạo xuất thế, tuy tợ hồ bình thường không chi kỳ lạ, song được sự lợi ích chẳng thể nghĩ bàn! Vì kẻ quê mùa dốt nát chỉ dùng lòng chơn thành tin tưởng niệm Phật, nên có thể thâm hợp cùng đạo mầu, cảm thông với trí Phật. Người thông hiểu giáo lý, nơi tâm thường hay tính toán suy lường, nên trọn ngày thức thần ở trong vòng phân biệt, so lại không bằng sự chơn thành của hạng ngu tối kia. Cho nên, kẻ quê dốt niệm Phật rất dễ được lợi ích. Bậc đại thông gia như có thể buông bỏ tất cả cũng dễ được lợi ích; trái lại nếu chỉ suy lường nghĩa lý, chẳng những không đắc ích, e có khi trở thành bệnh, hoặc chưa được cho là được, lạc vào phái ngộ cuồng.

Phép tham thiền chẳng phải là cơ duyên của người đời nay, dù có học cũng thành sự hiểu biết về văn tự, quyết không thể tỏ suốt tâm tánh. Tại sao thế? Vì thiếu bậc thiện tri thức dắt dìu chỉ định, lại người học chẳng biết tham thiền là thế nào, phần nhiều tuy gọi tham thiền, song thật ra là ngộ nhận. Trong bài luận ‘Tông cùng Giáo không nên lẫn lộn’ và ‘Tịnh Độ Quyết Nghi’, tôi đã chỉ phần đại khái về việc trên đây. Người đời nay, không luận căn cơ thượng, trung, hạ, đều phải gìn luân thường, giữ lòng thành kính, tin chắc lý nhân quả, làm những điều lành và chuyên niệm Phật cầu sanh về Tây Phương. Nhân quả là cái lò lớn để nung

phàm luyện thánh trong đạo pháp thế và xuất thế gian. Nếu trước tiên không nghiên cứu về nhân quả, sau khi thông hiểu Tông Giáo, e cho còn sự lỗi lầm đối với vấn đề này, và đã lỗi lầm tất có phần sa đọa. Vì thế, chớ cho nhân quả là cạn cợt mà xem thường. Phàm phu vì tâm lượng nhỏ hẹp nên không hiểu thấu những chỗ nói về nhân quả trong kinh, thật ra, các đấng Như Lai thành Chánh Giác, chúng sanh đọa tam đồ, đều chẳng ngoài đạo lý ấy. Nên lấy pháp thiền cận ở đời để làm phương tiện vào đạo mầu, như các thiên: Văn Xương Âm Chất, Thái Thượng Cảm Ứng chẳng hạn. Mấy quyển ấy, nếu xem kỹ và thực hành theo thì mỗi người đều có thể thoát nẻo luân hồi, hoặc ít ra cũng làm được hạng dân lương thiện. Niệm Phật tuy trọng ở sự vãng sanh, nhưng khi niệm đến cùng cực cũng ngộ được chân tâm, chẳng phải đối với đời hiện tại hoàn toàn không lợi ích. Thuở xưa, Thiền Sư Minh Giáo Tung mỗi ngày niệm thánh hiệu Quán Âm mười muôn câu, về sau những kinh sách ở đời, Ngài không đọc mà biết cả. Nên xem Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, sẽ biết niệm Phật là nhiệm mầu. Về điều này, trong Văn Sao của tôi cũng thường nói đến. Các hạ bảo: ‘Niệm Phật không được lợi ích ngay trong đời hiện tại’, đó là bởi chính mình chưa nghiên cứu các kinh luận của Tịnh Tông. Cho đến quyển Văn Sao của tôi, có lẽ các hạ cũng đọc qua như người chạy ngựa xem đèn, không tế tâm tìm hiểu.

Đến như giới luật, chẳng những chỉ riêng về hình thức bên ngoài, mà nếu không giữ lòng thành kính cũng là trái phạm. Nhân quả chính là trụ cốt của luật, nếu

không biết hoặc mù mờ đối với đạo lý này, tức đã trái luật, lỗi lầm. Người niệm Phật, như giữ được tâm niệm hợp với chánh lý, thì trong một hạnh gồm đủ cả: Luật, Giáo, Tịnh, Thiên. Nên biết, tu các pháp môn kia đều phải dứt hết hoặc nghiệp không còn mảy tơ, mới được giải thoát. Riêng môn Tịnh Độ, nếu người trừ sạch phiền não được vãng sanh, tất mau chứng pháp thân, kẻ nghiệp chướng còn nặng, khi về Cực Lạc, cũng đã lên cõi thánh. So lại hai phương diện, một bên toàn dùng sức mình, một bên nương nhờ sức Phật, sự hơn kém cách xa như vực với trời. Có nhiều kẻ thông minh, mỗi khi đọc sách về tông Thiên thấy có ý vị, liền tự cho mình là thiên khách, muốn làm bậc cao nhân. Hạnh ấy không biết Thiên, Tịnh là thế nào, làm chước lấy lỗi tự tôn tự đại. Những kẻ có kiến giải như thế, quyết không nên bắt chước. Nếu noi theo, thì với việc thoát sanh tử, e cho trải qua kiếp số như bụi cũng khó mong cầu.

Xin xem kỹ lại quyển Văn Sao của tôi sẽ tự rõ.

Thơ đáp Cư Sĩ Mã Khê Tây (1 - 3)

☸ 1 ☸

Thời khóa niệm Phật nên tùy chỗ thích hợp riêng của mỗi người mà lập. Theo nghi thức ở Niệm Phật đường của các chùa hiện nay, đều trước tụng Kinh A Di Đà, kế tụng ba biến chú Vãng Sanh, xong lại đọc bài kệ khen Phật, đến cuối bài, tiếp niệm ‘Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới, Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật’, rồi đứng dậy đi quanh theo bàn Phật mà niệm. Phép đi nhiều quanh phải từ đông qua nam, tây qua bắc, đó gọi là thuận, là tùy hỷ và như thế mới có công đức. Ở Tây Vực rất trọng pháp đi nhiều, nước ta cũng dùng pháp này, kiêm cả sự lễ bái để tỏ lòng kính thành. Nếu đi từ đông qua bắc, tây qua nam, tức là trái ngược, có tội lỗi, điều này cần nên biết. Đi nhiều quanh niệm Phật được một lúc, rồi ngồi xuống niệm thầm, ước một khắc lại niệm ra tiếng. Khi sắp xong, quì niệm Phật mười câu, Quán Âm, Thế Chí, Thanh Tịnh Hải Chúng, mỗi thánh hiệu đều ba lần, kế đọc bài văn phát nguyện, tụng Tam Tự Quy Y, rồi lễ Phật lui ra. Người tại gia, nếu chỗ nơi chật hẹp khó đi vì nhiều, thì quì, đứng, hoặc ngồi niệm cũng được. Tóm lại, phải tùy tiện theo cảnh duyên, tinh thần, sức khỏe của cá nhân mà định, nếu nhờ người khác lập pháp thức cho, e không được hoàn toàn.

‘Niệm mà không niệm, không niệm mà niệm’, là cảnh giới của người đã niệm đến trình độ tâm Phật hợp nhau. Đến lúc ấy, tuy thường niệm Phật nhưng không

có tướng khởi lòng động niệm, tuy không khởi lòng động niệm, mà vẫn hằng xưng niệm, hoặc ức niệm. (Chưa đến lúc tương ứng, nếu chẳng khởi động tâm niệm mà niệm, thì không niệm được). *Không niệm* đây, đừng nhận lầm là chẳng niệm Phật, vì đó là chỉ cho trạng thái tuyệt sự khởi tâm động niệm, thật ra thì mỗi câu Phật hiệu vẫn nối nhau không hở dứt. Cảnh giới ấy không dễ gì được, chớ nên nhận lầm. Phép quán tưởng tuy tốt, nhưng cần phải biết tượng Phật mình thấy, thuộc về duy tâm hiện; nếu nhận lầm là cảnh ngoài, có khi ma dựa phát cuồng. Duy tâm hiện là tượng Phật tuy rõ ràng, song không phải hình tướng chất ngại, thật có, nếu nhận định như thế thì thành cảnh ma. Lúc niệm Phật mắt nhắm hay mở, cũng thuộc về việc tùy nghi... Kiêm trì thánh hiệu Quán Âm, rất được chỗ nương tựa, tất cả mọi người đều nên tu như thế. Khi làm việc, không giữ được tịnh niệm, vì chưa đến cảnh giới một lòng chẳng loạn. Như thế tất khó khởi sự ngăn cách, bởi một tâm không có hai dụng. Nên thường định tâm soi vào trong.

Mỗi người đều phải giữ bốn phận, như người trên có bà nội, cha mẹ, dưới có vợ cùng em dại, chức nghiệp lại nhà nhả rất dễ tu trì. Ở hoàn cảnh ấy chẳng thiết thật dụng công, còn muốn xuất gia làm chi? Có chắc rằng người xuất gia, lại được cơ duyên tốt như thế để chuyên tâm tu hành chẳng? Nên biết, xuất gia có bốn phận của kẻ xuất gia, đâu phải bỏ tất cả công việc? Như Ấn Quang đây xem ra như người vô sự, nhưng cũng bị bận buộc hầu hết tháng năm, không rỗi rảnh để

chuyên tâm niệm Phật, huống là kẻ khác ư? Vậy nên tỳ sức tu trì, đừng tưởng nghĩ việc chi ngoài bốn phận.

Đó là hạnh phúc cho người, mà cũng là điều ta mong ước.

卍 2 卍

Người tu hành rất cần yên tâm tịnh dưỡng. Người tên Tịnh Am, sao chẳng xét tên nhớ nghĩa, cứ sanh thêm việc để cho mọi người lờn chán, chính mình lại vương lấy các chứng: uất hơi, xây xẩm, đau đầu? Nếu người còn chẳng biết tự trọng, tất rồi sẽ thổ huyết, nhẹ thì thành phế tật, nặng hoặc đến thân mạng không toàn. Chừng đó lại để cho người đời mỉa rằng người học Phật tu hành, chẳng những không lợi ích còn bị tổn thêm! Rồi cũng từ nguyên nhân ấy, một hạng kém hiểu biết sanh lòng phỉ báng, bảo: Đó là sự tai hại của Phật Pháp. Họ lại tìm đủ cách ngăn trở kẻ khác tu niệm, phá mất căn lành của người, mấy ai tìm hiểu lỗi ấy do người không thật hành đúng theo Phật giáo. Vậy người phải biết điều hay dở, gắng giữ tròn bốn phận người tu, làm sao cho được sự cảm thông trong thâm lặng. Bệnh của người đều do chính mình chuốc lấy, không tự xét tỉnh, lại còn hỏi ai?

Vậy người nên mau cải lỗi và nhiếp tâm niệm Phật, kinh điển cũng tạm đình lại đừng xem. Cứ y theo lời ta, độ một vài tháng sẽ được bình phục. Nếu chẳng thế, thì xin tuyệt nghĩa thầy trò, ngày khác có gặp nhau cũng đồng như người đi đường mà thôi!

卍 3 卐

Danh là bề ngoài của sự thật. Có thật có danh vẫn không lấy làm vinh, vì đó thuộc về bốn phạm. Không thật có danh, đã nhiều thẹn nhục, huống chi còn muốn đăng lên báo để khêu động tai mắt của khách bốn phương? Việc ấy nếu làm ra, mọi người sẽ nghi ngờ bàn luận, tất trở thành cái thật án trộm danh khi đời. Người chỉ biết một, chẳng biết hai, nên ta phải đôi phen giải bày chỉ rõ. Với Phật Pháp, người tuy có lòng tin sâu, nhưng lại ưa phô trương, kết giao, du ngoạn; đó là điều chướng ngại lớn cho sự tu hành. Vả lại người tuổi mới hơn hai mươi, mà đã kết giao nhiều như thế, sau này khi học Phật được tinh thông, chắc mỗi ngày không có lúc nào rỗi rảnh. Nên yên tịnh trầm lặng, sự lợi ích sẽ vô cùng!

Phải gắng dè dặt và tự kiểm thúc lấy!

Thơ đáp một Cư Sĩ ở Đồng Giang

Sắc dục là chứng bệnh chung của người đời. Chẳng những hạng người trung, hạ bị nó làm mê, mà bậc thượng căn nếu không kiên sợ giữ gìn, cũng khó khỏi mang hại. Xưa nay biết bao trang tuấn kiệt có thiên tư làm thánh hiền, chỉ vì phá không nổi lớp cửa ấy, trở thành kẻ hèn ngu bất tiểu! Vô số loài hữu tình cũng vì đó mà sa đọa vào tam đồ. Trong Kinh Lăng Nghiêm, đức Phật bảo ngài A Nan: ‘Nếu chúng sanh ở sáu đường trong các thế giới, dứt được lòng dâm, thì không còn bị xoay vần theo vòng sống, chết. Người tu Tam Muội, vì cầu ra khỏi trần lao, nếu chẳng trừ lòng dâm, tất không thể nào giải thoát.’ Với người học đạo, vấn đề trọng đại là sự sống chết, nếu không mau thống trừ căn bệnh kia, làm sao lìa nỗi khổ luân hồi? Như pháp môn niệm Phật tuy là đối nghiệp vãng sanh, song nếu đem lòng dâm cố kết, tất sẽ cách ngăn với Phật, đạo cảm ứng khó giao thông. Muốn dứt mối họa ấy, không chi hơn khi thấy tất cả người nữ, đều tưởng là thân thuộc, oan gia và nợ nhớp.

Tưởng như thân thuộc là thế nào? Khi thấy người người nữ tuổi cao thì tưởng là mẹ, lớn hơn mình tưởng là chị, nhỏ hơn tưởng là em, nhỏ hơn nữa, nên tưởng là con. Người lòng dục dù mạnh, quyết không dám đối với mẹ, chị, em và con, sanh niệm bất chánh. Đó là dùng luân lý ngăn dục tâm khiến cho không phát khởi.

Tưởng như oan gia là thế nào? Người đời, theo tình thường khi thấy sắc đẹp liền động lòng luyến ái. Do tâm mê nhiễm ấy, nên đọa vào ác đạo nhiều kiếp chịu khổ không được thoát ly. Thế thì vẻ kiều mị đẹp tươi, sánh với cọp, sói, rắn rít cùng các thứ thuốc độc, còn hại gấp trăm ngàn lần! Đối với mối oan gia rất lớn ấy, còn quyến luyến ưa thích, há chẳng phải là ngu mê quá lắm ư?

Tưởng như nhớp là thế nào? Sắc đẹp chỉ là một lớp da mỏng bên ngoài. Nếu banh lớp da ấy ra, thì đầy đầy những xương, thịt, máu, mủ, đờm, dãi, phần uế, hôi tanh như nhớp không ai muốn nhìn! Những thứ không đáng ưa đó, chỉ vì một làn da mỏng giấu che, làm cho người lầm sanh lòng yêu mến. Như chiếc bình đẹp đựng đồ hôi như, không ai cầm lấy để ngắm, xem. Lớp da của mỹ nhân chẳng khác chi chiếc bình đẹp kia, trong ấy như nhớp còn hơn phần, đâu nên chỉ ưa thích bề ngoài, quên hẳn bề trong, lầm sanh vọng tưởng ư? Nếu không răn dè sợ hãi, thống trừ tập tánh ấy, tất bị vẻ đẹp mỏng manh phỉnh gạt, mũi tên ấy sẽ ghim sâu vào xương tủy, làm sao tự nhổ ra? Lúc bình thường đã như thế, mà muốn sau khi chết chẳng đọa vào bào thai, việc ấy không thể có. Nhưng vào bào thai người còn khá, vào thai loài súc thú mới ra thế nào? Thử suy nghĩ kỹ điều này, tâm thần tự nhiên kinh động sợ hãi! Song, muốn cho khi thấy cảnh không khởi lòng nhiễm, trước phải thường tưởng ba điều trên, thì lúc đối cảnh mới khỏi bị lay chuyển. Bằng chẳng thế, dù không thấy cảnh, ý vẫn mơ tưởng triền miên, cũng vẫn bị tập khí

dâm dục ràng buộc. Cho nên, đối với nữ sắc phải xét nhận thấu đáo, quét sạch tập quán dục nhiễm, mới có phần tự do.

Mỗi ngày, ngoài chức phận của mình, cư sĩ gắng chuyên tâm niệm Phật và đem hết lòng thành kính tha thiết sám hối tội nghiệp từ vô thủy đến nay. Như thế, lâu ngày sẽ có sự lợi ích không thể nghĩ bàn mà chính mình không tự biết. Kinh Pháp Hoa nói: ‘Nếu có chúng sanh nào nhiều dâm dục, thường niệm cung kính Quán Thế Âm Bồ Tát, sẽ được lìa dục’, cho đến nhiều giận hờn, ngu si cũng như vậy. Thế thì biết, nếu chí thành niệm thánh hiệu đức A Di Đà, tất cũng được tiêu trừ ba món hoặc: tham, giận, mê. Lại, hiện nay là thời buổi nhiều hoạn nạn, ngoài giờ niệm Phật, nên niệm thêm thánh hiệu đức Quán Âm. Như thế, sẽ được sự chuyển biến rất mau nhiệm trong âm thầm, mới khỏi cảnh khi tức nghiệp hiện ra không phương trốn tránh. Phải tìm xem những sách: giới dâm, nhân quả, báo ứng, xa lìa bạn bè du đãng thì tâm hạnh mới được chánh đáng, vững vàng và tịnh nghiệp mới có thể thành tựu.

Cố gắng! Cố gắng!

Thơ đáp hai Cư Sĩ Ngạn Như, Đạt Như

Xem thơ, thấy nhị vị tỏ ý phiền muộn vì việc đời buộc ràng, không biết làm sao được giải thoát. Mọi người đều có bốn phận, duyên sự tuy nhiều nhưng nếu tâm điềm nhiên không chuyển theo cảnh, thì đương lúc bận buộc cũng được giải thoát an nhàn. Cảnh trạng ấy như đài gương soi hình, hình đến không trở ngại, hình đi chẳng lưu luyến. Nếu không hiểu nghĩa này, dù cho bỏ hết việc đời, nơi tâm cũng còn vương vấn, rộn ràng chẳng yên. Người học Phật biết an theo phận mình, giữ tròn nhiệm vụ, thì dù có tiếp xúc muôn duyên, mỗi ngày vẫn thung dung ngoài cảnh vật. Đó chính là nghĩa ‘một lòng không trụ, muôn cảnh đều nhàn’ vậy.

Đến như niệm Phật, rất cần ở sự thoát ly vòng sống chết. Đã vì việc ấy tất đối với nỗi khổ luân hồi tự sanh chán nản, với sự vui Cực Lạc tự sanh mến ưa. Thế là trong một niệm đủ cả hai điều tín nguyện. Thêm vào đó lòng chí thành khẩn thiết như con nhớ mẹ, thì sức Phật, sức Pháp và sức công đức tín nguyện của tâm mình, ba pháp đều vẹn toàn. Lực dụng ấy ví như vàng nhật giữa trời, dù có tuyết sương dày đặc, không mấy chốc cũng tự rã tan. Người mới niệm Phật chưa đến lúc thân chứng Tam Muội, làm sao khỏi có vọng niệm? Nhưng nếu biết đem tâm soi vào trong, không theo vọng cảnh, cũng đã quý lắm rồi! Ví như hai chiến trận đối nhau, cần phải giữ thành lũy mình cho chắc, đừng để bên nghịch xâm phạm, phòng khi quân giặc kéo qua

liền đón lại đánh. Lúc ấy phải đem binh chánh giác bao vây bốn bên, khiến cho đối phương không đường tẩu thoát, phải chịu quy hàng. Điều cần yếu là vị chủ soái phải thường thường tỉnh táo đừng biếng trễ, hôn trầm. Nếu phạm hai lỗi ấy, chẳng những không phá được giặc, trở lại bị giặc tiêu diệt. Cho nên người niệm Phật nếu không biết nhiếp tâm, thì càng niệm càng sanh vọng tưởng. Nếu có thể nhiếp tâm, vọng niệm sẽ lần lần yếu bớt, cho đến khi tiêu tán không còn. Nên người xưa có lời kệ:

*Học đạo dường như giữ cấm thành,
Ngày phòng sáu giặc, tối tinh chuyên.
Tướng, quân, chủ soái đều theo lệnh,
Chẳng động đao thương nước được yên.*

Thơ đáp Cư Sĩ Bao Sư Hiền

Hỏa hoạn ở Ôn Châu nghe qua thê thảm! Tai trời nạn nước thật không biết đâu là cùng! Cảnh khổ ấy đủ làm bằng chứng cho lời kệ: ‘Ba cõi không an, dường như nhà lửa’ trong Kinh Pháp Hoa, và cũng là một duyên nhắc nhở rất thiết cho sự tín, nguyện, niệm Phật cầu sanh về Cực Lạc.

Niệm Phật chẳng quy nhất, do bởi không tha thiết đối với việc sống chết luân hồi. Nếu tưởng mình bị nước cuốn lửa thiêu không ai cứu vớt, hoặc đang ở vào giờ phút lâm chung sắp đọa địa ngục, thì tâm tự quy nhất, chẳng cần phải tìm phương pháp chi nhiệm màu. Vì thế, trong kinh thường nói: ‘Nên nghĩ sự khổ nơi địa ngục, phát lòng Bồ Đề.’ Đây là lời chỉ dạy rất thiết yếu của đấng đại giác Thế Tôn, tiếc vì người đời không chịu thật tâm tưởng nghĩ đến. Sự khổ nơi địa ngục sánh với thảm họa nước lửa, còn gấp không lường, không ngần lần đau đớn hơn! Tưởng đến lửa thiêu nước cuốn thì sợ hãi, nghĩ đến địa ngục lại thờ ơ đó là người trí lực kém tối không thể quan sát rõ ràng sự khổ. Giả sử được một phen tận mắt trông thấy cảnh ấy, chắc bất giác lông tóc dựng đứng, xương lóng đều rung, không tự kiềm chế được.

Thơ đáp Pháp Hải Đại Sư

Hơn mười năm nay, tòa hạ tìm thầy học đạo để mưu sự lợi ích cho mình và người, đó là điều đáng khen ngợi. Nay lại buông bỏ muôn duyên, một lòng niệm Phật, lấy quả giác làm nhân địa tu hành, có thể sẽ thân chứng Tam Muội và chiếm được phẩm cao. Nếu tòa hạ phát lòng quả quyết thì sự mong cầu tất nhiên thành tựu. Nhưng người đời niệm Phật tuy nhiều, song chứng Tam Muội rất ít, vì chưa buông được muôn duyên giữ một niệm, nên tâm cùng Phật khó dung hợp nhau. Tòa hạ đã thiết thật giữ sạch thân tâm, lẽ nào lại không có chỗ sở đắc? Nhưng trong thơ về mấy điểm: ‘tỏ lòng thấy tánh, thoát ly sự sống chết và bằng cứ chứng đạo đến tay’, cần phải đôi chút phân biệt.

Nếu tu theo giáo lý thông thường, dù được tỏ lòng thấy tánh, cũng còn cách xa với sự thoát ly sống chết luân hồi, vì cảnh giới ấy thuộc về ngộ chớ không phải chứng. Người đời nay ngộ đạo còn rất ít, huống nữa là chứng ư? Chứng đạo thì hoặc nghiệp mới hết sạch, gốc sanh tử đã dứt, không còn cảm quả luân hồi. Bậc Tu Đà Hoàn bảy lần sanh lên trời, bảy lần trở lại nhân gian, mới tiêu hết hai món hoặc kiến, tư, chứng quả A La Hán. Ngài Thiên Thai thị hiện ở ngũ phẩm, ngài Nam Nhạc ở ngôi Thập Tín; các bậc Đại Sĩ ấy còn ẩn thật đức của mình, tự bảo chỉ được địa vị nội, ngoại phàm, thì đâu phải dễ dàng khi muốn nói chứng đạo? Song đây là ước theo giáo lý thông thường để luận sự

khó khăn về chứng đạo trong hiện đời. Nếu cứ theo môn Tịnh Độ là pháp đặc biệt của đức Như Lai lập ra, thì trên từ bậc Đẳng Giác dưới đến hạng tội nặng A Tỳ, như đủ tín nguyện, đều được nương sức từ của Phật sanh về Cực Lạc. Khi đã vãng sanh, tất sự tỏ ngộ cùng chứng đạo dễ dàng như lượm cỏ. Một điều hơi khác, tòa hạ chuyên tâm niệm Phật, không đề cập đến sự vãng sanh trong lúc lâm chung, lại nói có thể nắm chắc bằng cứ chứng đạo. Nói rằng chứng đạo cũng được, sao lại bảo: bằng cứ đến tay? Nếu bằng cứ đến tay thì không cần luận, thắng như không đến mới liệu làm sao? Xét qua ý tứ trong lời nói ấy, dường như tòa hạ chỉ niệm Phật suông, không phát lòng tín nguyện cầu sanh Cực Lạc. Đó là lối dùng sự niệm Phật làm câu thoại đầu của nhà tu Thiền, không đúng với tông chỉ Tín Nguyện Hạnh trong môn Tịnh Độ. Niệm Phật không tín nguyện so với pháp tu Thiền tham câu thoại đầu tuy công đức lớn hơn, nhưng nếu hoặc nghiệp vẫn còn, tất không được giải thoát. Lại bởi không tín nguyện, nên không thể nương nhờ sức Phật tiếp độ, vẫn là pháp môn tự lực thông thường, rất khó chứng đạo. Chớ cho sự tín nguyện cầu sanh là thấp kém, vì trên hội Hoa Nghiêm, hải chúng trong cõi Hoa Tạng đều dùng mười đại nguyện vương để hồi hướng vãng sanh. Hơn nữa, các bậc Bồ Tát, Tổ Sư trong tông Tịnh Độ đều bảo phải phát lòng tín nguyện cầu sanh Cực Lạc. Sao Tòa hạ lại lập riêng môn đình không theo thánh quy của Phật, Tổ như thế? Và, người đã suốt tháng, suốt năm, suốt đời niệm Phật, đâu nên không tu hạnh Lễ Kính? Trong mười đại

nguyện vương, Lễ Kinh đứng đầu, tòa hạ bỏ việc gì còn có thể được, quyết không nên bỏ sự lễ Phật. Nếu chẳng lễ Phật chắc khó cảm thông, vì lễ thân ưa an ổn, tất thiếu trợ duyên để triển đạt hết lòng thành. Theo pháp chuyên tu của ngài Thiện Đạo thì thân chuyên lễ, miệng chuyên xưng, ý chuyên niệm, niệm cùng cực tự nhiên ngoài tâm không Phật, tâm Phật như nhau.

Sự chứng đạo ấy, các lối tu chứng về tự lực không thể sánh kịp. Về việc này, người xưa đã thí dụ như tên dân hèn kém nướng bánh xe báu của Luân Vương, một ngày có thể dạo khắp bốn châu lớn. Vậy tòa hạ không nên đem pháp môn Niệm Phật rất đặc biệt, tu theo đường lối tự lực về quán hạnh thông thường. Ấn Quang tuy hèn ngu, thật chẳng dám hứa nhận việc ấy. Nếu tòa hạ có thể dùng lòng trong sạch không nhiễm mảy trần, phát ba tâm mà niệm Phật, thì hiện đời sẽ thân chứng Tam Muội, sau khi mạng chung liền sanh về thượng phẩm. Như thế, Ấn Quang xin vòng tay trước để chúc mừng.

Kẻ ngu ngàn việc, dùng được một điều, mong tòa hạ xét lại.

Thơ đáp Cư Sĩ Hoàng Hàm Chi

Tiếp được thơ, không xiết vui mừng! Tôn phu nhân kiếp trước có nhiều căn lành, nên mới có cảm đến các hạ giúp cho được vãng sanh, và bảo con cháu trong nhà vì người niệm Phật lâu ngày để truy tiến. Như thế chẳng những người chết được lợi ích, mà bao nhiêu kẻ trợ duyên cũng trồng sâu căn lành. Ấy mới gọi là thật lòng thương xót, khác hơn tập quán mê lầm của người đời, khi thân nhân bất hạnh liền sát sanh để cúng tế, khiến cho vong linh kẻ chết bị câu trệ nơi u đồ. Việc của Tôn phu nhân như thế là vẹn toàn, nhưng còn Thái phu nhân tuổi đã tám mươi ba, các hạ nên khuyên người sanh lòng tín nguyện niệm Phật. Song với người tuổi đã cao, sự tu hành lại đang ở vào bước đầu, năng lực của thân và tâm đều kém yếu, sợ e không thể niệm được trọn ngày. Trước kia, tôi muốn đặt ra pháp thức để trợ niệm trong lúc hiện tiền cho những người như thế, nhưng nghĩ mãi chưa được. Một hôm, nhân thấy quan Trấn Thủ Vương Duyệt Sơn đem mẹ và quyến thuộc đông đảo lên núi để chiêm bái, tôi bỗng tìm được một cách trợ niệm rất hay. Phương pháp ấy tôi đã lược thuật cho Vương Trấn Thủ, nay cũng xin vì các hạ tỏ bày:

Quyến thuộc của các hạ, về phần nam đều có chức nghiệp riêng, về phần nữ như dâu, con gái cho đến kẻ nữ mẫu thì không việc chi cần yếu lắm. Các hạ nên bảo mấy người ấy thay nhau ở bên Thái phu nhân, cao tiếng niệm Phật mỗi phiên độ nửa giờ. Mỗi ngày cứ

luân phiên như thế đừng cho tiếng niệm hở dứt. Thái phu nhân có thể niệm theo vẫn tốt, bằng không chỉ khuyên người nhiếp tâm nghe kỹ, thì cũng được thường không rời Phật. Những người trợ niệm chẳng mấy gì phí sức, bởi mỗi ngày bất quá chỉ một đôi phiên là nhiều, lại gieo được nhân lành giải thoát nữa. Các hạ nên mượn phương pháp ấy để làm tròn hiếu đạo, dù Thái phu nhân thọ hơn trăm tuổi, cũng cứ giữ tiếp tục y như thế, thì lợi ích không thể nghĩ bàn. Và, khi gặp những người có tín tâm muốn thành tựu sự vãng sanh cho cha mẹ, đều nên đem cách thức này chỉ bảo. Các hạ mắc rộn ràng vì việc quốc chánh, không thể định thời niệm giúp, nhưng nếu có lúc nào rỗi rảnh, cũng nên niệm một phiên để nêu gương, khiến cho con cháu tinh tấn vui mừng.

Theo ý tôi, làm như thế có nhiều tiện lợi. Nên đem phương pháp này viết thành một bài phụ vào đoạn cuối của quyển Văn Sao, để cho những người có lòng báo hiếu không đến đổi luống than câu: ‘Muốn trả ơn sâu, trời cao không cùng!’

Thơ đáp Cư Sĩ Hà Huệ Chiếu

Được thơ, biết người tức căn rất sâu, hiện hạnh lại tinh thuần nên mới có những cảnh tượng lạ ấy. Nhưng người đời nay phần nhiều hay ưa danh vọng, có được nửa phần một phần, liền nói đến trăm ngàn muôn phần. Như trong quyển ký lục của vị cư sĩ nọ, những cảnh giới của y đều do tự ý vẽ vời ra khác hẳn với sự thật. Người đã không nói dối, nhưng e hoặc khi có tập quán đó thì lầm lỗi rất nhiều! Đức Phật đem tội nói dối liệt vào trong năm giới căn bản, chính là để phòng ngừa mối tệ ấy. Như về việc thường, không thấy nghe nói thấy nghe, tội hãy còn nhẹ. Nếu cố ý muốn xây dựng lâu các giữa hư không, dối nói những cảnh giới nhiệm màu, chưa chứng đắc bảo rằng chứng đắc, tức là đại vọng ngữ, tội này nặng hơn giết, trộm, dâm trăm ngàn muôn ức lần. Người đã phạm, nếu không hết sức sám hối, tất sẽ bị đọa vào ngục A Tỳ, vì lời nói ấy làm cho chúng sanh nghi lầm, có thể phá hoại Phật Pháp. Vậy người cần phải thận trọng với những cảnh đã thấy, chớ nên nói thêm bớt một mảy ly. Nếu thêm bớt tức là có lỗi, vì bậc trí thức chưa chứng được tha tâm đạo nhãn, chỉ dùng lời nói làm bằng cứ để phán đoán mà thôi. Đem những cảnh giới như thế tỏ với bậc trí thức để cầu quyết trạch sự chơn, giả, chánh, tà, thì không lỗi. Nếu không vì việc chứng minh quyết trạch, ý muốn tự khoe cũng có lỗi. Lại, chỉ nên tỏ cùng bậc trí thức cầu xin chứng minh, ngoài ra chớ nên nói với ai, nếu lộ bày thì

có hại, vì về sau không còn được thấy cảnh giới ấy nữa. Đây là điều quan hệ thứ nhất của người tu hành, mà trong Thai giáo thường nói đến. Cho nên người niệm Phật đời nay phần nhiều hay bị ma dựa, đều do dùng tâm vọng động mong được những cảnh lạ thường. Đừng nói cảnh ấy là ma, dù có thắng cảnh, nếu sanh lòng vui mừng tham trước cũng bị tổn hại, huống chi vị tất quả thật là thắng cảnh ư? Nếu người có công hàm dưỡng, dứt hẳn tâm vọng động, khi thấy các cảnh giới, không vui mừng, tham trước, sợ hãi, nghi ngờ, thì dù gặp ma cảnh cũng được lợi ích, nói gì là cảnh nhiệm màu? Sở dĩ được như thế, là bởi không bị ma chuyển nên có thể tiến triển thêm. Những điều trên đây ta ít hay đem nói với người, nay nhân vì người có việc ấy nên phải dẫn bày chỉ rõ.

Trước tiên, người lễ Phật, bỗng thấy tượng Quán Âm Đại Sĩ hiện ra là không đích xác. Nếu quả đúng cảnh Phật thì không đến đổi nhân khi suy nghĩ: ‘Tượng cùng Quán Kinh không hợp’, liền ẩn hình. Nhưng do đó lòng tin của người càng tha thiết, thì cũng là nhân duyên tốt. Song chẳng nên thường muốn thấy hình tượng, chỉ thành tâm lễ bái mà thôi. Như thế mới khỏi lo có sự rủi ro khác.

Khi người sắp ngủ, thấy trước mắt có ánh sáng trắng và lúc lễ Phật, thấy hình Phật đứng lơ lửng giữa hư không, tuy thuộc về cảnh tốt, song chớ nên tham trước mong cầu, vì nếu thế, về sau cảnh ấy không còn hiện nữa. Xem căn tánh của người dường như kiếp trước đã từng tu tập thiền định, nên mới thường có những tướng

ấy. Đời nhà Minh, ông Ngu Thuần Hi tịnh tu ở núi Thiên Mục, chỗ tử quan của Cao Phong Diệu Thiền Sư thuở xưa, lâu ngày tự biết việc quá khứ vị lai, hay nói trước những cơn mưa nắng và sự họa phúc của người. Liên Trì Đại Sư nghe được việc ấy, gửi thơ cực lực bài xích, cho rằng đó là lưới ma. Thuần Hi tỉnh ngộ, quả nhiên về sau không còn đoán trước được nữa. Cho nên người học đạo phải để tâm lo việc lớn, nếu chẳng thế tất sẽ bị việc nhỏ làm tổn hại. Đừng nói chi những cảnh giới ấy, dù cho được ngũ thông cũng phải gác bỏ bên ngoài, mới có thể chứng lậu tận thông. Nếu một bề tham trước thì công phu khó tiến, hoặc có khi thối lui, điều này cần phải biết.

Người nằm mơ thấy vào điện Phật, nhớ hai câu kinh, cũng thuộc về cảnh lành. Song hai câu ấy nghĩa lý rất rõ ràng không chi khó. ‘Phản hư y giác lộ. Quy chơn ngộ thường không’ (Bỏ giả theo đường giác. Về chơn ngộ thường không), là ý nói: Chúng sanh vì nhận lầm sự vật giữa đời đều có thật, nên mới mê man xoay vần trong nẻo luân hồi. Nếu có thể quán sát biết sự vật đương thể vốn không, thì liền ra khỏi lối mê, nương theo đường giác, trở về bản tánh, ngộ được lý thật tướng, chơn không, chơn thường. Hai câu ấy chưa thấy ở đâu, cũng có khi đó là câu văn đã ghi nhớ đời trước, chưa chắc chính thực văn kinh. Muốn phân biệt ma cảnh hay thánh cảnh, phải xét lại cảnh ấy xem có hợp với lời dạy trong kinh chăng? Và như quả là thánh cảnh, thì khiến cho người khi trông thấy tâm liền thanh tịnh, không vọng động chấp trước; nếu là ma cảnh thì tâm

liền vọng động chấp trước không được thanh tịnh. Lại nữa, quang minh của Phật tuy sáng ngời song không làm xót con mắt, nếu không đúng thế, tức là ma trá hình. Khi Phật hiện, dùng lý: ‘các tướng hữu vi, đều là giả dối’ mà gạt, thì càng hiện rõ. Nếu ma trá hiện, dùng lý ấy xét gạt thì liền ẩn hình. Đây là phương châm rất vững chắc để khán nghiệm sự chơn giả vậy. Ban đêm, người thấy ánh sáng trắng và cảnh trong ngời giữa hư không đó là do tâm thanh tịnh hiện ra, đâu nên cho là tướng pháp giới tịch chiếu không hai? Nếu nghĩ như thế là đem phàm lạm thánh, tội lỗi chẳng ít. Người tu tịnh nghiệp như chẳng lấy các cảnh giới làm mong cầu, thì cũng không có hiện cảnh chi nhiều. Nếu trong lòng chuyên muốn thấy cảnh, tất cảnh giới hiện ra phức tạp. Lúc ấy, như không khéo dụng tâm, hoặc có khi bị tổn hại, phải để ý nhớ kỹ điều này.

Pháp môn Tịnh Độ dùng Tín, Nguyện, Hạnh làm tông. Có tín nguyện, không luận công hạnh nhiều ít, cạn sâu, đều được vãng sanh. Không tín nguyện, dù cho tu đến cảnh quên cả năng sở, thoát hẳn căn trần, cũng khó hy vọng được về Cực Lạc. Bởi vì, nếu quả chứng được thật lý của cảnh ấy, có thể dùng tự lực để thoát sanh tử, thì không cần luận. Như chỉ có công phu dẹp trừ vọng chấp tỏ thấy lý ấy, chưa được thật chứng, tất nhiên khó vãng sanh khi thiếu Tín Nguyện. Nhà tham thiền khi bàn luận Tịnh Độ, đều bỏ tín nguyện đem về tông thiền. Như y theo đó mà tu, cũng có thể khai ngộ, nhưng nói đến sự thoát sanh tử, e cho mộng tưởng không thành, bởi vì chưa dứt hoặc nghiệp. Nên

biết phàm phu được về Tịnh Độ, đều do lòng tín nguyện cảm Phật, nên nương nhờ từ lực, đởi nghiệp vãng sanh. Nếu không phát tín nguyện, lại dẫn câu niệm Phật đem về tự tâm, thì làm sao cảm được Phật? Đạo cảm ứng đã không hợp, tất chúng sanh cùng Phật riêng cách, dùng môn hoành siêu làm pháp thụ xuất, sự lợi ích cạn mà tổn thất lại sâu. Lợi ích, là tu y theo nhà Thiền nói, cũng có thể tỏ ngộ; tổn thất, là bỏ tín nguyện nên không được tiếp dẫn vãng sanh. Vì thế người chơn thật tu Tịnh Độ không dùng được lời khai thị của nhà tu Thiền, bởi pháp môn và tông chỉ đều riêng khác.

Vậy người nên xét kỹ lại. Như chẳng cho lời ta là phải, thì cứ thỉnh cầu nơi bậc đại thông gia, hoặc may có thể hợp với tâm chí của người. Về việc ấy, Ấn Quang này vẫn không chấp trước chi cả.

Thơ đáp Cư Sĩ Úc Trí Lăng

Về việc của Phước Tuấn, nếu khi còn sống cho đến lúc chết, quả có những sự thật y theo lời người nói, thì quyết định được vãng sanh. Thuở bình thời, Phước Tuấn đã nhận rõ sắc thân là huyễn, điều ấy rất có lợi ích. Bởi người nữ thường hay yêu mến thân giả dối, ưa đua đòi theo sự điểm trang, nay đã không có niệm ấy, tự nhiên đối với môn Tịnh Độ dễ được tương ưng. Khi lâm chung gầy yếu và bệnh khổ, đó là nghiệp chướng trong nhiều kiếp, do công siêng tu tịnh nghiệp nên phát hiện để chuyển hậu báo làm hiện báo, đổi quả nặng thành nhẹ thể thôi. Người bảo: bởi tu trì tinh tiến nên thân thể ngày một yếu gầy, lời ấy không đúng, lại thêm có lỗi khiến cho những người lòng tin cạn cợt nhân đó biếng trễ sự tu hành. Phải biết người niệm Phật quyết định có thể tiêu trừ nghiệp chướng, nếu nghiệp hiện, đó là đổi ác báo sẽ đọa tam đồ thành cơn bệnh khổ hiện tại để trả cho xong. Kinh Kim Cang nói: Người thọ trì kinh này do bị khinh rẻ nên dứt được sự khổ nhiều kiếp trong tam đồ. Thế thì nhân Phước Tuấn sắp sanh Tây Phương nên hiện ra sự khổ nhỏ ấy để tiêu trừ ác báo từ vô lượng kiếp đến nay, thật là điều hân hạnh rất lớn. Người chớ nên học theo những người kém hiểu biết, cho rằng: Nhân tu trì mà thành bệnh rồi chết. Người niệm Phật thuở bình thường có tín nguyện chơn thiết, không một ai chẳng được vãng sanh. Phước Tuấn lúc lâm chung chánh niệm rõ ràng, có những tướng trạng hỷ han,

đánh lễ, sau khi chết thân thể mềm dịu, sạch sẽ, nhan sắc như sống, thì đâu nên nhìn vào công tu cạn cợt mà nghi ngờ? Theo lời nguyện của đức A Di Đà, chí tâm trong mười niệm cũng được độ, huống chi Phước Tuấn tinh tiến tu trì đã ba năm, lại còn nghi ngại gì? Duy những người ý chí thấp kém, tuy thường niệm Phật song chẳng cầu vãng sanh, chỉ mong phước báo nhân thiên; hạng ấy dù trót đời tu hành cũng chỉ hưởng được si phước nơi kiếp sau mà thôi. Nếu kẻ có chánh tín, tự biết dùng lòng tín nguyện cảm Phật, quyết được sức từ bi nhiếp thọ, đạo cảm ứng thông nhau, sẽ nương Phật lực đối nghiệp sanh về Cực Lạc. Thế thì cần chi hỏi thấy Phật cùng không, mới có thể phán đoán?

Người niệm Phật trước khi lâm chung, như có thể tự tắm gội thay y phục thì rất tốt. Nếu không tự làm được thì thôi, người ngoài quyết chẳng nên thay thế dự bị tắm gội đổi y phục, vì có thể khiến cho kẻ sắp chết khó nhẫn sự đau đớn đến mất chánh niệm. Người chớ vì việc Phước Tuấn chưa kịp mặc pháp y và ngồi kiết già mà tiếc buồn. Phải biết lúc ấy chỉ nên đồng thanh niệm Phật để giúp sức, quyết không được bày vẽ việc gì khác. Nếu một mặt ưa phô bày, tất thành ra cảnh té giếng bị đá rơi theo, rất có hại cho sự vãng sanh. Điều này phải ghi nhớ kỹ.

Lệnh từ tuổi cũng đã cao, nếu ta chẳng nói rõ sự lầm lạc trên đây, e lần sau người dùng lòng hiếu thảo trở lại làm ngại sự vãng sanh của mẹ, khiến cho người nhiều kiếp bị luân hồi không được giải thoát. Vậy chỉ nên trọng sự thật, chớ khoe hình thức bên ngoài. Lời ký

lục của người, văn nghĩa xem cũng gọn, không cần phải nhờ người viết thành bài để truyền bá, vì đó cũng thuộc về việc phù phiếm của thế gian. Người chỉ nên sách tấn mình và quyến thuộc cố gắng niệm Phật, để được đồng sanh Tây Phương là tốt. Sớm chiều trong hai thời khóa, ta cũng đọc danh hiệu của Phước Tuấn hồi hướng trong một thất, để cho trọn nghĩa thầy trò. Phước Tuấn vãng sanh phen này, có thể gọi là chẳng sống sông chết uống, rất hân hạnh! Đến như việc y theo lời di chúc, lấy xương tán mạt làm hoàn để thí cho loài thủy tộc, cũng là điều tốt, nhưng lưu ý cẩn thận hơn. Phải đem xương nghiền thành phấn; dùng rây lụa nhỏ rây lọc, làm như bột nhuyễn mới được. Nếu thô tháo nghiền sơ qua, rồi hòa với bột làm hoàn, e cho loài cá nhỏ ăn vào phải bị nghẹn vướng. Ta sợ người làm không kỹ, nên ta phải dặn trước.

Thơ đáp một vị Cư Sĩ

Bệnh cùng ma đều do túc nghiệp gây ra. Người chỉ tha thiết chí thành niệm Phật, tự nhiên bệnh sẽ lành, ma cũng xa lánh. Nếu người niệm không chí thành, hoặc khởi những niệm tà dâm bất chánh, thì tâm trạng chìm trong cảnh tối tăm, tất khó khỏi bị ma quỷ khuấy nhiễu. Sau mỗi thời niệm Phật, người nên hồi hướng cầu cho tất cả oan gia đời trước đều được nhờ công đức ấy sanh về cõi lành. Ngoài ra, không nên nghĩ tưởng gì khác. Ma có la lối khuấy nhiễu, chớ kinh sợ; không khuấy nhiễu cũng chẳng được sanh tâm vui mừng, chỉ nên chí thành khẩn thiết niệm Phật mà thôi. Như thế tự nhiên nghiệp chướng sẽ lần tiêu và phước huệ thêm lớn.

Đến như sự duyệt kinh, chớ nên bắt chước theo thói tẻ cầu thả không cung kính của người đời nay, mà phải xem như Phật, Tổ, thánh hiền giảng lâm, mới có thật ích. Người giữ được như thế, thì tấm lòng sẽ quang minh chánh đại, ma quỷ tà thần kia không còn chỗ dung thân. Nếu tâm người trước đã tà vạy, tất chiêu cảm đến loài tà, đâu có thể khiến được ma quỷ lánh xa không khuấy nhiễu.

Về tha tâm thông, quỷ thần tuy có, song nhỏ hẹp và cạn gần. Nếu là bậc nghiệp hết tình không, thì cõi lòng như gương sáng trên đài, muôn hình đều hiện rõ. Người không chí tâm niệm Phật mà muốn tìm hiểu chân tướng của việc ấy, đâu biết đó là gieo hột giống ma! Như gương báu sở dĩ có công năng chiếu suốt xa gần, là

vì tự thể nó trong sáng không vướng một điểm bụi. Tấm lòng của người bị nghiệp hoặc ngăn che, mà muốn được công dụng như thế, có khác nào như gương mờ lại bị bụi lấp, làm sao phát ánh sáng? Dù có, cũng là yêu quang, không phải ánh sáng chân thật.

Nhưng thôi, hãy gác việc ấy lại. Với hiện cảnh của người, phải chí tâm niệm Phật như bị nạn nước lửa, như cứu cháy đầu, thì tất cả ma nghiệp đều tiêu.

Thơ đáp Cư Sĩ Châu Mạnh Do (1 - 10)

☸ 1 ☸

Từ thân của người tuổi đã cao, đối với pháp môn Tịnh Độ chưa có thể nhận chân mà tu trì. Nên thường đem nỗi khổ trong sáu nẻo luân hồi, sự vui ở cõi Cực Lạc và những lẽ siêu thắng khó, sa đọa rất dễ, giảng nói cho người nghe. Nếu chẳng được về Tây Phương, đừng nói là ở cõi người không đủ trông cậy, dù sanh lên cõi trời hưởng sự vui vẻ lâu dài, một khi phước lực đã hết, vẫn trở lại đọa xuống nhân gian và ba đường ác mà chịu khổ. Nếu không biết Phật Pháp thì cũng đành vậy, nay đã được hiểu Phật Pháp đâu nên đem sự lợi ích lớn lao ấy nhường cho người? Và đâu nỡ tự mình cam chịu chìm nổi mãi trong biển khổ luân hồi, không mong ngày giải thoát ư? Người nên thường giảng nói như thế, may ra có thể khiến cho lệnh từ phát được căn lành đời trước, tin chịu tu hành. Bồ Tát ra đời độ sanh đều thuận theo cơ nghi, trước tùy sở dục mà dắt dẫn, sau khiến cho vào trí Phật. Nếu người có thể gắng tu hiểu đạo và đem pháp môn Tịnh Độ khuyên dẫn trong hàng quyến thuộc cùng tất cả người hữu duyên, để đồng làm bạn tốt nơi Liên Trì, thì công đức lớn lắm?

☸ 2 ☸

Người đời khi có bệnh hoặc gặp những sự nguy hiểm tai nạn, thường thường không biết niệm Phật làm lành, lại lầm lạc muốn cầu cứu với quỷ thần. Do đó nên

giết hại sanh mạng gây thêm tội nghiệp, thật rất đáng thương! Bệnh khổ cùng những tai họa, phần nhiều đều do nghiệp đời trước gây ra; nếu niệm Phật, sám hối, làm lành, thì tội chướng sẽ tiêu, bệnh được mau mạnh. Loại quỷ thần kia chính họ hãy còn ở trong biển nghiệp, đâu có thể khiến cho người tiêu nghiệp? Dù cho hạng chánh thần có oai lực lớn chẳng nữa, oai lực ấy so với thần lực của Phật, Bồ Tát chẳng khác chi lửa đom đóm sánh cùng ánh sáng mặt trời! Người Phật tử không chịu nương tựa Phật, Bồ Tát, trở lại cầu cứu với quỷ thần, đó là tà kiến.

Tất cả chúng sanh đều là cha mẹ đời quá khứ và chư Phật đời vị lai, nên thương xót hộ trì. Chớ noi theo tập tục sai lầm, mặc ý giết hại, rồi bảo rằng: phải cần có thức ngon bảo để phụng dưỡng song thân mới là đạo hiếu. Người chưa hiểu Phật Pháp, không biết sự lý luân hồi, nên mê mờ lầm lạc chẳng nói làm chi. Nếu kẻ đã nghe Phật Pháp, mà còn giết hại cha mẹ đời trước để phụng dưỡng cha mẹ đời này và dùng huyết nhục làm nhu cầu cho sự tang tế, chẳng những không phải hiếu thuận, lại chính là ngỗ nghịch vậy. Cho nên những bậc thông đạt, khi nghe được nghĩa chân thật của đạo Phật, đều không chịu làm theo quyền pháp ở đời, bởi pháp quyền tạm ấy do chiều thuận theo mê tình của thế gian mà lập, không phải là đạo lý thông suốt nhân quả ba đời của Như Lai. Nếu các người muốn nhận thức sâu hơn, hãy xem những bài ‘giới sát’ trong quyển Văn Sao của ta sẽ tự rõ.

☸ 3 ☸

Người niệm Phật khi có bệnh, phải một lòng đợi chết, nếu thọ mạng chưa dứt, sẽ được an lành. Vì khi buông cả toàn thân mà niệm Phật, thì nghiệp chướng tiêu rất mau, nghiệp tiêu tất nhiên bệnh được lành mạnh. Nếu chẳng buông bỏ muôn duyên, chỉ mong mau lành mạnh, thẳng như bệnh không hết, thì phần vãng sanh sẽ phải mất, bởi vì không có tâm nguyện cầu sanh. Như không hiểu rõ đạo lý này, đâu có thể nhờ từ lực của Phật tiếp dẫn ư? Về bệnh căn của lệnh từ, các người nên khuyên người buông bỏ tất cả để cầu vãng sanh. Như thọ mạng chưa dứt, thì cầu vãng sanh trái lại mau bình phục, vì do dùng tâm chí thành, nên được nhờ sức Phật gia bị.

Người nên đem lời lẽ trên đây mà khuyên nhủ từ thân, đừng học theo thường tình, nói những điều không lợi ích.

☸ 4 ☸

Tiếp được thư, biết lệnh từ chưa thật phát tâm cầu sanh Cực Lạc. Hiện thời người còn đang trong cơn bệnh, thôi hãy tạm hoãn đừng đề cập đến việc ấy. Chỉ nên khuyên người chí thành niệm Phật, để được nhờ từ lực gia bị, khiến cho thân tâm an vui. Đợi đến khi lệnh từ khỏe lại rồi, sẽ dùng lời lẽ khéo léo dẫn giải rành rẽ, làm cho người thật phát tâm cầu sanh thì mới có lợi ích. Nhờ người chuyển lời cùng lệnh từ, nói ta thăm người được an lành. Và nên nói lại rằng: ta khuyên người buông cả muôn duyên một lòng niệm Phật, đó là điều

cần yếu để tự cứu độ. Ngoài ra việc chi khác, để phần con cháu lo, nếu còn nghĩ tưởng đến, tức là có hại cho công phu niệm Phật của mình vậy.

☸ 5 ☸

Châu Quần Tranh xem rõ:

Lệnh từ hiện đang có bệnh, quyết không nên đi vắng trong lúc người chưa lành. Nhưng ta xem tình trạng, e người chẳng hưởng thọ được lâu. Vậy phải dùng Mạnh Do và Trí Chiêu mỗi ngày thay phiên nhau ở bên giường bệnh mà niệm Phật, khiến cho người niệm theo, nếu không thể niệm thì khuyên người yên lặng lắng nghe cũng được. Làm như thế, nếu lệnh từ thọ mạng đã hết, quyết định sẽ vãng sanh, như số phần chưa mãn, cũng được tiêu trừ nghiệp chướng thêm lớn căn lành.

Về phần người, nên đổi ý định lên núi Phổ Đà bằng cách vãng theo lời ta mà thực hành là tốt hơn. Như thế mới lưỡng toàn không hại. Hiện thời từ thân của người bệnh chưa mạnh, rất không nên phát tâm nguyện xuất gia, nếu phát thì đối với đời và đạo đều thành trái nghịch. Người sắp mạng chung, như được trợ niệm, chắc có phần vãng sanh; nếu thiếu trợ niệm, hoặc dùng sự khóc lóc làm phát động những niệm tình ái giận hờn, thì khó khỏi đọa lạc. Điều này rất quan hệ, nguy hiểm, nên nhớ kỹ. Nếu người có thành tựu sự vãng sanh cho mẹ, đó cũng là chánh nhân tịnh nghiệp của chư Phật trong ba đời. Và đó chính là làm Phật sự

giữa trần lao, công đức ấy sánh với việc làm tầm thường, muôn phần rộng lớn. Phải bàn tính với Mạnh Do, thực hành phương pháp trợ niệm, và khuyên lệnh từ nên nghe theo những lời của ta. Đến như việc vì mẹ giảng giải Phật Pháp, vẫn là điều rất hay, nhưng sự định tĩnh cùng an ủi cũng nên nhiều phần để ý.

卍 6 卐

Lệnh từ phát nguyện gởi tiền cho ta để tùy ý làm các việc công đức và giúp phần ấn loát bộ Văn Sao. Theo ý ta, làm việc công đức phải lấy sự mở mang trí thức của người làm điều cần yếu, nên ta định đem số tiền ấy in quyển Quán Âm Tụng để phổ biến khắp xa gần. Việc này có mục đích khiến cho mọi người được biết đức Quán Âm Đại Sĩ là đấng nương tựa của chúng sanh trong pháp giới. Đại Sĩ tùy loại hiện thân, tìm tiếng cứu khổ, và phụ giúp đức A Di Đà tiếp dẫn người niệm Phật sanh về Cực Lạc. Hiện nay nhân loại đang ở trong đường hoạn nạn, không biết phương pháp chi phòng ngừa, nếu mọi người được xem quyển sách ấy, sẽ cảm ân đức của Đại Sĩ, muốn nhờ oai lực của Ngài để thoát khỏi tai họa. Và, một khi đã phát tâm tín ngưỡng nương tựa nơi Đại Sĩ, tất sẽ giữ lòng từ thiện sửa lỗi làm lành, để mong cho được cảm thông với Ngài mà nhờ sự chở che giúp đỡ. Cõi đời chẳng yên, vì lòng người hiểm ác, nếu mọi người đều ngưỡng mộ đức từ bi của Đại Sĩ thì thế giới lần lần chuyển ra cảnh vui vẻ thanh bình. Cho nên quyển sách này nếu được lưu thông, sự lợi ích sẽ vô

cùng, sánh với các loại sách hữu ích tạm thời, thật cách nhau rất xa. Hơn nữa lệnh từ cũng nương nhờ công đức ấy, tiêu tội nghiệp, thêm phước huệ, khi sống được an vui, lúc chết sanh về Cực Lạc. Đến như quyển Văn Sao, mọi người xem rồi phát tâm làm lành niệm Phật rất nhiều, ở đây không thể nói hết.

☸ 7 ☸

Lệnh từ vì sao bệnh không được lành? Âu là do túc nghiệp gây ra, khiến đổi quả nặng thành nhẹ, chuyển hậu báo làm hiện báo, để trả cho xong tất cả đó chẳng? Thuở xưa, Huyền Trang Pháp Sư khi lâm chung cũng bị chút ít bệnh khổ, Ngài nghi ngờ cho những kinh mình phiên dịch hoặc có chỗ sai lầm. Đang khi suy nghĩ như thế, thoát thấy một vị Bồ Tát an ủi rằng: ‘Do sự khổ nhỏ này, tội báo kiếp trước của ông đều được tiêu diệt, chớ đem lòng hoài nghi.’ Vậy người hãy đem duyên sự này an ủi lệnh từ, khuyên người nên vui mừng, chớ sanh lòng buồn giận. Như thế, quyết định có thể nhờ Phật gia bị, thọ mạng chưa dứt sẽ mau an lành, số phần đã mãn được sanh về Cực Lạc. Con người trong cơn bệnh khổ, nên tưởng thối lui một bước, sẽ thấy an vui không cùng! Gần đây binh lửa liên miên, chúng ta may mắn chưa gặp tai nạn ấy, dù bị bệnh khổ còn có thể nhân đó tự thức tỉnh để tìm đường giải thoát. Trong trường hợp ấy chỉ nên cảm kích chuyên tu, tự nhiên sẽ được lợi ích. Thế chẳng hơn là oán trời trách người để gây thêm tội nghiệp cho mình ư? Nên khuyên thân mẫu

ngươi đừng ôm lòng oán trách, gắng định tâm niệm Phật thì nghiệp tiêu mau như tuyết gặp nước sôi.

Ta từ khi trở về núi, mỗi ngày trong thời khóa tụng đều có hồi hướng cầu nguyện Tam Bảo gia bị cho lệnh từ, nếu thọ mạng chưa dứt, được mau an lành, như số phần đã mãn, sớm sanh về Tịnh Độ.

❧ 8 ❧

Tiếp được thư, biết lệnh từ đã niệm Phật vãng sanh vào ngày mùng hai. Là đệ tử Phật, các người phải y theo Phật Pháp khiến cho thần thức của từ thân được lợi lạc, chẳng nên quá buồn thương, thành ra kẻ còn người mất đều luống vô ích. Đến như việc tang tế phải dùng toàn đồ chay, chớ nên tùy theo tập tục. Dù có những người không hiểu Phật Pháp, bài xích nói là sai quấy, cũng mặc cho họ chê cười. Trong đám táng không nên quá phô trương bày vẽ, và làm Phật sự chỉ nên niệm Phật mà thôi. Anh em người phải đốc xuất người nhà đều khẩn thiết niệm Phật, thì thần thức của lệnh từ, cả trong gia quyến, cho đến bà con bè bạn, sẽ được sự lợi ích, chân thật. Nếu tài lực có dư, cũng nên làm các điều công đức; như sự độ dụng vừa đủ, chỉ lo xong việc táng là được. Chớ nên làm quá long trọng, để rồi sau phải thiếu thốn là điều không hay.

❧ 9 ❧

Được thư, thấy lệnh từ khi lâm chung rất tốt. Đó âu cũng là sự hiệu nghiệm do căn lành bản nguyện của

người, và công trợ niệm của anh em người cùng trong quuyến thuộc. Thuở bình sanh, con người có thể che giấu các việc, duy lúc sắp chết quyết không thể giả dối. Lệnh từ đã không lòng ái luyến, có sắc vui tươi ngời yên mà qua đời, nếu tịnh nghiệp chẳng thành thực, đâu được như thế ư? Mong anh em người và toàn gia quuyến nên niệm Phật để truy tiến. Như thế chẳng những thân mẫu các người được lợi ích, mà công đức niệm Phật của chính mình lại càng lớn thêm. Đức Phật đã dạy: ‘Khi tụng kinh, trì chú, niệm Phật hoặc làm các công đức, nên hồi hướng cho pháp giới chúng sanh.’ Lúc bình thời còn vì chúng sanh không can thiệp chi đến mình mà hồi hướng, hướng chi mẹ mất đâu nữa chẳng hết lòng niệm Phật cầu nguyện cho người ư? Nếu có thể vì chúng sanh hồi hướng, tức là hợp với thế nguyện bồ đề của chư Phật, như đem một giọt nước gieo vào biển thì giọt nước ấy đồng sự sâu rộng như biển cả. Như chưa được dung hợp cùng biển, đừng nói một giọt nước, dù cho sông dài hồ rộng, đối với biển vẫn cách biệt như đất với trời. Thế thì, khi đem công đức hồi thí cho cha mẹ và tất cả chúng sanh, chính là bồi cội phước cho mình. Biết được nghĩa này, người hiếu thảo lòng hiếu càng tăng thêm, kẻ kém hiếu tâm cũng phát lòng thảo thuận.

Thỉnh chúng tăng tụng niệm trong bảy tuần thất, việc ấy rất tốt, nhưng khi đó anh em các người cũng phải có người đồng tụng niệm theo. Những phụ nữ trong nhà bất tất phải theo thứ lớp đứng sau chư tăng mà tụng niệm, vì e lâu ngày thân thiện nhau, sẽ gây mối

hiềm nghi cho người ngoài. Hàng phụ nữ nếu có tụng niệm, nên ở sau màn hoặc lập riêng một chỗ khác, các cửa ra vào hai bên đều không thấy nhau. Đó là nêu khuôn phép và mở thông nghi thức cho người trong hương ấp. Nếu thờ ơ không phân giới hạn, kẻ khác sẽ bắt chước theo, về sau sanh mối tệ. Cách lập pháp của người xưa, dù bậc thượng thượng cũng lấy pháp thức của kẻ hạ hạ mà làm phạm vi, nên không có sự tệ hại. Nếu các người có thể y như thế vì mẹ niệm Phật, lại kiêm ấn thí các quyển Quán Âm Tụng, Văn Sao, thì chẳng những khiến cho từ thân phẩm sen thêm cao, mà ông bà cho đến thân phụ các người cũng được đồng nhờ pháp lợi, siêu sanh Cực Lạc. Mấy điều ta nói vẫn căn cứ đúng theo tình lý, không phải là những lời bông lông cốt để vừa lòng đẹp ý các người đâu!

☯ 10 ☯

Về phép hỏa táng, thuở đời Đường, Tống, Phật Pháp còn thịnh, người tại gia phần nhiều cũng có dùng. Nhưng hiện thời, nên theo thông tục mà chôn cất, vì e có chấp nê sanh ra nhiều điều nghị luận. Thật ra thì thiêu hóa thì hài mau tiêu tan hơn, và qua bốn mươi chín ngày thiêu hóa lại càng ổn tiện. Còn chôn cất, hoặc khi lâu năm hài cốt bị bộc lộ. Tang chế ba năm không làm lễ nhạc, điều ấy vẫn nên tuân giữ. Đời nay luân thường hiếu đạo bị gác bỏ một bên, phép tắc giữ gìn trong kỳ tang chế còn đáng chi để luận bàn?! Tuy nhiên, cũng nên nương theo lễ giáo xưa châm chước mà làm, đừng vội sửa đổi hoặc quá nê chấp. Cách dò thăm hơi nóng để nhận định thần thức thác sanh về cõi

nào, thật đáng y cứ. Nhưng ta sợ những kẻ không biết, cứ mãi thăm dò, nên ý nói: ‘người đủ tín nguyện, khi lâm chung chánh niệm rõ ràng, thì có thể vãng sanh, chẳng cần phải y theo một lệ, lấy sự lạnh nóng làm bằng cứ.’ Điều này cần nên để ý, vì nếu cứ rờ thăm hơi nóng, e phát động đến tâm luyến ái, giận hờn của người sắp chết, làm cho hỏng mất sự vãng sanh.

Những thuyết ‘thai sanh, nghi thành’ trong Kinh Đại Bảo Tích, nơi pháp hội của đức Vô Lượng Thọ Như Lai nói, là chỉ cho người niệm Phật đọa vào lỗi hối hận, nghi ngờ. Đây chính là ước theo nghĩa bị ngăn che, cách ngại, mà lập tên ‘thai sanh, nghi thành’, vì bị ở trong hoa sen năm trăm năm không được thấy Phật nghe pháp, chớ đâu phải có sự thật? Sao lại cứ chấp chặt theo chữ mà giải nghĩa, cho rằng hạng người ấy không thuộc vào chín phẩm sen? Nên biết ở Tây Phương không có thai sanh cũng không thành quách, đó là ước theo nghĩa: không được liền ra khỏi liên bào, bị cách ngăn với Phật, để thí dụ cho thai và thành thế thôi? Bởi người chấp định danh từ nên mới cho là ngoài chín phẩm, nếu quả vậy thì bậc hạ trung cùng hạ hạ bị ngăn cách sáu kiếp và mười hai kiếp thai và thành lại càng dày đặc biết bao nhiêu? Mười hai kiếp kia còn thuộc về chín phẩm, huống nữa là chỉ có năm trăm năm đó ư? Sao người không xem tiếp tám chữ: ‘ở trong hoa sen không được xuất hiện...’ hoa sen ấy không liệt vào sen chín phẩm hay sao?

Phật Pháp nghĩa rộng vô cùng, nếu chấp định thì không việc sanh việc, thành ra phí hết bút mực thôi. Đó

đều bởi tự mình để chân vào trong thành nghi, thành ấy còn đầy hơn ngực Thiết Vi nữa. Nếu hiểu biết rõ ràng, tự nhiên cõi đất lặng chìm, ngực Thiết Vi tiêu tan mất cả. Thầy Mạnh Tử nói: ‘Dùng ý nghịch chí, đó gọi là được’; chữ *ngịch* đây cũng là nghi thành. Nếu biết *ngịch* tức là ý nghĩa *ngình hiệp*, thì nghi thành sẽ rã tan. Một hạng người vì cố chấp, nên tuy giảng nói, trọn ngày vẫn ở trong vòng mâu thuẫn. Đó là bởi căn bệnh chấp trước chưa tiêu, thành ra khó được sự lợi ích thiết thực.

Thơ đáp Cư Sĩ Cửu Bội Khanh (1 - 2)

☯ 1 ☯

Sự nóng giận như thế là do tập tánh từ kiếp trước. Nay các hạ đã biết nó chỉ vô ích, lại thêm có hại, thì đối với tất cả việc trái ý đều nên dùng độ lượng rộng rãi như trời biển mà bao dung. Đó là phương pháp dùng lòng quảng đại để chuyển biến tánh hẹp hòi. Nếu không đối trị thì tập tánh giận hờn càng ngày càng tăng thêm, sự tai hại không phải ít.

Đến như niệm Phật, phải tùy nơi tinh thần sức khỏe của mình mà niệm ra tiếng lớn, nhỏ, niệm thầm, hoặc niệm theo lối Kim Cang (chỉ sẽ động môi, niệm có tiếng nhưng người ngoài không nghe được), sao lại quá dùng sức để cho mang bệnh ư? Tâm quá mãnh liệt ấy cũng còn lỗi dục tốc đó! Nay đã không niệm ra tiếng được, cũng có thể niệm thầm trong tâm, sao lại chỉ hạn có mười niệm? Vả lại, khi bệnh nằm nơi giường, tấm lòng đâu thể vắng lặng như hư không, nếu tưởng nghĩ việc khác, thôi thà tốt hơn là chí tâm niệm Phật! Nên đem việc cần yếu giao phó cho người nhà, thường tưởng rằng mình sắp chết, sắp đọa địa ngục, trong lòng tuyệt không vướng vít một điều gì. Rồi dùng tâm thanh tịnh ấy tưởng nhớ tượng Phật, thầm niệm danh hiệu, và kiêm tưởng niệm thánh tượng cùng danh hiệu đức Quán Âm. Quả được như thế, quyết định nghiệp chướng sẽ tiêu trừ, căn lành thêm lớn, tật bệnh mau thuyên và thân tâm yên ổn. Căn bệnh của các hạ vẫn thuộc về túc

ngiệp, bởi duyên niệm Phật mãnh liệt nên phát hiện, không phải hoàn toàn do quá dùng sức mà có ra. Giả sử không gặp nhân duyên niệm Phật quá sức ấy, nó cũng sẽ phát hiện bằng một nhân duyên khác. Giữa đời, người không niệm Phật rất nhiều, đâu phải tất cả đều không đau yếu, suốt đời mạnh khỏe đó ư? Hiểu rõ điều này, sẽ chẳng còn nhận lầm cho rằng niệm Phật thành bệnh, kết cuộc chỉ có tổn hại không được lợi ích.

Ấn Quang cùng các hạ chưa gặp mặt nhau lần nào mà có những lời thành thật chí thiết hôm nay vì xem các hạ như người thân thuộc. Bởi kẻ tu hành vẫn thể theo lòng từ bi của Phật, muốn cho người hữu duyên đều được vãng sanh ngay trong hiện đời. Pháp môn niệm Phật, nếu các hạ chưa tường tất, mỗi ngày nên xem qua vài thiên Văn sao để làm sự dẫn đạo cho đường tu. Thế mới không uổng một phen tri ngộ nhau trong thơ từ qua lại.

☸ 2 ☽

Các hạ đã tin nơi tôi, nên làm y theo lời tôi mới có thật ích. Chẳng thế thì tuy có tín tâm, chỉ gieo nhân lành về sau mà thôi. Chúng ta ở trong vòng sống chết luân hồi trải qua nhiều kiếp, gây nên nghiệp ác vô lượng vô biên. Nếu chỉ nương sức tu trì của mình, mong dứt hết phiền não, hoặc nghiệp để thoát nẻo luân hồi, việc ấy còn khó hơn lên trời. Như có thể tin pháp môn Tịnh Độ của đức Phật chỉ dạy, dùng lòng tín nguyện chơn thiết niệm danh hiệu Phật A Di Đà cầu

sanh Tây Phương, thì không luận nghiệp lực lớn, nhỏ, đều được nương nhờ từ lực vãng sanh Cực Lạc. Ví như một hạt cát nhỏ để vào nước liền chìm, trái lại, tảng đá dù nặng ngàn muôn cân, được chở trên chiếc thuyền to, cũng có thể đem đi nơi khác. Tảng đá là dụ cho nghiệp lực sâu nặng của chúng sanh, thuyền to là dụ cho từ lực rộng lớn của đức A Di Đà. Nếu không niệm Phật, chỉ nương sức tu trì của mình để thoát sanh tử, phải đợi đến địa vị nghiệp dứt tình không mới được. Chẳng thế thì dù có dứt được phiền hoặc chỉ còn như một sợi tơ, cũng không thể giải thoát. Đó là dụ cho hạt cát tuy rất nhỏ, nếu không có vật gì chở, khi để vào nước tất phải bị chìm. Các hạ nên sanh lòng tin, niệm Phật cầu sanh về Tây Phương đừng khởi những tư tưởng gì khác. Quả được như thế, thì tuổi thọ chưa hết bệnh sẽ mau lành, vì công đức chí thành niệm Phật, có thể dứt trừ ác nghiệp đời trước, như vàng hồng đã hiện, sương tuyết liền tan. Nếu số phần đã mãn, tất được vãng sanh, vì do tâm niệm chuyên nhất nên đạo cảm ứng giao thông, nhờ Phật xót thương tiếp dẫn. Như các hạ tin hiểu thấu đáo những lời trên đây, thì sống cũng được nhiều an vui, chết cũng được lợi ích hơn.

Lòng nóng giận là tập tánh từ kiếp trước, muốn đối trị, nên tưởng như mình đã chết. Thế thì mặc ai bôi hương thoa lọ, nơi ta nào có can gì? Dù gặp những cảnh trái lòng đến đâu nữa, cũng cứ tưởng rằng mình đã chết, tự nhiên tánh giận hờn không thể nổi lên. Đây là món ‘cam lồ pháp thủy’ của đức Như Lai truyền dạy, để rửa hết kết nghiệp của tất cả chúng sanh. Nay tôi vì các

hạ thuật lại, không phải tự tôi đặt điều ức thuyết. Nếu không niệm Phật cầu về Tây Phương, tuy sanh lên chỗ cực tôn quý như trời Phi Phi Tướng, khi phước báo đã hết, vẫn bị luân chuyển trong sáu đường. Như dùng hết lòng thành khẩn niệm Phật, dù sắp đọa vào địa ngục A Tỳ, cũng có thể nhờ Phật tiếp dẫn. Vậy muôn lần xin chớ tự coi là thấp kém, cho rằng mình nghiệp nặng e không được vãng sanh. Nếu cố giữ quan niệm ấy thì quyết định chẳng được sanh Tây Phương, vì bởi thiếu sự tín nguyện chơn thiết nên không do đâu để cảm đến Phật.

Quán Thế Âm Bồ Tát thành Phật đã từ lâu, chỉ vì lòng từ bi sâu thiết nên hiện thân trong chín pháp giới, dùng đủ phương tiện để độ thoát chúng sanh. (Chín pháp giới: Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, trời, người, A Tu La, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục). Riêng về pháp giới cõi người, Bồ Tát lại hiện nhiều thân sai khác, hoặc làm vua, quan, hoặc làm thường dân ẩn dật, hoặc làm phụ nữ, hoặc làm kẻ ăn xin... không nhất định. Vị chân tượng của Bồ Tát tốt đẹp nhiệm màu, người đời không thể hình dung được, nên khi vẽ ra phần nhiều giống với người nữ, chớ chẳng phải Bồ Tát nguyên là nữ thân. Nếu muốn cúng dường, nên đến đường Bắc Kinh, xóm Trường Khang, chỗ lưu thông Kinh Phật, thỉnh bức tượng Tây Phương Tam Thánh thứ bản đá, mua khung kính đem lồng vào. Như thế là vẹn toàn, vì có đủ đức Phật A Di Đà, Quán Âm và Thế Chí. Nơi phòng ngủ nếu không được tinh khiết, nên đem tượng Phật thờ ở

tịnh thất, mỗi ngày qua lạy và chiêm ngưỡng một đôi lần, thì trong tâm có thể ghi nhớ!

Niệm Phật tuy quý ở sự thanh khiết, nhưng với người bệnh có nhiều điều không thuận tiện, chỉ đem hết lòng thành niệm thầm hoặc ra tiếng, công đức cũng đồng nhau. Vì đức Phật vẫn rộng lòng thương xót, như cha mẹ đối với con. Khi con có bệnh không đem những nghi thức bình thường quở trách, mà còn xoa rờ thân thể gội rửa chỗ hôi nơ. Nếu khi con bệnh đã mạnh, mà còn bắt cha mẹ hầu hạ như khi đau yếu, đó là trái phép, trời đất sẽ không dung. Vậy các hạ không nên cho rằng nằm nơi giường bệnh niệm Phật thầm là có tội lỗi. Người mạnh khỏe khi nằm nghỉ còn nên niệm thầm, huống chi là người bệnh ư?

Thơ khuyên dạy một vị Tỳ Kheo Ni

Đêm ngày thắm thoát, mùa tiết đổi dời, thời gian chuyển biến âm thầm, không giây phút nào dừng nghỉ! Có phải tạo vật hiện ra tướng lưới rộng dài, diễn nói pháp mầu, cho chúng sanh nhận thấy kiếp người vô thường, vinh hoa giả tạm, mau tìm đường giải thoát để khỏi bị trầm luân đó ư? Người đã chán mùi phú quý, tìm học đạo mầu, phải gắng sức chuyên tu, chớ nên lần lựa qua ngày, vì mạng người chỉ mong manh trong hơi thở. Nên xét tự thân tuy là ngũ chướng, song tâm tánh vẫn đủ ba đức niết bàn, mà cố rửa sạch tập tánh người nữ và chuyên trì thánh hiệu đức A Di Đà. Thường tưởng nghĩ cõi Ta Bà rất nên nhơ ác, miền Cực Lạc chính là chốn gia hương, chớ mong phước báo hiện tại hoặc đời sau, chỉ nguyện khi mạng chung được về Cực Lạc. Nếu sớm chiều tha thiết, mỗi niệm không rời, niệm đến công sức thuần thực, tự nhiên đạo cảm ứng thông nhau, khi lâm chung chắc sẽ được toại nguyện. Lúc đã về Tịnh Độ, tổ ngộ lý vô sanh rồi, nhìn lại cõi Ta Bà, thấy sự vinh hiển giàu sang chẳng khác nào ánh nắng, hoa không và ngục tù, biển độc! Nhưng muốn đạt chí nguyện, điều cần yếu là trước phải dứt trừ tập nhiễm mới dễ thành tựu sự vãng sanh. Kinh Phật thường nói: ‘Người giàu sang khó học đạo, người nữ cũng khó học đạo.’ Bởi người giàu sang phần nhiều hay quen tánh kiêu mạn, xa xỉ, ít chịu nhún nhường để xét sửa mình và tiếp đãi người. Như thế, đâu dễ dứt

mối âu lo, xóa tan trần niệm, để cõi lòng vắng mà cầu đạo ư? Người nữ thì ưa sửa soạn dung nghi, thường đem lòng đổ ky, đâu biết rằng dù cho hương trời sắc nước, vẫn là túi phấn đầy nhơ; đã luyện huyễn hình, làm sao ngộ đạo? Đức Như Lai vì trị những chứng bệnh ấy, chỉ dạy pháp quán Tứ Niệm Xứ, quán thân không sạch, thọ là khổ, tâm vô thường và pháp vô ngã. Nếu thành tựu pháp quán này, thì lòng tập nhiễm luyện sắc thân, cật quyền thế, sẽ tiêu diệt như điểm tuyết giữa lò hồng.

Người dẫu là người nữ dòng trâm anh đi xuất gia, cần phải trừ sạch tập tánh kiêu xa, trang điểm, khiến cho không còn mảy may nào, về sau mới có phần thoát khổ. Hiện nay chánh pháp suy yếu, ma ngoại tung hoành, khó gặp được thầy hay bạn tốt, phải tìm thầy bạn trong gương mẫu của người xưa. Nên đọc kỹ những quyển: Tỳ Kheo Ni Truyện, Thiện Nữ Nhơn Truyện, Tịnh Độ Thập Yếu, Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, mới tìm được những tấm gương sáng, không còn sợ lạc vào đường tà. Gần đây tăng ni ít bậc thanh tu, phần nhiều là kẻ không đúng pháp, chẳng nên lạm thu đồ chúng, để tránh sự hư rối trong đạo Phật. Lại giữ mình theo thanh quy, gắng sức tu tịnh nghiệp, làm sao cho khi sống thành người khuôn mẫu, lúc thác dự hội Liên Trì. Như thế mới không phụ chí vượt ra hầm lửa muôn tầm, mới chẳng uống làm con của Phật.

Phải cương quyết cố gắng, chớ quên lời ta!

Thơ đáp Cư Sĩ Phạm Cổ Nông

Trung ấm tức là thần thức, chớ không phải thần thức hóa làm trung ấm thân. Đây chính là linh hồn mà người thế tục đã thường gọi. Cái thuyết trung ấm thân bảy ngày sống chết một lần và qua bốn mươi chín ngày phải đi đầu thai, không nên nê chấp. Nói trung ấm thân sống chết là chỉ cho trong tâm vô minh của kẻ kia hiện ra tướng sanh diệt, đừng nên quá quê thật, luận theo trạng thái sống chết của người đời.

Sự thọ sanh của thân trung ấm nơi sáu đường ba cõi, mau thì chừng trong khoảng khảy ngón tay, lâu hoặc bốn mươi chín ngày hay nhiều hơn không nhất định. Những vong mới chết có thể hiện thân trước người quen thuộc, hoặc cùng tiếp xúc nói chuyện trong ban ngày hay ban đêm. Không phải chỉ riêng trung ấm thân mới được như thế, mà người đã sanh về cõi dữ, lành, đôi khi cũng có thể hiện hình cho bà con quen thuộc thấy. Đây tuy là ý niệm của người ấy hiện ra, song kỳ thật cơ quyền biến do tạo hóa thần kỳ sắp đặt, để tỏ cho đời biết: người chết hồn chẳng tan mất và quả báo lành dữ vẫn không sai. Nếu chẳng thế thì kẻ dương gian không thể biết được việc âm ty, rồi do đó những tà luận mù quáng phụ họa nổi lên, bảo rằng chết là mất, không có nhân quả, đời sau, khiến cho người lành không gắng công tu đức, kẻ ác lại càng hung hiểm tung hoành. Thế thì dù có lời Phật dạy, lấy đâu để chứng minh, và ai chịu tin nhận? Cho nên các sự hiện

hình ấy đã chứng cho lời Phật không sai, nhân quả có thật, người lành thấy thế càng làm lành, mà kẻ dữ cũng bị tình lý đó chiết phục, không đến nỗi mười phần quyết liệt. Trời đất quỷ thần muốn cho người đời biết rõ việc ấy; nên mới có những sự người chết hiện hình nơi dương gian, kẻ dương gian xử đoán hình phạt dưới âm phủ, để phụ dục Phật Pháp và giúp đạo trị an. Lúc này rất nhiệm mầu và sự quan hệ cũng rất lớn. Những việc như thế, xưa nay sách vở chép cũng nhiều, song đều chưa nói rõ cơ quyền biến ấy do từ đâu, và có những gì quan hệ lợi ích?

Linh hồn tuy lìa xác thân, nhưng vẫn còn có tình chấp về xác thân y như cũ. Đã có tình chấp ấy, tất phải cần dùng đến sự ăn mặc để tư dưỡng. Sở dĩ như thế, vì phạm phu nghiệp chướng sâu nặng, chẳng biết ngũ uẩn vốn không, nên vẫn cùng người đời không khác. Nếu là bậc đại trí huệ, thì liền thoát thế không còn nương tựa vào đâu, các sự khổ tiêu diệt, ngũ uẩn rỗng không, muôn đức trọn bày, chơn thân hiển lộ. Cảnh giới của thân trung ấm dị đồng không nhất định, nên sự thọ hưởng đều tùy theo tình chấp của mỗi người. Như việc đốt giấy áo, đối với người sống duy có quan niệm cấp cho áo, còn sự rộng hẹp vẫn dài, đâu có thể mỗi mỗi đều phù hợp. Nhưng do nơi tình chấp của người sống và kẻ chết, nên những quần áo ấy vẫn vừa vặn như thường. Điều này có thể chỉ cho ta biết đại nghĩa: ‘Tất cả các pháp đều do tâm chuyển biến.’

Người chết rồi, khi còn chưa thọ sanh trong sáu đường gọi là trung ấm thân. Nếu thọ sanh thì chẳng

còn là trung ấm thân, và sự dựa vào người mà nói việc khổ vui, đều là tác dụng của thần thức. Sự đầu thai tất do thần thức cùng tinh huyết cha mẹ hòa hợp, nên lúc người đàn bà có mang, thì thần thức đã có trong thai. Nhưng tại sao đôi khi người mẹ chuyển bụng, thấy có kẻ đi vào nhà rồi mới sanh? Đây là trường hợp lúc cha mẹ giao cấu, có linh hồn khác đến thay thế để thọ thai, đến khi cái thai đã thành, vong chánh mới đến, vong thay thế liền đi. Trong bộ ‘Dục Hải Hồi Cường’ quyển thứ ba, trang 8, 9, 10, 11, 12 cũng có nghi vấn này mà nguyên đáp không đúng lý; tôi xin vì cải chánh, sau các hạ nên tìm tra lại sẽ rõ. Nguyên đáp trong ấy đưa ra tỷ dụ như vậy: ‘Ví như trứng gà, có trứng có trống, có trứng không trống...’ Không khi nào thần thức vào thai mà giống như trứng gà không trống. Bởi trứng không trống là trứng hư, không thể nở ra con, còn trường hợp trên, người mẹ vẫn sanh con như thường. Nay tôi lấy lý để biện minh, không sợ mang lỗi tiếm viết, nên vì các hạ trình bày. Thuở xưa, bà mẹ của ông Viên Trạch mang thai ba năm, có lẽ cũng thuộc về tình trạng thay thế đã nói trên. Nhưng đây là ước theo lối thông thường mà luận, phải biết nghiệp lực của chúng sanh không thể nghĩ bàn! Như người tu tịnh nghiệp đã thành, thân tuy chưa chết mà thần thức đã hiện nơi Tịnh Độ. Và kẻ nghiệp ác nặng, thân còn nằm trên giường bệnh mà linh hồn đã chịu hình phạt dưới cõi u minh. Thế thì mạng tuy chưa dứt, thần thức đã đầu thai, đợi đến khi sắp sanh, toàn phần tâm thức mới phụ vào thai thể, lý

này chẳng phải là không có, nhưng thông thường, sự thay thế thọ thai vẫn nhiều hơn.

Trong ba cõi, các pháp đều duy tâm hiện. Chúng sanh tuy mê chẳng biết, nhưng chính chỗ nghiệp lực không thể nghĩ bàn ấy, là chỗ tâm lực không thể nghĩ bàn, mà cũng là chỗ thần thông đạo lực của chư Phật không thể nghĩ bàn vậy. Ấn Quang tôi, hơn mười năm gần đây, vì sức mắt yếu không xem nhiều được, nên không thể rộng dẫn kinh luận để chứng minh. Tuy nhiên, lý ấy vẫn chân thật, chẳng phải tôi dám đưa ra điều ước kiến, để rước lấy sự tội khiên. Sống chết là việc lớn của chúng sanh, nhân quả là đại quyền trong cơ giáo hóa. Mong rằng các hạ không tiếc lời văn quảng trường thiệt, một phen đem việc nhân quả báo ứng giúp cho mọi người đều chuyển phiền não sanh tử thành bồ đề niết bàn. Như thế pháp môn cùng chúng sanh xiết bao hân hạnh!!

Thơ khuyên người mới phát tâm học Phật

☸ 1 ☸

Tôi thường nói: Muốn được sự thật ích của Phật Pháp, phải tìm nơi lòng kính sợ. Có một phần cung kính, tiêu một phần tội nghiệp, thêm một phần phước huệ. Có mười phần cung kính, tiêu mười phần tội nghiệp, thêm mười phần phước huệ. Nếu không may cung kính, thì sự tụng kinh niệm Phật tuy chẳng phải hoàn toàn không lợi ích, nhưng do tội khinh lờn ấy, trước phải bị nhiều kiếp đọa vào tam đồ. Đến khi tội hết, mới nương thân nơi nhân lành ấy, lại được nghe pháp tu hành, ăn chay niệm Phật, cầu về Tây Phương để thoát đường sanh tử? Nếu hiện đời này hết lòng thành kính, thì hiện đời có thể nương sức từ của Phật đối nghiệp vãng sanh. Và một phen được vãng sanh, thì vượt phàm vào thánh, thoát khỏi luân hồi, hằng xa lìa các sự khổ, chỉ thuần hưởng những điều vui.

☸ 2 ☸

Con người tu phước và tạo nghiệp, tóm lại chẳng qua ba nghiệp sáu căn. Sáu căn là: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Năm căn trước thuộc về thân nghiệp, một ý căn sau thuộc về tâm, tức là ý nghiệp. Ba nghiệp là nghiệp thân, khẩu, và ý.

Thân nghiệp có ba: sát sanh, trộm cắp, tà dâm. Ba việc này tội rất nặng, người học Phật phải để tâm gìn giữ. Về phần sát sanh: phàm là động vật, tất đều biết

tham sống sợ chết, ta không nên giết hại, nếu giết mà ăn thịt thì sẽ kết thành nghiệp sát, đời sau phải bị nó giết lại. Vậy người Phật tử nên ăn chay và yêu tiếc sanh mạng. Về phần trộm cắp: chẳng luận vật lớn nhỏ của người khác, ta không nên lấy khi người không cho. Trộm vật nhỏ thì mất nhân cách mình, trộm vật lớn thì hại thân mạng người. Trộm đồ vật người xem dường như có lợi, nhưng thật ra chính mình bị giảm phước thọ, có khi mất tánh mạng, so với của trộm được, sự tổn thất lại càng nhiều hơn bội phần. Nếu dùng mưu kế lấy, hoặc dùng thế lực ép bức lấy, hay thàm lén mà lấy, đều thuộc về trộm cắp. Người trộm cắp, tất sanh con lưu đãng, trái lại kẻ liêm khiết thì sanh con hiền lương, đây là nhân quả nhất định theo lý thiên nhiên vậy. Về phần tà dâm: nếu chẳng phải thê thiếp của mình, thì không luận kẻ sang hèn, đều không được cùng nhau làm điều tà dâm. Tà dâm là việc trái ngược như luân, chính là đem thân người mà làm hạnh súc sanh, hiện đời đã như thế, kiếp sau khó khỏi đọa vào súc loại. Người đời cho việc con gái lang chạ là điều sỉ hổ, nhưng đâu nghĩ rằng con trai tà dâm nào có khác chi? Kẻ tà dâm tất sanh con không trinh khiết, có ai lại muốn cho con cái mình không trinh khiết ư? Ấy cũng bởi chính mình trước đã làm việc đó, con cái thọ bầm khí chất của mình, quyết khó được trinh chánh. Lại nữa, chẳng những không được dâm theo ngoại sắc, mà vợ chồng chung chạ với nhau cũng phải có hạn chế; nếu chẳng thế thì con người dễ bị suy tàn hoặc phải chết non. Kẻ tham việc phòng thất rất khó sanh con, dù sanh cũng khó nên người, và dù cho

được nên người cũng là kẻ yếu đuối không thành tựu việc chi. Tình đời cho hành dâm là vui, đâu biết vui trong giây phút, khổ đến trọn đời, có khi còn di hại cho con cháu nữa! Ba điều trên đây không làm thì thân nghiệp lành, làm thì thân nghiệp ác.

Khẩu nghiệp có bốn: nói dối, nói trau chuốt, nói đôi chiều, nói hung ác. Nói dối là nói lời không thành thật, lời đã không thành thật thì tâm cũng không thành thật, do đó nhân cách bị tổn thất rất nhiều. Nói trau chuốt là nói lời phù phiếm hoa tình, khiến cho người sanh ra tâm niệm dâm dăng. Những thanh thiếu niên còn non dại nghe lời ấy lâu, nếu không tà dâm cho mất nhân cách, thì cũng làm việc thủ dâm để hại sắc thân. Kẻ nói lời có hại cho người như thế, dù không tà dâm cũng phải bị đọa vào đại địa ngục, từ trong địa ngục ra, hoặc làm giống cái trong loài súc vật. Nếu sanh trong loài người, sẽ làm hạng gái lầu xanh, ban sơ còn tuổi trẻ sắc đẹp cũng chưa mấy khổ, lần lần nọc độc phong tình phát ra, sự khổ sở sẽ không cùng. Đã có miệng khéo nói năng, sao chẳng vì người chỉ đường hạnh phúc, lại thốt chi những lời tà vạy trau chuốt để gây họa cho chính mình và kẻ khác ư? Nói đôi chiều là nói khiêu khích thọc mách sự phải quấy của đôi bên, nhỏ thì làm lạc người, lớn thì hư nhà hại nước. Nói hung ác là nói lời ác độc như gươm đao, khiến cho người khó nhẫn chịu sanh ra buồn khổ. Bốn điều này không làm thì khẩu nghiệp lành, làm thì khẩu nghiệp ác.

Ý nghiệp có ba: tham dục, giận hờn và ngu si. Tham dục là đối với tiền tài, ruộng đất, đồ vật v.v... đều

muốn cho về nơi mình, dù được nhiều vẫn còn thấy ít. Giận hờn là: không luận mình phải hay quấy, nếu có ai không thuận theo bốn ý, liền phát sanh giận dữ, dù kẻ khác dùng lễ phải khuyên bảo cũng chẳng nghe theo. Ngu si là chẳng phải tuyệt nhiên không biết việc chi. Chính như kẻ đọc hết sách thế gian, văn từ qua mắt liền thông thuộc, miệng mở thành thi bài, mà không tin lý nhân quả ba đời cùng sự luân hồi sáu nẻo, cho rằng người chết thì mất, không có đời sau v.v... đều gọi là ngu si. Những sự hiểu biết như thế làm cho hư nước hại dân còn quá hơn nạn nước lụt, thú dữ. Ba điều này không làm thì ý nghiệp lành, làm thì ý nghiệp ác. Người ba nghiệp thân, khẩu, ý đều lành, khi tụng kinh niệm Phật, công đức lớn hơn kẻ ba nghiệp ác gấp trăm ngàn lần.

☸ 3 ☸

Người học Phật cần phải giữ lòng tốt, nói lời tốt và làm việc tốt. Giữ lòng tốt là không nên khởi những tâm niệm ác, trái chánh lý, có hại cho mình và người. Nếu tâm niệm ấy thoát nổi lên, phải lập tức sanh lòng hổ thẹn sám hối, khiến cho nó liền tiêu diệt. Lại phải giữ gìn những tâm niệm: hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ, có lợi vật lợi người. Đối với điều lành, sức mình có thể làm được việc chi, nên thiết thật mà làm; nếu không làm được thì cũng nên thường tâm niệm. Nói lời tốt là nói lời có ích cho người và vật, chớ không phải nói xu phụ cốt để cho người vui vẻ vừa lòng là lời

tốt đâu. Đây chính là nói những lời răn dạy con cái, khuyên người làm lành, lánh dữ, giữ trọn như luân, gắng tu phước huệ. Làm việc tốt là phải thật hành việc hiếu thảo cha mẹ, cung kính sư trưởng, hòa thuận anh em, khuyến hóa mọi người. Và với những việc lễ sám, niệm Phật, tụng kinh, thân tâm phải chí thành cung kính.

☯ 4 ☯

Người học Phật, ban đêm không nên ở trần, mặc quần đùi mà ngủ. Vì một Phật tử lúc nào cũng phải gìn lòng như đối trước Phật. Đến bữa cơm không nên ăn quá độ, thức ăn dù ngon, hạp miệng cũng chỉ nên ăn tám chín phần mà thôi. Nếu ăn đủ mười phần thì kẻ khác bị thiếu, mà tạng phủ mình cũng thọ thương. Phước đức của phàm phu đâu có bao nhiêu, nếu thường ăn như thế, thọ lộc phải giảm. Vả lại khi ăn quá nhiều, thân tâm mờ mịt, nếu thực phẩm không tiêu, tất ra hơi dưới. Việc này rất không thanh nhã, tội lỗi rất to. Như sự đốt hương ở điện Phật chẳng qua là để tiêu biểu lòng cung kính, xét lại mùi thơm đâu có bao nhiêu? Nếu ăn quá no để cho ra hơi dưới... mùi hôi thúi xông đến Tam Bảo, thì đời sau tất phải bị quả báo làm loài giòi. Vậy muốn tránh lỗi ấy, tốt hơn là nên ăn cho có điều độ. Thảng như bao tử yếu bị chứng hàn, món ăn khó tiêu, cảm thấy muốn ra hơi dưới, thì nên bước ra ngoài, đến chỗ trống cho ra, đợi khi hơi tan lại đi vào trong. Nếu có việc không ra ngoài được, thì phải dùng sức nén lại, giây phút hơi sẽ tiêu tan ở trong bụng. Có

kể cho rằng làm như thế e sanh ra bệnh, lời này không nên nghe theo, vì nếu giữ một chút vệ sinh không đáng vào đầu mà để cho ra hơi dưới nơi điện Phật, nhà tăng, thì khổ báo của tội lỗi còn nặng gấp hơn muôn phần. Trong giới luật của Phật chế, chưa nói đến việc này, có lẽ người xưa thân thể mạnh khỏe, không tham ăn, chẳng có điều bất nhĩ ấy, nên Phật chưa nói, nếu như có, tất Phật đã nói ra rồi! Vậy chớ cho rằng Phật không chế giới ngăn cấm điều ấy, mà tùy ý cho ra hơi dưới. Làm như thế là tự rước lấy sự đọa lạc, chừng ấy Phật muốn cứu độ cũng không biết làm sao? Thuở xưa đức Khổng Tử lấy tư cách bậc thánh nhân đến châu vị quốc quân phàm phu, khi còn ở dưới thềm sắp muốn bước vào triều, đã nén nhẹ hơi thở, hướng chi lúc đối trước mặt vua? Cho nên, sách Luận Ngữ nói: ‘So vạt áo bước lên đền, thân mình cúi xuống, nhẹ hơi dường như không thở.’ Chúng ta là phàm phu đầy nghiệp lực, đang lúc ở nơi điện Phật, một đấng trời trong hàng trời, thánh trong hàng thánh, là chỗ Tam Bảo đầy đủ mà không để tâm thúc liễm, mặc ý cho ra hơi hôi thúi nơi dưới, tội lỗi ấy lớn biết chừng bao? Xin chớ cho rằng tôi nói ra đây việc không thanh nhã, tôi chẳng ngại gì mang tiếng không thanh nhã, chỉ sợ cho những kẻ thô suất làm gây ra nhân đọa lạc làm loài giòi tửa đó thôi.

❧ 5 ❧

Người học Phật, sớm mai thức dậy và sau khi đại tiểu tiện đều phải rửa tay. Khi dùng tay gãi nơi thân, chà dưới chân cùng rờ các chỗ không sạch khác, đều

cũng phải rửa. Dù tháng nóng nực, cũng không nên tự do mở nút áo để phơi ngực hoặc vén quần bày bắp vế. Tùy tiện khạc đàm hỉ mũi là một việc rất tổn phước. Chẳng những ở trong Phật điện, Tăng đường, không được hỉ nhổ, mà bên ngoài điện đường chỗ đất sạch sẽ cũng không nên làm việc ấy, vì nơi đất sạch mà bị khạc nhổ, thì liền hiện ra tướng dơ. Có người thô tháo không kiêng dè, cứ hỉ nhổ bừa trong phòng, trên đất, nơi tường, thành ra trong nhà chỗ nào cũng có đàm dãi. Kẻ ấy cho rằng khạc đàm là được thông trệ và bỏ chất nhơ ra ngoài, nhưng không dè mỗi ngày thường nhổ như thế thì bao nhiêu tinh hoa của chất ăn uống đều biến thành đàm, nhiều ngày sẽ sanh ra bệnh. Trong thân người có gì tinh sạch, tốt hơn là nên nuốt đi, lâu ngày sẽ không còn đàm nữa. Đây là phương pháp dùng đàm trừ đàm rất thần diệu. Nếu không nuốt được thì nên nhổ vào khăn tay, phải hành động cho khéo đừng để người thấy. Nhưng việc này cũng nhọc công và không sạch, chẳng bằng nuốt đi, đã không nhọc nhằn lại không bày ra sự nhơ nhớp; hơn nữa còn dứt được bệnh đàm. Vài điều trên đây, dường như không đáng nói, có kẻ lại cho rằng nhỏ nhặt không mấy để tâm. Nhưng người học Phật phải giữ tư cách lễ nghi và biết sợ tội, nếu chẳng thế thì thành ra kẻ thô tháo sỗ sàng, hiện đời phước giảm tội thêm, kiếp sau phải bị đọa lạc.



Người học Phật, một cử động đều phải lưu tâm. Trong khi niệm Phật, cần phải chí thành, nếu có lúc thấy nơi lòng sanh ra bi cảm đó là tướng căn lành phát hiện. Tuy nhiên, cũng cần phải dè dặt, đừng để cho nguồn bi cảm thường thường phát lộ, nếu chẳng thế tất sẽ bị loài ma bi thương nhập vào. Phàm có việc chi vừa ý cũng không nên quá vui mừng, vui mừng quá độ sẽ bị loài ma hoan hỷ ám nhập. Khi niệm Phật, mí mắt phải sụp xuống và không nên quá dùng tinh thần khiến cho tâm hỏa bùng lên. Những lúc cảm thấy trên đỉnh đầu tê rần ngứa nhức, đó là hiện tượng dùng tinh thần chuyên chú nhiều, cần phải điều độ cho vừa chừng. Khi niệm ra tiếng, không nên dùng sức lắm, phải ngừa sự mang bệnh. Lần chuỗi mà niệm có thể trừ chứng biếng trễ, nhưng khi ngồi yên không nên lần, lần thì tay động tâm thần mỗi nhọc không an, lâu ngày tất mang bệnh.

๘ ๗ ๘

Người học Phật, khi xem kinh luận và các sách vở, chẳng nên quá vội vàng, vội vàng thì tâm thần rối loạn không yên, rất khó hiểu được ý thú. Đời nay, nhiều người có đôi chút thông minh, khi được một bộ kinh sách liền quên ăn bỏ ngủ, xem một lần cho hết. Qua đến lần thứ hai thì không còn hứng thú xem nữa, dù có xem cũng như trạng thái phờ phạc mất thần. Hạng người này khó làm thành tựu việc chi, vậy phải gắng răn giữ. Ông Tô Đông Pha nói: ‘Sách xưa chẳng chán trăm lần đọc. Đọc kỹ suy cùng ý vị sâu!’ Đúc

Khổng Tử là bậc thánh nhân, mà còn đọc Kinh Dịch nhiều phen, đến nỗi dây sách ba lần mòn đứt. Tư chất như Ngài, văn từ qua mắt liền thông thuộc, tại sao lại cần phải xem văn mà đọc? Nên biết xem văn có chỗ rất hay, bởi đọc thuộc lòng phần nhiều là sự làu thông ngoài miệng, xem văn thì dễ biết ý thú mỗi chữ mỗi câu. Vậy chúng ta lấy đó làm gương, đừng một mặt ưa đọc thuộc lòng để tỏ ra mình là người thông minh nhớ giỏi...

Thơ đáp Cư Sĩ Châu Tụng Nghiêu

(Phụ Nguyên Thơ)

Nay đệ tử có một nghi vấn, cầu xin lão Pháp Sư từ bi chỉ bảo:

Đệ tử ăn chay niệm Phật đã nhiều năm, nghe dạy rằng: Những người tin tưởng Phật, sẽ được chư Phật trong mười phương ba đời hộ niệm, các vị Thiên Long Bát Bộ, Đại Lực Thần Vương thường theo hộ trì, nghiệp ác đời trước lần lần tiêu trừ, dù có oan gia đối đầu cũng không thể làm hại. Mấy điều trên đây căn cứ trong Kinh Phật, quyết không phải là lời nói suông. Nhưng vào khoảng tháng ba này, nhân tiếp được tin tức của người bà con từ Thượng Hải gửi về, khiến đệ tử vô cùng ngạc nhiên! Theo tin ấy cho biết: Bà Trương Thái Thái là người rất tin Phật, ăn chay đã hơn hai mươi năm, thường đến Cư Sĩ Lâm nghe giảng kinh pháp. Bà ấy hiền hậu nhân đức, ưa làm lành, gặp ai cũng đều khuyên ăn chay niệm Phật. Không ngờ một hôm đang đi trên lộ để đem đồ ăn chay cho một vị sư huynh, bà bị xe cán chết. Lúc ấy vì không có ai nhìn, nên nhân viên tuần phòng chở đi, đến ba ngày sau con cháu hay được mới xin đem về chôn cất. Đệ tử nghe tin ấy trong lòng kinh ngạc phi thường, đến nay vẫn còn nghi ngờ chưa hiểu. Việc này nếu người trong Phật học hội nghe được, chắc cũng bàng hoàng không an. Cho nên đệ tử dâng lên bức thơ này, cầu xin lão Pháp Sư chỉ dạy, nói rõ nguyên do vì sao bà họ Trương lại bị cái chết thảm khốc như thế. Và kết cuộc, bà có được vãng sanh về Tây Phương hay chăng?

Xin lão Pháp Sư mở lời minh huấn để cho nhiều người yên tâm niệm Phật. Ân đức ấy đệ tử cảm bội không cùng!

Tiếp được thư, biết người đối với đạo lý Phật Pháp còn chưa hiểu rõ. Chúng ta từ vô thủy đến nay, đã tạo nghiệp ác vô lượng vô biên! Kinh Hoa Nghiêm nói: ‘Giả sử nghiệp ác có thể tướng, mười phương hư không chẳng dung chứa hết.’ Nên biết sự tu trì của hành nhơn, nếu quả chí thành không dối, thì có thể chuyển trọng báo, hậu báo thành hiện báo, khinh báo. Người phạm mất thịt chỉ thấy sự kiết hung trước mắt, đâu biết được việc nhân quả đời trước và đời sau.

Bà họ Trương ấy nhiều năm tinh tu, một sớm chết thảm, hoặc giả do sự khổ đó mà tiêu được ác báo tam đồ, sanh về cõi Thiên. Nếu trong hiện đời bà tin sâu nguyện thiết thì cũng có thể sanh về Tây Phương. Nhưng chúng ta đã không có tha tâm đạo nhơn, nên không dám ỨC ĐOÁN QUYẾT CHẮC bà có được vãng sanh cùng chăng? Việc có thể quyết định là: làm lành tất được quả lành, làm dữ phải mang ác báo. Nếu làm lành mà bị quả dữ, đó là quả báo của nghiệp ác đời trước, chẳng phải quả báo của nghiệp lành đời này. Các người thấy bà lão bị sự chết khổ như thế, liền nghĩ lầm rằng việc lành không đáng làm, bởi làm lành không được phước, nên mới sợ hãi nghi ngờ. Sự nhận thức đó đâu có khác gì người chưa nghe hiểu Phật Pháp? Nếu người đã tin chắc lời của Phật, quyết không vì việc ấy mà lộ ra vẻ sững sốt kinh hoàng. Bởi việc nhân quả

trùng điệp không cùng, có khi nhân này chưa trả, quả nọ đã chín mùi, ví như gieo giống sớm thì gặt sớm, lại như thiếu nợ, chủ nợ mạnh lời kéo trước tiên.

Thuở xưa, có người một đời làm lành, khi lâm chung lại bị chết thảm để trả xong nghiệp trước, đời sau lại được phú quý vinh hoa. Như đời Tống một vị tăng ở chùa A Dục Vương muốn trùng tu tòa điện tháp thờ Xá Lợi nghĩ rằng Cần Thân Vương có thế lực, mới đến quyên mộ. Chẳng dè kết quả số tiền quyên không được bao nhiêu, bốn nguyện không thành, vị tăng buồn bã, lấy búa chặt tay trước đền Xá Lợi, máu ra nhiều liền chết. Cùng trong lúc ấy, Cần Thân Vương sanh ra một đứa con. Từ khi mới lọt lòng, đứa bé thường khóc mãi không thôi. Bà vú bế nó đi chơi, đến chỗ treo bản đồ xây tháp Xá Lợi thì đứa bé không khóc, bỗng đi lại khóc to lên. Bà vú không biết làm sao, mới gỡ bản đồ xuống thường cầm để trước mặt nó, từ đó đứa bé không khóc nữa. Vương nghe chuyện ấy lấy làm lạ liền sai người đến chùa A Dục hỏi thăm vị tăng khi trước, mới hay ông chặt tay chết đúng vào ngày sanh của con mình. Do nhân duyên đó, Thân Vương một mình đứng ra sửa lại điện Xá Lợi. Đến khi đứa bé ấy được hai mươi tuổi, nhằm lúc vua Ninh Tông băng, không có Thái Tử kế vị, mới di chiếu lập con của Cần Thân Vương lên làm vua. Cậu bé về sau được làm Hoàng Đế bốn mươi một năm, tức là vua Lý Tông nhà Tống vậy.

Cái chết của vị tăng cũng là cái chết thảm. Nếu không có sự khóc mãi chẳng thôi và khi thấy bản đồ tháp Xá Lợi liền nín lặng, thì đâu ai biết được đứa bé là

thân sau của vị tăng đã chết thảm kia? Việc này chép ở tập A Dục Vương Sơn Chí, mà trong năm Quang Tự thứ hai mươi mốt, tôi nhân đi lễ tháp Xá Lợi vài mươi ngày, đã được xem qua. Người rõ lý mặc dù cảnh ngộ thế nào, cũng quyết không nghi nhân quả sai lầm, lời Phật hư dối. Kẻ không rõ lý, chấp chặt một khuôn khổ, chẳng biết có nhân quả phức tạp, cho nên sanh lòng nghi nan, truy ra đều do không có chánh kiến. Như chỗ người nói: người niệm Phật có Tam Bảo gia bị, long thiên hộ trì, đó vẫn là lẽ nhất định không còn sai lầm. Nhưng đối với việc chuyển quả báo nặng đời sau thành quả báo nhẹ đời này, người còn chưa rõ biết, nên không khỏi có sự nghi ngờ bàn bạc không hợp lý kia. Thuở xưa, ở Tây Vực, Giới Hiền Luận Sư là bậc đạo đức cao trong một thời, tiếng đồn vang khắp bốn xứ Thiên Trúc. Do vì túc nghiệp, Luận Sư mang chứng bệnh dữ, đau đớn vô cùng, chịu không kham, nên sắp muốn tự tận. Vừa trong đêm ấy, Luận Sư nằm mơ thấy ba vị Bồ Tát: Văn Thù, Phổ Hiền, Quán Thế Âm giáng lâm bảo rằng: ‘Người trong kiếp về trước, nhiều đời làm vị quốc vương, bởi nã hại chúng sanh, nên sẽ phải bị lâu dài đọa vào ác đạo. Nhưng do đời nay người có công hoằng dương Phật Pháp nên chuyển lại chịu sự khổ nhỏ ở nhân gian để tiêu trừ sự khổ lớn nhiều kiếp nơi địa ngục. Vậy người gắng nhẫn chịu, chớ nên buồn rầu mà tính việc chi khác. Trong ba năm nữa, ở xứ Đại Đường có vị tăng tên Huyền Trang, sẽ đến đây thọ pháp với người.’ Giới Hiền Luận Sư nghe rồi liền rán chịu khổ sám hối lâu ngày bệnh lần lần thuyên giảm. Qua ba

năm sau, Huyền Trang đến chùa Na Lan Đà, Giới Công bảo đệ tử nói trạng thái bệnh khổ của mình, chính người thuật lại cũng ghen ngào rơi lệ. Bao nhiêu đó cũng đủ biết sự khổ ấy là dường nào rồi! Nếu ba vị Bồ Tát không nói rõ nhân duyên kiếp trước, người đời sẽ bảo ngài Giới Hiền chẳng phải là bậc đạo đức cao tăng. Hoặc có kẻ lại cho rằng: một vị đại tu hành mà còn bị chứng bệnh trầm thế ấy, thì Phật Pháp có chi là linh nghiệm?

Tóm lại, chỗ hiểu biết của các người còn cạn, nên vừa thấy việc chi hơi khác liền sanh lòng kinh nghi. Hành vi ấy có thể khiến cho kẻ ít căn lành thối thất lòng đạo. Nếu thấy người làm ác mà hiện đời được phước báo, chắc các người cũng khởi niệm hiểu lầm như thế. Nên biết đó chẳng qua là sự chuyển biến của những lớp tiền nhân hậu quả phức tạp không đồng, để đổi quả nặng đời sau làm quả nhẹ hiện tại, hay chuyển quả nhẹ hiện tại thành quả nặng đời sau mà thôi.

Thơ đáp Cư Sĩ Dương Đức Quan

Về việc ông Hoàng Hậu Giác, hiện tượng ấy rất có lợi ích cho người học Phật. Sự kết quả được vãng sanh hay bị đọa lạc của ông, hãy tạm gác qua một bên; nếu quả người niệm Phật biết đến hiện tượng của ông lúc lâm chung, quyết không dám hững hờ với con đường giải thoát.

Xem qua thành tích, dường như ông là người có tâm chí thành. Nhưng nhìn vào cảnh tượng hiện ra lúc lâm chung, ta xét thấy lúc bình thời ông chưa thật tâm dụng công trong sự tu niệm. Hiện tượng ấy phần nhiều là do những nghiệp bản sển tiền của hoặc lời nói làm hại mạng người xui khiến ra. (Bản sển lời nói làm hại mạng người là như mình biết chỗ kia có giặc và biết nơi khác có thể trốn lánh được, mà vì không lòng từ bi, ưa thấy người mang họa, nên không chịu nói ra. Tâm hạnh ấy làm xúc động sự hờn giận của quỷ thần, nên khiến cho khi lâm chung hiện ra cảnh tượng: nói không được và ghét nghe tiếng niệm Phật). Lại nữa, sự hiện ra tướng trạng một đôi giờ trần trở không chịu chết, để đợi đến khi những người trợ niệm đi rồi, chưa bao lâu liền chết, hoàn toàn hợp với cảnh nghiệp của kẻ bản sển tiền của cùng lời nói làm hại mạng người. Trạng thái ấy chứng tỏ dù không đọa vào loài ngạ quỷ, cũng là khí phần của ngạ quỷ. Một vị nào đó căn cứ nơi sức trợ niệm bằng chú lực của cư sĩ Diệc Tử Tuấn bảo rằng ông Giác được vãng sanh, song theo ý tôi: chú lực tuy không thể nghĩ

bàn, nhưng nếu nghiệp lực nặng cũng không dễ gì được lợi ích. Nếu như ông Giác được vãng sanh, tất phải có tướng trạng gì khác để chứng thật, vậy cũng không nên ước đoán sai lầm. Có vị lại quả quyết rằng, ông ấy đã đọa vào đường ngạ quỷ. Theo như hiện tượng của ông Giác, thì lời nói sau này tự hồ có chỗ y cứ. Nhưng hoặc nhờ con cháu thành khẩn và các cư sĩ trợ niệm, hoặc do chính ông ấy sám hối trong tâm, có thể tội của ông được giảm khinh, không đến nỗi đọa ngay vào đường ngạ quỷ.

Hiện thời, việc đáng làm là con cái cùng quyến thuộc của người quá vãng phải nghĩ đến sự khổ của vong nhân, phát lòng lợi mình lợi người thay vì kẻ chết niệm Phật, cầu Phật thương xót tiếp dẫn vãng sanh. Nếu lòng thành khẩn được đến cùng thì sự vãng sanh có thể dự đoán, bởi lẽ cha con thiên tánh quan hệ lẫn nhau, và tâm Phật có cảm tất liền ứng. Như người trong quyến thuộc lơ lơ láo láo làm cho xong việc thì vong nhân nghiệp chướng không tiêu và khó mong được tiếp dẫn. Điều này quan hệ phi thường vì sai một ly lạc đi ngàn dặm.

Việc trên đây nhắc nhở cho ta biết người niệm Phật đối với mình phải thiết thật sửa trừ tâm tánh xấu xa, với người phải dùng phương tiện giúp đỡ. Những điều đáng nói, tuy kẻ cùng ta có oán thù cũng phải vì họ nói, khiến cho kẻ ấy sanh phước khỏi họa, là khổ được vui. Lúc bình thời phải khẳng khẳng thiết thiết vì người nói việc luân hồi nhân quả, niệm Phật vãng sanh. Lại nên dạy dỗ con cái, vì nó lập nền tảng vững chắc an lành.

Phải giữ làm sao cho lời nói không mơ hồ, tâm như dây cung thẳng, việc làm không trái lẽ trời, tấm lòng có thể phô trương cùng quỷ thần. Được như thế thì khi lâm chung quyết không có hiện tượng đáng thương xót kia. Và như thế thì ông Hoàng Hậu Giác lại chính là bậc thầy khuyên dẫn của các người niệm Phật; các vị nhờ ông mới được sự lợi ích lớn về sau, mà ông cũng nhờ tâm lực của các vị, được hết tội, sanh về Cực Lạc. Ấn Quang tôi nói đây chẳng phải là lời bông lông, chính là một định luật không hề sai suyễn. Như có ai chẳng cho là phải, thì xin chất chánh với bậc cao minh Pháp Sư, hoặc thỉnh vấn nơi bậc thần thông đại thánh....

Thơ đáp Cư Sĩ Phật Điển

Tiếp được thơ, biết cư sĩ tụng niệm tinh cần, lòng tôi rất vui đẹp!

Những bóng đen theo cư sĩ nói, chẳng phải là bóng chur Phật, Bồ Tát, cũng chẳng phải hình ảnh kẻ oan gia đối đầu. Vì nếu Phật, Bồ Tát hiện thân, tất phải tỏ rõ có thể trông thấy mặt mày; còn nếu là kẻ oan gia thì nó sẽ hiện ra tướng ghê gớm đáng sợ. Mấy bóng ấy có lẽ là những cô hồn hữu duyên từ kiếp trước, muốn nhờ sức tụng kinh niệm Phật của cư sĩ để siêu sanh về cõi an lành. Vậy sau thời khóa tụng hồi hướng, cư sĩ nên cầu nguyện luôn cho các vong ấy được tiêu trừ ác nghiệp, thêm lớn căn lành, nhờ sức từ của Phật vãng sanh về Tây Phương. Như thế, các vong kia sẽ được lợi ích, không luống uổng một phen khổ sở mong cầu.

Người tu hành tâm phải có chủ tể, khi thấy cảnh giới xấu không nên sợ hãi, thấy cảnh giới tốt cũng không nên vui mừng. Được như thế thì các cảnh giới trải qua đều là những thắng duyên trợ đạo. Nếu tâm không chủ định thì các cảnh đều là chướng duyên. Lại, người tu hành phải lấy sự cung kính chí thành làm gốc, lấy từ bi khiêm tốn làm lòng. Như thế thì dù tâm hạnh chưa được hoàn toàn cùng Phật hợp nhau, cũng không đến nỗi trái với tâm hạnh của Phật, có thể gọi là người chơn tu, là đệ tử Phật.

Thơ đáp Cư Sĩ Hoàng Tịnh Bình

Bệnh do thân sanh, thân do nghiệp sanh, muốn cho bệnh mau lành, các hạ nên tha thiết sám hối để tiêu trừ túc nghiệp. Với việc phòng thất, cũng phải tự răn cấm thì bệnh mới khỏi tăng thêm. Bất luận bệnh gì, nếu không răn chừa sự vợ chồng chung chạ, tất nhiên khó được lành.

Hàng ngoại đạo rất nhiều có đến trăm ngàn phái, nhưng cách dụng công của họ đều không ngoài việc vận khí luyện đơn. Bên ngoại đạo dù có bảo người xem kinh niệm Phật, cũng là việc bề ngoài, chính họ cũng không cho đó là đạo. Khi truyền giáo, các ngoại đạo thường lựa vào lúc ban đêm, đóng kín các cửa lớn cửa sổ, bên ngoài phái người qua lại canh tuần, chỉ để một người thọ giáo vào thất. Trước khi được điểm đạo, người thọ giáo phải phát lời thề rất độc địa thảm ác. Nếu kẻ nào trái với lời dạy bảo của họ, sẽ phải chịu kết quả của lời thề ấy. Khi phát thệ rồi, họ lại chỉ khiêu điểm huyết hoặc ở đầu, ở mặt, ở thân. Những huyết nơi thân cần phải cởi áo mới chỉ điểm được. Việc làm như thế thật là một bức sáo để mê hoặc người. Họ lại thêm rằng một phen truyền qua, không tu cũng có thể đắc quả. Giả sử bỏ hẳn những việc chỉ điểm bí mật cùng phát lời thề, mà đem công bố rõ ràng ra cho mọi người tự do lựa chọn, tất hạng ấy không còn căn cứ đứng vững. Trong Phật Pháp không có việc bí mật truyền lên

nhau, cũng không dạy người phát lời thề độc ác, kẻ nào tin thì theo, không tin thì thôi.

Các hạ đã niệm Phật mà còn sợ lạc vào ngoại đạo, ấy cũng bởi chính mình không phân minh sự tà chánh giữa đôi bên, chỉ bắt chước theo người phát sanh tín tâm, thật ra chưa có lòng tin chân thật. Nếu có lòng tin chân thật thì chỉ gắng sức tu trì, cần gì phải lo ngoại đạo đông nhiều và sợ mình đi lạc lối? Các hạ đã tự nhận có nhiều túc nghiệp nên mang bệnh dữ, thế thì cần phải ăn chay niệm Phật và vì những oan gia đời trước mà làm việc siêu độ. Nói siêu độ đây, cũng không cần phải thỉnh tăng chúng làm Phật sự, chỉ tự mình thành thật khẩn thiết niệm Phật và niệm Quán Âm mà thôi. Các hạ chớ nên nghĩ rằng; chỉ niệm một đức Phật, một vị Bồ Tát sợ e không lành bệnh. Nên biết niệm Phật là pháp rất tròn mau thẳng tắt trong Phật Pháp, sự lợi ích vượt hơn tất cả pháp môn. Nếu có sai biệt là do tâm mình chí thành cùng không chí thành, chẳng phải pháp có linh nghiệm hoặc không linh nghiệm.

Thơ đáp Cư Sĩ Trạch Phạm

Hàng phụ nhân khi sanh sản, nên niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, vì đức Quán Âm tâm cứu khổ rất ân cần. Lúc ấy phải ra tiếng niệm to lên, không nên niệm thầm, vì niệm thầm năng lực đã yếu, sự cảm thông cũng kém. Hơn nữa, trong khi dùng sức cho đứa con ra, nếu niệm thầm tất phải tổn hơi mang bệnh. Chẳng những sản phụ tự mình niệm lớn, mà những người giúp đỡ trong phòng sanh cũng niệm to lên. Và hàng quyến thuộc tuy ở nơi nhà, song cũng phải vì sản phụ niệm danh hiệu Bồ Tát cầu nguyện giúp.

Rất không nên cho rằng: khi sanh sản lỏa lồ không sạch, niệm sợ có tội. Nên biết, lý tuy hữu định, nhưng sự phải tùy cơ, chỉ căn cứ theo sự mà luận lý, chẳng nên chấp riêng bên lý để luận bàn. Ví như khi con cái té vào hầm phần hoặc nơi nước, lửa, kêu cha mẹ cầu cứu, cha mẹ liền chạy tới kéo lên, không khi nào ngại rằng con mình thân thể chẳng sạch, áo mũ không chỉnh tề, mà không chịu cứu vớt để mặc cho nó chết. Lòng từ bi của Bồ Tát còn thâm thiết hơn cha mẹ đối với con vô lượng muôn ngàn lần. Đang lúc chúng sanh bị khổ, cầu cứu, Bồ Tát chỉ có niệm cứu khổ, tuyệt không có niệm so chấp về thân hình. Vả lại việc sanh sản dĩ nhiên phải như thế, là lúc quan hệ đến mạng căn, không thuộc vào trường hợp có thể tỏ bày sự nghiêm kính sạch sẽ, thế thì còn chấp chi sự nghiêm sạch cùng không? Nếu ở trường hợp làm được mà không làm, thì

thật là có tội. Trái lại, trong cảnh ngộ không thể tỏ bày tướng cung kính, thì chỉ nên luận sự quy hướng, chí thành nơi tâm, không nên chấp những lễ mạo nghi thức trên hình tích. Bồ Tát không sự khổ nào chẳng cứu vớt, không tai nạn nào chẳng giúp đỡ xót thương, đâu có lý đối với hàng sản phụ mà bỏ sót ư? Dù trong kinh không nói rõ về việc này, ta cũng phải cứ theo lý suy hiểu tâm cứu khổ, để dứt sự khổ nạn lớn cho nhân sanh, và làm thỏa mãn lòng từ bi của Bồ Tát. Huống chi trong Kinh Dược Sư, Phật đã từng bảo người nữ nên niệm danh hiệu đức Dược Sư Như Lai trong khi sanh sản ư? Kinh văn ấy nói: ‘Hoặc có người nữ đang khi sanh sản chịu nhiều sự khổ, nếu có thể chí tâm xưng danh lạy khen cung kính cúng dường đức Như Lai kia, (xưng danh thì sản phụ có thể làm được, còn lạy khen cung kính cúng dường là thuộc về việc người thân quyến làm thay thế) thì các sự khổ đều trừ. Đứa con sanh ra thân phần đầy đủ, hình sắc đoan chính, lợi căn thông minh, an ổn ít bệnh, người trông thấy đều vui mừng, sản phụ không bị loài phi nhân cướp đoạt tinh khí...’ Thế thì biết, khi sanh sản niệm danh hiệu Phật, Bồ Tát chẳng những không tội, mà mẹ con được an toàn, đã gieo trồng căn lành, lại có lợi ích lớn. Niệm Phật Dược Sư đã như thế, thì niệm Quán Thế Âm Bồ Tát cũng như vậy. Hàng sản phụ niệm đã được lợi ích như trên, thì các người khác suy ra có thể biết.

Ở tỉnh Hồ Nam, vợ chồng cư sĩ Mã Thuấn Khanh và năm người con đều là đệ tử quy y của tôi. Năm Dân Quốc thứ 18, Mã có gởi thơ cho tôi thưa rằng: vợ y

sanh năm đứa con gái, khi sanh hai lần trước còn bình an, đến lần thứ ba thì bị huyết băng; lần thứ tư, thứ năm lại càng nhiều hơn nữa. Nay người vợ lại sắp sanh, thẳng như có huyết băng, chắc là khó sống, cầu xin tôi chỉ bày phương pháp cứu tế và vì đứa trẻ còn trong thai dự đặt pháp danh. Tôi liền bảo vợ chồng phải chí thành niệm Quán Thế Âm Bồ Tát, dù khi sanh sản lổa lồ không sạch cũng vẫn cứ niệm, lại phải niệm ra tiếng không nên niệm thầm. Khi thơ tôi gửi đến, vợ chồng xem rồi vâng lời, người vợ qua ngày sau thì sanh, khi sanh cũng vẫn niệm, rốt cuộc mẹ con đều được mạnh khỏe bình yên. Sau khi vợ sanh, Mã liền hồi âm cho tôi biết; sự kết quả tốt đẹp ngoài ý định, Bồ Tát thật là đáng đại từ đại bi.

Lại, một đệ tử quy y của tôi, vài năm trước ở tỉnh Tứ Xuyên, nhân đến thăm người bạn, nghe trong nhà có đàn bà rên khóc bi thương, liền hỏi duyên cớ. Người bạn tỏ thật vợ y chuyển bụng muốn sanh đã hai ngày mà sanh không được, sợ e khó sống. Đệ tử tôi bảo: ‘Nên khuyên chị mau niệm thánh hiệu Quán Âm, còn anh phải lập bàn trước nhà, đốt hương quì niệm cầu Bồ Tát cứu độ.’ Người bạn nhất nhất y theo lời. Kết quả, trong giây phút vợ y sanh được, khi sanh cũng không tự biết, đến chừng nghe tiếng đứa trẻ khóc mới hay mình đã sanh. Sau khi ấy, sản phụ thuật lại rằng: ‘Lúc tôi muốn sanh, thấy có người dùng vải nịt chặt dưới hạ thể nên sanh không được. Đến khi niệm thánh hiệu Quán Âm thì thấy miếng vải sút ra, đứa bé lọt lòng hồi nào không tự biết.’

Thế thì biết, người nữ khi sanh sản niệm Quán Thế Âm Bồ Tát thật có lợi ích vô cùng. Vì đang lúc ấy, hoặc do trong mình đã đau yếu sẵn, hoặc do oan gia đời trước theo ám hại, sản phụ ở vào hoàn cảnh thập tử nhất sanh; nếu không tha thiết chí thành cầu Bồ Tát cứu độ, tất mẹ con khó được an toàn. Ấn Quang tôi, từ mùa thu năm Dân Quốc thứ 15 trở đi, khi bộ Tăng Quảng Văn Sao đã in rồi, bất luận văn tự gì, đều không giữ bản thảo để khỏi sự hao tổn về ấn phí. Gần đây, nhân biết rõ cái tệ chấp nhất của phụ nhân trong khi sanh sản, nên tôi thường đem việc lợi hại ấy nói với tất cả mọi người, mong cho kia đây truyền nhau, để dự cứu sự khổ sở cùng tánh mạng của sản phụ và sanh nhi. Nếu có ai không lượng xét, cho rằng tôi ưa nói việc đàn bà sanh sản, riêng tôi cũng không lấy chi làm ngại, chỉ mong cho mọi người đều sanh lòng chánh tín, bỏ sự cố chấp, được khỏi tai họa mà thôi.

Đáp 20 câu hỏi của Cư Sĩ Khúc Thiên Dương

1. Hỏi: Đệ tử tin đạo Phật, nguyên nhân do nghiên cứu thuật thôi miên. Thuở trước, đệ tử nghe lời tục nói: ‘Tu trời chín kiếp, tu Phật mười đời’, hằng nghĩ rằng mười đời quá lâu xa, e nửa chừng lỡ dở mà uổng phí công trước. Nếu sớm biết niệm Phật một đời được giải thoát, thì đệ tử đã thật hành lâu rồi. Nay nhìn lại mình đã hai mươi bảy tuổi, nghĩ tự hối phát tâm trở muộn!

Đáp: Lời tục ngữ ấy do những kẻ không hiểu Phật Pháp nói sai. Người hiểu Phật Pháp không bao giờ thốt ra lời ấy. Niệm Phật một đời được giải thoát là do lòng tin sâu nguyện thiết, quyết định cầu khi lâm chung sanh về Tây Phương, nên nhờ sức Phật tiếp dẫn lên ngôi Bất Thối. Nếu không nhờ Phật lực mà muốn thoát sanh tử, e cho ngàn muôn kiếp cũng không được, huống nữa là mười đời!

2. Hỏi: Theo chỗ đệ tử tin hiểu: ‘có tịnh tâm mới thành Phật’, cũng như người học thôi miên trước phải trầm tĩnh rồi sau mới có những hiện tượng không thể nghĩ bàn?

Đáp: Dùng tâm thanh tịnh niệm Phật quán Phật thì dễ cùng Phật tương ứng. Nếu thêm vào đó lòng tin nguyện chơn thiết, tất sẽ được vãng sanh, rồi lần lượt tiến tu cho đến khi thành Phật. Đừng hiểu lầm rằng, đời nay tịnh tâm, liền được thành Phật.

3. Hỏi: Về sự nương nhờ sức Phật, theo chỗ hiểu của đệ tử; như nhà thôi miên tự thôi miên lấy mình, so lại khó hơn để cho người khác thôi miên. Tự lực không bằng tha lực có phải giống như thế chăng?

Đáp: Tất cả pháp môn khác đều nương nhờ sức mình để dứt hoặc chứng chơn, như người què chân tự đi, mỗi ngày khó được trăm dặm. Pháp môn Tịnh Độ nương sức từ của Phật, nên có thể đới nghiệp vãng sanh, như người què kia nương theo luân bảo của Chuyển Luân Thánh Vương, một ngày đi khắp bốn châu thiên hạ. Đem việc thôi miên để so sánh chứng minh rất không hợp lý.

4. Hỏi: Miệng niệm Phật, tâm tưởng Phật, sự tưởng ấy có đồng với pháp quán thứ tám trong Quán Kinh chăng?

Đáp: Chỉ nên tha thiết nhớ Phật thôi. Còn về quán tưởng nên y theo pháp quán thứ mười ba mà dụng công. Nhưng cảnh Phật tinh tế, tâm phàm thô phù, sợ e quán khó thành tựu, có khi dụng tâm không đúng, lại khởi ra các việc ma.

5. Hỏi: Như lúc nguy cấp, không thể trong một lúc gồm tụng các thần chú, vậy nên ứng dụng phương pháp gì?

Đáp: Gặp tai nạn rất nguy cấp, chỉ nên niệm thánh hiệu Quán Thế Âm. Như thế đã đỡ phí tâm lực lại cảm ứng rất lạ lùng.

6. Hỏi: Chuyên niệm danh Phật, hiệu lực so với sự trì chú thế nào?

Đáp: Phật hiệu cùng chú công đức đồng nhau, duy cần phải chí thành mới được cảm cách. Nếu trong tâm trước có một niệm xem khinh hiệu Phật, tất không được sự lợi ích chân thật. Lỗi ấy do tâm không chí thiết và nghi ngờ.

7. Hỏi: Phật Di Đà tự tánh, cõi Tịnh Độ duy tâm cùng với cõi tịnh và Phật ở Tây Phương là hai hay một?

Đáp: Có Tịnh Độ duy tâm mới sanh về Tây Phương Tịnh Độ. Nếu tâm mình không tịnh thì đâu có thể vãng sanh. Dù cho kẻ tội nghịch ác dùng mười niệm được vãng sanh cũng phải do tịnh tâm niệm Phật mới cảm sanh về cõi tịnh phương Tây. Người đời phần nhiều cho rằng: đã duy tâm thì không Tịnh Độ. Đó là sự hiểu biết của hàng ma ngoại. Thứ tà kiến tự phải mà quấy ấy chiếm hơn phân nửa, khiến cho người niệm Phật không được thật ích.

Do đức Di Đà tự tánh, nên hành giả cần phải niệm Phật Di Đà Tây Phương cầu được vãng sanh, để lần lượt tiến tu thân chứng Phật Di Đà tự tánh. Nếu chỉ chấp riêng Phật Di Đà tự tánh mà không niệm đức Di Đà Tây Phương, dù cho được chân thật tổ ngộ cũng chưa thể thoát ngay đường sanh tử, hướng chi kẻ thốt ra lời ấy phần nhiều là hạng tự thị nói suông ư?

Đến như vấn đề đồng dị: Một mà hai là trước khi chưa thành Phật, hai mà một là sau khi đã thành Phật.

8. Hỏi: Câu ‘Sanh thì quyết định sanh, về thì thật không về’ là ý gì?

Đáp: ‘Sanh thì quyết định sanh’ là nói ước về sự, ‘về thì thật không về’ là nói ước về lý. Nhưng, kẻ chưa thông sự lý, chỉ nên y theo sự tướng mà niệm Phật cho già giặn là được. Chẳng thế thì thành ra lỗi chấp lý bỏ sự của hàng ma ngoại.

9. Hỏi: Có người niệm Phật khi lâm chung bỗng nói: ‘Cõi Tịnh Độ ở tại góc sân trước nhà.’ Thế thì cõi này tức là Tịnh Độ chăng?

Đáp: Đó chính là cảnh phát hiện của duy tâm Tịnh Độ. Nhưng Tịnh Độ duy tâm của người kia là cảnh giới riêng của kẻ ấy, ngoài ra đều là duy tâm uế độ. Vậy đâu nên căn cứ theo chỗ thấy riêng của một người mà quyết đoán.

10. Hỏi: Tụng kinh có phải để cho chính mình vui theo mùi đạo, chán việc hồng trần, hay có tác dụng gì khác?

Đáp: Người tụng kinh chỉ biết cầu sự vui riêng cho mình. Rất tiếc vô biên nghĩa mầu nhiệm bị người xem không đáng giá một đồng tiền!

11. Hỏi: ‘Hiểu nghĩa thứ nhất’ là ý nói gì?

Đáp: ‘Hiểu nghĩa thứ nhất’ là ngộ suốt lý mầu thật tướng, tự tánh duy tâm.

12. Hỏi: Phật dạy tu quán chính là lập giáo cho chúng sanh bị sự khổ bức bách trong đời ngũ trược về sau. Nếu y theo thuyết phát hiện thiên nhãn thông của thuật thôi miên, thì muốn thấy cõi Cực Lạc cũng không phải là việc khó. Thế thì thuật thôi miên cũng là một nhu yếu trong sự niệm Phật, tại sao nhiều vị bảo tu quán là khó, không muốn khuyên mọi người thật hành?

Đáp: Thôi miên chỉ là năng lực nhỏ của huyền thuật, đâu phải chính thật thiên nhãn thông? Những vị quả thật có thiên nhãn đâu chịu vì người làm công việc thôi miên? Nay người đã học Phật, chỉ nên chuyên chí học Phật. Muốn hiển hiện cõi Cực Lạc, nên duy tâm tịnh thì trong một niệm sẽ thấy. Ví như lau gương, lau cho cùng cực tự nhiên phát quang. Nếu dùng thuật thôi miên muốn hiển hiện, thì tự tâm trước đã không tịnh, niệm cũng không quy nhất, ví như đem phấn trắng thoa trên gương muốn được phát ánh sáng, không ngờ lại làm cho gương tối thêm.

13. Hỏi: Tu quán pháp là quán, là tưởng, hay dụng cả quán tưởng. Và quán tưởng nên lấy cảnh gần hay xa?

Đáp: Hai chữ quán tưởng đâu nên chia làm hai, nhiếp tâm mà tưởng tức là quán. Người cho là hai thì thành ra chỉ biết có một cái mười mà không biết hai cái năm. Lại quán tưởng đâu nên phân biệt xa gần!

14. Hỏi: Tu môn quán ban đầu, nên nhất tâm tưởng mặt trời hay cần phải mặc trì danh hiệu?

Đáp: Quán cùng trì danh vẫn là một việc. Người cho rằng khi quán tưởng thì không thể trì danh và không nên trì danh ư?

15. Hỏi: Lúc ngồi thì tu quán, còn các thời khác thì trì danh, sự kiêm tu như thế so với sự chuyên tu một pháp, bên nào hơn kém?

Đáp: Những tâm trầm tịnh thuần túy, muốn kiêm hay chuyên tu về quán tưởng hoặc trì danh, cũng đều tốt. Như chẳng thế thì chuyên trì danh có phần yên

ổn hơn, vì người tâm chí phù bạc rộn ràng mà tu quán tất sanh nhiều ma chướng.

16. Hỏi: Khi quán tưởng thấy cõi Cực Lạc, đó là cảnh thật hay hiện tượng giả?

Đáp: Quán tưởng thấy cõi Cực Lạc là duy tâm hiện ra, nếu cho rằng giả, đó là kẻ ở ngoài cửa.

17. Hỏi: Quán thấy cõi Cực Lạc lại có thể nghe pháp, đó có phải là thiên nhãn thông và thiên nhĩ thông chăng?

Đáp: Đó là do sức quán xui khiến, nếu thiên nhãn thiên nhĩ dù không quán cũng có thể thấy nghe.

18. Hỏi: Có kẻ nói: ‘Thấy Phật là Phật tự tâm, không phải Phật Tây Phương.’ Thế thì khi vãng sanh, Phật tự tâm hiện hay là đức A Di Đà đến tiếp dẫn?

Đáp: Khi lâm chung thấy Phật là do tự tâm chiêu cảm, không nên đem về tự tâm mà cho rằng không có Phật Tây Phương đến tiếp dẫn.

19. Hỏi: Vãng sanh về bậc thượng, dường như không phải là vị vãng sanh của kẻ tu quán. Chẳng biết vị vãng sanh của kẻ tu quán như thế nào?

Đáp: Phẩm vị vãng sanh sai khác muôn ngàn, trong kinh chỉ lấy chín phẩm để gồm nhiếp. Người do đâu mà đoán thượng phẩm không phải là vị vãng sanh của kẻ tu quán? Nên biết căn tánh chúng sanh không đồng, cũng như trong một pháp tu mà có cao thấp khác xa. Vậy không nên khăng khăng luận riêng về bên pháp, bởi đó còn do tâm lực của mỗi người. Như đức Văn Thù, Phổ Hiền, người cho rằng hai vị ấy không dùng quán pháp sao?

20. Hỏi: Pháp ký số niệm Phật, hơi thở vào niệm sáu câu, hơi thở ra niệm bốn câu, có phải thế chăng? Đã ký số và niệm Phật, lại cần nên tưởng Phật chăng?

Đáp: Niệm Phật Ký Số do từ một đến ba, từ bốn đến sáu, từ bảy đến mười, đâu có quy định vào hơi thở? Người là người học pháp luyện đơn vận khí, nên vừa thấy một hai chữ giống với pháp ấy, liền cho đó là công phu của bên kia. Pháp Niệm Phật Ký Số vì những kẻ khó ngăn tâm vọng mà lập ra. Nếu có thể niệm, ghi nhớ và nghe rõ ràng như thế, quyết định tâm sẽ lần lần điều phục. Trong ấy ai cho người thêm hai chữ ‘tưởng Phật’ vào? Đây vẫn là pháp niệm tùy tiện, không nên luận theo hơi thở. Nếu thở ra vào quá lâu, tất sẽ mang bệnh tổn hơi. Điều này cần phải lưu tâm và hiểu rõ.

Một bức thơ phúc đáp khắp nơi

Lời văn tuy quê thật, nhưng nghĩa lý vẫn căn cứ trong kinh. Nếu có ai y theo đây mà làm, sự lợi ích sẽ rộng lớn vô cùng!

Ấn Quang Pháp Sư

☸ 1 ☸

Pháp môn Tịnh Độ trùm khắp cả ba căn, gồm thâm hàng lợi độ, là đại pháp của đức Như Lai, để mở phương tiện cho tất cả thánh phàm đều được giải thoát sanh tử, lên ngôi Bất Thối ngay trong hiện đời. Với pháp môn nhiệm đặc biệt này mà không tin không tu, thật là đáng thương, đáng tiếc!!

Pháp môn Tịnh Độ lấy *tín*, *nguyện*, *hạnh* làm tông chỉ.

Tín là ta phải tin cõi Ta Bà có vô lượng sự khổ; tin cõi Cực Lạc có vô lượng điều vui; tin ta là phàm phu đầy nghiệp lực, quyết không thể nương cậy vào sức mình để dứt hoặc chứng chơn, thoát sanh tử ngay trong hiện đời; tin Phật A Di Đà có lời thề nguyện rộng lớn, nếu chúng sanh nào niệm danh hiệu Ngài, cầu về nước Ngài, khi mạng chung sẽ được Ngài tiếp dẫn vãng sanh Cực Lạc.

Nguyện là ta nên nguyện mau ra khỏi thế giới này, nguyện sớm sanh về cõi vui kia.

Hạnh là ta phải chí thành khẩn thiết niệm câu Nam Mô A Di Đà Phật, mỗi thời mỗi khắc dừng để tạm

quên, tùy theo hoàn cảnh gấp hoãn lập một khóa trình, sớm tối lễ bái trì tụng trước bàn Phật. Ngoài thời khóa tụng, những khi đi đứng nằm ngồi và làm những công việc không dụng tâm, đều nên niệm Phật. Lúc ngủ nghỉ phải niệm thầm, không nên ra tiếng và chỉ niệm bốn chữ A Di Đà Phật để dễ nhiếp tâm. Lại, những khi y phục không chỉnh tề, hoặc giặt rửa, tắm gội, đại tiểu tiện, cho đến lúc đi ngang qua chỗ không sạch sẽ, cũng đều phải niệm thầm. Chí tâm niệm thầm, công đức cũng đồng như niệm ra tiếng. Trong những lúc ấy nếu niệm ra tiếng thì chẳng hợp nghi thức và có lỗi không cung kính. Không luận niệm lớn tiếng, nhỏ tiếng, niệm Kim Cang hoặc niệm thầm, đều phải trong tâm ghi nhớ rành rẽ rõ ràng, miệng niệm rành rẽ rõ ràng và hai tai nghe rành rẽ rõ ràng. Niệm như thế thì tâm không còn dong ruổi theo cảnh ngoài, vọng tưởng lần dứt, câu niệm Phật lần thuần, công đức rất lớn.

❧ 2 ❧

Người niệm Phật phải hiếu dưỡng cha mẹ, phụng thờ sư trưởng, tâm từ bi không giết hại, tu mười nghiệp lành (Thân không sát sanh, trộm cướp, tà dâm; miệng không nói dối, nói thêu dệt, nói đôi chiều, nói hung ác; ý không tham dục, giận hờn, ngu si, tà kiến). Lại cần phải: cha lành, con thảo, anh em thương kính, chồng vợ thuận hòa, chủ nhân, tứ trung, mỗi người đều giữ tròn bổn phận. Ta chỉ nên làm hết nhiệm vụ mình, đừng so đo phiền trách người khác đối với mình có trọn

cùng không. Nếu người nào đối với gia đình xã hội làm tròn thiên chức, đó là người lành. Người lành mà niệm Phật thì dễ có cơ cảm, quyết định khi lâm chung được Phật tiếp dẫn sanh về Tây Phương vì tâm hạnh hợp với Phật. Trái lại, những ai miệng tuy niệm Phật, song lòng không nhiễm đạo, đối với cha mẹ, anh em, vợ chồng, con cái, bạn bè làng xóm không tròn bổn phận, thì tâm hạnh trái với Phật, khó được vãng sanh. Tại sao thế? Bởi người ấy tâm không điềm tịnh thuần hòa, tự sanh ra mối não phiền chướng ngại, nên khó được cảm thông với Phật, đó cũng là lẽ tất nhiên.

☸ 3 ☸

Người niệm Phật nên khuyên thân bằng quyến thuộc và tất cả đồng nhân đều niệm Nam Mô A Di Đà Phật và Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát. (Mỗi ngày như niệm Phật 1.000 câu thì niệm Quán Âm 500 câu, niệm Phật 10.000 câu thì niệm Quán Âm 5.000 câu. Niệm nhiều ít so theo đây mà gia giảm). Ta đã tìm được con đường giải thoát yên ổn, lại nỡ nào để cho đấng sanh thành, người quyến thuộc cùng tất cả đồng nhân mất sự lợi ích lớn, chìm trong biển khổ ư? Huống chi giữa cõi đời nhiều hoạn nạn, khó tránh sự hiểm nguy như hiện nay, nếu có thể thường niệm Phật và Quán Âm, tất sẽ được lượng từ bi ủng hộ, gặp dữ hóa lành. Giả sử không tai nạn mà chí tâm trì niệm, cũng sẽ được nghiệp tiêu trí sáng, chướng hết phước nhiều. Hơn nữa, khuyên người niệm Phật cầu sanh Tây Phương, tức là

thành tựu kẻ phàm phu làm Phật, công đức rất lớn, đem công đức ấy hồi hướng vãng sanh tất sẽ mãn nguyện.

☸ 4 ☸

Người niệm Phật khi tụng kinh, trì chú, lễ bái, sám hối, cứu tai nạn, giúp kẻ nghèo, tất cả công đức lành đều phải hồi hướng vãng sanh Tây Phương, không nên cầu hưởng phước báo ở cõi trời, cõi người, trong hiện tại hoặc đời sau. Nếu có tâm niệm ấy thì mất phần vãng sanh và phải bị chìm đắm trong biển luân hồi khổ não. Nên biết, hưởng phước càng nhiều tất gây nghiệp càng lớn, qua một đời sau nữa quyết khó khỏi đọa vào đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Chừng ấy muốn trở lại làm thân người, được nghe pháp hiện đời giải thoát của môn Tịnh Độ, còn khó hơn lên trời. Phật dạy chúng sanh niệm Phật cầu về Tây Phương, là vì chúng sanh mà giải quyết vấn đề sanh tử ngay trong hiện kiếp. Nếu chỉ cầu đời sau hưởng phước báo ở cõi nhân thiên tức là trái với lời Phật dạy, như đem hạt bảo châu vô giá đổi lấy một thẻ đường để ăn, há chẳng đáng tiếc lắm ư? Kẻ tối tăm niệm Phật không cầu vãng sanh mà cầu hưởng phước báo, cũng như đây không khác.

☸ 5 ☸

Người niệm Phật không nên tập theo lối tham cứu của nhà tu thiền. Vì kẻ tu thiền hầu hết đều không chú trọng về việc tín nguyện vãng sanh. Dù có niệm Phật, họ chỉ chú trọng vào câu ‘Niệm Phật đó là ai?’ để

cầu khai ngộ mà thôi. Ta chỉ nên niệm Phật cầu sanh Tây Phương, khi được thấy đức A Di Đà lo gì không khai ngộ? Nếu ở cõi này tu thiền, như hoặc nghiệp dứt hết thì có thể thoát sanh tử; thắng như hoặc nghiệp chưa dứt thì đã không thể cậy vào sức mình để giải thoát, lại vì không tín nguyện nên không được nương nhờ sức Phật ra khỏi luân hồi. Hai bên tự lực và Phật lực đều không nhờ cậy được, người ấy đâu thể nào thoát khỏi trần lao? Nên biết bậc pháp thân Bồ Tát khi chưa thành Phật đều phải nhờ oai lực của Phật, huống chi ta là phàm phu đầy nghiệp chướng mà ưa luận về sức mình, không cầu sức Phật ư? Lời ấy tuy cao, song xét lại hành vi thật là thấp kém! Sự hơn kém của Phật lực và tự lực khác xa nhau như trời vực, nguyện đồng nhân nên thể tất nghĩa này!

❧ 6 ❧

Người niệm Phật không nên bắt chước kẻ ngu tối, làm những việc hoàn thọ sanh, gởi kho. Bởi sự hoàn thọ sanh, trong Kinh Phật không có nói, do người sau bày đặt ra. Còn gởi kho là muốn cho mình khi chết rồi thành quĩ, nên mới sắm trước tiền của đồ vật cho thân quĩ dùng. Đã có tâm niệm muốn làm quĩ thì khó được vãng sanh. Như người nào chưa làm thì thôi, nếu đã làm, phải bạch rõ trước bàn Phật như vậy: ‘Đệ tử là... chỉ cầu vãng sanh, những đồ mình khổ đã gởi khi trước, xin đem chẵn tế cho cô hồn.’ Như thế mới không chướng ngại cho sự sanh về cõi Phật.

Lại những thứ kinh: Thọ Sanh, Huyết Bồn, Thái Dương, Thái Âm, Nhãn Quang, Táo Vương, Thai Cốt, Phân Châu, Diệu Sa... đều là kinh ngụy tạo, không phải kinh của Phật nói, không nên trì tụng. Những kẻ què tối, không chịu tụng Kinh Đại Thừa (như các kinh: A Di Đà, Vô Lượng Thọ, Quán Vô Lượng Thọ, Tâm Kinh, Kim Cang, Pháp Hoa, Dược Sư, Lăng Nghiêm, Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Hạnh Nguyện Phẩm v.v...) mà chỉ tin các thứ kinh ngụy tạo ấy, muốn làm những việc hoàn thọ sanh, phá địa ngục, phá huyết hồ, mới yên tâm. Nếu có người hiểu Phật Pháp khuyên bảo nói đó là những kinh ngụy tạo, họ cũng không nghe lời. Nên biết, làm các Phật sự, chỉ có niệm Phật là công đức rộng lớn, nên đem số tiền hoàn thọ sanh, phá địa ngục, phá huyết hồ ấy, thỉnh những vị tăng chơn chánh niệm Phật cho, thì được lợi ích rất nhiều.

☸ 7 ☹

Người niệm Phật nên ăn chay trường, như chưa được thế, thì giữ lục trai hoặc thập trai, để lần lần bỏ hẳn các thứ thịt của chúng sanh, mới là hợp lý. Lục trai là các ngày: mùng 8, 14, 15, 23, 29, 30; nếu thêm vào đó mấy ngày: mùng 1, 18, 24, 28 thì thành ngày thập trai. Những tháng thiếu, nên ăn trước một ngày. Lại, tháng giêng, tháng năm, tháng chín là ba trai nguyệt, nên ăn chay trường và làm các việc công đức. Dù chưa ăn chay được, cũng nên mua thịt cá đã làm sẵn, chớ sát sanh trong nhà. Nếu mỗi ngày sát sanh thì cái nhà ấy

đã thành lò sát sanh, là chỗ oan quỷ tụ hội, không được an lành. Cho nên sát sanh trong nhà là điều rất cấm kỵ.

❧ 8 ❧

Người niệm Phật nên khuyên cha mẹ niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Muốn cho cha mẹ khi lâm chung quyết định được vãng sanh, thì phải dặn trước người quyến thuộc về cách trợ niệm và chớ nên khóc lóc cùng bày vẽ những điều vô ích. Lại, lúc bình thời phải vì cha mẹ giảng rõ sự lợi ích của môn niệm Phật khiến cho song thân thường niệm không quên. Thế thì chẳng những cha mẹ được lợi ích, mà quyến thuộc hiện tại hoặc con cháu đời sau cũng được ảnh hưởng giải thoát an lành. Về phương pháp trợ niệm khi lâm chung, không luận già trẻ, đều phải làm đúng như thế.

❧ 9 ❧

Người nữ khi sắp sanh thường bị đau khổ không kham, có khi vài ngày sanh không được, hoặc chết vì sản nạn. Có người tuy sanh được nhưng lại bị huyết băng và nhiều bệnh nguy hiểm. Đứa con sanh ra thì bị các chứng cấp nạn, kinh phong v.v... Cho nên, người nữ lúc sanh sản, nên chí thành khẩn thiết niệm Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát. Khi niệm cần phải to tiếng, không nên niệm thầm, vì niệm thầm do tâm lực kém nên sức cảm ứng cũng kém. Lại trong lúc ấy sản phụ đang dùng sức sanh đứa bé ra, nếu niệm thầm thì nín ép hơi phải mang bệnh. Nếu chí thành khẩn thiết mà niệm,

quyết không có sự đau đớn, khó sanh, huyết băng, đứn con sẽ khỏi bệnh kinh phong, và các chứng nguy hiểm khác. Dù gặp trường hợp khó sanh, có nguy hiểm đến tánh mạng, sản phụ cùng những kẻ hộ sanh cũng phải đồng to tiếng niệm Quán Âm. Người quyến thuộc tuy ở nơi khác, đều phải vì sản phụ niệm giúp. Như thế, không đây giây phút, sản phụ liền được yên ổn mà sanh. Kẻ ngoại đạo không rõ lý này, chấp chặt một việc cung kính, chẳng biết căn cứ theo sự mà luận lý, khiến cho mấy bà lão niệm Phật xem sanh sản là việc đáng sợ, cho đến dâu con của mình sanh cũng không dám qua sấn sóc, hướng chi là niệm Quán Âm? Nên biết Bồ Tát lấy sự cứu khổ làm lòng, lúc sanh sản, tuy lỏa lồ không sạch, nhưng đó là việc dĩ nhiên, không phải mình tự ý buông lung, nên niệm đã không có tội lỗi, mà lại khiến cho mẹ con sản phụ gieo trồng căn lành. Nghĩa này trong Kinh Dược Sư đã có nói, không phải tự tôi đưa ra điều ước kiến. Ấn Quang này chỉ là người đề xướng mà thôi.

☸ 10 ☹

Người nữ từ mười hai, mười ba tuổi đến bốn mươi tám, bốn mươi chín tuổi, đều có nguyệt kinh. Có kẻ bảo: trong lúc nguyệt kinh, chẳng nên lễ bái trì tụng. Lời này rất không hợp tình lý. Thời kỳ có kinh, mau thì hai ba ngày, lâu đến sáu bảy ngày mới dứt; người tu trì cần phải niệm Phật không xen hở, đâu nên vì một chút bệnh nhỏ thiên nhiên mà bỏ lãng thời tu niệm ư? Khi

có nguyệt kinh chỉ nên lễ bái ít (lễ bái ít chớ chẳng phải tuyệt nhiên không lạ), còn sự tụng kinh niệm Phật đều chiếu theo lệ thường. Nên thường thay giặt vải dơ, phải rửa tay cho sạch sẽ, đừng dùng tay dơ mà lần chuỗi, lật kinh và đốt hương. Trong Phật Pháp, pháp pháp đều viên thông, hàng ngoại đạo chỉ chấp một bên lý, người đời phần nhiều lại ưa tin lời ngoại đạo, không rõ chánh lý Phật giáo, nên không được thấm nhuần pháp lợi.

☸ 11 ☺

Quán Thế Âm Bồ Tát thế nguyện rộng sâu, tìm tiếng cứu khổ. Khi gặp những tai nạn: đao binh, nước lửa, đói kém, cào cào, ôn dịch, khô hạn, cướp bóc, oan gia, thú dữ, rắn độc, ác quỷ, yêu mị, nghiệp binh, kẻ tiểu nơn hãm hại v.v... nếu phát tâm sửa lỗi làm lành, lợi mình lợi người, chí thành khẩn thiết niệm Quán Thế Âm không xen hở, thì quyết định sẽ được nhờ sức từ bi ủng hộ tránh khỏi tai nguy. Nếu vẫn còn giữ lòng bất thiện, dù có xưng niệm, chẳng qua là gieo chút căn lành về sau, không được sự cảm ứng hiện tại, vì chư Phật, Bồ Tát thành tựu niệm lành cho người, tuyệt không thành tựu niệm ác cho người. Như không phát tâm sửa lỗi làm lành, làm lạc muốn đem công đức niệm Phật, Bồ Tát, để cầu cho việc ác của mình thành tựu thì quyết không được cảm ứng. Rất không nên phát tâm điên đảo ấy.

Đã niệm Phật, cần phải giữ trọn nhưn luân, gìn lòng thành kính, dứt các điều dữ, làm các việc lành, giữ

lòng tốt, nói lời tốt, làm việc tốt. Việc nào mình làm được thì thiết thật mà làm, như không làm được cũng nên phát lòng lành ấy, hoặc khuyên người có thể lực làm, hoặc thấy người làm sanh tâm vui đẹp. Thốt lời khen ngợi việc lành cũng thuộc về công đức của tâm và miệng. Nếu việc mình không thể làm, khi thấy người khác làm được mà sanh lòng ganh ghét, đó là tâm hạnh của kẻ tiểu nhân. Như thế, quyết định phải bị mất phước tổn thọ, không được kết quả tốt, cần để ý răn chữa. Rất không nên giả mặt hiền lương để mua danh chuốc lợi, tâm hạnh ấy quý thần đều ghét, có thì mau cải, không thì nên cố gắng làm lành.

☯ 12 ☯

Có nhiều người nữ vì không rõ chánh lý, hoặc bất hiếu với cha mẹ chồng, khi dễ chồng, quá cương yêu chiều chuộng con, ngược đãi tôi tớ, hoặc là mẹ ghẻ hiếp đáp hành hạ con riêng của chồng. Những người ấy đâu biết rằng: hiếu thảo với cha mẹ chồng, kính trọng chồng, dạy dỗ con cái, ra ân huệ cùng hàng tôi tớ, an ủi nuôi dạy con riêng của chồng, chính là đạo thánh hiền ở thế gian mà cũng là phép tắc đầu tiên của đạo Phật. Nếu có đủ công đức ấy mà tu Tịnh Độ, thì quyết định danh dự thêm nhiều, phước thọ bền vững, khi mạng chung được Phật tiếp dẫn về chín phẩm sen. Nên biết đã có nhân phải có quả, nếu ta gieo nhân hiếu kính từ ái, tự nhiên sẽ được quả hiếu kính từ ái. Vì người tức là vì mình, hại người còn quá hơn hại mình, cho nên

mỗi người đều phải làm tròn bổn phận, Phật trời tất sẽ chứng tri.

☯ 13 ☯

Trẻ con khi vừa khôn lớn, phải dạy cho chúng biết đạo lý hiếu, đễ, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ và việc ba đời nhân quả, sáu nẻo luân hồi. Như thế là làm cho chúng hiểu tâm của mình cùng tâm chư Phật, Bồ Tát, trời đất, quỷ thần, mỗi hơi thở thông nhau. Nếu khởi một niệm bất chánh, làm một việc không phải, thì các vị ấy thấy đều biết, như đối trước gương sáng, hình ảnh tốt xấu hiện ra rõ ràng, không che giấu được. Đã hiểu như thế, tất nhiên chúng sẽ sợ hãi, gắng sức làm lành. Chẳng luận người nào, dù là con cái tôi tớ trong nhà cũng không nên đánh đập mắng chửi thô tháo. Phải tìm cách khuyến hóa, khiến cho chúng biết phụng thờ bậc trên, nhường thuận kẻ dưới, kính trọng giấy chữ, chẳng xài phá cơm gạo, quần áo, của tiền, yêu tiếc sanh mạng loài trùng kiến, không ăn vật vạnh để khỏi mang bệnh. Nếu dạy được như thế, thì một ngày kia quyết định chúng sẽ thành người lương thiện. Trái lại lúc con cháu còn thơ ấu, cha mẹ chẳng chịu dạy dỗ, để mặc cho chúng buông lung, khi lớn lên nếu chúng nó không là kẻ dung ngu, cũng là hàng phỉ loại. Chừng ấy dù có ăn năn cũng vô ích. Lời xưa nói: ‘Giáo phụ sơ lai, giáo tử anh hài’ (Dạy con dạy thuở còn thơ, dạy vợ dạy lúc ban sơ mới về), tánh tình phần lớn là do ảnh hưởng của tập quán, cho nên phải cẩn thận từ bước đầu tiên. Cá nhân

là phần tử của xã hội, trong thiên hạ bình yên hay loạn lạc, cội nguồn đều do sự hiền lương hoặc bạo ác của con người. Vậy những điều trên đây quan hệ, thiết yếu, không phải tôi bàn luận chuyện vô ích, xa vời...

☯ 14 ☯

Ấn Quang tôi năm nay đã quá già yếu, tinh thần mỗi ngày thêm suy kém, không còn đủ sức để phúc đáp những bức thư gửi đến. Chỉ vì sự lưu thông thuận tiện, nên xa gần lắm nghe chút hư danh, gửi thư hỏi đạo quá nhiều. Nếu tôi không đáp, vẫn tự hơi có phụ ý người gửi; như mỗi mỗi đều phúc đáp, thật ra cũng không đủ tinh thần. Vì thế, tôi cho in bức thư dài này để phúc đáp cùng khắp. Trong đây, những điều quan hệ về sự tu trì, cách lập thân xử thế, đạo thờ cha mẹ, dạy con cái, tôi đều nói lược qua. Về sau, ai đưa tin đến hỏi đạo, tôi đều dùng thư này phúc đáp, hoặc có vài điều đặc biệt, cũng chỉ nên thêm đôi hàng nơi bức thư gửi đến mà thôi. Như thế, để cho đạo niệm đôi bên được thông nhau, mà tôi cũng đỡ bớt sự nhọc mệt. Nếu vị nào muốn hiểu suốt kinh nghĩa, xin thưa hỏi nơi các bậc Pháp Sư dựng cao tràng pháp, tông giáo kiêm thông. Nhưng nên biết, dù thông suốt kinh pháp, cũng chưa chắc được thoát sanh tử. Muốn thoát sanh tử luân hồi, phải chú trọng nơi sự tín nguyện niệm Phật cầu sanh Tây Phương!

Vườn Thơ Tịnh Độ

Ta Bà cõi nghiệp sự tung hoành,
Nói đến Liên bang mộng cũng thanh,
Hơi thở chẳng vào nghìn kiếp hận,
Tấc lòng dám bỏ sáu thời danh?
Như gà ấp trứng liền hơi ấm,
Tợ lửa nung vàng luyện mới tinh
Một niệm gốc tình trừ sạch hết,
Tánh chơn lồ lộ khối viên minh.

CHÂU QUANG CƯ SĨ



Cảnh yên, người vắng, giữa thanh thiên,
Siêng giữ thân tâm dám trễ kiên?
Chém đứt niệm trần dây nghiệp rậm,
Phá tan ý vọng núi mê cao.
Giọt châu nhớ Phật, châu chưa dứt,
Mối tưởng quy Tây, tưởng lại nhiều!
Những mển đài sen hoa cánh ngọc,
Nghĩ cho tên họ đã đều nêu.
Tháng hạ ngày tàn tiết nóng sao!
Trong bầu hỏa trạch chịu hừng thiêu.
Một vùng cây biếc che lâu các,
Mười dặm sen tươi chói họa kiêu.
Mắt ngắm trời Tây lòng ngó ngẩn
Lệ theo tiếng Phật dạ tiêu điều.

Bao giờ về được ao trong mát?
Trần lụy bao nhiêu sạch bấy nhiêu!
THỐN HƯƠNG TRAI CHỦ



Lúc đi dễ thuận niệm Di Đà,
Một Phật tùy theo một bước qua.
Dưới gót hăng thời chơi Tịnh Độ,
Trong tâm mỗi niệm cách Ta Bà.
Đạo quanh hoa liễu nhưng thường nhớ,
Lên xuống non sông vẫn chẳng xa.
Đợi lúc vãng sanh về Cực Lạc,
Mười phương du ngoạn tự như mà!

Khi nằm niệm Phật lặng âm thanh,
Hơi thở nương theo giữ hiệu danh.
Một gối gió thanh trong vạn dặm.
Nửa giường trăng sáng khoảng ba canh.
Đã không trần lụy tâm yên tịnh.
Duy có liên hoa mộng dễ thành.
Giấc điệp mơ màng chư Phật hiện,
Tỉnh ra còn vẫn nhớ phân minh.
TĨNH AM PHÁP SƯ

Đời người trăm tuổi, ai trăm tuổi?
Chuyện cũ quay nhìn, chuyện mộng mê!
Nghĩ khóc đồng lưu đi lạc mất,

Lãng quên cõi Tịnh chẳng lo về!

PHẠM KỲ THIỀN SƯ



Đêm dài dễ mộng về thôn cũ,
Năm hết không quên phận lữ hành.
Mười vạn ức đường quê Cực Lạc,
Tấc lòng mang mển những trâu canh!

TƯ TỀ LÃO NHƠN



Nói đến vô thường mọi việc khinh,
Đói ăn khát uống biếng kinh dinh.
Một lòng chuyên hướng trời An Dưỡng.
'Vạn thiện đồng quy' nhớ Vĩnh Minh!
Mãng tưởng ngày về chữa đến ngày,
Bên trời du tử mộng hồn bay!
Tĩnh mơ, tiếng nhạn rơi đêm vắng,
Tin tức miền Tây chậm vãng lai?

SỞ THẠCH LÃO NHƠN

Tóc sương thay mái đầu xanh,
Một đời sự nghiệp nghĩ thành không hoa!
Soi bổn phận
Lánh đường tà.
Âm thầm thời tiết đổi.

Lặng lẽ tháng ngày qua.
Kíp mau tìm đến chơn thường lộ,
Dám chậm chờ xem bệnh tử mà!
Cõi Phật đâu xa cách?
Về chẳng chỉ tại ta!
Mỗi niệm chỉ cần không thối chuyển.
Ao vàng đã sẵn có Liên Hoa.
Thân tàn về cõi báu,
Sen nở thấy Di Đà!

LIÊN ẨN THIỀN SƯ



Lầu quỳnh cách biệt những năm xưa,
Lối cũ đường xa bước trở về,
Tháng ngày hờ hững,
Tóc điểm hoa lê!
Lòng theo bóng nguyệt trời tây xế,
Tai lắng nghe chim tiếng nhớ quê
Lá thu rơi rụng...
Tấc dạ nào nề!
Đỉnh trầm xông đốt ngân hơi khánh,
Hương cõi Liên bang phát nguyện thề:
Ta Bà đã chán chê...!

TRA AM THIỀN SƯ



Ngày tháng chim lồng quanh quẩn,
Thân người bèo nước linh đình
Trăm năm tạm gởi kiếp phù sanh,
Há lại mơ màng chẳng tỉnh?
Đem mối trần duyên giữ sạch,
Đừng cho mộng cảnh lưu đình.
Di Đà sáu chữ ấy chơn kinh,
Đường lối tu hành tiệp kính!

Chẳng luận sang, hèn, ngu, trí.
Không phân già, trẻ, gái, trai.
Có tâm làm được đấng Như Lai,
Lời thật lưu truyền vẫn tại!
Sáu chữ Di Đà rất dễ,
Một lòng tưởng niệm đừng sai.
Thân này thề chiếm tử kim đài,
Gắng giữ niệm tâm chớ trái!

LINH THOẠI THIỀN SƯ

Hơn sáu mươi năm,
Thoáng dường xuân mộng.
Tỉnh ra thôi một giấc hoàng lương!
Phù hoa bóng huyễn,
Có mấy phong quang?
Nhìn xem đã rõ...
Cắt mối tơ vương,
Mặc kẻ lao nhao chốn hí trường!
Lều tranh núi biếc,
Bổn phận lo lường

Tùy duyên thông thả.
Rửa bát đốt hương.
Đem tâm quy hướng cõi thanh lương!
Mêh mang biển nghiệp,
Đau khổ bao đường!
Quay đầu trông lại thấy thêm thương!
TRANG NGHIÊM CƯ SĨ
☸☸

Lời Bạt

Trong quyển này, ta thấy Ấn Quang Pháp Sư, về cách khuyến hóa, chỉ dùng lời lẽ bình thường chân thật, mà điểm cốt yếu duy ở một chữ *thành*. Người học đạo biết đặt chân từ chỗ bình thật đi vào, thì không còn vọng cầu xa xôi; có chí thành khẩn thiết tất dễ cảm thông với Phật. Sự huyền diệu của đạo chính là ở chỗ đó. Cho nên thuở xưa, một vị Tổ Sư đã bảo: ‘Tâm bình thường là đạo.’ Nhưng, trên đường giải thoát, các tông khác tuy cũng dùng tâm bình thường thanh tịnh làm căn bản, song chỉ nương ở tự lực, riêng môn Tịnh Độ đã chuyên dùng tự lực lại kiêm chú trọng về tha lực. Như bên tông Thiền tuy tham cứu câu niệm Phật, nhưng chỉ dùng đó để ngăn làn sóng vọng tưởng, trở về tâm thanh tịnh; bên tông Mật như phái Lạt Ma giáo ở Tây Tạng, cũng có người chuyên trì danh hiệu của một đức Phật, một bậc Bồ Tát hay một vị thần, song họ chỉ xem đó là một câu chú, hoặc một đấng ủng hộ mà thôi. Tuy nhiên, nếu đem so sánh, ta thấy bên Mật có điểm thắng hơn bên Thiền, vì bên Mật trong khi tu niệm đã biết giữ ba nghiệp thanh tịnh (tam mật tương ưng) để tiêu trừ vọng tưởng đồng thời lại dùng công đức, năng lực của chân ngôn hay hiệu Phật, giúp sức phá tan hoặc nghiệp, để mau chứng quả Bồ Đề. Nhưng đó là những lối tu hành của bậc thượng căn, hơn nữa chúng sanh từ kiếp vô thủy đến nay gây nên nghiệp chướng vô lượng vô biên, dù có tu được, cũng khó hy vọng trong một đời phá hết

phiền hoặc, thoát đường sanh tử. Và một khi nghiệp hoặc còn chùng một mảy tơ, cũng bị luân hồi, mà đã luân hồi tất dễ quên mất túc căn, bị trần cảnh mê mờ lôi cuốn vào trong lục đạo! Khác hơn thế, môn Tịnh Độ bậc căn cơ thượng, trung, hạ đều có thể tu; cách tu chỉ dùng tâm thanh tịnh làm nền tảng, rồi từ nơi đó khởi công năng chí thành khẩn thiết niệm danh hiệu Phật cầu sanh Tịnh Độ. Nếu đủ lòng tín nguyện trì danh, không luận người đã dứt hết phiền não, dù cho kẻ nghiệp nặng như biển cả non cao, trong một đời cũng được Phật tiếp dẫn sanh về Tịnh Độ. Khi niệm Phật chí thành, trong ấy có ba năng lực: sức Phật, sức Pháp và sức công đức không thể nghĩ bàn của tự tâm. Sức Phật là được Phật phóng quang nhiếp thọ, thường thường hộ trì. Sức Pháp là hồng danh A Di Đà vẫn đầy đủ muôn đức, chí thành niệm một câu tất sẽ tiêu tội nặng sanh tử trong tám mươi ức kiếp, phước huệ tăng thêm. Sức công đức của tự tâm là tâm ta có đủ mười pháp giới, trong khi ta niệm Phật thành khẩn, thì pháp giới ác bị tiêu ngưng, pháp giới lành biến chuyển lớn mãi cho đến khi thành thực, kết quả lúc mạng chung sẽ hóa sanh trong liên bào nơi cõi Tây Phương. Ở đây, ta cần nên phân biệt có hai lối niệm Phật tương tự như Tịnh Độ mà không phải thuộc về tông Tịnh Độ: 1/ Niệm Phật tương tục mong đàn áp vọng tưởng chứng ngộ bản tâm, không cầu vãng sanh, giống như tông Thiền. 2/ Niệm Phật như trì một câu thần chú, mong Phật ủng hộ cho xa lìa ma chướng, tiêu hoặc nghiệp, hiện đời phước huệ tăng thêm, mà không cầu vãng sanh, giống như tông Mật.

Niệm Phật như thế là lạc với đường lối của Tịnh Tông, chỉ được kết quả nhỏ mà mất sự lợi ích lớn. Nếu người biết trì niệm hiệu như giữ gìn bốn mạng, chỉ tha thiết cầu sanh Tây Phương, thì tuy không cầu dứt phiền não mà phiền não tự tiêu, không cầu sanh phước huệ mà phước huệ tự nhiên thêm lớn, cho đến không cầu chứng ngộ mà hoặc sớm hoặc chầy cũng được chứng ngộ; kết quả trong một đời sẽ thoát vòng luân chuyển, lên vị Bất Thối nơi cõi bảo liên. Thế thì chỉ thành tâm niệm Phật cầu vãng sanh, trong ấy đã có đủ Thiền và Mật rồi. Cho nên Ấn Quang Đại Sư thường nói: ‘Pháp môn Tịnh Độ thống nhiếp cả Thiền, Giáo, Luật, cao siêu hơn Thiền, Giáo, Luật.’

Môn Niệm Phật xem giản dị mà có công năng rất huyền diệu như thế, nên một hạng người học Phật vì nhận thức không thấu đáo, sanh tâm tự cao, bài báng, khinh thường. Bởi thế, có kẻ dẫn câu niệm Phật đem về lý tánh, cho lời nói trong các kinh Tịnh Độ là tượng trưng. Lại có một hạng người nhiều chủng tử ngoại đạo, đem sáu chữ niệm Phật bố khắp chi thể, hoặc hợp câu niệm Phật với pháp luyện khí cho đi tuần hoàn trong châu thân, hoặc dùng câu niệm Phật tụ hỏa nơi ấn đường. Họ lại lầm cho đó là quý báu, chỉ mật thọ nhau trong phòng kín không dám tuyên dương, sợ e lạm truyền. Sự lầm lạc ấy khiến cho nhiều người mang chứng lớn bụng, mờ mắt, đau đầu, kết cuộc chỉ có tổn hại không được lợi ích. Nên biết pháp môn Tịnh Độ chính do đức Thích Ca Mâu Ni nói ra, sáu phương chư Phật đều khen ngợi; các bậc Đại Bồ Tát, Đại Tổ Sư như

đức Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ đều tuân giữ; các Kinh Đại Thừa như Hoa Nghiêm, Pháp Hoa, Đại Bảo Tích, Đại Bát Nhã đều tuyên dương. Kể ngoại đạo vì tà kiến, hủy báng môn Tịnh Độ, vẫn không đáng nói; hàng Phật tử nếu sanh tâm tự cao hủy báng, tức là vô tình hủy báng ngôi Tam Bảo, ngăn lấp con đường giác ngộ của mọi người. Tại sao thế? Vì môn Tịnh Độ là cửa màu giải thoát duy nhất, yên ổn nhất của chúng sanh đời mạt pháp; chính đức Phật đã từng có lời huyền ký thuở xưa.

Trên đây, không phải tôi cố ý phân biệt môn Tịnh Độ giữa các tông phái, hay thiếu mỹ cảm với những kẻ đã lầm lạc, mà chính vì tưởng niệm ân sâu của Phật, muốn cho mọi người đồng được lợi ích đó thôi. Tuy nhiên, trên đường đạo, sở thích của mỗi người có khác nhau, khúc nhạc hương quê chưa dễ cảm được lòng du khách! Xem quyển này, ai có mến Ấn Quang Pháp Sư, cũng nên theo Ngài mà đọc bài ca quy khứ:

*Phải nên phát nguyện, nguyện vãng sanh,
Đất khách sơn khê mặc người luyến?
Tự không muốn về, về sẽ được,
Quê xưa trăng gió có ai tranh?*

Người Bạn Sen,
Liên Du Thích Thiền Tâm

Mấy Lời Bày Tỏ

Trong các hành môn của đức Phật đã chỉ dạy, môn nào cũng có pháp nghi riêng biệt, từ cách thờ cúng, lễ bái, trì tụng, sám hối, phát nguyện v.v... Như Mật Tông lại còn sự lập đàn, kiết ấn nữa.

Riêng về tông Tịnh Độ, tôi thấy có nhiều người không biết nghi thức hành trì cho đúng pháp. Lại có những vị không hiểu nghĩa chữ Hán, thành ra khi trì tụng chỉ đọc suông theo thông lệ, khó phát lòng thành khẩn, không thể chuyển hướng tâm niệm của mình y như lời văn. Nghĩ vì dòng đời cứ mãi trôi qua, người sau càng ngày lại càng ít am hiểu văn từ Hán Việt, nên theo lời yêu cầu của một số đồng tu, tôi soạn dịch nghi thức tu Tịnh Độ ra Việt văn để giúp bạn đồng tu.

Về pháp nghi Tịnh Độ, có ba bậc: thượng, trung, hạ. Để không quá đơn giản và khỏi phiền toái, tôi căn cứ theo pháp nghi của ngài Từ Vân trong Tịnh Độ Thập Yếu, soạn dịch nghi thức theo bậc trung. Về cách trì danh, vẫn có nhiều đường lối, theo chỗ kinh nghiệm và so với thời cơ, tôi chọn pháp Thập Niệm Ký Số.

Về pháp nghi Tịnh Độ, thuở xưa chia làm năm môn, tôi ước kết lại thành ba môn: lễ bái, trì tụng và phát nguyện hồi hướng. Vả lại, pháp môn Tịnh Độ có chuyên tu và kiêm tu; có vị chuyên niệm Phật, có vị lại kiêm tụng kinh, trì chú, sám hối hoặc tham thiền. Theo Ấn Quang Pháp Sư, thì người tu tịnh nghiệp phải lấy sự niệm Phật làm phần chính, mấy món kia làm phần phụ,

phần chính cố nhiên phải giữ cho nhiều hơn. Riêng về tụng kinh, trì chú, nếu dùng để giúp cho phần niệm Phật và chí tâm hồi hướng, cầu vãng sanh, cũng có thể gọi là chuyên tu.

Trên pháp môn trì danh, sự hơn kém thật ra không phải ở nơi nghi thức, mà ở chỗ: âm thanh rành rõ hay lơ mờ, tâm niệm thành khẩn hay thờ ơ tán loạn, công trì tụng sâu nhiều hay cạn ít. Nếu người biết tu thì một lượt chiêm lễ, một câu xưng danh, công đức cũng hơn kẻ không biết tu rất nhiều. Tuy nhiên, nếu không có pháp nghi cho đúng, thì công đức hành trì thì cũng khó phát huy đến chỗ viên mãn. Và vì thế tôi mới soạn ra nghi thức này.

Xưa và nay cách nhau, chúng sanh căn cơ sở thích đều sai khác, tôi không dám gọi việc làm này là hợp với mọi người, cũng không dám cho nghi thức đây là hơn những pháp nghi đã có, chỉ tùy chỗ mong cầu mà lạo thảo viết ra vậy thôi.

Liên Du Thích Thiền Tâm

Tịnh Độ Pháp Nghi

(của Từ Vân Sám Chủ, Tuân Thích Đại Sư)

I. Môn Lễ Bái

(Trước khi trì tụng, nên súc miệng, rửa mặt, rửa tay sạch sẽ, rồi mặc áo tràng, đốt hương, kế chắp tay đứng trước bàn Phật đọc bài kệ tán Phật, tiếp theo lễ bái).

Từ bi thế độ khắp quần sanh
Hỷ xả cứu an chúng hữu tình
Tướng tốt trang nghiêm thân rực rỡ,
Nay con đánh lễ chí tâm thành.

(Cùng đứng xướng lễ)

- Chí tâm đánh lễ - Nam Mô Tận Hư Không, Khắp Pháp Giới, Mười Phương Ba Đồi, Tất Cả Chư Phật.
(1 lễ, 1 tiếng chuông)
- Chí tâm đánh lễ - Nam Mô Tận Hư Không, Khắp Pháp Giới, Mười Phương Ba Đồi, Tất Cả Tôn Pháp.
(1 lễ, 1 tiếng chuông)
- Chí tâm đánh lễ - Nam Mô Tận Hư Không, Khắp Pháp Giới, Mười

Phương Ba Đồi, Tất Cả Hiền Thánh
Tăng. (1 lễ, 1 tiếng chuông)

• Chí tâm đánh lễ - Nam Mô Ta Bà Giáo
Chủ, Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật. (1 lễ, 1 tiếng chuông)

• Chí tâm đánh lễ - Nam Mô Thường Tịch
Quang Tịnh Độ, A Di Đà Như Lai,
Pháp Thân Màu Thanh Tịnh, Khắp
Pháp Giới Chư Phật. (1 lễ, 1 tiếng chuông)

• Chí tâm đánh lễ - Nam Mô Thật Báo
Trang Nghiêm Độ, A Di Đà Như Lai,
Thân Tướng Hải Vi Trần, Khắp Pháp
Giới Chư Phật. (1 lễ, 1 tiếng chuông)

• Chí tâm đánh lễ - Nam Mô Phương Tiện
Thánh Cư Độ, A Di Đà Như Lai,
Thân Trang Nghiêm Giải Thoát,
Khắp Pháp Giới Chư Phật. (1 lễ, 1 tiếng chuông)

• Chí tâm đánh lễ - Nam Mô Cõi Cực Lạc
Phương Tây, A Di Đà Như Lai, Thân
Căn Giới Đại Thừa, Khắp Pháp giới
Chư Phật. (1 lễ, 1 tiếng chuông)

- Chí tâm đảnh lễ - Nam Mô Cối Cực Lạc Phương Tây, A Di Đà Như Lai, Thân Hóa Đến Mười Phương, Khắp Pháp Giới Chư Phật. (1 lễ, 1 tiếng chuông)
- Chí tâm đảnh lễ - Nam Mô Cối Cực Lạc Phương Tây, Quán Thế Âm Bồ Tát Thân Tử Kim Muôn Ước, Khắp Pháp Giới Bồ Tát. (1 lễ, 1 tiếng chuông)
- Chí tâm đảnh lễ - Nam Mô Cối Cực Lạc Phương Tây, Đại Thế Chí Bồ Tát, Thân Trí Sáng Vô Biên, Khắp Pháp Giới Bồ Tát. (1 lễ, 1 tiếng chuông)
- Chí tâm đảnh lễ - Nam Mô Cối Cực Lạc Phương Tây, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng, Thân Phước Trí Trang Nghiêm, Khắp Pháp Giới Thánh Chúng. (1 lễ, 1 tiếng chuông)



2. Môn Trì Tụng

(Ngồi bán dả hoặc kiết dả; chấp tay niệm Phật)

Tịnh Pháp Giới Chân Ngôn

Án lam, xóa ha. (7 lần)

Tịnh Tam Nghiệp Chân Ngôn

**Án, sa phạ bà phạ, thuật đà sa phạ, đạt
mạ sa phạ, bà phạ thuật độ hám.** (3 lần)

Hương Tán

Hương thơm giăng bủa,
Thánh đức tỏ tường,
Bồ đề tâm rộng khó suy lường,
Tùy chỗ phóng hào quang
Lành tốt phi thường,
Kính lễ Pháp trung vương.

Nam Mô Hương Vân Cái Bồ Tát. (3 lần)

(Nếu người tụng kinh, thì đọc bài kệ khai kinh, tiếp theo tụng thứ kinh mà mình thích; người trì chú Chuẩn Đề, tụng theo nghi chú Chuẩn Đề; người chỉ chuyên niệm Phật, đọc bài kệ tán Phật A Di Đà rồi niệm Phật. Dù tụng kinh hay trì chú chi, khi xong đều tiếp theo niệm Phật y như sau. Trong đây, theo phần đồng, tôi viết ra nghi thức trì chú Đại Bi và niệm Phật).

Nam Mô Đại Bi Hội Thượng Phật Bồ Tát
(3 lần)

Kính lạy Quán Âm chủ Đại Bi,
Sức nguyện rộng sâu, thân tướng đẹp,
Ngàn mắt quang minh khắp chiếu soi,
Ngàn tay trang nghiêm, khắp nâng đỡ.
Nơi tâm vô vi khởi lòng bi,
Trong thể chân thật tuyên lời mật.
Mau cho đầy đủ những mong cầu,
Hay khiến dứt trừ nhiều tội nghiệp.
Thiên Long các thánh đều từ hộ,
Trăm ngàn tam muội đã huân tu.
Thân thọ trì là quang minh tràng,
Tâm thọ trì là thần thông tạng.
Rửa sạch trần lao khơi bể nguyện.
Mở môn phương tiện đến bờ đề.
Nay con khen ngợi thệ quy y.
Nguyện chỗ mong cầu được thành tựu.

Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát

(đọc tha thiết 10 lần)

*Thiên Thủ Thiên Nhân Vô Ngại Đại Bi
Tâm Đà La Ni*

Nam mô hắc ra đất na đa ra dạ da. Nam mô a rị da, bà lô kiết đế, thước bát ra da, bồ đề tát đỏa bà da, ma ha tát đỏa bà da, ma ha ca lô ni ca da. Án, tát bàn ra phạt duệ, số đất na đất tỏa. Nam mô tất kiết lật đỏa, y mông a rị gia, bà lô kiết đế thất Phật ra lăng đà bà.

Nam mô na ra cần trì hê rị, ma ha bàn đa sa mế, tát bà a tha đậu du bằng, a thệ dựng, tát bà tát đa, na ma bà tát đa, na ma bà già ma phạt đạt đậu, đất điệt tha. Án, a bà lô hê, lô ca đế, ca ra đế, di hê rị, ma ha bồ đề tát đỏa. Tát bà tát bà, ma ra ma ra, ma hê ma hê, rị đà dựng. Cu lô cu lô yết mông, độ lô độ lô, phạt xà da đế. Ma ha phạt xà da đế. Đà ra đà ra, đạ rị ni. Thất Phật ra da. Dá ra dá ra, mạ mạ phạt ma ra. Mục đế lệ, y hê y hê, thất na thất na, a ra sâm Phật ra xá lị, phạt sa phạt

sâm. Phậ ra xá da, hô lô hô lô ma ra, hô lô hô lô hê rị. Ta ra ta ra, tất rị tất rị, tô rô tô rô. Bồ đề dạ, bồ đề dạ, bồ đà dạ, bồ đà dạ, di đế rị dạ, na ra cần trì, địa rị sắt ni na. Ba dạ ma na, ta bà ha. Tất đà dạ ta bà ha. Ma ha tất đà dạ, ta bà ha. Tất đà du nghệ thất bàn ra dạ, ta bà ha. Na ra cần trì, ta bà ha. Ma ra na ra, ta bà ha. Tất ra tăng a mục khê da, ta bà ha. Ta bà ma ha, a tất đà dạ, ta bà ha. Giả kiết ra a tất đà dạ, ta bà ha. Ba đà ma yết tất đà dạ, ta bà ha. Na ra cần trì bàn đà ra dạ, ta bà ha. Ma bà lị thắng yết ra dạ, ta bà ha. Nam mô hắc ra đất na, đá ra dạ da. Nam mô a rị da, bà lô kiết đế, thức bàn ra dạ, ta bà ha. Án, tất điện đô, mạn đà ra bạt đà dạ, ta bà ha.

(Tụng chú này 7 hoặc 21 biến, tụng xong quì gối chắp tay đọc):

Đệ tử (pháp danh) **một lòng sám hối:**
Về trước con tạo nhiều nghiệp ác,
Đều do vô trí tham, giận, mê.

Từ thân miệng ý mà sanh ra,
Nay con xin sám hối tất cả.
Con nguyện thân tâm thường tinh tấn.
Chướng duyên trong ngoài đều tiêu trừ.
Lâm chung chánh niệm về Tây Phương,
Mãn nguyện Bồ Đề độ hàm thức.
Nam Mô Đại Từ Đại Bi Quán Thế Âm
Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát. (3 lần)

(Vẫn quỳ tiếp đọc):

Thân Phật Di Đà vàng rực rỡ,
Tuyệt vời xinh đẹp tướng trang nghiêm.
Non năm tòa xoay chuyển bạch hào,
Nước bốn bể trong ngần mắt biếc.
Trong ánh sáng hóa vô số Phật,
Các hóa Bồ Tát cũng không lường.
Nguyện lành bốn tám độ hàm linh,
Chín phẩm sen vàng sanh Cực Lạc.
Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới,
Đại Từ Đại Bi, A Di Đà Phật.

(Đứng lên đi nhiễu quanh bàn Phật, vừa niệm hồng danh; đi ba vòng hoặc nhiều vòng rồi trở lại ngồi. Nên niệm ra tiếng nhỏ theo pháp *Thập Niệm Ký Số* lấy 10 câu làm một đơn vị, chia làm hai đoạn, mỗi đoạn 5 câu; cứ hết 10 câu lần qua hột chuỗi. Khi niệm đủ số hạn định, đến trước

bàn Phật, xưng danh hiệu Tứ Thánh và đọc bài văn phát nguyện hồi hướng).

3. Môn Phát Nguyện Hồi Hướng

Nam Mô A Di Đà Phật. (niệm mau 10 hơi)

Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát. (10 câu)

Nam Mô Đại Thế Chí Bồ Tát. (10 câu)

**Nam Mô Thanh Tịnh
Đại Hải Chúng Bồ Tát** (10 câu)

(Vấn quì, dùng tâm tiếng khẩn thiết đọc):

**Một lòng quy mạng,
Thế giới Cực Lạc,
Phật A Di Đà.
Xin đem ánh tịnh,
Soi chiếu thân con;
Dùng nguyện từ bi,
Mà nhiếp thọ con.
Nay con chính niệm,
Xưng hiệu Như Lai,
Vì đạo Bồ Đề,**

Cầu sanh Tịnh Độ.
Xưa Phật lập thế:
‘Nếu chúng sanh nào,
Muốn về nước ta,
Hết lòng tin ưa,
Xưng danh hiệu ta,
Cho đến mười niệm,
Như không được sanh,
Ta không thành Phật’.
Nay con nguyện nương,
Nhân duyên niệm Phật,
Được vào biển thế,
Cửa đức Như Lai;
Nhờ sức Từ Tôn,
Tiêu trừ các tội,
Thêm lớn căn lành.
Con nguyện lâm chung,
Biết ngày giờ trước,
Thân không bệnh khổ,
Tâm không tham luyến,
Ý không điên đảo,
Như vào thiền định.

Phật cùng Thánh Chúng,
Tay bưng đài vàng,
Đến tiếp dẫn con.
Trong khoảng sát na,
Con về Cực Lạc,
Hoa nở thấy Phật,
Được nghe Phật thừa,
Tỏ thông Phật huệ,
Độ khắp chúng sanh,
Mãn Bồ Đề nguyện.

Xin đem công đức trì tụng này,
Hồi hướng bốn ân và ba cõi.
Nguyện khắp pháp giới các chúng sanh,
Đều sanh Cực Lạc, thành Phật đạo.



- Chí tâm đánh lễ - Tận Hư Không, Khấp Pháp Giới Mười Phương Ba Đời, Chư Phật, Tôn Pháp, Hiền Thánh Tăng, Thường Trú Tam Bảo. (1 lạy)
- Chí tâm đánh lễ - Ta Bà Giáo Chủ Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, Đại Trí Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát, Đại Hạnh Phổ Hiền Bồ Tát, Linh Sơn Hội Thượng Phật Bồ Tát. (1 lạy)
- Chí tâm đánh lễ - Cực Lạc Thế Giới, Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật, Đại Bi Quán Thế Âm Bồ Tát, Đại Lực Đại Thế Chí Bồ Tát, Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát. (1 lạy)



Trích Kinh A Di Đà

Từ đây qua phương Tây mười muôn ức cõi Phật, có một thế giới tên là Cực Lạc. Cõi kia có Phật, hiệu A Di Đà, hiện nay đang thuyết pháp.

Này Xá Lợi Phất! Vì sao nước kia kêu là Cực Lạc? Bởi chúng sanh nước kia chỉ hưởng những điều vui, không có các việc khổ, nên gọi là Cực Lạc.

Lại nữa, này Xá Lợi Phất! Cõi nước Cực Lạc có bảy lớp lan can, bảy lớp lưới giăng; bảy lớp hàng cây, đều làm bằng bốn món báu, đoanh vây, giáp vòng. Thế cho nên nước kia, gọi là nước Cực Lạc.

Lại nữa, Xá Lợi Phất! Cõi nước Cực Lạc, có ao bằng thất bảo, tám thứ nước công đức, đầy đầy trong đó; dưới đáy ao, dùng ròng thứ cát bằng vàng lót đất. Đường đi bốn bên thềm ao đắp thành bằng bốn chất báu là: kim ngân, lưu ly, pha lê, trên có lầu các, cũng dùng kim, ngân, lưu ly,

pha lê, xà cừ, xích châu, mã não, để kiến trúc điểm tô nhà lầu ấy.

Hoa sen trong ao, lớn bằng bánh xe, sắc xanh hào quang xanh, sắc vàng hào quang vàng, màu đỏ chiếu ánh đỏ, màu trắng tia sáng trắng, nhiệm màu thơm sạch.

Xá Lợi Phát! Cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm như thế.

Sám Phát Nguyện

Đệ tử chúng con từ vô thủy,
Gây bao tội ác bởi lầm mê,
Đắm trong sanh tử đã bao lần,
Nay đến trước đài Vô Thượng Giác.
Biển trần khổ lâu đời luân lạc.
Vớ sanh linh vô số điêu tàn,
Sống u hoài trong kiếp lầm than,
Con lạc lõng không nhìn phương hướng,
Đàn con dại từ lâu vất vưởng,
Hôm nay trông thấy đạo huy hoàng,
Xin hướng về núp bóng từ quang,
Lạy Phật Tổ soi đường dẫn bước,
Bao tội khổ trong đường ác trước,
Vì tham, sân, si, mạn gây nên,
Thì hôm nay giữ trọn lời nguyện.
Xin sám hối để lòng thanh thoát.
Trí huệ quang minh như nhật nguyệt
Từ bi vô lượng cứu quần sanh,
Ôi! Từ lâu ba chốn ngục hình,
Giam giữ mãi con nguyện ra khỏi,

Theo gót Ngài vượt qua khổ ải,
Nương thuyền từ vượt bể ái hà,
Nhớ lời Ngài: ‘Bờ giác không xa’,
Hành thập thiện cho đời tươi sáng,
Bỏ việc ác cho đời quang đặng,
Đem phúc lành gieo rắc phàm nhân,
Lời ngọc vàng ghi mãi bên lòng,
Con nguyện được sống đời rộng rãi,
Con niệm Phật để lòng nhớ mãi,
Hình bóng người cứu khổ chúng sanh,
Để theo Ngài trên bước đường lành,
Chúng con khổ, nguyện xin cứu khổ,
Chúng con khổ, nguyện xin tự độ,
Ngoài tham lam, sân hận ngấp trời,
Phá si mê trí huệ tuyệt vời,
Con nhớ đức Di Đà lạc quốc.
Phật A Di Đà thân kim sắc,
Tướng tốt quang minh tự trang nghiêm.
Năm Tu Di uyển chuyển bạch hào,
Bốn biển lớn trong ngàn mắt biếc.
Trong hào quang hóa vô số Phật.
Vô số Bồ Tát hiện ở trong.

Bốn mươi tám nguyện độ chúng sanh
Chín phẩm sen vàng lên giải thoát
Quy mạng lễ A Di Đà Phật
Ở phương Tây thế giới an lành
Con nay xin phát nguyện vãng sanh
Cúi xin đức Từ Bi tiếp độ.
*Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới,
Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật.* (3 lần)



Hương Quê Cực Lạc

Dịch Giả:
Hòa Thượng Thích Thiên Tâm

Lời Nói Đầu

Đương thời giảm kiếp, trình độ đạo đức của nhân loại mỗi ngày một kém, trái lại tội ác mỗi ngày một thêm. Do sức nghiệp của đa số người chiêu cảm, nên khắp thế giới nổi lên những hiện tượng: động đất, bão, lụt, núi lửa, nắng hạn, thời tiết bất thường. So với mấy mươi năm về trước, những chuyện chém giết trộm cướp, dâm loạn, lường gạt giữa ngày nay, đã khiến cho người có lòng với thế đạo nhân tâm phải bàng hoàng lo sợ! Kinh Phật nói: "Tất cả sự khổ vui đều do tâm tạo". Vậy muốn cải thiện con người, tạo hoàn cảnh tốt, phải tìm sửa đổi từ chỗ phát nguyên. - Đây, tôi muốn nói là mọi người phải dứt trừ tâm niệm xấu ác, ví như muốn được dòng nước trong, đừng để cho nguồn vẫn đục. Trong khi xem bộ Tứ Quy Tập, tôi thấy nó có lợi ích cho sự hướng thiện, đường giải thoát của người đời, nên ngoài giờ niệm Phật, lần lượt phiên dịch thành ra quyển Hương Quê Cực Lạc này. Trong đây tuy sự khuyến hóa không ngoài làm lành, niệm Phật, song đó lại chính là phương tiện khéo đưa mọi người đi sâu vào thật hạnh, âm thầm hoán cải từ người đến cảnh một cách mau nhiệm. Vì đối với người thâm

hiểu Phật pháp, thì toàn sự và lý, sự trì tức là lý trì. Trái lại, nếu chỉ chú trọng lý thuyết không quan tâm đến thật hành, đó chỉ là lý thuyết suông, không đem lại kết quả.

Thuở xưa, có một vị sư đi thuyết pháp nơi nào cũng chỉ nói về quy y Tam Bảo. Có người hỏi sao không giảng pháp chi khác. Sư đáp: "Thử nghĩ có pháp nào ngoài phạm vi Tam Bảo không?". - Nước ta, sự tu hành phổ thông của hàng Phật tử xuất gia và tại gia tóm lại cũng không ngoài: giữ quy giới, biết nhân quả, làm lành, niệm Phật. Cho đến nhiều bậc học Phật uyên thâm, kết cuộc cũng đi về điểm ấy. Vậy một câu Niệm Phật, nếu chuyên, thiết tưởng không phải là thiếu. Xem quyển này, chữ vị sẽ được lãnh thọ lời vàng của Phật Tổ, chỗ kinh nghiệm về tu trì của các bậc thiện tri thức, không khác nào có thầy hay bạn tốt. Nếu thật hành y theo lời dạy trong đây, sẽ được ba điều lợi ích lớn:

1. Nhờ sức Phật hộ trì, sức công đức của câu niệm Phật, sức tâm niệm lành của mình, riêng hành như sẽ được tiêu tội chướng, thêm phước huệ, giảm trừ những nguy hiểm tai nạn trong thời mạt kiếp.

2. Cũng do ba năng lực trên, cảnh huống khổ đau chung của nhân loại có thể giảm bớt, nếu nhiều người biết ăn chay niệm Phật. Cho nên tuy tu Tây phương Tịnh Độ, mà thật ra đồng thời đã tu nhưn gian Tịnh Độ ở ngay cõi đời này.

3. Chuyên niệm Phật, hành nhưn sẽ được sanh về Cực Lạc, thoát hẳn ra nỗi khổ luân hồi, hưởng sự an vui vô cùng vô tận, lần lượt sẽ chứng đạo quả, độ chúng sanh. Vậy đây là phương pháp lợi mình lợi người một cách viên mãn chắc chắn.

Quyển này, theo bản Hán Văn, đã được tăng bổ, in ra nhiều lần. Cho nên phần tựa do ngài Ấn Quang làm năm Dân Quốc thứ 28 (1938), mà đoạn sau lại có thêm lời dạy, tiểu sử của Ngài (tịch năm 1940) và Hoàng Nhất Đại Sư (tịch năm 1942). Vậy xin đọc giả, thể hội, đừng lấy làm nghi. Dịch ra quyển này, tôi cảm vì cõi đời khổ nặng, chánh giáo suy vi, nghĩ mình tội chướng chi mà sanh nhằm mạt thế, duyên phước gì mà nghe được pháp âm, nên không nỡ thọ phần lợi ích riêng, tùy sức tùy phần tuyên

dương đạo giải thoát, để tỏ lòng báo đáp bốn ân, lợi
vui đồng loại trong muôn một thế thời.

"Đã từng trời nổi riêng thương khách
Muốn nhủ đồng như lại cố hưởng!"
Xin mượn hai câu thơ trên để bày tỏ tâm sự tôi vậy.
Mùa an cư năm Canh Tý (1960)

Dịch giả: Liên Du kính ghi

Tựa

Pháp môn Tịnh Độ cao cả không cùng, rộng lớn như trời che đất chở. Đây là Pháp môn tổng trì của chú Phật ba đời, là đạo màu đặc biệt trong một đời giáo hóa của đức Thích Ca. Trên như bậc đẳng giác Bồ Tát, không thể vượt ra ngoài phạm vi của môn này: Dưới dù kẻ phạm tội nghịch ác cũng được dự phần tế độ.

Tuy nhiên, bởi pháp môn cao siêu như thế mà phần nhiếp cơ lại quá phổ cập, dùng sức ít mà thu thập kết quả rất mau lẹ lớn lao, nên những vị thông hiểu đôi chút về tông, giáo, đều xem thường, cho là môn tu trì của kẻ ngu phu ngu phụ. Truy nguyên, cũng do các vị ấy chưa hiểu rõ các chỗ lớn nhỏ, khó, dễ của Phật lực và tự lực. Hai phương diện này, sự hơn kém thật không thể dùng lời nói, văn từ hình dung cho hết được. Vì sao?

Bởi tất cả pháp môn khác đều nương theo sức giới, định, huệ, tu cho đến nghiệp sạch tình không, mới có thể thoát luân hồi sanh tử. Nhưng địa vị nghiệp sạch tình không đâu phải là dễ được?. Trong hai

phần hoặc nghiệp, dứt được kiến hoặc khó cũng như ngăn chặn dòng nước đổ bốn mươi dặm, huống nữa là tứ hoặc ử? Dù cho bậc tổ ngộ cao siêu, nếu chưa dứt sạch phiền não, vẫn còn bị luân hồi. Và một khi đã thọ sanh thì kẻ thối thất trong một muôn có đến mười ngàn, kẻ tiến bộ trong ức người khó được ba bốn. Thế thì tự lực không đủ ỷ lại, không chi vững vàng. Những kẻ khoe mình là trí, không chịu thuận theo lòng từ thệ nhiếp thọ của Như Lai, thử nghĩ có nên tự phụ chăng?

Riêng về môn Tịnh Độ, nếu người có đủ tín nguyện chơn thiết, dùng lòng chí thành niệm Phật như con thơ nhớ mẹ và hằng ngày sự hành vi không trái với đạo đức, thì đến khi lâm chung, sẽ được nhờ Phật tiếp dẫn sanh về Tây Phương. Dù người ấy nghiệp hoặc hỷ còn, nhưng khi đã vãng sanh thì chỗ ở đắc cũng cao hơn bậc A La Hán tình không nghiệp sạch, vì lẽ chúng tánh không đồng. Kẻ chưa dứt nghiệp hoặc còn như thế, người đã hết nghiệp không đợi phải luận nhiều! Ấy bởi do Phật lực, pháp lực và tâm lực của chúng sanh, đều không thể nghĩ bàn: mà tâm lực lại nhờ năng lực của Phật và Pháp, được hiển hiện một cách vẹn toàn. Cho nên chỉ ỷ lại vào

tự lực, sánh với nương nhờ Phật Lực, thật kém xa nhau hằng hà sa số sự cách biệt của đất trời! Lại nên biết, đạo lý của môn Tịnh Độ này không thể đem luận chung với các pháp môn phổ thông khác, vì đây là pháp môn đặc biệt! Tôi thường có đôi lần:

Pháp môn cao cả, lợi khắp ba căn, nhân đây chín cõi đồng về, mười phương khen ngợi.

Phật nguyện rộng sâu, không từ một vật, nên được ngàn kinh đều chỉ, muôn luận tuyên bày.

Trong kinh Hoa Nghiêm về phẩm Phổ Hiền hạnh nguyện, tất cả bậc pháp thân Đại Sĩ ở 41 vị (Thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa, đẳng giác) nơi Hoa Tạng thế giới hải, đều y theo lời khuyên của đức Phổ Hiền Bồ Tát, dùng công đức mười đại nguyện vãng cầu sanh Tây Phương, để được viên mãn quả Phật. Các bậc đại sĩ mà còn như thế, kể phàm phu đầy nghiệp lực, tự ý chút tài chí mọn, xem thường môn Tịnh Độ, thử xét mình có hơn các bậc Bồ Tát kia chăng? Hay là bởi mê loạn cầu cao, để rồi muốn siêu trở thành đọa lạc, muốn khéo hóa ra vụng về?

Những kinh sách hoàng dương Tịnh Độ xưa nay rất nhiều. Trong ấy, Đại Sư Như Sầm tuyển ra những lời hay ý đẹp của Phật, Bồ Tát, Tổ Sư và ngôn luận của các bậc trí thức cận đại, chép thành quyển Hương Quê Cực Lạc (nhan đề dịch thoát của hai chữ Tự Quy) này. Đại Sư nhờ tôi làm lời tựa, tôi tự xét lúc trẻ tuổi không gắng sức, đến nay già kém, tài năng chỉ đem nghĩa lý mình đã tin hiểu trong 59 năm viết ra để lấp cho rồi trách nhiệm. Nhân tiện, dâng tỏ chút ngu thành, nguyện khắp đồng như đều được sanh về Cực Lạc. Chỗ thật tâm của tôi là thế, ngoài ra những bậc tài chí có bình luận chê cười, tôi chưa từng nghĩ đến. Theo đây, xin có mấy lời ca rằng:

"Khắp khuyên đồng phát nguyện lành, nguyện cầu vãng sanh. Đất khách tuổi non hiểm nhiều, mặc ai luyến tình! Tự mình không muốn về thôi, quyết về tất được. Đường quê có ai tranh giành, gió mát trăng thanh!"

Những khách nhớ quê, xin cùng chú ý!

Đời Dân Quốc thứ 28, năm Kỷ Mão, tiết Đông Chí.

Thích Ấn Quang soạn

Thích Ca Mâu Ni Phật

(Thích Ca Mâu Ni là tiếng Phạn, dịch: Năng Nhân-Tịch-Mặc, Thích Ca là họ, Mâu Ni là tên; Phật có nghĩa là: đấng giác ngộ, Đức Bổn Sư khi xưa là Thái Tử Tất Đạt Đa, ở xứ Trung Ấn Độ, nước Ca Tỳ La Vệ, cha là Vua Tịnh Phạn, mẹ là Ma Da Hoàng Hậu, Thái tử xuất gia lúc 19 tuổi, đến 30 tuổi thành đạo, thuyết pháp 50 năm, trụ đời 80 tuổi. Đức Phật ra đời độ vô lượng chúng sanh, hiện nay đạo pháp của Ngài được khắp giới Á, Âu tôn trọng.)

❁ Kinh Phật Thuyết A Di Đà nói: "Từ đây thẳng về phương Tây, trải qua mười muôn ức cõi Phật, có thế giới tên là Cực Lạc. Cõi ấy có đức Phật hiệu là A Di Đà, hiện nay đang thuyết pháp. -- Tại sao cõi kia gọi là Cực Lạc? Vì chúng sanh ở cõi ấy không có các sự khổ, chỉ hưởng những điều vui, nên gọi là Cực Lạc. -- Đức Phật ấy vì sao hiệu là A Di Đà? Bởi ánh sáng của đức Phật này không lường, soi khắp mười phương quốc độ, không chỗ nào chướng ngại, nên hiệu là A Di Đà. Lại nữa, đức Phật kia cùng với nhân dân của ngài sống lâu đến không lường, không ngần A Tăng Kỳ kiếp, nên gọi là A Di Đà. -- Chúng sanh, sanh về cõi Cực Lạc, đều là bậc A Bệ Bạt Trí, trong ấy hàng nhưt sanh bổ xứ rất nhiều, không thể dùng toán số tính biết được, chỉ có thể dùng số vô lượng vô biên A Tăng Kỳ để nói mà thôi. -- Chúng sanh nào nghe kinh này, nên phát nguyện sanh

về nước kia. -- Tại sao thế? Vì được cùng các bậc người thượng thiện ở chung một chỗ. -- Nếu có người thiện nam thiện nữ nào nghe nói đến Phật A Di Đà, giữ niệm danh hiệu, hoặc một ngày, hai ngày, ba ngày cho đến bảy ngày, một lòng không loạn, khi người ấy mạng chung, Phật A Di Đà cùng các Thánh Chúng hiện ở trước. Bấy giờ kẻ ấy lòng không điên đảo, liền được sanh về cõi Cực Lạc. -- Chúng sanh các người! Nên tin kinh "Xưng Tán Bất Khả Tư Nghị Công Đức, Nhất Thiết Chư Phật Sở Hộ Niệm" này.

✿ Kinh Đại Tập nói: Hành giả ngồi ngay thẳng, chuyên tâm tưởng đức Phật A Di Đà, tướng đẹp như thế, oai nghi như thế, đại chúng như thế, thuyết pháp như thế, tưởng niệm như vậy, tâm tâm nối nhau, thứ lớp không loạn, sẽ thấy được Đức Phật kia. Ví như trong đời có người nam hay nữ đi xa ở xứ khác, trong giấc mơ thấy nhà cửa của mình. Lúc bấy giờ thật ra người ấy chẳng biết là đêm hay ngày, là ngoài hay trong, tường vách núi đá không thể che ngăn, cho đến sự tối tăm mù mịt không làm chướng ngại. Hành giả mỗi niệm cứ huân tu như thế, lâu ngày sự quán tưởng sẽ sáng suốt lanh lẹ, kết quả thấy được đức Phật Di Đà.

✿ Kinh Thập Lục Quán nói: -- Muốn sanh về Cực Lạc, phải tu ba thứ phước: 1) Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng thờ sư trưởng, tâm từ bi không giết hại, tu mười nghiệp lành. 2) Thọ trì tam quy, giữ trọn các giới, đừng phạm oai nghi. 3) Phát lòng Bồ đề, tin sâu lý nhân quả, đọc

tụng kinh Đại thừa, khuyến tấn người tu hành. Ba điều trên đây gọi là tịnh nghiệp.

✿ Kinh Bảo Tích nói: -- Bấy giờ Di Lạc Bồ Tát bạch Phật rằng: "Bạch đức Thế Tôn! Như Thế Tôn đã nói những công đức lợi ích của Phật A Di Đà và thế giới Cực Lạc. Lại bảo: Nếu có chúng sanh nào phát mười thứ tâm, một lòng chuyên niệm hướng về Phật A Di Đà, khi người ấy mạng chung sẽ được sanh về thế giới của đức Phật kia. Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là phát mười thứ tâm, và do tâm nào sanh về Cực Lạc?" -- Phật bảo: "Này Di Lạc! Mười thứ tâm ấy không phải hạng người phàm phu, bất thiện có thể phát được. Những gì là mười tâm:

1. Đối với chúng sanh khởi lòng đại từ không làm tổn hại.
2. Đối với chúng sanh khởi lòng đại bi không làm bức não.
3. Với chánh pháp của Phật khởi lòng hộ trì không tiếm thân mạng.
4. Với tất cả pháp lành sanh lòng thán ngưỡng, không chấp trước.
5. Tâm an vui trong sạch, tôn trọng, không tham lợi dưỡng, cùng sự cung kính.
6. Tâm cầu chứng trí của Phật, trong tất cả thời không xao lãng.
7. Đối với tất cả chúng sanh hằng tôn trọng cung kính, không khinh rẻ là hèn thấp.

8. Không say đắm theo thế luận, đối với phần bồ đề sanh lòng quyết định.
9. Tâm thanh tịnh tu các căn lành, không hề tạp nhiễm.
10. Đối với các đức Như Lai, xả lìa các tướng, lòng tùy niệm.

Di Lạc! Đó là mười thứ phát tâm của Bồ Tát, do tâm này sẽ được sanh về cõi Cực Lạc của Phật A Di Đà. Di Lạc! Nếu có người nào trong mười tâm này, tùy ý thành tựu được một tâm, ưa thích muốn về Cực Lạc, quyết không lẽ nào không được vãng sanh.



Đạo Sư A Di Đà Phật

(A Di Đà là tiếng Phạn, dịch: Vô Lượng Thọ hoặc Vô Lượng Quang. Ngài là vị giáo chủ ở thế giới Cực Lạc về phương Tây. Theo Kinh Cổ Âm Vương thì đời quá khứ có nước Diệu Hỷ, vị quốc vương là Kiều Thi Ca. Bấy giờ có Phật Tự Tại Vương ra đời. Kiều Thi Ca xuất gia đầu Phật, hiệu là Pháp Tạng. Lại Kinh Vô Lượng Thọ nói: "Pháp Tạng Tỳ Kheu ở nơi Phật Thế Tự Tại Vương phát lòng Bồ Đề, lại phát 48 lời nguyện, mỗi nguyện đều nói: "nếu không được như thế, tôi thề không thành Phật".

Những đại nguyện ấy đã thành tựu, và ngài Pháp Tạng đã thành Phật tức là Đức A Di Đà ở nơi thế giới Cực Lạc hiện nay.)

✿ Theo kinh Vô Lượng Thọ, 48 đại nguyện của Đức A Di Đà, có mấy điều thiết yếu sau đây:

Nguyện thứ 18 - Khi tôi thành Phật, chúng sanh trong mười phương hết lòng tin ưa muốn sanh về nước tôi, xưng danh hiệu tôi cho đến mười niệm, nếu không được vãng sanh, tôi thề không thành chánh giác.

Nguyện thứ 19 - Khi tôi thành Phật, chúng sanh trong mười phương phát lòng Bồ Đề, tu các công đức, chí tâm phát nguyện cầu sanh về nước tôi, đến lúc lâm chung,

nếu tôi không cùng thánh chúng hiện ở trước người ấy tiếp dẫn, tôi sẽ không thành chánh giác.

Nguyện thứ 21 - Khi tôi thành Phật, hàng nhân thiên trong nước tôi thấy đều đủ 32 tướng đại nhân, nếu chẳng được như thế, tôi sẽ không thành chánh giác.

Nguyện thứ 27 - Khi tôi thành Phật, từ hàng Nhân Thiên cho đến tất cả muôn vật trong nước tôi, hình sắc đều tốt đẹp, nghiêm sạch sáng rõ, vi diệu cùng cực, không thể tính kể. Nếu những chúng sanh chứng được thiên nhãn mà có thể biện thuyết rõ ràng được sanh số, tôi sẽ không thành chánh giác.

Nguyện thứ 32 - Khi tôi thành Phật, từ cõi đất lên đến hư không, những cung điện lầu quán, ao nước cây hoa, tất cả vạn vật đều do vô lượng tạp bảo, trăm ngàn thứ hương hoa hiệp tạo thành, nghiêm đẹp kỳ diệu, hơn các thiên cung. Mùi hương trong nước tôi lan tỏa khắp mười phương thế giới, các Bồ Tát tiếp xúc được hương ấy, đều tu Phật hạnh. Nếu chẳng được như thế, tôi sẽ không thành chánh giác.

Nguyện thứ 39 - Khi tôi thành Phật, hàng nhơn thiên trong nước tôi đều hưởng sự an vui như bậc Lộ Tỳ Kheu. Nếu chẳng được như thế, tôi sẽ không thành chánh giác.



Quán Thế Âm Bồ Tát

(Trong Kinh Bi Hoa, về kiếp quá khứ, thuở đời Phật Bảo Tạng, khi đức A Di Đà còn làm Luân Vương, thì Bồ Tát làm vị Thái tử thứ nhất của Ngài, hiệu là Bất Thuận. Lúc Thái tử đối trước đức Bảo Tạng phát đại nguyện rồi, Phật liền ban cho danh hiệu là Quán Thế Âm. Hiện tại, Bồ Tát ở cõi Cực Lạc phụ giúp Phật A Di Đà mà hoằng hóa và tiếp dẫn chúng sanh. Về sau, Bồ Tát kế vị đức A Di Đà mà thành Phật, hiệu là Biến Xuất Nhất Thế Công Đức Sơn Vương Như Lai; thế giới Cực Lạc đổi tên lại là Nhất Thế Trân Bảo Sở Thành Tự. Về phần nhân hạnh quả đức cùng sự ứng hóa của Bồ Tát, trong kinh Pháp Hoa, Lăng Nghiêm, và Đại Bi có nói đến.)

✿ Kinh Đại Bi Đà La Ni nói: "Nếu chuyên xưng danh hiệu và cúng dường đức Bổn Sư ta là Phật A Di Đà, thì sẽ được vô lượng phước, tiêu trừ vô lượng tội, khi mạng chung lại được vãng sanh về cõi Cực Lạc. Bấy giờ đức Như Lai đưa tay tiếp dẫn và xoa đầu kẻ ấy mà bảo rằng: "Người đừng sợ hãi, vì đã được sanh về nước ta".

✿ Kinh Quán Thế Âm Bồ Tát Thọ Ký nói: "Kẻ nào phát lòng vô thượng Bồ Đề, nguyện sanh về Cực Lạc, đều được thấy cõi ấy, lại thấy Phật A Di Đà cùng các hàng Bồ Tát và Thanh Văn. Người đó thấy như thế rồi, vui mừng khắp khởi, xưng lên rằng: "Nam Mô A Di Đà Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri!" Bấy giờ trong

pháp hội có 84.000 chúng sanh đều phát lòng Bồ Đề,
nguyện trồng căn lành để được vãng sanh về Cực Lạc.



Đại Thế Chí Bồ Tát

(Trong Kinh Bi Hoa, về kiếp quá khứ, thuở đời đức Phật Bảo Tạng, khi đức A Di Đà còn làm Luân Vương, thì Bồ Tát làm vị Thái tử thứ hai của Ngài, hiệu là Ma Ni. Lúc Thái tử Ma Ni đối trước với đức Phật Bảo Tạng phát thế nguyện rồi, Phật liền ban cho danh hiệu là Đắc Đại Thế, và thọ ký cho sau thành Phật hiệu là Thiện Trụ Trân Bảo Sơn Vương. Hiện tại, Bồ Tát ở cõi Cực Lạc phụ giúp Phật A Di Đà hoằng hóa và tiếp dẫn chúng sanh. Về sau Bồ Tát thành Phật kế đức Quán Thế Âm, thế giới, thời kiếp và Phật sự cùng Phật Công Đức Sơn Vương đồng. Trong kinh Lăng Nghiêm, Bồ Tát nói pháp Môn niệm Phật thật rất là tinh khiết, người tu tịnh nghiệp nên tuân theo.)

✿ Kinh Lăng Nghiêm nói: "Tôi nhớ hằng hà sa kiếp về trước, có mười hai đức Như Lai nối nhau ra đời trong một kiếp, vị đầu tiên là Vô Lượng Quang, vị Phật rốt sau hiệu là Siêu Nhật Nguyệt Quang. Đức Phật sau này dạy tôi pháp môn Niệm Phật Tam Muội. Ví như có hai người, một kẻ chuyên nhớ, một kẻ chuyên quên, hai người ấy dù gặp nhau cũng như không gặp, thấy cũng như không thấy. Nếu hai người đều nhớ nhau, sức nhớ tưởng càng sâu, thì từ đời này đến đời khác, hai kẻ ấy đồng như hình với bóng, không xa rời nhau được. Các đức Như Lai trong mười phương mẫn niệm chúng sanh cũng như mẹ nhớ con, nếu con cứ lẩn tránh, dù mẹ có

nhớ cũng không biết làm sao! Trái lại, nếu con nhớ mẹ, cũng như mẹ nhớ con, thì mẹ con đời đời chẳng cách xa nhau. Nếu tâm của chúng sanh hằng nhớ Phật, niệm Phật, thì đời này, đời sau, quyết định sẽ thấy Phật, cách Phật không xa, chẳng cần dùng phương tiện chi khác, tâm mình được khai ngộ. Như người nhuộm các thứ hương, thân kẻ ấy có mùi thơm đó là hương quang trang nghiêm. Chỗ bản nhân của tôi là dùng tâm niệm Phật được chứng vào Vô Sanh Nhẫn, nay ở cõi này nhiếp thọ người niệm Phật đem về Tịnh Độ. Nay Phật hỏi về viên thông, tôi không lựa chọn, nhiếp cả sáu căn, tịnh niệm nối luôn được Tam Ma Địa, đây là bậc nhất.



Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát

(Văn Thù Sư Lợi có chỗ gọi là Mạn Thù Thất Ly, dịch là Diệu Đức hoặc Diệu Kiết Tường. Theo Kinh Bi Hoa, Bồ Tát khi xưa là thái tử Vương Chúng, con thứ ba của Luân Vương thời đức Phật Bảo Tạng. Khi Thái tử phát hoàng thệ ở trước Phật rồi, liền được đổi tên là Văn Thù Sư Lợi, và được thọ ký về sau thành Phật hiệu Phổ Hiện, ở thế giới Thanh Tịnh Vô Cấu Bảo Chi về phương Nam. Lại kinh Văn Thù Bát Niết Bàn nói: "Văn Thù Bồ Tát thị hiện sanh ở nước Xá Vệ, làng Đa La, làm con của Phạm Đức Bà La Môn, Bồ Tát từ hông bên mặt của mẹ sanh ra, thân sắc tử kim, biết nói liền lúc ấy. Lớn lên theo Phật xuất gia.)

✿ Kinh Hoa Nghiêm nói: "Bấy giờ, ánh sáng chiếu qua ngàn thế giới, tất cả đức Văn Thù ở các cõi đều đồng thời đối trước Phật nói kệ rằng: "Trong tất cả oai nghi. Thường nhớ công đức Phật. Ngày đêm không xen hở. Nghiệp như thế nên tu".

✿ Kinh Quán Phật Tam Muội Hải nói: "Sau khi Văn Thù Sư Lợi Bồ Tát này bỏ túc nhân, tự nói đã chứng được Niệm Phật Tam Muội, tất sanh về Tịnh Độ, đức Thế Tôn thọ ký rằng: "Ông sẽ được sanh về cõi Cực Lạc". Bồ Tát liền đọc kệ phát nguyện:

"Tôi nguyện lúc mạng chung. Trừ tất cả chướng ngại. Thấy Phật A Di Đà. Sinh về cõi Cực Lạc. Khi đã về nơi ấy. Thành tựu các đại nguyện. A Di Đà Thế Tôn. Thọ ký cho thành Phật".

✿ Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục nói: "Đời Đường, Pháp Chiếu Đại Sư nhờ đức Văn Thù dùng thần lực nhiếp vào thánh cảnh ở non Ngũ Đài. Đại Sư đánh lễ Bồ Tát và thưa thỉnh về yếu môn tu hành. Đức Văn Thù bảo: "Nay người nên niệm Phật, chính là lúc hợp thời, bởi các môn tu hành không chi hơn niệm Phật. Siêng năng cúng dường Tam Bảo, gồm tu phước huệ, hai điều này rất là cần yếu. Đời quá khứ ta nhân cúng dường, quán tưởng và niệm Phật mà được Nhứt thế chủng trí. Cho nên tất cả pháp, pháp bát nhã ba la mật, môn thiền định rất sâu, cho đến chư Phật, đều từ nơi niệm Phật mà sanh. Thế nên biết niệm Phật là vua của các pháp". Ngài Pháp Chiếu hỏi: "Đệ tử phải niệm như thế nào?" Bồ Tát bảo: - Thế giới phương Tây có Phật A Di Đà. Nguyện lực của đức Phật ấy không thể nghĩ bàn, người nên tưởng niệm chớ cho gián đoạn, khi mạng chung quyết định sẽ được vãng sanh không còn thối chuyển". Nói rồi, Bồ Tát đưa cánh tay sắc vàng xoa đánh ngài Pháp Chiếu và bảo rằng: "Do người niệm Phật, không bao lâu sẽ chứng quả vô thượng Bồ Đề". Đại Sư được thọ ký rồi, vui mừng đánh lễ lui ra.



Phổ Hiền Bồ Tát

(Theo kinh Bi Hoa, Bồ Tát khi xưa là Thái Tử Văn Đà, con thứ tám của Vua Luân Vương, thời đức Phật Bảo Tạng. Sau khi Thái tử đối trước Phật phát đại nguyện, liền được đổi tên là Phổ Hiền và được thọ ký về sau thành Phật hiệu là Trí Cang Hầu Tự Tại Tướng Vương ở thế giới Trí Thủy Thiện Trụ Tịnh Công Đức nơi phương Bắc. Lại theo Kinh Hoa Nghiêm, Bồ tát đã là vị tử phụ của Phật Tỳ Lô Giá Na mà còn dùng mười đại nguyện vương khuyến dẫn hải chúng Bồ tát trong cõi Hoa Tạng đồng về Cực Lạc. Chúng ta là kẻ hạ phàm há chẳng phát nguyện làm theo ư?)

✿ Kinh Hoa Nghiêm nói: "Khi Phổ Hiền Bồ Tát khen ngợi công đức thù thắng của Như Lai rồi, liền bảo các Bồ Tát và ngài Thiện Tài rằng: "Nếu muốn thành tựu công đức ấy, phải tu mười điều hạnh nguyện rộng lớn.

Kính lễ chư Phật
Khen ngợi Như Lai
Rộng tu sự cúng dường
Sám hối nghiệp chướng
Tùy hỷ các công đức
Thỉnh Phật chuyển pháp luân
Thỉnh Phật trụ ở đời
Thường theo Phật tu học
Hằng thuận các chúng sanh

Hồi hướng khắp tất cả.

Nếu có người nào dùng lòng tin sâu, thọ trì đọc tụng đại nguyện này, cho đến biên chép bốn câu kệ, sẽ được mau tiêu trừ tội ngũ gián. Khi người ấy lâm chung, trong khoảng sát na rốt sau tất cả các căn thảy đều tan hoại, chỉ có đại nguyện này không rời bỏ nhau, liền được sanh về thế giới Cực Lạc".

✿ Kinh Như Lai Bất Tư Nghì Cảnh Giới nói: "Nếu có người vì cầu đạo vô thượng Bồ Đề, ở trong một việc chuyên tâm tu tập, tất sẽ được thành tựu. Ví như có người uống một bụm nước ở biển cả, tức là đã uống tất cả nước sông trong cõi Diêm Phù Đề. Nếu Bồ Tát có thể tu tập môn Niệm Phật Bồ Đề hải này, tức là đã tu tập tất cả Tam Muội, các nhẫn, các địa, các Đà La Ni.



Mã Minh Bồ Tát

(Theo bộ Truyền Đăng Lục, khi Bồ Tát sanh ra, cảm động đến bầy ngựa đều bị thương kêu la. Bồ Tát lại khéo thuyết pháp, có thể khiến cho bầy ngựa nghe rồi rơi lệ kêu thương. Sau khi đức Thích Ca diệt độ 600 năm, 96 thứ ngoại đạo ở Tây Vực đều phục hưng, phá hủy Phật Pháp; Bồ Tát bèn thị hiện sanh ở miền đông Ấn độ, nước Tang Kỳ Đa, làm nhiều bộ luận hiển chánh phá tà. Trong bộ luận Khởi Tín, Bồ Tát khuyên người niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Khi lâm chung, ngài vào pháp Long Phấn Tấn Tam Muội, đưa mình lên hư không, tỏa ra ánh sáng rực rỡ như mặt trời, kể đó lại trở về bản vị mà nhập niết bàn.)

❖ Luận Đại Thừa Khởi Tín nói: "Nên mạnh mẽ tinh tấn, ngày đêm sáu thời, lễ bái chư Phật; thành tâm sám hối, khuyến tỉnh, tùy hỷ, hồi hướng về quả Bồ Đề. Tu tập như thế không thôi nghỉ thì sẽ được khỏi các chướng, căn lành thêm lớn". Lại nói: "Như Lai có thắng phương tiện để nhiếp hộ kẻ tín tâm. Ấy là dùng nhân duyên chuyên nhớ niệm Phật tùy nguyện cầu sanh về Tịnh Độ ở phương khác, do được thường thấy Phật nên vĩnh viễn xa lìa ác đạo. Như trong Tu Đa La nói: "Nếu người chuyên niệm Phật A Di Đà ở phương Tây, đem những căn lành mình tu hồi hướng về cõi kia, thì được vãng sanh. Do thường thấy Phật nên không còn lo thối chuyển."

Long Thọ Bồ Tát

(Nhân vì ngài sanh dưới cội cây có rồng ở, lại đắc đạo ở Long Cung, nên gọi là Long Thọ Bồ Tát, dòng Phạm Chí, người xứ Nam Thiên Trúc, rộng hiểu các môn học thế gian, mới xuất gia ba tháng đã thông suốt tam tạng. Bấy giờ Long Vương rước ngài xuống Long Cung; trong chín tuần ngài xem Long Tạng chưa đầy muôn một, liền ngộ Vô Sanh Nhân. Khi trở về nhân gian, Bồ Tát hoằng truyền Phật Giáo, tạo ra bộ Bà Sa Luận, trong ấy có khuyên người niệm Phật cầu sanh Tây phương. Sau ngài vào Nguyệt Luân định mà tịch. Trong kinh Lăng Già, đức Phật đã huyền ký: Sau xứ Nam Thiên Trúc. Có Long Thọ tỳ khưu. Hay hiển nghĩa trung đạo. Chứng Sơ Hoan Hỷ địa. Sanh về cõi Cực Lạc.)

✿ Luận Đại Trí Độ nói: "Niệm Phật Tam Muội có thể trừ các thứ phiền não và tội đời trước. Lại nữa, niệm Phật Tam Muội có phước đức lớn hay độ chúng sanh. Cho nên các Bồ Tát muốn độ sanh, nếu tu các pháp Tam Muội khác, tất không bằng môn Niệm Phật Tam Muội, vì môn này có phước đức lớn, mau diệt các tội. Phật là pháp vương, Bồ Tát là pháp tướng, chỗ Bồ Tát tôn trọng duy có Phật, Thế Tôn. Bồ Tát thường khéo tu nhân duyên niệm Phật, nên thường gặp chư Phật, như kinh Bát Chu có nói: "Bồ Tát vào Tam Muội này, liền hiện sanh về cõi Phật A Di Đà".

✿ Luận Bà Sa nói: "Đức A Di Đà có bản nguyện như thế này: "Nếu người xưng niệm danh hiệu và quy y nơi ta, kẻ ấy quyết được quả vô thượng Bồ Đề". Cho nên, phải thường nhớ niệm Phật. Lại dùng kệ khen ngợi Phật rằng:

Trí huệ sáng vô lượng.
Thân như tòa kim sơn.
Con dùng thân, miệng ý,
Chấp tay cúi đầu lạy.
Chân Phật ngàn bức luân,
Sắc hoa sen mềm dịu,
Kẻ thấy đều vui mừng,
Cúi đầu lễ chân Phật.
Tướng bạch hào sáng đẹp,
Trong sạch như trăng thu,
Ánh tỏa khắp mặt vàng,
Nên con cúi đầu lạy,
Nếu người muốn thành Phật.
Tâm niệm A Di Đà,
Theo thời vì hiện thân,
Cho nên con quy mạng.
Người xưng niệm nơi Phật,
Sức công đức không lường,
Thì liền được vào định.
Cho nên con thường niệm.
Nếu người trồng căn lành,
Nghĩ thì hoa không nở,
Kẻ lòng tin trong sạch,

Hoa nở liền thấy Phật
Do nhân duyên phước này,
Tất được đức thắng diệu,
Nguyện các loài chúng sanh,
Cũng đều được như vậy.



Thiên Thân Bồ Tát

(Bồ Tát người xứ Thiên Trúc, khi mới xuất gia học theo pháp Tiểu Thừa, hủy báng kinh điển Đại Thừa. Sau ngài nhờ anh là Vô Trước nhiều phen chỉ dẫn, mới hối ngộ sự lỗi lầm, muốn tự cắt lưỡi. Vô Trước Bồ Tát bảo: "Xưa em dùng lưỡi hủy báng Đại Thừa, nay phải dùng lưỡi mà tán dương pháp ấy để chuộc tội. Việc sửa lỗi hãy còn chưa muộn, nếu cắt lưỡi đi, nào có ích gì?" Vâng lời anh, Ngài Thiên Thân từ đó đem hết tâm tư, tạo ra hơn 100 bộ luận Đại Thừa. Trong ấy có luận Vãng Sanh, phát huy rõ ràng sự trang nghiêm lợi ích của cõi Tịnh Độ. Người niệm Phật nên chú ý đến luận này.)

✿ Vô Lượng Thọ Kinh Luận nói: "Nếu tu ngũ niệm môn thành tựu, kết quả sẽ được vãng sanh về Cực Lạc, thấy Phật A Di Đà. Ngũ niệm môn là gì?"

Lễ bái môn
Tán thán môn
Phát nguyện môn
Quán sát môn
Hồi hướng môn

Lễ bái là thế nào? Ấy là dùng thân lễ Đức Phật A Di Đà, tỏ ý cung kính, cầu Phật nhiếp thọ. Tán thán môn là thế nào? Đây là dùng miệng khen ngợi sắc thân, danh nghĩa, ánh sáng, trí huệ của Đức Như Lai kia, muốn tu

hành như thật cho được tương ưng. Phát Nguyện là thế nào? Ấy là một lòng chuyên niệm vào nơi chánh định, nguyện sanh về Cực Lạc.

Quán sát là thế nào? Đây là dùng chánh niệm quán sát công đức trang nghiêm của cõi Cực Lạc, công đức trang nghiêm của Phật A Di Đà, và công đức trang nghiêm của chư Bồ Tát, và Thánh Chúng.

Hồi hướng là thế nào? Ấy là tâm từ bi không bỏ những chúng sanh khổ não, nguyện đem căn lành công đức của mình, hồi hướng cầu cho tất cả loài hữu tình đều được sanh về Cực Lạc.



Giác Minh Diêu Hạnh Bồ Tát

(Theo bộ Tây Phương Xác Chỉ, Bồ Tát tự bày tỏ tức nhân như sau: "Thuở trước, về đời vua Minh Đế nhà Tấn, ta là một kẻ bần cùng. Tự thương cảnh ngộ của mình, ta phát đại nguyện rằng: "Tôi vì tức nghiệp nên chịu quả báo nghèo khổ này. Từ đây tôi nguyện niệm Phật tu hành, nếu không được thấy Phật A Di Đà và sanh về Cực Lạc để thành tựu tất cả công đức, thì dù có phải tan nát thân mạng này, tôi cũng không thôi bỏ". Phát nguyện rồi, trong bảy ngày đêm ta chuyên tinh tưởng niệm, liền được tâm khai, thấy thân tướng Phật A Di Đà, đẹp đẽ sáng chói, đầy khắp mười phương thế giới. Lúc ấy ta được Phật thọ ký cho, và về sau năm 75 tuổi ta thoát hóa, sanh về Cực Lạc. Nay vì bản nguyện lợi sanh, ta trở lại cõi này, tùy phương hóa độ".)

✿ Trong Bộ Tịnh Độ Thánh Hiền Lục có nói: "Từ năm Sùng Trinh thứ 16 đời nhà Minh, đến năm Thuận Trị thứ 4 đời nhà Thanh, Bồ Tát thường hay giáng thần nơi Ngô môn chỉ dạy về pháp môn niệm Phật.

✿ Trong bộ Tây Phương Xác Chỉ, Bồ Tát dạy: "Tâm vốn không niệm, niệm do tưởng sanh, cái tưởng ấy giả dối, khiến cho chúng sanh mãi chịu luân hồi. Nay các người nên biết một câu A Di Đà Phật đây, không từ nơi tưởng mà sanh, chẳng do nơi niệm mà có, không dính mắc trong ngoài, chẳng có tướng mạo chi. Hiểu rõ như

thế thì trừ hết các vọng tưởng, cùng với pháp thân của Phật cùng đồng không khác, không thể phân biệt. Niệm như thế thì không phiền não trần lao, không đứt đoạn, không bỏ cuộc, thế là nhứt tâm. Được chỗ nhứt tâm này, mới gọi là "giữ lấy danh hiệu" mới gọi là "một lòng không loạn."

✿ Nếu niệm Phật không nhứt tâm, phải quyết ý dứt những tư tưởng vẩn vơ, chậm rãi mà niệm, làm sao cho tiếng hiệp với tâm, tâm hiệp cùng tiếng. Cứ như thế niệm mãi, lâu ngày vọng tưởng sẽ lặn dừng, tâm cảnh sẽ sáng tỏ chứng vào Niệm Phật Tam Muội. Kệ rằng:

Nói ít một câu chuyện,
Niệm nhiều một câu Phật.
Đánh được vọng niệm chết,
Hứa pháp thân người sống.

Trước khi niệm Phật, phải phát đại nguyện sanh về Cực Lạc, rồi sau chí thành khẩn thiết xưng thánh hiệu đức A Di Đà. Khi niệm phải khiến cho tiếng duyên theo tâm, tâm duyên theo tiếng, tâm và tiếng nương nhau, giữ cho bền lâu đừng mất, thì sẽ được vào Chánh Úc Niệm Tam Muội.

✿ Đại để người tu tịnh nghiệp, khi đi đứng nằm ngồi, đều phải hướng về phương Tây thì cơ cảm dễ thành, căn cảnh dễ thuần thực. Trong thất chỉ cúng một tượng Phật, một quyển kinh, một lư hương, còn bàn, ghế và

giường mỗi thứ chỉ một cái, không nên để nhiều vật khác. Ngoài sân cũng phải quét dọn sạch sẽ, để cho khi đi kinh hành không bị trở ngại. Điều cần yếu là làm sao cho tâm mình không vướng một mảy trần, dứt bật muôn điều lo nghĩ, rỗng rang trong sáng, không biết có thân, có đời, cũng không biết hành động của mình hôm nay là việc tu hành. Được như thế thì cùng với đạo ngày gần, với đời ngày xa, có thể xu hướng về tịnh nghiệp.

Pháp tu Tịnh Độ không ngoài hai chữ chuyên cần, chuyên thì không thêm một việc chi khác, cần thì không bỏ phí phút giây. Lại pháp trì danh, cần mỗi chữ mỗi câu tâm và tiếng nương nhau, không xen lẫn một mảy niệm đời, lâu ngày thành thực, quyết định được sanh về Cực Lạc, ngời tòa bảo liên, lên ngôi bất thối.

Bài Kệ Phát Nguyện Của Đại Từ Bồ Tát

Phật mười phương ba đời,
A Di Đà bậc nhất,
Chín phẩm độ chúng sanh,
Oai đức không cùng cực
Nay con đại quy y,
Sám hối tội ba nghiệp
Có bao nhiêu phước lành,
Hết lòng xin hồi hướng.
Nguyện chúng bạn đồng tu,
Cảm ứng theo thời hiện,
Khi lâm chung, cảnh Phật,

Hiện trước mắt rõ ràng
Kẻ thấy, nghe tinh tấn,
Đồng sanh về Cực Lạc,
Thấy Phật khởi sanh tử,
Như Phật độ muôn loài.



Huệ Viên Đại Sư

(Đại Sư họ Cố, người xứ Nhạn Môn, tinh học về thuyết Nho, Lão. Năm 21 tuổi, sư nghe ngài Đạo An giảng kinh Bát Nhã, bỗng tỏ ngộ than rằng: "Các môn học Nho, Lão, đều như lúa ép thôi!" Nhân đó bèn xuất gia, thọ hoàng dương Phật Giáo. Ngài Huệ An từng khen: "Chánh pháp truyền bá ở Trung Hoa, là do Huệ Viên này chăng?" Sau Đại Sư vào Lô Sơn, cảm rồng khai mạch nước, thần vận chuyển cây để cất chùa Đông Lâm. Ngài từng đào ao trồng sen, hợp chúng lại ngày đêm sáu thời niệm Phật cầu sanh Tây phương, nhân gọi là Liên Xã, Đại Sư ở trong non hơn 30 năm, vua vời cũng không đi, từng ba lần trông thấy thánh tướng, song trầm hậu không nói ra. Năm Nghĩa Hi thứ 12, Phật lại hiện, ngài bèn ngồi ngay nhập diệt, thọ được 83 tuổi. Người sau tôn Đại Sư làm Sơ Tổ trong Liên Tông.)

✿ Đại Sư nói: "Sao gọi là Niệm Phật Tam Muội?" - Ấy là nhớ chuyên, tưởng lặng vậy. Nhớ chuyên thì chí không chia, tưởng lặng thì khí thanh thần sáng. Khí thanh thì trí giác soi khắp, thần sáng thì chiếu suốt chỗ tối tăm. Hai điều này thàm hợp nhau, hội lại mà ứng dụng. Các môn Tam Muội, danh mục rất nhiều, nhưng về phần công đức cao, dễ tu tiến, thì niệm Phật là bậc nhất. Tại sao thế? - Vì Như Lai là đấng đã chứng cùng cực lý huyền tịch, thể và thần hiệp biến, ứng hóa không cùng. Cho nên kể tu môn định này nương nhờ Phật lực,

bỗng nhiên vọng giác tiêu tan, tức nơi cảnh sở duyên mà lặng lẽ dường như gương sáng, gương lòng sáng thì ánh linh giao chiếu, muôn tượng sanh bày. Chừng ấy sự thấy nghe dung thông, không còn cuộc hạn trong vòng tai mắt, linh thể một màu, tự nhiên trong sáng. Và khi ấy tâm hợp lý huyền, vọng tình tan mất, chỗ tuyệt diệu trong đời có chi hơn đây ư? Rất mong các hiền giả tu theo pháp này gắng chí hành trì, làm sao cho được khế ngộ, cảm tất bóng để tàn, lo chưa đầy công đức, ngồi ngay ngắn trên bồ đoàn, rửa sạch lòng nơi pháp tọa, ban ngày siêng năng, ban đêm quên ngủ. Như thế mới mong sánh bước người trên, dắt dìu kẻ dưới được.



Đàm Loan Đại Sư

(Đại Sư người xứ Nhạn Môn, thuở nhỏ dạo chơi non Ngũ Đài, cảm điềm linh dị mà xuất gia. Ngài ưa thuật trường sanh, từng theo Đào ẩn cư thọ mười quyển Tiên Kinh. Sau gặp ngài Bồ Đề Lưu Chi, Đại Sư hỏi: "Đạo Phật có thuật trường sanh chăng?" Ngài Lưu Chi trao cho kinh Thập Lục Quán và bảo: "Đây là pháp trường sanh của Phật Giáo". Đại Sư cả mừng, liền đốt Tiên Kinh, chuyên tu tịnh nghiệp, dù đau yếu cũng không tạm nghỉ. Ngụ chúa nghe danh phong cho hiệu là Thần Loan. Khi lâm chung, Đại Sư kêu chúng lại dạy rằng: "Biển trần lao khổ nhọc, không biết đâu là bến nghỉ ngơi, cảnh địa ngục rất đáng kinh sợ, môn Tịnh Độ cần phải tu hành" Nói xong, bảo chúng cao tiếng niệm Phật hướng về Tây cú đầu mà tịch. Khi ấy mọi người đều nghe tiếng thiên nhạc từ phía Tây trổi lên, giây lâu mới dứt.)

✿ Đại Sư dạy: "Ngoài bốn nguyện cầu sanh, lại cần phải phát lòng Bồ Đề, được vãng sanh cùng không, lấy đây làm chỗ y cứ".

✿ Thế nào là "Thập niệm tương tục". - Đáp: Ví như có người ở nơi đồng vắng bị giặc cướp rút gươm rượt theo muốn giết, sợ hãi quá chạy thẳng miết đến một con sông. Đến đây người ấy thoáng nghĩ: "Nếu qua được sông này ta mới mong bảo toàn thân mạng, nhưng bây

giờ để y phục lội sang hay là cởi bỏ? Nếu để y phục sợ e sông rộng vướng mắc lội không thoát còn cởi bỏ thì không kịp vì giặc đuổi gần tới! Bây giờ người ấy chỉ có một niệm tìm phương tiện làm sao cho qua được sông thôi, tuyệt không có ý nghĩ chi khác. Hành giả niệm Phật lại cũng như thế, chỉ chuyên thiết niệm, không có tạp tưởng, tâm tâm nối nhau cho đến mười niệm, gọi là "Thập niệm tương tục".

✿ Người niệm Phật khi bình thời nên ước hẹn với năm ba bạn đồng tu, đến lúc lâm chung nhắc nhở trợ niệm lẫn nhau. Như thế sự vãng sanh mới có phần vững chắc.



Trí Giả Đại Sư

(Đại Sư húy là Trí Khải, vị sơ tổ của tông Thiên Thai. Ngài họ Trần, người đất Vĩnh Xuyên, khi sanh ra có thần quang chiếu sáng cả nhà. Năm 18 tuổi ngài xuất gia, tham học với Huệ Tư thiền sư. Thấy ngài đến, thiền sư nói : "Năm xưa ta với người đồng ở Linh Sơn pháp hội, túc duyên đeo đuổi, nay lại gặp nhau". Đại Sư nương theo ngài Huệ Tư, chuyên tu không bao lâu chứng được Pháp Hoa Tam Muội, trí huệ biện tài vô ngại. Ngài có soạn ra bộ Tịnh Độ Thập Nghi Luận, khuyên người niệm Phật. Vua Tuyên Đế nhà Trần mến đức, cất chùa thỉnh Đại Sư về trụ trì. Vua Dượng đế nhà Tùy cũng thọ giới cùng ngài lại tứ hiệu là Trí Giả. Sau Đại Sư trở về núi Thiên Thai, pháp hóa càng thịnh. Mùa đông năm Khai Hoàng thứ 17, ngài hướng về Tây niệm Phật tọa hóa, thọ được 67 tuổi.)

✿ Đại Sư nói: "Muốn quyết định được sanh về Tây Phương cần phải đủ hai hạnh: Yếm ly và Hân nguyện.

Thế nào là hạnh yếm ly? Phải quan sát thân này đầy đủ sự nhơ nhớp, chịu nhiều nỗi đau khổ, không có chi là vui, mà sanh lòng nhàm chán muốn thoát ly. Nghĩ tưởng như thế thì lửa dâm dục phiền não lần lần giảm bớt. Lại phát nguyện cầu được vĩnh viễn xa lìa cõi trần khổ lụy, không còn thọ cái nghiệp thân nam nữ, máu mủ, tanh hôi, đấm mê theo ngũ dục, cầu được mau về

Tịnh Độ chứng thân pháp tánh trong sạch quang minh.
Đó là hạnh yếm ly.

Thế nào là hạnh hân nguyện? Trong đây có hai điều:

1. Nên nghĩ chúng sanh chìm trong biển khổ, mình là phàm phu không đủ sức cứu độ. Nay tha thiết muốn về Cực Lạc, gần gũi với Phật, tu hành chứng quả vô sanh, để độ thoát lấy mình, báo đáp bốn ấn, cứu chúng sanh khổ não. Đó là mục đích cầu sanh.

2. Duyên tướng báo thân của Phật sắc vàng sáng rỡ, có 84,000 tướng, mỗi tướng có 84,000 vẻ đẹp, mỗi vẻ đẹp phóng ra 84,000 tia sáng, soi khắp pháp giới nhiếp lấy những chúng sanh niệm Phật. Lại quán tướng cõi Cực Lạc bảy báu trang nghiêm, đầy đủ sự an vui màu niệm, mà sanh ra lòng ưa thích. Do đó gắng sự bố thí, trì giới, niệm Phật, tu các hạnh lành, rồi đem hồi hướng, nguyện mình cùng tất cả chúng sanh, đều được sanh về Tịnh Độ. Làm như thế thì quyết định được vãng sanh, và đây là hạnh hân nguyện.



Đạo Xước Đại Sư

(Đại Sư họ Vệ, người Tĩnh Châu. Năm 14 tuổi, ngài xuất gia, học kinh luận, lại theo Toàn thiên sư tập tham thiền. Sau nhân về ở chùa Huyền Trang miền Bích cốc, ngài mến hạnh nghiệp của Đàm Loan pháp sư, thường lễ niệm sáu thời hướng về Tây ngời tinh tọa. Đại Sư định khóa niệm Phật ngày đêm bảy muôn câu. Có một vị tăng nhập định, thấy ngài cầm chuỗi chói sáng như hòn núi thất bảo. Ngoài ra, những điềm linh dị khác không thể kể xiết. Đại Sư giảng Tịnh Độ tam kinh gần vài trăm lượt, giảng xong đại chúng tản mác ra niệm Phật tiếng vang động khắp rừng núi. Cho đến mấy huyện ở gần, trẻ em từ bảy tuổi sắp lên đều biết niệm Phật. Lúc sư lâm chung, đại chúng thấy Hóa Phật giữa hư không, hoa trời rơi xuống như mưa, xem lại ngài đã tịch.)

✿ Đại Sư bảo: "Người tu tịnh nghiệp khi ngồi nằm không được xây lưng về hướng Tây, cũng không được hướng về Tây khạc nhổ cùng đại tiểu tiện. Bởi đã quy y về liên bang, nên tôn sùng miền kim địa, nếu lòng không trân trọng, đâu phải là chí nguyện cầu sanh?"

✿ Hỏi: Niệm hồng danh đức A Di Đà, có thể tiêu trừ nghiệp vô minh tam tối và được vãng sanh; sao có người xưng niệm mà vô minh vẫn còn, lại không mãn nguyện, là duyên có gì? Đáp: Do không như thật tu

hành, cùng với danh nghĩa không hợp nhau, ấy bởi chẳng biết Như Lai là thân thật tướng, là thân vị Phật. Lại có ba thứ không tương ứng, nên không được vãng sanh.

1. Lòng tin không thuần, khi còn khi mất.
2. Lòng tin không duy nhất thường đổi thay không quyết định.
3. Lòng tin không tương tục, hằng bị tạp niệm làm cho gián đoạn.

Cho nên khi niệm Phật phải nhiếp tâm đừng cho tán loạn, nếu niệm được tương tục là tín tâm, là nhất tâm, là thuần tâm. Niệm như vậy mà không vãng sanh, ấy là vô lý.



Thiền Đạo Đại Sư

(Đại Sư là tổ thứ hai trong Liên Tông. Ban sơ, nhân thấy đạo tràng tịnh nghiệp của Ngài Đạo Xước, sư mừng rỡ nói rằng: "Đây mới là nẻo bí yếu để thành Phật". Rồi đó ngài đến Kinh đô khuyên chúng tu Tịnh Độ, thường quỳ niệm Phật cho đến khi kiệt lực mới thôi. Đại Sư giảng môn Tịnh Độ hơn 30 năm, tu hành chuyên cần, chưa từng ngủ nghỉ. Được bao nhiêu của thí, ngài dùng tả kinh Di Đà hơn mười muôn quyển, vẽ thánh cảnh Tây Phương hơn ba trăm bức. Đại Sư cảm hóa hàng đạo tục rất đông, trong ấy số người được Tam Muội sanh Tịnh Độ nhiều không xiết kể. Một hôm, ngài leo lên cây liễu, hướng về Tây, chú nguyện xong gieo mình xuống rơi nhẹ như lá, ngồi kiết dà mà tịch. Vua Cao Tông phục sự thần vị của Ngài, phong cho hiệu chùa là Quang Minh.)

✿ Đại Sư dạy: "Đấng đại thánh xót thương, khuyên người chuyên xưng danh hiệu, bởi vì pháp xưng danh rất dễ, nếu có thể giữ mỗi niệm nối nhau, lấy suốt đời làm hạnh, thì mười người tu, mười người vãng sanh, trăm người tu, trăm người vãng sanh. Tại sao thế? Vì không có duyên tạp nên được chánh niệm, vì cùng với bản nguyện của Phật hợp nhau, vì không trái với kinh giáo, vì thuận theo lời Phật. Nếu bỏ chuyên niệm mà tạp tu trong trăm người may ra được một hai người,

trong ngàn người hy vọng được ba bốn người vãng sanh mà thôi".

✿ Người niệm Phật khi lâm chung chớ nên sợ chết. Phải thường nghĩ rằng: thân này không sạch, chịu nhiều sự khổ, nếu được bỏ huyễn thân mà sanh về Tịnh Độ, chính là điều đáng vui mừng!

✿ Lúc đau yếu, chỉ nghĩ đến sự vô thường, một lòng niệm Phật chờ chết. Nhớ dặn người thân cận, khi có ai đến thăm nên khuyên vì mình mà niệm Phật, đừng nói chuyện tạp ở thế gian. Nếu bệnh nặng sắp chết, người xung quanh không được khóc lóc, phải đồng thanh niệm Phật đợi chừng nào bệnh như tắt hơi, trong mình lạnh hết rồi mới nên cử ai. Như được người hiểu rõ lý Tịnh Độ thường đến khuyên lớn nhắc nhở cho, đó thật là điều đại hạnh. Dùng theo phương pháp trên đây quyết định sẽ vãng sanh.

✿ Việc sống chết luân hồi rất lớn lao, phải tự mình gắng sức mới được, nếu một niệm sai lầm để luống qua, thì nhiều kiếp chịu khổ, có ai thay thế cho mình? Nên suy nghĩ kỹ, nên suy nghĩ kỹ.

✿ Khi sắp đi nghỉ, lễ Phật quán tưởng, rồi đọc bài văn phát nguyện rằng: "Con ... là phàm phu trong vòng sanh tử, tội chướng sâu nặng, luân hồi sáu nẻo, khổ không nói được! Nay gặp tri thức, được nghe thánh hiệu, đức Phật A Di Đà, cùng với bốn nguyện, công đức

của Phật, một lòng xưng niệm, cầu nguyện vãng sanh, Nguyện Phật từ bi không bỏ, xót thương nhiếp thọ. Nay đệ tử con, chưa biết thân Phật, tướng đẹp quang minh, xin Phật hiện ra, cho con được thấy. Lại con chưa biết, Quán Âm, Thế Chí, các chúng Bồ Tát, tướng màu sáng rõ, và thế giới kia, trong sạch trang nghiêm, xin khiến cho con, thấy được tổ tường.

✿ Lại khi sắp đi ngủ, nên quán tưởng cảnh Tây Phương, hoặc quán tướng tốt của Phật, không được nói tạp, cũng không được cầu thấy điềm lành, chỉ một lòng chuyên tu, tự có lúc được thấy. Hoặc lại chỉ niệm Phật cho đến lúc ngủ quên. Máy điều trên đây, chuyên lấy một pháp, không tạp dụng. Và cần phải thật hành cho bền lâu, thì công phu tịnh nghiệp tất không luống uổng.



Hoài Cảm Đại Sư

(Về lai lịch, chưa rõ Đại Sư xuất thân từ đâu. Chỉ biết ban sơ, sư cùng với ngài Huyền Trang, Từ Ân, đồng là người trong tông Pháp Tướng. Sư tánh tình cương nghị, tinh khổ siêng học, nghi rằng: "Niệm Phật trong thời gian ngắn, làm sao được sanh về Tây Phương, nên đem nghĩa này hỏi tổ Thiện Đạo. Tổ bảo: "Đó là lời thành thật của Phật, đâu có giả dối ư?". Lại bảo ngài vào đạo tràng niệm Phật cầu chứng nghiệm. Đại Sư y lời, tu hành 21 ngày không thấy điềm lành, hận mình chướng sâu, muốn tuyệt thực. Tổ không cho, khuyên tiếp tục tu hành. Sư tinh tu ba năm, cảm hóa Phật phóng kim quang, thấy được tướng bạch hào, liền chứng Niệm Phật Tam Muội. Nhân đó, ngài viết ra bảy quyển "Tịnh Độ Thích Quần Nghi Luận". Khi lâm chung, Đại Sư thấy hóa Phật đến rước, bèn hướng về Tây mà tịch.)

✿ Đại Sư dạy: "Chí tâm niệm Phật tức là ý nghiệp làm lành, xưng danh hiệu Phật là khẩu nghiệp làm lành, chấp tay lễ bái là thân nghiệp làm lành. Do ba nghiệp ấy làm lành, nên có thể diệt tội nặng sanh tử trong tám mươi ức kiếp, nhờ hạnh nguyện nương nhau, quyết định được vãng sanh".

✿ Cần phải niệm Phật ra tiếng thì Tam Muội dễ thành, niệm thầm nhỏ phần nhiều tâm tán loạn. Điều này riêng học giả tự biết, người ngoài không rõ thấu được.

☸ Phương pháp niệm Phật ở trong nhà tối, trong thánh giáo không thấy nói. Nhưng người sơ học nếu ở trong nhà tối, tuyệt các việc thấy nghe, buông bỏ các duyên, chuyên nhất niệm Phật, hành trì như thế thì Tam Muội dễ thành. Ví như người đời khi nghĩ đến việc khó khăn mà không giải quyết được, là do vì loạn tưởng. Nếu kẻ ấy đóng chặt cửa lại một mình, nhắm mắt ngồi yên, do tâm điềm tịnh nên lần lần nghĩ ra manh mối. Điều này, người chưa thật hành đến, hay sanh nghi, nhưng với kẻ đã từng tu tập thì đó là một điểm cần yếu.

Lời Phụ: Tổ thứ ba, thứ tư, thứ năm trong Liên Tông là các ngài Thừa Viễn, Pháp Chiếu, Thiếu Khang sự hành hóa rất thịnh, song giáo pháp bị thất lạc, chỉ còn có sự tích thôi. Riêng về Tứ Tổ là ngài Pháp Chiếu, tục truyền có "Ngũ Hội Niệm Phật" nhưng Ấn Quang Đại Sư không công nhận, cho là sự ngoa chuyễn của đời sau. Vì muốn chọn phần tinh yếu, bớt sự rườm rà, nên trong đây không biên dịch ra.)



Vĩnh Minh Đại Sư

(Ngài là vị Tổ thứ sáu trong Liên Tông, tục tánh họ Vương, người xứ Tiền Đường. Thuở còn tại chức ở ngoài đời, ngài có lấy tiền thuế mua vật mạng phóng sanh, bị khếp vào tử tội, song thần sắc không biến, nên được vua ân xá. Sau khi đó ngài xuất gia, trước y chỉ theo Thúc Nham Thiền Sư, kế tham học với Thiều Quốc Sư, nhờ đức Quán Âm dùng nước cam lồ rưới nơi miệng nên được trí huệ, biện tài. Đại Sư có trứ tác bộ Tông Cảnh Lục gồm một 100 quyển, lại viết ra bộ Vạn Thiện Đồng Quy tập, khuyên tu Tịnh Độ. Trung ý vương mến hạnh đức, thỉnh ngài về trụ trì chùa Vĩnh Minh. Đại Sư định khóa mỗi ngày làm 108 việc thiện, ban đêm lên chót núi niệm Phật, mọi người nghe tiếng thiên nhạc rền vang giữa hư không. Ngài tụng kinh Pháp Hoa đến một muôn ba ngàn bộ. Năm Khai bảo thứ 8, Đại Sư đốt hương cáo từ chúng, rồi ngồi ngay mà hóa, thọ được 72 tuổi.)

✿ Đại Sư dạy: "Phải một lòng quy mạng, trọn đời tinh tu, khi ngồi nằm thường hướng về Tây. Lúc lễ bái, niệm Phật, phát nguyện, phải khẩn khiết chí thành, không xen lẫn tạp niệm, trạng như người bị hình lục, như kẻ đang ở lao tù, như gặp oán giặc rượt theo, như bị nước lửa bức bách, một lòng cầu cứu, nguyện thoát khổ luân, mau chứng vô sanh, để nối ngôi Tam Bảo, đền đáp bốn ơn, độ loài hàm thức. Chí thành như thế tất công phu

không uống. Trái lại, nếu lời và hạnh không hợp nhau, lòng tin không vững chắc, niệm lực thường gián đoạn không tương tục, đem sự biếng trễ ấy để mong vãng sanh thì e cho khi lâm chung khó gặp bạn lành, bị sức nghiệp lôi kéo, sự đau khổ ép bức, mà không thành chánh niệm. Vì sao? Bởi việc hiện tại là nhân, lúc lâm chung là quả, nhân phải cho thật, quả mới không hư, như âm thanh lớn thì tiếng vang dội rền xa, như hình ngay bóng mới thẳng vậy.

❁ Quả báo vui khổ đều do tâm tạo ra. Tâm nóng giận tà dâm là nghiệp địa ngục, tâm tham lam bòn sẻn là nghiệp ngạ quỷ, tâm ngu si hôn ám là nghiệp súc sanh, tâm ngã mạn cống cao là nghiệp Tu La, giữ trọn năm giới là nghiệp Người, tinh tu mười điều lành là nghiệp Trời, chứng ngộ như không là nghiệp Thanh văn, rõ pháp như duyên không là nghiệp Duyên Giác, tu hành sáu độ là nghiệp Bồ Tát, lòng chơn từ bình đẳng là nghiệp Phật. Nếu tâm trong sạch thì hóa sanh về Tịnh Độ, ở nơi bảo các, hương đài; tâm dơ nhiễm thì gởi chất nơi uế bang, ở cõi núi gò hầm hố. Muôn cảnh đều do tâm tạo, lìa nguồn tâm ra không có hình thể chi, vậy muốn được quả lành, phải tu nhân tịnh.

Tứ liệu giản nói:

Có Thiền, không Tịnh Độ,
Mười người, chín ngạ đường.
Khi ấm cảnh hiện ra,

Chớp mắt đi theo nghiệp.
Không thiền, có Tịnh Độ,
Muôn tu, muôn người sanh.
Khi được thấy Di Đà,
Lo gì không tỏ ngộ!

Có thiền, có Tịnh Độ,
Cũng như cọp mọc sừng.
Đời nay làm thầy người,
Đời sau làm Phật, Tổ.

Không thiền, không Tịnh Độ
Giường sắt, cột đồng lửa.
Muôn kiếp lại ngàn đời.
Chẳng có nơi nương tựa!

Lời Phụ: Tỉnh Thường Đại Sư, Tổ thứ bảy trong Liên
Tông, giáo pháp bị thất truyền, chỉ có sự tích, nên
không biên ra đây.



Tuân Thức Đại Sư

(Sư họ Diệp, quê quán ở Thái Châu, nhân bà mẹ lễ cầu đức Quán Thế Âm mà sanh ra. Ngài thọ cụ giới lúc 20 tuổi, ban đầu học luật, kế lại vào chùa Quốc Thanh tập về giáo quán Thiên Thai. Đại Sư chuyên trí cầu về Cực Lạc, tu pháp Bát Chu Tam Muội, khổ hạnh đến mửa ra máu. Với lòng kiên quyết, ngài lấy cái chết làm kỳ hạn, không thôi nghỉ. Đêm lại, sư mơ màng thấy đức Quán Thế Âm chỉ tay vào miệng lời ra mấy con trùng, đầu ngón tay của Bồ Tát nước cam lồ tủa ra chảy vào cổ họng mình, nhân đó mà hết bệnh. Sau ngài ở chùa Bảo Vân suất lãnh đại chúng đồng tu tịnh nghiệp. Đại Sư có trứ tác mấy pho sách: Di Đà Sám Pháp, Tịnh Độ Quyết Nghi, Thập Niệm Pháp, Vĩnh Sanh Lược Truyện, lưu hành ở đời. Lúc lâm chung, ngài đốt hương lễ Tam Bảo cầu chứng minh, rồi niệm Phật mà thoát, hưởng 69 tuổi.)

✿ Đại Sư nói: Người tu tịnh nghiệp, khi làm công việc chi, dù trải qua nhiều sự duyên phiền nhọc, song trong tâm lúc nào cũng không quên câu niệm Phật. Ví như người đời có việc chi cần yếu giải quyết chưa xong, bỗng gặp duyên khác đến, tuy tới lui ngồi xuống, giao tiếp nói cười, làm việc này khác lắng xãng, nhưng trong tâm không ngớt lo nghĩ đến chuyện trước kia. Người niệm Phật phải tập tâm niệm của mình cũng y như thế, nếu niệm có thất lạc, phải thâm nhiếp lại, lâu ngày thành thói quen, chừng ấy sự nhớ niệm được tự tại.

Cho nên kinh Lăng Nghiêm nói: "Nếu cứ thế mà nhiếp tâm, tự nhiên có thể ngăn được niệm ác. Giả sử muốn làm ác, do vì nhớ Phật nên việc ác kia không thành, như người trong thân có mùi thơm, tự nhiên hơi hôi sẽ tan đi mất".

☸ Sớm mai thức dậy phục sức xong rồi, nên chắp tay về Tây niệm Phật. Nên lấy hơi dài, niệm liên tiếp luôn hết một hơi, kể là một niệm, niệm đủ mười hơi là mười niệm. Nhưng đừng nên quá cố gắng, hơi hoặc dài ngắn, tiếng hoặc cao thấp, niệm hoặc chậm mau, đều tùy tiện theo sức mình. Niệm xong, phát nguyện vắn tắt cầu sanh Tây Phương. Nếu có thờ Phật, nên đối trước Phật mà niệm, nhưng khi mới vào và lui ra, đều phải lễ ba lạy. Pháp thập niệm này rất tiện lợi cho người có nhiều duyên sự. Nếu mỗi ngày đều thật hành y theo đây, lấy trọn đời làm kỳ hạn, thì quyết định sẽ được vãng sanh.



Từ Giác Đại Sư

(Đại Sư húy là Tông Trách, người đất Tương Dương. Ngài xuất gia theo Tử Thiên Sư ở chùa Trường Lô tu hành, phát minh được chỗ tâm yếu. Trong năm Ngươn Hựu, Đại Sư rước mẹ già về ở nơi phương trượng phía đông chùa, khuyên mẹ niệm Phật. Bảy năm sau bà được vãng sanh. Ngài tuân theo quy củ ở Lô Sơn, kết Liên Hoa Thắng Hội, khuyên hàng tăng tục niệm Phật, cảm đến hai vị Bồ Tát Phổ Hiền, Phổ Huệ ứng mộng xin ghi tên vào hội, để tổ lòng mật hộ tán thành. Từ đó, những người hướng về theo ngài càng lúc càng đông. Linh Chi luật sư khen ngợi ngài là bậc Đại thừa đạo sư ở thời buổi ấy. Khi lâm chung, ngài ngồi kiết già niệm Phật mà hóa.)

✿ Đại Sư nói: Người mới học đạo, nhẫn lực chưa thuần, nên phải mượn tịnh duyên để giúp phần tăng tiến. Tại sao thế? - Bởi ở cõi Ta Bà, Phật Thích Ca đã nhập diệt, đức Di Lạc chưa giáng sanh; miền Cực Lạc thì từ phụ A Di Đà hiện đương thuyết pháp. Với đức Quán Âm, Thế Chí, người cõi Ta Bà luống khát ngưỡng danh lành, nếu về Tịnh Độ thì bậc thượng thiện nhân như hai ngài ấy, đều là bạn tốt. - Ta Bà, các loài ma nổi dậy, làm náo loạn người tu; trái lại nơi cõi Cực Lạc trong ánh đại quang minh đâu còn ma sự? - Ta Bà dễ bị tiếng tà quấy loạn, sắc đẹp mê tâm; miền Cực Lạc thì chim nước rừng cây đều tuyên dương diệu pháp, chánh báo

thanh tịnh, đâu có nữ nhơn! Thế thì duyên tu hành thuận tiện đầy đủ, không đâu hơn cõi Tây Phương, tiếc cho kẻ nông cạn kém tin, trở lại nghi ngờ hủy báng! Xin đưa ra đây ít điều để luận:

- Cõi này, cảnh nhà thế ồn ào dễ khiến cho người chán, nên có nhiều kẻ mến cảnh chùa vắng lạnh, bỏ tục xuất gia. Nhưng nổi khổ ở Ta Bà đâu phải chỉ có sự phiền phức của nhà đời, sự vui ở Cực Lạc màu nhiệm không cùng, đâu phải chỉ như cảnh chùa thanh tịnh? Biết xuất gia là tốt mà không chịu cầu vãng sanh đó là điều làm thứ nhất.

- Cõi này, người tu hành khó nhọc, trải muôn dặm đường xa đi tìm bậc trí thức để phát minh việc lớn giải quyết sự sống chết luân hồi? Cõi Cực Lạc, đức Di Đà Thế Tôn sắc tâm đều thù thắng, nguyện lực rộng sâu, một khi diễn tiếng viên âm, người nghe đều tỏ ngộ. Nguyện tham phỏng bậc trí thức mà không muốn thấy Phật là điều làm thứ hai. Người tu ở cõi này thấy chùa lớn chúng đông đều ưa thích muốn ở, những chỗ chúng ít lại không muốn nương theo, Cõi Cực Lạc, hàng nhất sanh bổ xứ rất nhiều, các bậc người thượng thiện đều hội lại một chỗ. Muốn gần gũi chùa lớn mà không mến hải chúng thanh tịnh ở Tây Phương, là điều làm thứ ba.

- Cõi này, kẻ thượng thọ không quá trăm tuổi, tính lại lúc thơ ấu đại khờ, khi già cả suy yếu, lúc đau bệnh, khi ngủ nghĩ, bao nhiêu đó đã chiếm hơn phân nửa đời

người; phương chi bậc Bồ Tát còn mê khi cách ấm, hàng Thanh Văn còn muội lúc xuất thai, tắc bóng ngàn vàng mười phân hao hết chín, mà tu hành chưa lên ngôi bất thối, thật đáng kinh lòng! Người ở Tây Phương thọ mạng không lường, một khi gởi chất nơ hoa sen thì không còn sự khổ sanh già bịnh chết, tu hành tiếp tục mãi cho đến khi chứng quả Bồ Đề. Cam chịu luân chuyển ở cảnh Ta Bà ngấn khổ, mà quên miền Cực Lạc trường xuân, là điều lầm thứ tư.

- Cõi này, như bậc đã chứng quả vô sanh, sống trong dục trần mà không mê nhiễm mới có thể vận lòng từ bi, trí phương tiện, cứu độ muôn loài. Còn kẻ trí huệ cạn, mới tương ứng với đôi chút pháp lành, bèn cho mình là bậc cao siêu tự tại, chê bai Tịnh Độ tham luyến Ta Bà, không biết tự lượng, mong sánh với bậc đại quyền Bồ Tát, để rồi ngày kia phải bị luân hồi đọa lạc, đó là điều lầm thứ năm. Trong kinh nói: "Phải nên phát nguyện cầu sanh về cõi kia", mà có kẻ chẳng tin lời Phật, khinh rẻ sự cầu sanh, há chẳng phải là mê ư? Than ôi! Người không biết lo xa, ắt có sự buồn gần, một khi mất thân này, muốn kiếp đành ôm hận, chừng ấy hồi sao cho kịp!



Tử Chiếu Đại Sư

(Sư hựu là Tử Ngươn, hiệu Vạn Sự Hưu, họ Mậu, người ở Côn Sơn. Bà mẹ nằm mơ thấy Phật vào cửa mà sanh ra ngài. Năm 19 tuổi, ngài xuất gia tu môn chỉ quán sau nghe tiếng quạ kêu mà ngộ đạo. Lòng lợi tha sâu thiết, Đại Sư lập ra Bạch Liên sám đường, soạn nghi thức Bạch Liên sám pháp, thay chúng sanh lễ Phật sám hối, khuyên mọi người trì giới niệm Phật, cầu sanh Tây Phương. Ngài lại trứ thuật tập "Viên Dung Tứ Độ Tam Quán Tuyển Phật Đờ", chỉ bày phần nhân mục của Liên Tông. Vua Hiếu Tôn triệu ngài đến điện Đức Thọ giảng về pháp môn Tịnh Độ, ban cho hiệu là Bạch Liên đạo sư. Khi lâm chung ngài chấp tay mà tịch, lúc làm lễ trà tỳ, xá lợi hiện ra vô số.)

✿ Đại Sư dạy: "Nay người muốn tu pháp môn Niệm Phật Tam Muội, cầu sanh về Tịnh Độ để cho mau thành quả Bồ Đề, thì phần chánh hạnh là phải chuyên niệm Phật. Về phần trợ hạnh, phải dứt trừ điều ác, làm những việc lành, rồi đem công đức ấy hồi hướng về Tây Phương. Đó gọi là thả thuyền theo nước xuôi, lại thêm chèo chong, tất nhiên mau đến bờ vậy".

✿ Sớm tối chuyên tâm lễ Phật Di Đà như châu bạc để vương không để lỗi thời, hành trì như thế lâu ngày sẽ được thêm sự thân thiết. Đến như niệm Phật thì miệng niệm, tâm tưởng, tâm và miệng hợp nhau, lại phát lòng

ân trọng, tin chắc không nghi, công phu mỗi ngày càng thêm thuần thực, tự nhiên Tam Muội được thành tựu.

✿ Khi lâm chung thường có ba điều nghi, bốn cửa ải hay làm chướng ngại cho sự vãng sanh, phải dự bị suy nghĩ trước để phá trừ. Ba điều nghi là:

- 1) Nghi mình túc nghiệp sâu nặng, thời gian công phu tu hành ít, e không được vãng sanh.
- 2) Nghi mình bốn nguyện trả chưa xong, tham sân si chưa dứt e không được vãng sanh.
- 3) Nghi mình niệm Phật, Phật không đến rước e không được vãng sanh.

Bốn cửa ải là:

- 1) Hoặc nhân bị bệnh khổ mà trở lại hủy báng Phật không linh.
- 2) Hoặc nhân tham sống mà giết vật mạng cúng tế.
- 3) Hoặc nhân uống thuốc mà dùng rượu cùng chất máu huyết tanh hôi.
- 4) Hoặc nhân ái luyến mà tự ràng buộc với gia đình.

Lời Phụ: Đại Sư nêu ra thuyết tam nghi tứ quan, nhưng không thấy nói phương pháp giải quyết, vì thời xưa người tin hiểu đạo nhiều, có thể tự suy xét đề phòng, hoặc giả ngài có nói mà sự sao truyền bị thất lạc đi chăng? Dù sao, đối với kẻ lòng tin cạn, kém hiểu biết, mấy điều trên đây gây ra sự nguy hại không ít. Nay tôi

xin nói sơ qua cách phá trừ, độc giả có thể nhân đây tự suy nghĩ hiểu rộng thêm ra.

Phá điều nghi thứ nhất: Phật A Di Đà có bốn nguyện: những chúng sanh nào chí tâm tưởng muốn về Cực Lạc niệm danh hiệu ngài cho đến mười niệm, nếu không được vãng sanh thì Ngài thề không thành Phật. Phật không khi nào nói dối, vậy hành giả phải tin nơi Ngài. Mười niệm là thời gian, công phu tu hành rất ít mà còn được vãng sanh, huống chi ta niệm nhiều hơn số đó! Lại nữa, dù kẻ nào nghiệp chướng nặng nề đến đâu, nếu khi lâm chung chí tâm tin tưởng niệm Phật thì quyết định sẽ được vãng sanh. Thuở xưa, Trương Thiện Hòa là người trọn đời giết trâu bò, khi lâm chung tướng địa ngục hiện, sợ hãi niệm Phật, liền thấy Phật đến rước, cho đến loài chim sáo, kết, niệm Phật còn được vãng sanh, huống chi ta chưa phải là tệ đến mức ấy!

Phá điều nghi thứ hai: Kinh Na Tiên nói: "Ví như hột cát nhẹ, bỏ xuống nước liền chìm, trái lại tảng đá to nặng nếu được thuyền chở, có thể đem từ chỗ này sang chỗ khác". Người niệm Phật cũng như thế, nếu ta tin tưởng niệm Phật, thì dù còn nghiệp chướng tội nặng bao nhiêu cũng được vãng sanh, vì nhờ nguyện lực của Phật tiếp độ, ví như tảng đá to mà được thuyền chở, tất không phải bị chìm. Môn niệm Phật là pháp "Đổi nghiệp vãng sanh", vậy người tu đừng nghĩ rằng mình còn tham, sân, si e không được sanh về Tây Phương. Thí dụ trên đây có thể phá luôn khoảng nghi

về nghiệp nặng ở điều thứ nhất. Còn về bốn nguyện, có hai: đạo và đời.

Về đạo, hoặc có người nguyện cắt chừa hay nguyện tụng số kinh chú bao nhiêu, chưa làm tròn đã đến ngày giờ chết. Phải nghĩ rằng: Chỉ tín tâm niệm Phật thì được vãng sanh, còn bốn nguyện rồi hoặc chưa rồi không có hại chi cả. Về đời, hoặc có người vì nhiệm vụ gia đình chưa xong, như trên có cha mẹ già không ai săn sóc, hay dưới có vợ con thơ dại không nơi nương tựa, tâm nguyện chẳng tròn nên lòng chưa yên. Phải nghĩ rằng: hiện thời ta sắp chết, dù có lo hay không cũng không làm sao được. Nếu ta gạt bỏ qua, chí tâm niệm Phật, khi được về Tây Phương chứng đạo quả, thì tất cả bốn nguyện, trái duyên đều có thể trả xong, tất cả oán thân đều có thể cứu độ.

Phá điều nghi thứ ba: Người niệm Phật, do bốn nguyện của Phật và công đức của mình, khi lâm chung tất nhiên có Phật, Bồ Tát hay Thánh Chúng đến tiếp dẫn, chỉ cần yếu là lúc ấy mình phải chí tâm tưởng Phật, đừng nghĩ chi khác nếu nghi ngờ thì tự sanh ra chướng ngại. Tóm lại, khi lâm chung dù thấy điềm tốt hay không cũng đừng quản đến, chỉ hết lòng niệm Phật cho đến giây phút cuối cùng mà thôi.

Phá chung bốn cửa ải: Người niệm Phật mà bị tai bệnh khổ, đó là do nhờ công đức tu hành, nên chuyển quả báo nặng đời sau thành quả báo nhẹ đời này, trả cho

hết để được vãng sanh. Nếu trở lại nghi ngờ hủy báng, là người kém tin hiểu, phụ ơn Phật, tự gây tội chướng cho mình. Thuở xưa, ông Ngô Mao tu hành chơn chánh, nhân bị loạn lạc bị giặc đâm bảy thương mà chết. Khi người em đến ông bỗng tỉnh lại nói: "Tôi đời trước gây tội nặng, đáng lẽ khi chết phải bị đọa, nhưng nhờ đời này ăn chay, niệm Phật làm lành, nên chuyển quả nhẹ lại, phải chịu bảy vết thương này để trả bảy kiếp làm heo đời sau. Hiện thời Phật tiếp dẫn tôi về Tây Phương". Lấy một chuyện này có thể tỷ lệ suy ra để hiểu những điều khác. Lại thân này giả tạm tùy theo tội phước mà kiếp sống có vui có khổ lâu mau. Người đã biết ăn chay, giữ quy giới, niệm Phật, phải triệt để tin tưởng nơi Phật, tin chắc lý nhân quả. Khi bệnh hoạn hay lúc lâm chung chỉ nên sám hối, niệm Phật mà thôi. Rất không nên rước thầy pháp, đồng bóng, giết sanh hại vật cúng tế, hoặc nghe lời kẻ chưa hiểu đạo, trở lại ăn mặn, uống rượu, hay dùng chất thuốc bằng máu huyết tanh hôi. Lại trong gia đình từ cha mẹ, anh em, chồng vợ, con cái, đều là do đời trước có nợ nần ân oán nên mới tạm hội ngộ nhau, khi nhân duyên đã hết thì mỗi người mỗi ngả. Vậy ta nên rũ sạch tình trần, cầu sanh Tây Phương để độ tất cả người ân oán. Khi cái chết đến nơi, dù có quyến luyến cũng không thể đem theo, không làm chi được, mà chính mình phải bị luân hồi, không được vãng sanh. Nên suy nghĩ, ghi nhớ kỹ.



Hữu Nghiêm Đại Sư

(Ngài họ Hồ, quê ở Lâm Hải, lúc 6 tuổi xuất gia nơi chùa Linh Thứu, 14 tuổi thọ giới cụ túc. Theo học với Thần Chiếu Pháp Sư, ngài ngộ được ý chỉ nhất tâm tam quán. Kế đó, Đại Sư về làm tọa chủ chùa Xích Thành, sau lại lên ở ẩn nơi ngọn núi phía đông tòa Cổ Sơn; bên thốt ngài có cây Trà, nhân tự hiệu là Trà Am. Đại Sư giữ giới luật rất nghiêm, ngoài y bát ra không chứa vật chi. Ngài lại chuyên tu tịnh nghiệp, được chứng Tam Muội, sự linh ứng rất nhiều; nếu có trứ thuật, đều xiển dương về Liên Tông. Vào niên hiệu Tĩnh Quốc năm đầu, một hôm ngài thấy thiên thần từ trên hư không giáng hạ nói: "Tịnh nghiệp của tôn đức đã thành tựu!" Đại Sư lại nằm mộng thấy hoa sen lớn nở trong ao, nhạc trời vi nhiễu, khi tỉnh dậy làm thi để tự tiến hành. Bảy hôm sau, ngài ngồi ngay thẳng mà hóa.)

✿ Đại Sư nói: Đức Thế Tôn thương xót, dùng nhiều phương tiện để tiếp độ loài hữu tình. Cho nên người tu hành được vãng sanh cũng có nhiều cách: hoặc nhờ thiên định, tán thiện hoặc do Phật lực, Pháp lực, hoặc có người chỉ tu phước rồi mượn nguyện lực để hồi hướng, hoặc có kẻ lúc lâm chung quá sợ hãi niệm Phật mà được cứu độ. Những loại như thế số có đến ngàn muôn, chỉ nương nhờ một phương pháp, tất được vãng sanh. Về Định Thiện như kẻ tu môn diệu quán, Tam Muội Thủ Lăng Nghiêm. Về Tán Thiện như trong kinh

Vô Lượng Thọ nói: dùng mười niệm, niệm Phật cũng được vãng sanh. Về Phật Lực là do đại bi nguyện lực của đức A Di Đà nhiếp thọ, những chúng sanh niệm Phật nương nhờ đây mà được vãng sanh. Ví như kẻ dung phu nương theo vua Chuyển Luân, trong một ngày đêm có thể đi khắp bốn châu thiên hạ, đó không phải là do sức mình, chính nhờ năng lực của Luân Vương. Về pháp lực là như Phật bảo Liên Hoa Minh Vương Bồ Tát dùng thần chú quán đánh giá trị trong đất cát rải nơi cây hoặc mộ phần người chết, khiến cho vong giả tuy bị đọa nơi Địa Ngục, Ngạ Quỷ, Súc Sanh, nhưng nương nhờ chân ngôn này được về Cực Lạc. Về sự tu phước hồi hướng như người giữ tâm từ bi không giết hại, thọ trì các giới, đọc tụng mật chú, các kinh điển đại thừa, cùng tu những phước lành, hồi hướng trang nghiêm thành ra nhân Tịnh Độ. Về việc khi lâm chung sợ hãi cầu cứu, là người lúc sắp chết, tướng hỏa xa hiện, xưng hiệu Phật, lửa dữ hóa ra thành gió mát, như trường hợp của Hùng Tuấn, Trương Thiện Hòa được vãng sanh vậy.



Ưu Đàm Đại Sư

(Đại Sư húy là Phổ Độ, họ Tưởng, người xứ Đơn Dương, xuất gia ở chùa Đông Lâm núi Lô Sơn, chuyên tu Tịnh Độ. Đời nhà Nguyên, niên hiệu Đại chí năm đầu, đảng Bạch Liên giáo thịnh hành khiến cho tà chánh chẳng phân, vua ra lệnh bãi bỏ Liên Tông. Đại Sư nói: "Ta tu Tịnh Độ gần 30 năm, đâu nên để cho pháp môn này bị diệt tuyệt trong đời ta ư? Ngài bèn viết ra mười quyển Liên Tông Bảo Giám, thỉnh các phương đại đức chứng minh, không ai có thể sửa một chữ. Đoạn, ngài đem dâng lên cho vua duyệt lãm, được ban khen và cho khắc bản lưu hành trong đời. Vua lại ân tứ cho ngài hiệu là Hồ Khê Tôn Giả, dạy làm giáo chủ Liên Tông. Khi lâm chung, ngài niệm Phật mà hóa.)

✿ Đại Sư dạy: Người tu tịnh nghiệp, nếu trần cấu chưa sạch, khi niệm ác nổi lên, phải cao tiếng niệm Phật nhiếp vào chánh niệm, chớ nên tâm ác nối nhau. Nên biết rằng sự tu hành hôm nay, chính là đối địch với nghiệp sanh tử, không phải chuyện tầm thường; hằng nghĩ đến vô thường mau chóng, ngày tháng chẳng chờ người, nhận chơn thiệt thật mà niệm Phật. Nếu nửa lui nửa tới, lúc tin lúc ngờ, kết cuộc tịnh nghiệp không thành tựu, làm sao ra khỏi luân hồi?

✿ Giữ một câu hiệu Phật như dựa vào hòn núi Tu Di, lay chuyển chẳng động, thường nhớ thường niệm, mai

cũng niệm, chiều cũng niệm, đi cũng niệm, ngồi cũng niệm, tâm niệm không bỏ qua, hiệu Phật chẳng rời lòng, mỗi thời mỗi khắc chẳng xa lìa, nhật nhật niệm niệm, như gà ấp trứng thường cho hơi ấm tiếp tục, tức gọi là "tịnh niệm nối nhau".

✿ Muốn sanh về Tịnh Độ nên nghĩ tất cả việc đời đều vô thường, có thành tất có hoại, có sống ắt có chết, nếu ta không được nghe Phật pháp thì phải chịu thay thân này, đổi thân khác, trôi lăn trong ba cõi sáu đường, không biết lúc nào ra khỏi. Nay ta đã có duyên được nghe chánh pháp, được tu tịnh nghiệp, nếu chuyên niệm Phật thì khi bỏ thân này sẽ vào thai sen nơi cõi Phật, hưởng các điều vui, thoát hẳn sự khổ, đi ngay đến nẻo Bồ Đề, ấy là chí sự thuở sanh bình của bậc đại trượng phu vậy.

✿ Khi vừa đau bụng, phải mạnh mẽ gạt bỏ muôn duyên, ngồi ngay thẳng hướng về Tây, tưởng đức A Di Đà, Quán Âm, Thế Chí và các hóa Phật đều hiện ở trước mình, chuyên lòng xưng danh hiệu Phật, mỗi tiếng nối nhau không dứt. Lúc ấy không nên nghĩ ngợi việc đời, nếu thoát tưởng đến, mau mau xưng danh hiệu Phật, trong mỗi niệm diệt được tội chướng, chỉ một niệm này quyết định được vãng sanh, nếu mạng số chưa dứt, tự được lành mạnh. Nên cẩn thận chớ vọng khởi lòng tham luyến thế gian, thân này có còn thì còn, có mất thì mất, chỉ cầu được vãng sanh, không nghi ngờ lo nghĩ điều chi khác. Nên hiểu dù có chết đi nữa, như người

cởi bỏ áo rách mặc y phục lành tốt vào, xả thân phàm lên cõi Phật chẳng là vui thích hơn ư?

✿ Chuyên nhất tâm ý, nắm giữ một câu A Di Đà Phật, chỉ một niệm này là bốn sư của ta, chỉ một niệm này trước là hóa Phật, chỉ một niệm này mãnh tướng phá địa ngục, chỉ một niệm này là gương báu chém bầy tà, chỉ một niệm này là ngọn đuốc sáng phá cảnh tối tăm, chỉ một niệm này là con thuyền lớn vượt qua biển khổ, chỉ một niệm này là thuốc hay trị bệnh sanh tử, chỉ một niệm này là đường tắt ra khỏi tam giới, chỉ một niệm này là bản tánh Di Đà, chỉ một niệm này là duy tâm Tịnh Độ. Chỉ cần giữ chắc câu niệm Phật đây chớ cho lạc mất, mỗi niệm thường hiện tiền, mỗi niệm chẳng rời tâm, không việc cũng niệm như thế, có việc cũng niệm như thế, an vui cũng niệm như thế, bệnh khổ cũng niệm như thế, sống cũng niệm như thế, chết cũng niệm như thế. Cứ giữ một niệm phân minh như thế, lại cần chi hỏi người tìm đường về ư?



Thiền Như Đại Sư

(Ngài họ Đàm, hiệu Duy Tắc, người ở Vĩnh Hưng, đắc pháp với Trung Phong Minh Bản thiền sư. Niên hiệu Chí Chánh năm đầu, Đại Sư trụ ở chùa Sư Tử Lâm nơi thành Tô Châu, các bậc tể quan, trưởng giả trong thời ấy, phần nhiều đến tham học với ngài. Vua thường xuống chiếu vời hỏi, ngài đều lấy duyên cố bịnh cáo từ. Đại Sư đã mật kế tông thiền lại kiêm hoằng dương giáo pháp Tịnh Độ, từng viết ra quyển "Tịnh Độ Hoặc Vấn" phá các điều nghi, khuyên người niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Ngài tu hành rất tinh tấn, nhập diệt vào năm Hồng Võ ngưng niên đời nhà Minh, khi tịch điếm lành rất nhiều, thọ 71 tuổi.)

❁ Có kẻ hỏi: Phương tu viên quán, pháp niệm duy tâm, dường như là hành môn của bậc thượng căn. Còn mười nguyện trong kinh Hoa Nghiêm, mười tâm trong kinh Bảo Tích, cũng là công dụng của bậc đại trí. Trên đường tu, nếu căn cơ cùng giáo pháp không hợp, e cho công hạnh khó thành. Nay tôi xét lại căn tánh mình, chỉ nên chuyên trì danh hiệu, thêm lễ Phật sám hối mà thôi, chẳng hay tôn ý thế nào?

- Đại Sư đáp: Tốt lắm! Người biết tự lượng đó! Lời người nói hợp với thuyết chuyên tu vô gián của ngài Thiện Đạo. Vô gián tu là thân chuyên lễ Phật A Di Đà

không lễ tạ, miệng chuyên xưng hiệu A Di Đà không xưng tạ, ý chuyên tưởng Phật A Di Đà không tưởng tạ.

✿ Niệm Phật, hoặc duyên tưởng 32 tướng, buộc tâm cho định khi mắt mở nhắm đều thấy Phật. Hoặc có kẻ chuyên xưng danh hiệu, giữ không tán loạn, trong hiện đời cũng được thấy. Trong hai điều trên đây, muốn được thấy Phật, phần nhiều pháp xưng danh hiệu là hơn. Pháp xưng danh, cần phải buộc lòng đừng cho tán loạn, mỗi niệm nối nhau duyên theo hiệu Phật, từng câu từng chữ rõ ràng. Lại xưng danh hiệu Phật, chớ quản nhiều ít, một tâm một ý, niệm niệm nối nhau. Như thế mới diệt được tội nặng sanh tử trong tám mươi ức kiếp, nếu chẳng vậy, rất khó tiêu tội.

✿ Có kẻ hỏi: Một đời tàn ác, khi lâm chung dùng mười niệm cũng được vãng sanh. Vậy thì bây giờ tôi buông theo duyên đời đời lúc sắp chết sẽ niệm Phật, có được chăng?

✿ Đại Sư đáp: Khổ thay! Lời này đã hại chính mình, lại hại cho hàng tăng, tục, nam, nữ trong đời nữa! Phải biết kẻ phàm phu nghịch ác khi lâm chung niệm Phật được là do kiếp trước có căn lành, khiến cho gặp bậc thiện tri thức chỉ bảo mà được sự may mắn trong muôn một ấy. Luận Quần Nghi nói: Có mười hạng khi lâm chung không niệm Phật được: 1) Khó gặp bạn lành, nên không người khuyên niệm. 2) Bệnh khổ buộc thân, không rỗi rảnh để niệm Phật. 3) Trúng phong cứng

họng, nói không ra tiếng. 4) Cuồng loạn mất sự sáng suốt. 5)Thình lình gặp tai nạn nước lửa. 6) Thoạt bị hùm sói ăn thịt. 7) Bị bạn ác phá hoại lòng tin. 8) Hôn mê mà chết. 9) Thoạt chết giữa quân trận. 10) Từ nơi chỗ cao té xuống. Những việc trên đây ở trong đời thường có, đó là do túc nghiệp hoặc hiện nghiệp chiêu cảm, bỗng nhiên xảy ra, không kịp trốn tránh. Khi gặp một việc không may, bất cập, trong mười việc trên đây, thì làm sao niệm Phật được. Giả sử không bị những ác duyên như trên, thọ bệnh sơ sài mà qua đời, e cho lâm chung, khi thân tứ đại sắp ly tán, bị sự đau đớn dường như dao cắt, như con cua bị rớt vào nước sôi trong lúc thống khổ bức bách, bối rối kinh hoàng ấy, đâu có rỗi rãi để niệm Phật? Giả sử không bị bệnh mạng chung, lại e duyên đời chưa dứt, niệm tục khó quên, tham sống sợ chết, tấm lòng rối loạn không yên. Thêm vào đó, việc nhà chưa phân minh, chuyện sau chưa sắp đặt, vợ con khóc lóc kêu gọi, trăm mối lo sợ, thương sầu, như thế làm sao niệm Phật được?. Giả sử lúc chưa chết, thì lại bệnh khổ, đau đớn rên la, tìm thầy tìm thuốc, lo việc khẩn cầu cúng tế, tạ niệm rồi ren, vị tất đã niệm Phật được? Giả sử trước khi chưa bệnh, thì lại bởi sự già khổ, suy lờ lụm khụm, buồn rầu ảo não, e cho lo những việc cái thân già yếu chưa xong, đâu rỗi để niệm Phật. Giả sử trước khi chưa già, còn đang trẻ trung khỏe mạnh, hoặc như tâm cao vọng chưa dứt, việc thế tục còn buộc ràng, rong ruổi đông tây, suy thế này tính thế khác, nghiệp thức mơ màng, cũng không niệm Phật được! Giả sử kẻ được an nhàn thông thả, có chí tu hành,

nhưng nếu không nhìn thấu cảnh đời là giả mộng, thân tuy được yên, tâm còn bấn loạn, không thể buông bỏ muôn duyên, khi gặp việc đến, không thể tự chủ, theo cảnh mà điên đảo, cũng không niệm Phật được! Người thử xét lại, đừng nói già bệnh, trong lúc còn trẻ trung nhàn nhã, nếu có một việc đeo đẳng nơi lòng, còn không niệm Phật được thay, huống chi là đợi đến lâm chung? Vậy muốn cho khi sắp chết được chánh niệm vãng sanh, thì ngay bây giờ phải xét rõ việc đời là huyễn mộng, tùy duyên an phận qua ngày, không còn tham luyến, được rồi rảnh lúc nào thì niệm Phật lúc ấy, đừng hện chờ lần lựa, hoặc để hư phí thời giờ. Như thế thì tư lương ta đã dự bị xong, lúc ra đi mới không điều chi chướng ngại.



Diệu Hiệp Đại Sư

(Đại Sư người ở Tứ Minh thường nghiên cứu Thiên Thai Giáo Quán và tu pháp Niệm Phật Tam Muội. Thời bấy giờ, các nhà học Phật thường nhận lầm thuyết duy tâm tự tánh; với cội Cực Lạc, không cầu ở Tây, mà tìm nơi thức tâm phân biệt, Đại Sư thương xót cho cảnh nhân thuốc mà thành bệnh ấy, soạn ra hai quyển "Bảo Vương Tam Muội, Niệm Phật Trực Chỉ". Nhân đó, các nhà tu thiền tịnh sai lầm mới nhận được bờ bến. Lúc ấy thuộc vào khoảng đời Hồng Võ nhà Minh năm thứ 28. Hai trăm năm sau, Liên Trì Đại Sư mướn bộ sách ấy, vì bị thất truyền, nên tìm mãi không gặp. Về sau Vạn Dung thiền sư ngẫu nhiên được thấy, mới đem truyền bá ra. Ngẫu Ích Đại Sư đã góp bộ này vào pho "Tịnh Độ Thập Yếu".)

✿ Đại Sư dạy: Hành giả phát tâm niệm Phật, trước khi vào đạo tràng phải xét nghĩ ta với chúng sanh thường ở trong biển khổ sanh tử, nếu không độ cho tất cả đều được thoát ly, sao gọi là chánh hạnh? Nhân đó, xem người oán kẻ thân đều bình đẳng, khởi lòng đại bi, như thể quyết không bị tặc ma, ác đảng làm cho thối chuyển. Sau khi đã lập đại tâm, nên nghiên cứu những chánh hạnh niệm Phật của người xưa, lập đạo tràng đúng pháp, khiến cho hết sức trang nghiêm thanh tịnh. Kế đó, phân ngày đêm sáu thời, đem tâm chí thành gieo mình quy mạng ngôi Tam bảo, tỏ bày hết tội lỗi, cầu xin sám hối. Lại quỳ trước Phật, tay cầm hương hoa cúng dường, vận

tâm quán tưởng khắp pháp giới, xét mình cùng tất cả chúng sanh từ trước đến nay ở trong vòng mê khổ, rơi lệ cảm thương, cầu Phật gia bị, nguyện độ muôn loài. Như thế, dùng hết sức mình kham khổ tu hành, nếu nghiệp chướng sâu, chưa được cảm cách, phải lấy cái chết làm kỳ hạn, không được giây phút nào nghĩ đến sự vui ngũ dục của thế gian. Như kẻ căn cơ non kém, không làm được thắng hạnh trên đây thì cũng ở trong tịnh thất, giữ cho thân tâm nghiêm sạch, tùy ý tu hành. Hoặc định thời lễ Phật sám hối, nguyện tinh tấn không thối chuyển, hoặc chuyên niệm hoặc kiên trì chú, tụng kinh. Nếu được thấy tướng hảo, thì biết mình được diệt tội, có duyên lành.

❁ Hỏi: Dụng tâm thế nào mà được không tán loạn?

Đáp: Nên vận dụng thân miệng mà niệm, không kể đến tánh hay định, chỉ làm sao cho câu Phật không hở dút, tự sẽ được nhất tâm, hoặc cũng có thể gọi chính đó là nhất tâm. Nhưng phải niệm mãi không thôi, trạng như mẹ lạc con thơ, rờng mất trái châu bốn mạng, thì không còn lo chi tán loạn, không cầu nhất tâm mà tự được nhất tâm. Chẳng nên cưỡng ép cho tâm quy nhất, vì dù cưỡng ép cũng không thể được, thật ra chỉ do người tu siêng sáng hay biếng trễ mà thôi! Nghĩ thương cho người đời nay, phần nhiều tu hành mà không hiệu nghiệm, ấy cũng bởi lòng tin cạn kiệt, nhân hạnh không chơn. Lắm kẻ chưa từng lập hạnh, đã muốn cho người biết trước, trong thì tự phụ, ngoài lại khoe khoang, tỏ ý

có chỗ sở đắc để được mọi người cung kính. Thậm chí có kẻ nói dối là mình trông thấy tịnh cảnh, hoặc thấy được cảnh giới nhỏ, hay những tướng tốt trong giấc chiêm bao. Thật ra chính họ cũng không phân biệt cảnh đó là chơn hay vọng, nhưng cũng cứ khoe khoang bừa ra. Những kẻ tâm hạnh kém ấy, tất là bị ma làm mê hoặc, nguyện hạnh lần lần lui sụt, trôi theo dòng sanh tử luân hồi. Như thế, há chẳng nên dè dặt ư?

✿ Người tu hành, đối với một tội dù nhỏ, cũng phải đem lòng kiêng sợ, sự hiểu nên theo hàng đại thừa, việc làm phải bắt chước kẻ sơ học.

✿ Người tu hành nếu bị tức nghiệp ngăn che, khiến cho nghiệp hạnh lui kém, phải nhất tâm trì tụng chú Vãng Sanh. Chú này gọi là môn Đà La Ni nhổ trừ tất cả cội gốc nghiệp chướng, tụng một biến, tiêu diệt hết tội ngũ nghịch thập ác trong thân, tụng mười muôn biến, được không quên mất Bồ Đề tâm, tụng hai mươi muôn biến, liền cảm sanh mầm mộng Bồ Đề, tụng ba mươi muôn biến. Phật A Di Đà thường trụ trên đánh, quyết định sanh về Tịnh Độ.



Không Cốc Đại Sư

(Đại Sư họ Trần tên Cảnh Long, người ở Ngô huyện. Thuở còn bé ngài đã ăn chay, ưa ngồi ngay thẳng nhắm mắt, dường như người tu thiền định. Sau ngài theo Lại Vân Hòa Thượng học về đại pháp; đến 28 tuổi xuất gia ở Hồ Khâu. Kế đó, Đại Sư vào núi Thiên Mục, kham khổ tham cứu, một hôm bỗng nhiên tỉnh ngộ đến cầu chúng nơi ngài Lại Vân, được ấn khả, Đại Sư tuy ngộ được tâm tông, song việc tự tu khuyên người, đều theo Tịnh Độ. Ngài từng làm 108 bài thi Tịnh Độ lưu hành ở đời. Ngài lại xây cho mình cái cốc tháp ở Tiền Đường tự làm lời mình, thường ở trong đó tu hành cho đến khi viên tịch.)

✿ Đại Sư nói: Một môn niệm Phật là đường lối tu hành thẳng tắt. Hành giả phải xét rõ thân này giả dối, việc thế như chiêm bao, duy cõi tịnh là đáng nương về, câu niệm Phật là có thể nhờ cậy. Rồi tùy phận mà niệm hoặc mau hoặc chậm, hoặc tiếng thấp tiếng cao, đều không câu ngại. Chỉ nên để cho thân tâm nhàn đạm, thầm nhớ chẳng quên, khi hớn, gấp, động, tịnh, vẫn một niệm không khác. Niệm như thế, ngày kia xúc cảnh chạm duyên, bỗng nhiên tỉnh ngộ. Chừng ấy mới biết cõi Tịnh Quang Tịnh Độ không rời nơi đây, Phật A Di Đà chẳng ngoài tâm mình. Nếu lập tâm muốn cầu tỏ ngộ thì trở lại thành chướng ngại, nên chỉ lấy lòng tin làm căn bản, chẳng tùy theo tạp niệm mà thôi. Hành trì

như thế, dù không tỏ ngộ, khi chết cũng được sanh về Tây Phương, theo giai cấp mà tiến tu, không còn lo thối chuyển.

☸ Kinh Đại Tập nói: "Niệm Phật lớn tiếng có mười công đức:

- 1) Đánh tan hôn trầm mê ngủ.
- 2) Thiên ma kinh sợ.
- 3) Tiếng vang khắp mười phương.
- 4) Ba đường ác được dứt khổ.
- 5) Tiếng bên ngoài không xâm nhập.
- 6) Niệm tâm không tán loạn.
- 7) Mạnh mẽ tinh tấn.
- 8) Chư Phật vui mừng.
- 9) Tam Muội hiện tiền.
- 10) Vãng sanh về Tịnh Độ.



Tông Bôn Đại Sư

(Đại Sư họ Trần, hiệu Nhất Nguyên, quê quán ở Tứ Minh, thuở bé học Nho, thông về thi lễ. Năm 15 tuổi, mục kích cái chết của anh họ là Hủ Mộc sử sĩ, ngài thường lo nghĩ buồn sợ, muốn xuất gia học đạo để thoát sự sống chết luân hồi. Sau nhân đi lễ Phật ở Trà Đình tại Hàng Châu, ngài gặp một vị thiền sư, bèn thỉnh về nhà cúng dường thỉnh lễ thưa hỏi phương pháp tu hành. Thiền sư khen ngợi, khai thị cho môn niệm Phật. Khi ngài đã xuất gia, liền hết sức tham cứu, ngộ được chân tâm, trở lại chuyên tu Tịnh Độ. Trong niên hiệu Long Khánh Đại Sư viết ra bộ Qui Nguyên Trực Chỉ, hoằng dương Liên Tông. Ông Lý Trác Ngô thường ca ngợi hạnh đức của Ngài. Về sau, Đại Sư ở ẩn, không rõ được ngày chung kết ra thế nào?)

✿ Đại Sư nói: Niệm Phật không luận là hạng người nào, nếu nghĩ mình thuở bình sanh có nhiều điều ác mà tự bỏ không chịu tu hành là sai lầm! Niệm Phật không luận là thời gian nào, nếu cho rằng mình đã già sắp chết mà không chịu tu hành, là sai lầm! Niệm Phật bất luận là phương pháp nào, nếu lập ra một quy củ nhất định, bắt mọi người đều tuân theo, khiến cho sự tu hành của họ bị chướng ngại, là sai lầm. Nên biết pháp môn Tịnh Độ chẳng lựa trí, ngu, sang, hèn, nghèo, giàu, chẳng phân nam, nữ, già, trẻ, tăng, tục, chẳng luận kẻ huân tập đã lâu hay mới tu hành, đều có thể niệm Phật.

Hoặc niệm lớn, niệm nhỏ, niệm ra tiếng, niệm thầm, đánh lễ mà niệm, tham cứu mà niệm, nhiếp tâm mà niệm, quán tưởng mà niệm, lần chuỗi mà niệm, giữ hiệu Phật liên tục không dứt như dòng nước chảy mà niệm, cho đến đi niệm, đứng niệm, ngồi niệm, nằm niệm, ngàn muôn niệm đều về một niệm. Niệm theo cách nào cũng được, chỉ cần yếu là giữ cho lâu bền đừng lui sụt, và phát lòng tin quyết định, cầu sanh Tây Phương. Nếu quả hành trì được như thế, cần chi tìm bậc trí thức hỏi đường?

Cho nên tu Tịnh Độ có nhiều phương pháp, kết quả ra sao là do chỗ xu hướng của tâm nguyện. Có thể gọi: "Đi thuyền cốt bởi người cầm lái. Hiểu được đồng về cõi Tịnh Liên!"



TỬ BÁ ĐẠI SƯ

(Đại Sư họ Trần, người đất Cư Khúc, sau khi xuất gia kiêm tu thiền tịnh, đều đi sâu vào chỗ nhiệm mầu. Khi ngài đến Kinh Đô, vua Thần Tông rất trọng, nhân đó ngài tâu xin đem kinh bản in ra thành sách. Đại Sư tánh tình cương nghị hết lòng nâng đỡ chánh pháp nên bị kẻ gian ganh ghét. Không bao lâu, có người dâng biểu vu cáo, khi được dờn đến hạch hỏi, ngài dùng lễ chánh phân biện, thần sắc tự nhiên, nhưng rồi cũng bị giam vào ngục. Quan pháp ty lại nhận của hối lộ muốn làm hại, Đại Sư bảo: "Đã như thế, cần chi ông ra tay"! Nói đoạn, ngài bảo đem nước tắm rửa, thuyết kệ, rồi ngồi ngay mà hóa. Thuở sanh bình, Đại Sư chỉ dạy pháp môn Tịnh Độ rất tha thiết, bảo rằng: "Khi lâm chung được chánh niệm, toàn nhờ lúc thường nhật dụng công phu sâu". Xem Đại Sư sống chết tự do, thì sự tu hành lúc bình thời của ngài có thể suy mà biết được vậy.)

✿ Đại Sư nói: Người niệm Phật, tâm chân thiết cùng không, có thể xét nghiệm trong lúc vui mừng hay phiền não, căn cứ nơi đây, tâm chơn giả hiện ra rõ ràng, có thể suy ra mà biết được. Đại để như người chân tâm niệm Phật, dù ở cảnh phiền não hay vui mừng, cũng giữ câu niệm Phật không gián đoạn, cho nên những cảnh ấy không làm lay động họ được. Hai điều trên đã không làm lay động, thì đối với cảnh sống chết, họ vẫn tự nhiên không sợ hãi. Người niệm Phật đời nay, hơi có

chút chi mừng giận, thì gác bỏ câu niệm Phật ra sau. Như thế làm sao mà niệm Phật được linh nghiệm? Nên y theo lời ta mà niệm Phật, dù ở cảnh thương ghét cũng đừng quên một câu A Di Đà. Nếu giữ đúng như thế mà lúc hiện tiền không được sự công dụng tự tại, khi lâm chung không được vãng sanh Tây Phương, thì cuống lưỡi của ta phải chịu tan nát. Như làm không đúng lời ta, thì niệm Phật không linh nghiệm lỗi ở nơi người, với ta không can hệ gì!

✿ Lại hỏi kẻ học giả là Hải Châu rằng: "Người niệm Phật có gián đoạn chăng?" Thưa: "Bình thường tôi đều niệm được, duy có lúc nhắm mắt ngủ là quên". Đại Sư tác sắc quở: "Lúc nhắm mắt ngủ liền quên niệm Phật như thế là một muôn năm cũng không thành hiệu! Từ đây về sau, trong lúc ngủ nghỉ chiêm bao, người phải giữ cho câu niệm Phật không gián đoạn, mới có phần thoát khổ. Nếu trong giấc ngủ thoạt có quên niệm, khi thức dậy phải thống khóc, đến trước bàn Phật cúi đầu sám hối, rồi quỳ niệm Phật một ngàn hay một muôn câu, dùng hết sức mình thì thôi. Làm như thế vài ba phen, dù trong lúc ngủ mê, câu niệm Phật vẫn hiện ra không gián đoạn.

Lời Phụ: Trong khi thức đều niệm được, duy có lúc ngủ là quên, làm được như ngài Hải Châu thật rất hi hữu! Đại Sư quở như thế, là tùy theo người trình độ cao mà sách tấn thêm một bước, để cho hành giả mau được

nhất tâm, chớ không phải thật ý bài bác. Người mới tu
đừng chấp theo đây mà nghi ngờ, lui sụt.



Liên Trì Đại Sư

(Đại Sư là vị tổ thứ tám trong Liên Tông, húy Châu Hoàng, họ Trần, người ở đất Nhân Hòa. Lúc ban sơ, ngài nương theo Tánh Thiên Hòa Thượng xuất gia, sau khi thọ đại giới, lại đi khắp nơi tham học với các bậc tri thức. Khi Đại Sư lễ thánh tích ở non Ngũ Đài, cảm đức Văn Thù phóng quang. Đi đến núi Vân Thê, thấy cảnh trí u tịch, ngài có ý muốn ở đó suốt đời. Dân chúng ở vùng núi ấy thường bị khổ vì nạn hổ, Đại Sư tụng kinh thí thực hổ đều lần tránh. Gặp năm trời hạn, ngài đi dọc theo bờ ruộng niệm Phật, gót chân đi đến đâu, mưa rơi đến đó. Từ ấy, người quy hướng càng ngày càng đông, Đại Sư đều dùng môn niệm Phật mà nhiếp hóa. Ngài có trứ tác pho Vân Thê Pháp Vựng, gồm hai mươi mấy thứ sách, đại khái đều đề xướng về Tịnh Độ. Trước khi lâm chung, Đại Sư từ già khắp các đệ tử và hàng cố cựu, khuyên chân thật niệm Phật. Đến kỳ hạn, ngài ngồi niệm Phật mà hóa, thọ 81 tuổi.)

✿ Đại Sư nói: "Niệm Phật có mặc trì, cao thình trì, kim cang trì. Nhưng niệm thầm (mặc trì) thì dễ hôn trầm, niệm lớn tiếng (cao thình trì) cảm thấy phí sức, duy dùng pháp kim cang trì, se sẻ động môi lưỡi mà niệm, là có thể bền lâu. Nhưng cũng không nên chấp định, hoặc khi niệm theo lối kim cang trì thấy phí sức, thì không ngại gì mặc trì, nếu hôn trầm lại đổi dùng pháp cao thình.

✿ Tâm hôn loạn đã lâu, không thể một lúc mà an định được, cho nên người niệm Phật nếu tâm không thanh tịnh đừng quá vội lo, chỉ cần khi niệm mỗi chữ mỗi câu đều do nơi tâm phát ra, dụng công bền lâu, tự có hiệu quả.

✿ Tạp niệm là bệnh, niệm Phật là thuốc, niệm Phật chính để trị tạp niệm, mà không thấy hiệu quả, là do dụng công chưa được chơn thiết. Cho nên khi tạp niệm nổi lên, phải chuyên lòng gia công niệm, mỗi chữ mỗi câu tinh nhất không xao lãng, thì tạp niệm tự dứt.

✿ Trong lúc muôn niệm rồi ren, chính là thời khắc dụng công phu, mỗi khi tán loạn liền mau thâm nhiếp lại cứ như thế mãi, lâu ngày công phu thuần thực, tự nhiên vọng niệm không sanh. Vả lại, người biết được vọng niệm nhiều, là do nhờ niệm Phật; lúc không niệm, vọng tâm như sóng nổi nước trào, không giây phút nào dừng nghỉ, khi ấy đâu có tự biết được ư?

✿ Người học Phật, đừng quá theo hình thức bên ngoài, chỉ quý tu hành chân thật. Hàng cư sĩ tại gia không cần phải cạo tóc mặc đồ dĩa, tự có thể để tóc mặc áo tràng mà niệm Phật. Người ưa thích thanh vắng, không cần phải đánh chuông đánh mõ, tự có thể yên lặng mà niệm Phật. Người sợ công việc phiền phức, không cần kết bè lập hội, tự có thể đóng cửa mà niệm Phật. Người biết chữ, không nhất định phải vào chùa nghe kinh, tự có

thể xem kinh y theo lời dạy trong ấy mà niệm Phật. Trái qua ngàn dặm đi hành hương ở các danh sơn, không bằng ngồi yên nơi nhà mà niệm Phật. Cúng dường những vị sư không chân chánh, không bằng hiếu thuận cha mẹ mà niệm Phật. Giao du với nhiều bạn bè kém đạo đức, không bằng kẻ dốt nát chuyên niệm Phật. Hạnh thấp mà vọng nói đạo lý cao sâu, không bằng kẻ chất phác giữ giới niệm Phật. Tánh háo kỳ, ưa cầu sự linh thông của ma quỷ, không bằng chánh tín nhân quả mà niệm Phật. Nói tóm lại, người niệm Phật giữ lòng ngay, dứt hạnh ác, gọi là thiện nhân. Người niệm Phật tổ tâm tánh, dứt hoặc nghiệp, gọi là thánh nhân.

✿ Xin khuyên những người rất thanh nhàn, việc gia đình con cái đã lo xong, dưới trên rồi rảnh, nên đem hết tâm lực mà niệm Phật, mỗi ngày từ số ngàn đến muôn câu. Xin khuyên những người duyên đời bận buộc quá nhiều, nhọc nhằn vì việc công, bôn ba vì gia sự, tuy ít khi rảnh rảnh nhưng mỗi buổi sớm mai cố gắng nhín chút thời giờ, niệm Phật chừng mười hơi, ngoài ra lúc nào rảnh, niệm xen vào trăm câu.

✿ Lúc ta còn đi tham phương học đạo, nghe Biện Dung thiền sư tông phong rất thịnh, bèn đến nơi cầu pháp, đôi ba phen quỳ lạy thưa hỏi, thiền sư bảo: "Người nên giữ bốn phận, không nên tham cầu danh lợi, đừng chạy theo duyên ngoài, chỉ cần phân minh lý nhân quả, một lòng chuyên niệm Phật mà thôi". Ta liền lãnh giáo lui ra. Bấy giờ các bạn đồng hành đều cả cười, bảo: "Từ ngàn

dậm đến đây, chỉ mong được nghe những lời cao siêu thâm diệu, té ra chỉ lãnh mấy câu không đáng nửa đồng tiền! Giá mấy câu ấy, ai nói không được!. Ta đáp: "Đó mới là chỗ tốt của thiền sư. Chúng ta khát ngưỡng mong mến từ ngàn dặm đến đây, ngài không nói lời chi huyền diệu để lẩn lướt kẻ dưới, chỉ chất phác thật thà, đem chỗ công phu thiết cận song tinh yếu, chính mình đã thể nhận, mà khuyên bảo dạn dò. Cái hay của ngài chính ở nơi đó". Đến nay ta vẫn còn tuân giữ mấy lời ấy, không dám quên lãng.

Lời phụ: "Giữ bốn phận, không tham danh lợi, không theo duyên ngoài, rõ lý nhân quả, chuyên niệm Phật.". Lời này xem như cạm cọt tầm thường, xong thật rất cao sâu, mầu nhiệm, tuy là giản dị, song bao quát kinh nghĩa, gom thành chỗ tinh yếu của một đời tu. Giữ đúng theo đây, xét kỹ lại, đã có mấy ai làm được? Cho nên kẻ nông cạn tất xem thường lời nói này; người ưa nói lý huyền, xem mình là cao siêu vô ngại, quyết không làm đúng được như lời này. Nếu chẳng phải bậc đã từng kinh nghiệm như ngài Biện Dung, không thể thốt ra được lời này, và nếu chẳng phải bậc chân tu như ngài Liên Trì cũng không thể lãnh thọ được lời này.



Hám Sơn Đại Sư

(Ngài tự là Đức Thanh, họ Thái người đất Kim Lăng. Xuất gia từ lúc 19 tuổi, ngài chuyên tâm niệm Phật. Có một đêm, Đại Sư nằm mơ thấy đức A Di Đà hiện thân giữa hư không. Từ đó về sau, ngài thấy tượng Phật dường như phảng phất trước mặt. Đại Sư tham thiền gần mười năm, khi được tổ ngộ liền vào ẩn trong núi Lao Sơn. Trước kia, dân chúng chung quanh vùng ấy chưa nghe chánh pháp, nhưng khi ngài về ở không bao lâu, trẻ thơ ba tuổi đều biết niệm Phật. Từ Thánh Thái Hậu nghe danh, xin quy y làm đệ tử và cúng dường rất hậu. Có kẻ ganh ghét dèm pha chuyện ấy, vua giận biếm truất Đại Sư đến miền Lôi Châu. - Nơi đây, ngài lại trùng hưng đạo tràng Tào Khê. Sau vua xuống chiếu ân xá triệu về, Đại Sư bèn ở Lôi Sơn chuyên tu tịnh nghiệp. Rồi ngài lại đến Tào Khê niệm Phật mà hóa, thọ 78 tuổi, nhục thân hiện nay vẫn còn.)

❁ Đại Sư dạy: Điều cần yếu nhất trong sự tu hành là tâm tha thiết về việc luân hồi sanh tử. Tâm sanh tử không thiết tha, làm sao dám gọi là niệm Phật thành một khối? Nếu người quả vì sự luân hồi mà tha thiết, thì mỗi niệm như cứu lửa cháy đầu, chỉ e mất thân người, muôn kiếp khó được. Lúc ấy quyết giữ chắc câu niệm Phật, quyết đánh lui vọng tưởng, trong tất cả thời tất cả chỗ, hiệu Phật thường hiện tiền, không bị vọng tình ngăn che lôi kéo. Dùng công phu khổ thiết như thế, lâu

ngày niệm sẽ thuần thực, tâm được tương ưng, tuy không hy cầu mà niệm lực tự nhiên sẽ thành một khối.

✿ Ngày đêm sáu thời, chỉ đem một câu niệm Phật trấn định nơi lòng, mỗi niệm không quên, mỗi tâm không muội. Khi ấy gác bỏ tất cả niệm đời, xem câu niệm Phật dường như tánh mạng của mình, cắn răng giữ chặt, quyết không buông bỏ. Cho đến lúc đi đứng ngồi nằm, uống ăn làm việc, câu niệm Phật đây vẫn thường hiển hiện. Nếu gặp cảnh duyên phiền não, tâm không yên, chỉ nên chuyên niệm Phật, phiền não liền tự tan mất. Bởi phiền não là cội gốc luân hồi, niệm Phật là thuyền vượt qua biển khổ sanh tử, muốn thoát sanh tử chỉ đem câu niệm Phật phá tan phiền não, đó là phương pháp đơn giản mà rất hay.

✿ Lập đạo tràng niệm Phật trong mười hai thời, không luận số người nhiều ít, chỉ chia ra thành ban, mỗi ban một thời, luân phiên nhau mà niệm. Như thế ngày đêm sáu thời, khi ban khác lên thay, thì ban này tuy lui mà song vẫn niệm thầm, hoặc lắng tai nghe tiếng Phật của ban đương trì niệm. Giữ như thế thì tiếng Phật không dứt, vọng niệm không sanh, như người đi trong chỗ sâu tối, cứ kêu gọi nhau, tất không bị thất lạc. Và như thế thì động tịnh cũng như một, mình cùng người không khác. Phật A Di Đà thường hiển hiện, sự an lành của đạo tràng không chi màu nhiệm hơn đây.

Ngẫu Ích Đại Sư

(Đại Sư là vị tổ thứ 9 trong Liên Tông, họ Chung, hiệu Trí Húc, quê ở Ngô huyện. Người cha trì chú Đại Bi mười năm, mộng thấy đức Quán Âm bồng con trao cho mà sanh ra ngài. Ban sơ ngài theo Nho Giáo, làm sách bài bác đạo Phật, đến khi đọc qua bộ Trúc Song Tuy Bút, liền đốt bản thảo sách mình. Năm 24 tuổi, ngài xuất gia, tập tham thiền, nhân bị bệnh nặng gần chết, mới chuyển ý tu tịnh nghiệp. Về sau ở ẩn nơi chùa Linh Phong, trú thuật rất nhiều. Khi lâm chung ngài trời dạn thiêu hóa sắc thân, lấy tro xương hòa với bột làm hoàn thí cho chim cá, đặng kết duyên Tây Phương, rồi ngồi ngay mà tịch. Ba năm sau, hàng môn như mở khám ra, thấy sắc diện Đại Sư như lúc sống, tóc mọc dài lấp cả tai không nở theo lời di chúc, xây nhục tháp thờ ở Linh Phong.)

✿ Đại Sư dạy: Pháp môn Niệm Phật không chi kỳ lạ, chỉ tin sâu, nguyện thiết, gắng sức thật hành mà thôi. Điều cần yếu là tin cho thấu đáo, giữ cho bền lâu, một lòng chuyên niệm, mỗi ngày đêm hoặc mười muôn, ba muôn, hay năm muôn câu, lấy số quyết định không thiếu làm lệ. Hành trì như thế trọn một đời, thề không thay đổi, nếu không vãng sanh, thì chừ Phật ba đời thành ra nói dối. Khi được vãng sanh, tất không còn bị thối chuyển, bao nhiêu pháp môn đều được hiện tiền. Rất kỳ tâm không thường hằng, nay vậy mai khác, thấy ai nói pháp chi huyền diệu liền xu hướng theo, thì

không môn nào thành tựu. Đâu biết nếu một câu A Di Đà niệm được thuần thực, thì ba tạng mười hai phần kinh những giáo lý cực tặc đều ở trong đó; một ngàn bảy trăm công án, đường lối hướng thượng đều ở trong đó; ba ngàn oai nghi, tám muôn tế hạnh, ba tu tịnh giới cũng ở trong đó.

✿ Người chơn niệm Phật, buông cả thân tâm thế giới là đại bố thí, không còn khởi tâm tham giận mê là đại trì giới, không so đo phải quấy hơn thua là đại nhẫn nhục, không gián đoạn xen tạp là đại tinh tấn, không để vọng tưởng buông lung là đại thiền định, không bị đường lối khác làm mê hoặc là đại trí huệ. Thử tự nghiệm xét, nếu đối với thân tâm thế giới còn chưa buông bỏ, niệm tham giận mê vẫn còn hiện khởi, việc phải quấy hơn thua còn do nơi lòng, tâm vọng tưởng buông lung còn chưa trừ diệt, các đường lối khác còn làm mê hoặc ý chí, như thế không gọi là người chơn niệm Phật.

✿ Muốn được cảnh giới "Một lòng không loạn", cũng chẳng có phương chước chi lạ, lúc mới dụng công, cần phải lần chuỗi ghi số, mỗi ngày đêm định khóa là bao nhiêu câu dừng cho thiếu sót. Giữ đúng như thế, lâu ngày niệm lực sẽ thuần thực, thành ra cảnh "không niệm tự niệm", chừng ấy ghi số hay không cũng được. Nếu lúc ban sơ muốn vội nói lời cao siêu, muốn không trước tướng, muốn học viên dung tự tại thì niệm lực khó thành. Như thế là tin không sâu, hành trì không hết sức, dù cho người có giảng được mười hai phần giáo, tỏ

được một ngàn bảy trăm công án, đều là việc bên bờ sống chết luân hồi, khi lâm chung quyết định không dùng được.

✿ Niệm Phật có sự trì lý trì. Sự trì là tin có Phật A Di Đà ở phương Tây, mà chưa hiểu lý tâm này làm Phật, chỉ quyết chí cầu sanh, niệm Phật như con nhớ mẹ, không lúc nào tạm quên. Lý trì là tin Phật A Di Đà ở Tây Phương là tâm mình sẵn có đủ, là tâm mình tạo ra, đem hồng danh sẵn đủ, tạo ra của mình mà làm cảnh buộc tâm, khiến cho không tạm quên.



Triệu Lưu Đại Sư

(Đại Sư là vị tổ thứ mười trong Liên Tông, họ tướng, húy Hành Sách, người ở Nghi Nhon. Ngài xuất gia năm 23 tuổi, chuyên tu tịnh nghiệp, thường trụ nơi chùa Tây Khê ở hàng Châu mở mang Tịnh Tông, sư hoàng hóa rất thành. Đại Sư có soạn ra mấy bộ: Liên Tạng Tập, Tịnh Độ Pháp Ngữ, lưu hành ở đời. Niên hiệu Khang Hy thứ 21, ngài thị tịch, thọ 55 tuổi bấy giờ có người Tông Hoàng và con nhà họ Ngô chết một lượt, trải qua một ngày bỗng tỉnh dậy, đều nói y nhau: "Tôi bị minh ty bắt đem trói để dưới điện, bỗng thấy hào quang sáng rực khắp nơi, hương thơm hoa báu đầy cả hư không. Minh Vương mọp xuống đất đưa một vị Đại Sư về Tây Phương, xem kỹ lại là Triệt Công. Tôi nhờ hào quang chiếu, liền được tha trở về.)

✿ Đại Sư nói: Phép trì danh quý ở một lòng không loạn, không xen tạp, chẳng phải niệm mau niệm nhiều là hơn. Chỉ nên trì niệm nhật niệm nối nhau, không mau không chậm, khiến cho hiệu Phật rành rẽ rõ ràng nơi tâm. Khi ăn cơm mặc áo, đi đứng nằm ngồi, giữ một câu hồng danh nối liền chẳng dứt cũng như hơi thở, không tán loạn cũng không hôn trầm. Trì danh như thế có thể gọi là một lòng tinh tấn trên phận sự vậy.

✿ Người tu tịnh nghiệp đời nay, trọn ngày niệm Phật, sám hối, phát nguyện, mà cõi Tây Phương vẫn xa, sự

vãng sanh không đảm bảo ra sao? Ấy cũng bởi bề ngoài tuy lễ niệm, phát nguyện, mà trong tâm dây tình còn buộc chặt, gốc ái còn bám sâu đó! Vậy phải xem sự tình ái cõi Ta Bà là vô thường, giả dối, đồng như nhai sáo, dù ở trong cảnh hướn gấp động tịnh, vui khổ lo mừng, cũng giữ chắc một câu hiệu Phật như dựa vào núi Tu Di, tất cả cảnh duyên đều không thể làm lay động. Nếu lúc nào tự cảm thấy mỏi mệt, biếng trễ, nghiệp hoặc hiện lên, phải một lòng phấn khởi mà niệm, như thanh trường kiếm chống trời, khiến cho quân ma phiền não trốn mất không còn, như lửa đỏ ở lò hồng, đốt tan tình thức từ vô thỉ. Người nào giữ được như thế, tuy hiện đang ở cõi ngũ trược mà toàn thân đã ngồi nơi thế giới hoa sen, đợi chi Phật Di Đà đưa tay, đức Quán Âm dìu dắt, mới tin là mình vãng sanh ư?

Lời phụ: Trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục, đề ngài Tĩnh Am là tổ thứ mười, nhưng sau Ấn Quang Đại Sư cùng các nhà tu Tịnh Độ thấy ngài Triệt Lưu thừa giới cao siêu, sự hoằng hóa rất thịnh, có công đức lớn với Liên Tông, mới tôn ngài lên làm tổ thứ mười, đổi ngài Tĩnh Am thành Tổ thứ 11. Nhân tiện xin biện minh ra đây để giải thích mối nghi ngờ.



Đạo Phái Đại Sư

(Ngài hiệu Vi Lâm, họ Đinh, người xứ An Nhơn, xuất gia năm 14 tuổi, từng đi giảng diễn khắp nơi. Sau Đại Sư đến Cổ Sơn, nương theo Vĩnh Giác Thiền Sư tham cứu ba năm không ngộ đạo. Ngài bèn từ già đi vân du qua vùng Lương Triết rồi trở về Cổ Sơn tu hành, một hôm nhân vén bức rèm lên mà đại ngộ. Năm Thuận Trị thứ 14 đời nhà Thanh, Đại Sư kế thừa ngài Vĩnh Giác, mở pháp môn độ chúng hơn 20 năm. Trong thiền lâm tôn tặng ngài là hàng Phật Pháp bậc nhất ở miền đông nam. Đại Sư có soạn ra mấy bộ. Tịnh Độ Chỉ Quyết. Ngài thường nói: "Lão tăng chí ở tông Thiền, hạnh ở Tịnh Độ". Sau ngài ở ẩn, không biết lúc chung kết ra thế nào.)

✿ Đại Sư dạy: Khi niệm Phật, nơi tâm phải thường không rời hai chữ "tin, nhớ", nơi miệng không rời hai chữ "xưng, kính". Bởi muốn về Tịnh Độ cần phải có lòng tin, ngàn người tin thì ngàn người sanh, muôn người tin thì muôn người về. Nếu tâm thường tin nhớ Phật, miệng thường xưng niệm Phật một cách thiết tha, cung kính, Phật tất cứu độ. Ấy mới gọi là tin sâu?

✿ Khi niệm Phật, cần phải mỗi chữ rõ ràng, mỗi câu nối nhau, bởi không rõ ràng tức là hôn trầm, không nối nhau tức là tán loạn. Hành trì như thế, một câu niệm

Phật thường rành rõi nơi tâm, lâu ngày tự nhiên thành
tự pháp Niệm Phật Tam Muội.

Tính Am Đại Sư

(Đại Sư là vị tổ thứ mười trong Liên Tông, họ Thời, tự Tư Tề, người xứ Thường Thục, Ngài xuất gia thuở bảy tuổi, thọ đại giới lúc 24 tuổi, đối với thiên, giáo, tánh, tướng đều suốt thông. Đại Sư từng ở chùa Chân Tịch, duyệt tạng kinh, niệm Phật: qua ba năm, nguồn biện luận như thác đổ. Ngài lại đến chùa Dục Vương lễ tháp, cảm xá lợi phóng quang; nhân đó soạn ra sấm Niết Bàn và Văn Khuyển Phát Bồ Đề Tâm, người đọc phần nhiều rơi lệ. Lúc tuổi già, Đại Sư về ở chùa Phạm Thiên tại Hàng Châu, kết liên xã để khuyên nhắc lẫn nhau chuyên tu Tịnh Nghiệp. Mùa đông năm Ung Chánh thứ 11, Đại Sư dự biết ngày 14 tháng tư năm sau mình sẽ vãng sanh. Đến kỳ hạn, ngài nói: "Mười hôm trước ta đã thấy Phật nay lại được thấy". Nói xong, niệm Phật mà quy Tây.)

✿ Đại Sư nói: "Một chữ nguyện bao gồm cả tín và hạnh. Tín là tin: tự, tha, nhân, quả, sự, lý, không hư dối. (Tín tự: tin tất cả do tâm tạo, mình niệm Phật sẽ được tiếp dẫn. Tín tha: Tin Phật Thích Ca không nói dối, Phật A Di Đà không nguyện suông. Tín nhân: tin niệm Phật là nhân vãng sanh, giải thoát. Tín quả: tin sự vãng sanh, thành Phật là kết quả. Tín sự: tin cảnh giới Tây Phương tất cả sự tướng đều có thật. Tín lý: Tin lý tánh duy tâm bao trùm Phật độ. Mỗi điều trên đây đều xác thật nên gọi là không hư dối). Hạnh là chuyên trì danh hiệu không xen tạp, không tán loạn. Nguyện là

mỗi tâm ưa thích, mỗi niệm mong cầu. Trong ba điều kiện này, người tu tịnh nghiệp cần phải đủ, không thể thiếu một, mà "nguyện" là điểm cần yếu. Có thể có tín, hạnh mà không có nguyện, chưa từng có nguyện mà không có tín, hạnh.

✿ Niệm Phật mà không phát lòng Bồ Đề thì không tương ứng với bốn nguyện của đức Di Đà, tất khó vãng sanh. (Lòng Bồ Đề là tâm lợi mình, lợi người, trên cầu thành quả Phật, dưới nguyện độ chúng sanh.) Tuy phát lòng Bồ Đề mà không chuyên niệm Phật cũng không được vãng sanh. Nên phải lấy sự phát lòng Bồ Đề làm chánh nhân, niệm Phật làm trợ duyên, rồi sau mới cầu sanh Tịnh Độ. Người tu tịnh nghiệp cần phải hiểu biết điều này.)

✿ Niệm Phật cũng có ma sự, do bởi ba nguyên nhân: không rõ giáo lý, không gặp thầy bạn tốt, không tự xét lấy mình. Trong ba điều này, sự tự xét chỗ sai lầm của mình rất là cần yếu. Đại để muốn sanh về Tây Phương, không phải dùng chút phước lành, chút công hạnh lơ là mà được; muốn thoát sự khổ sống chết luân hồi trong vạ kiếp, không phải dùng tâm dần dà, chờ hện, biếng trễ mà được! Cơn vô thường mau chóng, mới sớm kế lại chiều, đâu nên không siêng năng lo dự bị trước ư? Còn e sức chí nguyện không thắng nổi sức tình ái, tâm niệm Phật không hơn nổi tâm dục trần, những kẻ cứ mãi lơ là biếng trễ, nửa tin nửa ngờ, thì ta cũng đành không biết làm sao vậy!

Kệ rằng:

Nam Mô A Di Đà,
Người nào không biết niệm?
Tuy niệm, chẳng tương ứng,
Mẹ con khó hội kiến!
Khi đi, đứng, ngồi, nằm,
Đem tâm này thức liễm,
Mỗi niệm nối tiếp nhau
Niệm lâu thành một phiến.
Như thế, niệm Di Đà,
Di Đà tự nhiên hiện!
Quyết định sanh Tây Phương.
Trọn đời không thối chuyển!



Triệt Ngộ Đại Sư

(Đại Sư là vị Tổ thứ 12 trong Liên Tông, họ Mã, Húy Tế Tĩnh, người đất Phong Nhuận, 22 tuổi xuất gia, thông suốt cả thiền, giáo. Ban sơ, ngài chủ trì chùa Vạn Thọ ở Bắc Kinh, danh đồn khắp Nam, Bắc, hằng đề xướng pháp môn Tịnh Độ khuyên chúng tinh tu. Kế đó Đại Sư lại trụ trì chùa Giác Sanh, tiếng tăm cũng lừng lẫy như trước. Sau, ngài về ở non Hồng Loa, đại chúng quy hướng càng đông, bèn thành ra đạo tràng Tịnh Độ. Đời nhà Thanh, niên hiệu Gia Khánh thứ 15, vào mùa xuân, Đại Sư nói trước ngày về Tây và bảo: "Thân huyễn không bền, đừng để một đời luống qua, mọi người nên cố gắng niệm Phật". Quả nhiên, tới ngày kỳ hẹn, Đại Sư thấy Phật đến tiếp dẫn, liền chánh niệm mà tọa hóa. Lúc ấy đại chúng nghe mùi hương thơm lạ ngào ngạt, khi trà tỳ được xá lợi hơn trăm hạt.)

✿ Đại Sư nói: "Thật vì sanh tử, phát lòng Bồ Đề, dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật", mười sáu chữ này là cương tông của môn niệm Phật. Nếu không phát lòng chơn thiết vì việc sanh tử, thì tất cả lời khai thị đều là phù phiếm. Bởi tất cả sự khổ trong đời này không chỉ hơn việc sanh tử, chúng ta từ vô lượng kiếp đến nay, sống chết, chết sống, ra khỏi bào thai này kế vào bào thai kia, bỏ lớp da này lại mang lớp da khác, khổ não đã không kham, huống chi tự mình chưa thoát luân hồi, làm sao tránh khỏi đọa lạc? Ôi! Khi một niệm sai lầm,

liền sa vào ác đạo, tam đồ dễ tới mà khó lui, địa ngục này dài mà khổ nặng! Cho nên đại chúng phải đau đớn nghĩ vấn đề sanh tử, như chịu tang cha mẹ, như cứu lửa đốt đầu, gắng chuyên tinh tu tập. Nhưng ta đã khổ vì sự sống chết mà cầu thoát ly, nên liên tưởng đến tất cả muôn loài cũng như vậy. Chúng sanh cùng ta đồng một bản thể, là cha mẹ của ta trong nhiều kiếp, là chư Phật đời vị lại, nếu chẳng phát tâm cứu độ, chỉ cầu giải thoát riêng mình, thì đối với tình có chỗ chưa an, với lý có điều sơ sót. Hướng chi chẳng phát đại tâm thì ngoài không thể cảm thông với Phật, trong không thể kế hợp với tánh chơn, trên không thể tròn quả Bồ Đề, dưới không thể độ khắp muôn loài. Như thế, làm sao báo bổ người ân nhiều kiếp, làm sao giải thích oan gia nhiều đời, làm sao thành tựu căn lành đã gieo trồng từ xưa, làm sao sám trừ tội nghiệp đã tạo ra về trước? Và như thế thì tu hành chỗ nào cũng gặp chướng duyên, dù có thành tựu cũng là quả thấp, cho nên phải xưng tánh phát lòng Bồ Đề vậy.

Nhưng đã phát đại tâm, phải tu đạt hạnh, mà trong tất cả hành môn, tìm phương pháp dễ dụng công, mau thành tựu, rất yên ổn, rất viên đốn, thì không chi hơn dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật. Nói chấp trì danh hiệu, tức là giữ chắc hiệu Phật nơi lòng không tạm quên. Nếu có một niệm gián đoạn hoặc một niệm xen tạp, thì không gọi là chấp trì. Giữ được một niệm nối nhau không xen không tạp, đó là chơn tinh tấn, tinh tấn mãi không thôi, sẽ lần vào cảnh nhất tâm bất loạn và

viên thành tịnh nghiệp. Nhất tâm bất loạn là chỗ quy túc của tịnh nghiệp, là đại môn của Tịnh Độ, chưa vào môn này, tất chưa yên ổn, học giả há chẳng nên cố gắng ư?

✿ Tâm đã hay tạo nghiệp thì cũng có thể chuyển nghiệp, và nghiệp đã do tâm tạo, tất cũng tùy theo tâm mà chuyển. Nếu tâm mình không chuyển được nghiệp, tức bị nghiệp trói buộc, nghiệp không chuyển theo tâm thì có thể buộc tâm. Nhưng dùng tâm thế nào mới chuyển được nghiệp? Ấy là giữ tâm hợp với đạo đức, hợp với Phật. Và nghiệp làm sao buộc được tâm? Ấy là để tâm y theo đường lối cũ, buông lung theo cảnh trần.

✿ Tất cả cảnh giới hiện nay, tất cả quả báo về sau, đều do nghiệp cảm, do tâm hiện. Vì do nghiệp cảm nên quả báo sẽ đến đều do nhất định, bởi nghiệp buộc tâm. Vì do tâm hiện, nên quả báo sẽ đến đều không nhất định bởi tâm chuyển được nghiệp. Như có người đương lúc nghiệp buộc được tâm, quả báo sẽ đến theo chiều nhất định, mà bỗng phát tâm rộng, tu hạnh chân thật, thì tâm chuyển được nghiệp, cảnh sẽ đến tuy định mà thành bất định. Nếu người ấy nửa chừng bỗng thối lui đại tâm, thật hạnh kém sút, thì nghiệp trở lại buộc tâm, cảnh sẽ đến bất định mà định.

Nhưng nghiệp tạo ra từ trước, đành đã lỡ rồi, chỉ trông mong có phát đại tâm để biến chuyển, mà nắm giữ cơ quan ấy chính là ta chớ không ai khác. Nếu hôm nay ta

phát tâm niệm Phật cầu sanh Cực Lạc để mau chứng quả, độ chúng sanh, giữ niệm hiệu Phật nối nhau không dứt, lâu ngày tâm sẽ hiệp với đạo, thì chuyển được quả báo Ta Bà thành Cực Lạc, đổi nhục thai thành liên thai, không bao lâu, chính mình sẽ là một bậc thượng thiện, tướng tốt trang nghiêm, an vui tự tại nơi cõi liên hoa thất bảo. Như ta tu hành nửa chừng bỗng lần lần biếng trễ thối lui, tất bị nghiệp lực mạnh mẽ từ kiếp trước sai sử, rồi vẫn y nhiên là một kẻ chịu vô lượng sự thống khổ về thân tâm, ngạ quỷ súc sanh vậy. Những ai có chí thoát ly, cầu về Tịnh Độ há không nên sợ hãi tình ngộ, phát tâm phấn chấn tu hành ư?

✿ Có tám điều cốt yếu, người tu tịnh nghiệp nên ghi nhớ:

1. Vì sự sanh tử, phát lòng Bồ Đề, đây là đường lối chung của người học đạo.
2. Dùng tín nguyện sâu, trì danh hiệu Phật, đây là chánh tông của môn Tịnh Độ.
3. Lấy sự nhiếp tâm chuyên chú mà niệm, làm phương tiện dụng công.
4. Lấy sự chiết phục phiền não hiện hạnh làm việc yếu tu tâm.
5. Lấy sự giữ chắc bốn trọng giới làm căn bản vào đạo.
6. Dùng các thứ khổ hạnh làm trợ duyên tu hành.
7. Lấy nhất tâm bất loạn làm chỗ quy tức của môn Tịnh Độ.

8. Lấy các điềm lành làm chứng nghiệm cho sự vãng sanh.



Ngộ Khai Đại Sư

(Đại Sư họ Trương, tự Hoát Nhiên, người ở Tô Châu, xuất gia tu hành nơi chùa Tường Phong. Sau khi ngộ được tam tông, ngài mở pháp hóa nơi chùa Hiến Thân, thuộc miền Kinh Nam. Kế đó, đại sư lui về ở ẩn, trải qua các tự viện: Vân Gian, Luyện Xuyên, rồi sau lại về am Bảo Tạng chuyên tu tịnh nghiệp. Ngài có trứ tác mấy bộ: Niệm Phật Bách Vấn, Tịnh Nghiệp Tri Tấn, Niệm Phật Cảnh Sách, Tịnh Nghiệp Sơ Học Tu Tri và Cổ đạo tình, lưu hành trong đời. Đại Sư cảm hóa người rất đông. Năm Đạo Quang thứ 10 đời nhà Thanh, ngài cảm bệnh, khuyên nhắc và cho hay qua cuối thu mình sẽ về Tây. Quả nhiên, trước tiết lập đông hai ngày, Đại Sư hướng về Tây niệm Phật mà hóa.)

✿ Đại Sư nói: Mở mắt niệm Phật, tâm dễ tán động, nên nhắm mắt mà niệm. Trước khi niệm phải ngồi yên giây phút, buông bỏ tất cả, để lòng rộng không, rồi từ từ tuyên hiệu Phật, vừa niệm vừa nghe, vừa nghe vừa niệm, mật niệm nối nhau, hành trì lâu tâm phát ra, mỗi câu tha thiết nhớ mong Tịnh Độ. Có phương pháp hệ niệm là khi không niệm Phật, đem tâm niệm mình buộc để trên thân đức A Di Đà Phật. Làm như thế, tâm được thanh tịnh, không lay động, chính là chỗ dụng công đắc lực.

Hỏi: Tọa niệm từ đâu sanh?

Đáp: Tâm ta chỉ có một niệm, niệm Phật tức là nó mà tạp niệm cũng là nó. Chỉ nhân ta niệm Phật chưa tinh chuyên, nên niệm trần còn vướng thế thôi.

Hỏi: Làm sao trừ được tạp niệm kia?

Đáp: Không cần phải trừ, chỉ đem tâm niệm hoàn toàn để trên hiệu Phật, tạp niệm liền mất.

Hỏi: Nhưng rủi tinh lực yếu kém suy mỏi, không thể khiến cho nó tiêu mất, mới làm sao?

Đáp: Người đạo đức chưa thuần, nên tán loạn nhiều, phải cố thâm nhiếp sáu căn lần lần sẽ được thanh tịnh. Nếu chưa làm được như thế thì mở mắt nhìn chăm chú tượng Phật mà niệm, tạp niệm sẽ tiêu.

Hỏi: Cách ấy cũng hay, nhưng sợ e lần hồi mỗi mệ, tạp niệm lại nổi lên làm sao?

Đáp: Trong tâm mờ tối, nên bị ngoại cảnh kéo lôi, niệm Phật không đắc lực, thậm chí vọng niệm dày đặc không tan. Nhưng đừng vội vàng nóng nảy, phải lóng định tâm tư, niệm chậm rãi, hiệu Phật ra từ nơi tâm, phát thành tiếng nơi miệng, rồi lại vào nơi tai; tâm nghĩ, miệng niệm, tai nghe, cứ tuần hoàn như thế, tạp niệm sẽ dứt.

Hỏi: Phương pháp này rất hay, chỉ e người căn tánh quá tối, không làm được lại phải thế nào?

Đáp: Nên đem sáu chữ Nam Mô A Di Đà Phật mà niệm. Khi niệm nghi nhớ rành rẽ tiếng thứ nhất là Nam, tiếng thứ nhì là Mô, như thế cứ đủ sáu chữ, liên hoàn không dứt, thì vọng niệm không còn chỗ xuất sanh.



Diệu Không Đại Sư

(Đại Sư họ Trịnh, người ở Giang Đô, lúc thiếu thời ngài học Nho, thường đồng với Quán Như Pháp Sư, Dương Như Sơn, Hứa Vân Hư, thương nghị khắc đại tạng kinh. Kế đó Ngài xuất gia, tự hiệu là Khắc Kinh Tăng. Trong 15 năm, Đại Sư đã khắc hơn ba ngàn quyển. Sau khi ngài tịch ba năm, bộ kinh Đại Bát Nhã mới hoàn thành. Đại Sư giữ giới tinh nghiêm, quá giờ ngộ không ăn, thuở sanh bình trừ thuật rất nhiều, sau hợp lại thành pho: Lôu Các Tông Thơ. Trong ấy phần nhiều là những sách xiển dương tông Tịnh Độ. Ngài cảm hóa rất đông, đa số là kẻ trọng vọng như ông Tướng Nguyễn Lượng v.v...Nhà Thanh năm Quang Chử thứ 6, Đại Sư niệm Phật mà tịch, hưởng 55 tuổi.)

✿ Đại Sư nói: "Phép quán không dễ thành tựu, giới luật cũng chưa dễ giữ tròn, tu phước chẳng phải hôm sớm có thể thành công, sự diệu ngộ chẳng phải kẻ độn căn có thể làm được. Còn đại nguyện bền chắc lại càng ít có người! Nếu không do nơi chỗ chân thật trì danh tìm nẻo thoát ly, tất phải chìm trong biển khổ, hằng chịu luân hồi, ngàn Phật dù từ bi cũng khó cứu độ! Hướng chi, pháp trì danh nhiếp cả ba căn, không có phương tiện nào hay hơn đây nữa!

✿ Người niệm Phật, thì không được nói chuyện tạp hoặc nghĩ ngợi bông lông. Nếu lỡ có phạm, phải suy

xét: ta là người niệm Phật, không nên như thế, rồi niệm Phật vài tiếng để tự cảnh tỉnh mà đánh tan điều ấy.

✿ Phép "tùy thuận trì danh" là khi hôn trầm thì đi kinh hành, lúc tán loạn thì trở lại ngồi, hoặc đứng, hoặc nằm, đều tùy tiện mà trì niệm, làm sao cho câu niệm Phật đừng xa lìa. Đây là yếu thuật để hàng phục tâm ma.

✿ Khi gặp cảnh thuận, nghịch, khổ, vui, thị, phi, đắc, thất, dơ, sạch, tất cả trường hợp, cần phải giữ một câu niệm Phật cho chắc. Nếu không như thế, tất bị cảnh duyên, hiệu Phật liền gián đoạn, há chẳng phải đáng tiếc lắm ư?!

✿ Khi đối trước tượng Phật, phải xem tượng ấy cũng như Phật thật, mắt nhìn tâm niệm, cung kính chí thành. Lúc không ở trước tượng cũng nên thành kính như lúc đối trước Phật tượng. Niệm Phật như thế rất dễ cảm thông, nghiệp ác cũng mau tiêu diệt.

✿ Tất cả người khổ trong đời, vì thân tâm không được rỗi rảnh, nên khó tu hành. Nay ta có phần an nhàn, lại được nghe pháp môn niệm Phật, vậy phải cố gắng nhiếp tâm, mới không uống ngàn vàng tất bóng! Nếu tu hành lười thôi tất khó có kết quả, như thế là phụ rầy bốn ân, luống qua ngày tháng, một mai vô thường chợt đến, lấy gì mà chống đối ư?

✿ Người tu nếu vì quả khổ, tất đời trước hoặc đời nay đã gây nhân xấu. Cho nên chịu một phần khổ tức là trả một phần ác của mình. Vậy không nên oán trách trời người sao bất công, buồn thời vận sao điên đảo, mà chỉ hổ thẹn mình không sớm tỉnh ngộ tu hành thôi. Mỗi khi nghĩ đến điều ấy, vừa kinh sợ cho ác báo, vừa thương cảm cho phận mình, mỗi câu niệm Phật đều từ nơi gan tủy phát ra, như thế mới là chơn cảnh niệm Phật.

✿ Trước cảnh ngang trái khổ đau mà không bi thương thì chẳng phải nhân tình, song nếu chỉ luống bi thương, há lại là người rõ thông Phật tánh? Cho nên đã bi thương thì phải tìm phương thoát khổ, nghĩ chước cứu độ mình và tất cả chúng sanh, như thế mới không đến nỗi vô ích. Nên biết sở dĩ Phật được gọi là đáng đại bi vì Ngài có đủ hùng lực, trí huệ, cứu chúng sanh đau khổ. Ta dùng bi tâm mà niệm Phật, cầu lòng bi của Phật cứu khổ cho ta, sự trì niệm như thế khẩn thiết biết dường bao!

✿ Khi niệm Phật đã thuần thực, thì trong sáu trần chỉ có thanh trần, năng dụng của sáu căn đều gọi nơi nhĩ căn, không còn biết thân mình đang vi nhiễu, lưỡi mình đang uốn động, ý có phân biệt hay không, mũi thở ra hay vào, mắt mình nhắm hay mở. Khi ấy sự viên thông của đức Quán Âm, Thế Chí chính là một, căn tức là trần, trần tức là căn, căn trần tức là thức, mười tám giới dung hợp thành một giới.

✿ Khi làm xong một việc, vừa nói xong một lời, chưa khởi tâm niệm Phật, mà một câu hồng danh cuồn cuồn tuôn ra, đó là triệu chứng Tam Muội để thành tựu vậy.

✿ Tu tịnh nghiệp, cảnh cô tịch chừng nào hay chừng nấy, tiếng niệm cao thấp mau chậm tùy nghi, làm sao cho hợp thành một phiền. Nên biết khi ấy thân tuy đơn chiếc mà tâm chẳng lẻ loi, vì tâm của chư Phật cùng đức Di Đà chưa từng tạm rời ta, ta khởi niệm thì Phật biết, mở miệng thì Phật nghe, lo gì sự cô tịch?

✿ Bệnh là cái bước đến sự chết, chết là cửa ải đưa đến cảnh tịnh uế thánh phàm. Trong khi bệnh, phải tưởng là mình sắp chết, chuyên niệm hiệu Phật, quyết đợi lúc mạng chung, như thế sẽ có quang minh tiếp dẫn mà toại bốn nguyện vãng sanh của mình. Nếu trong lúc ấy tạm đình câu niệm Phật, thì tâm luyến ái, buồn rầu, sợ hãi, tất cả tạp niệm đều hiện ra, như thế làm sao vượt qua nẻo sanh tử? Thế nên lúc bệnh nguy phải ghi nhớ bốn chữ A Di Đà Phật nơi tâm chớ quên, và những kẻ xung quanh cũng phải niệm bốn chữ ấy để thường thường nhắc nhở người bệnh. Nên biết trăm kiếp ngàn đời, siêu hay đọa, toàn do ở một niệm trong khi ấy. Tại sao thế? Vì sáu nẻo luân hồi đều do một niệm làm chủ. Nếu một niệm chuyên chú nơi Phật, thì hình tuy hoại mà thần không hoại, liền nương theo đó mà vãng sanh. Hỡi người tu tịnh nghiệp! Nên nhớ bốn chữ A Di Đà Phật nơi lòng đừng quên!

Ấn Quang Đại Sư

(Đại Sư là vị tổ thứ mười ba trong Liên Tông, họ Triệu, người ở Cấp Dương, suốt thông tông giáo, chuyên tu tịnh nghiệp, từng trải ở các non Chung Nam, Hồng Loa, Phổ Đà. Năm dân quốc thứ 19, ngài đến đất Ngô, sáng lập Linh Nham Tịnh Tông đạo tràng, khuyên người lấy luân thường nhân quả làm cơ sở, niệm Phật sanh Tây làm chỗ quy tức. Đại Sư ấn tặng sách Phật năm trăm muôn bộ, tượng Phật hơn trăm muôn bức. Mùa đông năm Dân quốc thứ 29, ngài niệm Phật tạo hóa ở Linh Nham đạo tràng. Khi trà tỳ 32 cái răng còn nguyên, được xá lợi ngũ sắc vài ngàn hạt. Đại Sư hưởng tuổi đời 80, tăng lạp 60, trứ thuật trăm muôn lời, đệ tử hơn hai mươi muôn, phần nhiều là bậc hiền triết và người có danh vọng trong quốc đảng.)

✿ Đại Sư nói: "Pháp môn Tịnh Độ do Phật Thích Ca, Di Đà kiến lập, Bồ Tát Văn Thù, Phổ Hiền chỉ quy, đức Mã Minh, Long Thọ hoàng dương, và các Tổ: Huệ Viễn, Thiên Thai, Thanh Lương, Vĩnh Minh, Liên Trì, Ngẫu Ích xướng đạo để khuyên khắp thánh, phàm, ngu, trí, đồng tu hành vậy.

✿ Đã tu tịnh nghiệp, phải giữ luân thường, làm hết bốn phận, dứt niệm tà, gìn lòng thành kính, trừ bỏ các điều ác, vâng làm những việc lành, đừng giết hại, gắng ăn chay, thương tiếc hộ trì mạng sống loài vật, tín nguyện

niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Bên trong phải vì ông bà, cha mẹ, anh em, chị em, bên ngoài vì thân thích, bạn bè, xóm giềng, làng nước, đem pháp môn Tịnh Độ này mà phụng khuyến, chẳng luận người có tin làm cùng không, chỉ hết sức mình khiến cho mọi người đều biết pháp mầu nhiệm này mà thôi.

✿ Người niệm Phật, nếu tấm lòng chân thiết, tự có thể nhờ từ lực của Phật, khiến cho khỏi tai nạn đao binh nước lửa. Dù có bị tức nghiệp sâu dày, hoặc trường hợp chuyển quả nặng địa ngục thành ra quả báo nhẹ đời nay mà ngẫu nhiên bị tai nạn ấy, nếu lúc bình nhật có lòng tín nguyện chân thiết, quyết định lúc bấy giờ sẽ được nhờ Phật tiếp dẫn.

✿ Đã tin sâu, nguyện thiết, phải tu chánh hạnh niệm Phật. Sự tu trì đây đều tùy theo thân phận của mình mà lập, không nên chấp định theo một pháp thức nào. Như người không việc chi hệ lụy, nên từ mai đến chiều, chiều lại mai, lúc đi, đứng, nằm, ngồi, nói, nín, động, tịnh, khi ăn cơm mặc áo cùng đại tiểu tiện, tất cả thời, tất cả chỗ đều giữ một câu hồng danh không rời nơi tâm miệng. Nếu khi thân mình sạch sẽ, y phục chỉnh tề, chỗ nơi thanh khiết, thì niệm thầm hay ra tiếng đều được. Như lúc ngủ nghỉ, lơ lơ, tắm gội, đại tiểu tiện, hoặc ở chỗ không sạch chỉ được niệm thầm, không nên ra tiếng, niệm thầm công đức vẫn đồng, nếu ra tiếng thì có lỗi không cung kính. Chớ cho rằng những lúc ấy không nên niệm, chỉ e niệm không được mà thôi. Lại

khi nằm nếu niệm ra tiếng, chẳng những không cung kính, mà còn bị tổn hơi, phải biết điều này.

✿ Muốn cho tâm không luyến việc ngoài, chuyên niệm Phật được quy nhất, cũng không có phương pháp chi kỳ lạ, chỉ đừng quên cái chết rình rập bên mình, không biết xảy ra lúc nào.

Phải nghĩ rằng: ta từ trước đến nay tạo ra vô lượng vô biên nghiệp ác, như trong kinh nói: "Giả sử nghiệp ác kia có hình tướng thì khắp mười phương hư không cũng chẳng dung chứa hết". Duyên đâu may mắn, nay được thân người lại nghe Phật pháp, nếu không một lòng chuyên niệm Phật cầu sanh Tây Phương, khi cái chết đến thành linh, chắc chắn phải bị đọa vào ác đạo. Chừng ấy nếu vào địa ngục thì bị non đao, rừng kiếm, lò lửa, vạc dầu, một ngày đêm sống chết đến vạn lần, sự khổ cùng cực không thể diễn tả. Nếu đọa vào ngạ quỷ thì thân hình xấu xa, hôi hám, bụng lớn như cái trống, cổ họng nhỏ như cây kim, thấy cơm nước thì những vật ấy đều hóa thành than lửa, chịu đói khát lăn lộn khóc la trong vô lượng kiếp. Nếu đọa vào súc sanh, thì hoặc bị chớ kéo nặng nề, hoặc bị người giết ăn thịt, hoặc bị nạn loài mạnh ăn nuốt loài yếu, kinh khủng chẳng lúc nào yên. Chịu khổ như thế có khi vô lượng chư Phật ra đời mà vẫn còn xoay vần trong ác đạo, không được thoát ly. Nghĩ đến thân người mong manh, cái chết bất kỳ, nghĩ mình đời trước đã tạo ra vô lượng nghiệp ác, nghĩ đến sự khổ tam đồ mà tỉnh ngộ sợ hãi, tất không còn

tham luyện cảnh huyễn bên ngoài, niệm Phật được chuyên nhất.

✿ Khi niệm Phật, cần phải chí thành, hoặc có lúc trong tâm khởi ra bi cảm, đó là tướng căn lành phát hiện. Nhưng phải đề phòng đừng nên thường thường như thế, chẳng vậy thì bị loài ma bi thương nhập vào. Phàm gặp việc chi vừa ý cũng đừng quá vui mừng, vui mừng quá tất bị loài ma hoan hỷ ám nhập.

Khi niệm Phật, mi mắt nên sụp xuống, đừng nên quá dùng tinh thần, nếu dùng tinh thần quá, hỏa khí sẽ bốc lên, làm cho nhức đầu choáng váng, hoặc mang các chứng bệnh: lên máu, đầu tê rần ngứa nhức, máu bầm tụ trên đỉnh đầu. Vậy phải điều đình cho vừa chừng. Nếu thấy đầu óc nặng nề nóng bừng, phải trấn định tinh thần, lắng tai nghe mà niệm, hoặc chú tưởng nơi lòng bàn chân thì hỏa khí sẽ hạ xuống.

✿ Bệnh cùng ma phá, đều do túc nghiệp gây ra. Người nên chí thành khẩn thiết niệm Phật, thì bệnh tự an lành, ma tự xa lánh. Nếu lòng không thành khẩn mà còn khởi ra niệm tà dâm bất chánh, thì tâm người toàn thể đã sa vào nơi tối tăm, làm sao khỏi chiêu cảm loài ma đến khuấy rối. Từ nay sau mỗi thời khóa, người nên hồi hướng cầu nguyện cho oan gia đời trước, khiến bọn kia nhờ công đức niệm Phật của người mà được thoát khổ, sanh về cõi lành.

✿ Người niệm Phật nếu dụng công siêng năng tinh tấn, thì niệm sẽ thuần thực quy nhất, được cảm thông với Phật, tự có thể thấy cảnh lành, dù không thấy cũng không ngại. Nếu bỏ sự chuyên dụng công mà vội gắp muốn được nhất tâm, được tương ưng, được thấy cảnh lành, thì vọng tưởng rối ren, tâm niệm cầu mong cố kết nơi lòng, đây là chứng bệnh lớn lao nguy hiểm của người tu hành. Như thế lâu ngày, những oan gia đời trước nương theo vọng tưởng của hành nhưn, hóa làm thân Phật, hoa sen, hoặc có cảnh tốt lạ, để mong báo oán. Lúc ấy tự mình đã không có chánh kiến, toàn thể là khí phần của ma, một khi thấy cảnh ấy tất sanh lòng hoan hỷ, ma nương theo đấy mà vào tâm phủ làm cho hành nhân điên cuồng, dù có Phật sống cũng không cứu được.

✿ Người niệm Phật không phải chỉ tu theo sự tướng bên ngoài, mà cần phải để ý trừ phiền não cùng tập nghiệp lầm lỗi xấu xa. Nếu phiền não bớt một phần thì công phu niệm Phật tăng một phần, trái lại, để phiền não tăng, tất công hạnh phải lui kém. Cho nên có người càng tu hành lại càng đổ nghiệp là bởi lý do trên đây như thế lâu ngày nghiệp sẽ tiêu. Từ rày về sau, nơi tâm niệm hành vi, người phải giữ cho hiền hòa thuần hậu, mới được phước lành. Nếu chẳng thế, lại gia thêm tánh gian, xảo, khắc, hiểm, thì cũng như chót núi đá trơ vơ, mưa bao nhiêu cũng không đọng lại chút nào, dù loại cây cỏ chi cũng không sanh trưởng nổi.

✿ Giữ một câu A Di Đà Phật nhật niệm nối nhau thường nhớ thường niệm. Khi những tâm tham lam, bồng sển, hờn giận, dâm dục, háo thắng, kiêu mạn, thoát nổi lên, phải nghĩ: "Ta là người niệm Phật, cầu giải thoát không nên có tâm niệm như vậy, nghĩ rồi liền trừ diệt đi. Như thế, lâu lâu những niệm lao thần tổn thân đều không có đâu mà khởi, sẽ được công đức không nghĩ bàn của Phật gia trì nơi thân tâm mình, dám đảm bảo trong mười ngày thấy đại hiệu. Nếu tu hành lười thôi gián đoạn liền muốn được công hiệu, đó là khi mình khi người, tuy cũng có công đức, nhưng muốn do đó mà lành bệnh, thì quyết không thể được.

✿ Làm việc chi cũng phải lấy lòng thành làm gốc, tu hành nếu không dùng tâm chí thành, làm sao được sự lợi ích lành bệnh dứt khổ?

✿ Nếu tu tịnh nghiệp, nếu có may mắn công đức lành, đều đem hồi hướng vãng sanh. Như thế thì tất cả hành môn đều là trợ hạnh của Tịnh Độ. Lại phải phát lòng Bồ Đề, thề độ muôn loài, đem công đức mình tu hồi hướng cho bốn ân ba cõi cùng chúng sanh trong pháp giới. Làm như thế, như đèn thêm dầu, như mưa được mưa, đã kết pháp duyên sâu cùng tất cả chúng sanh, lại mau thành tựu thắng hạnh đại thừa của mình. Nếu chẳng hiểu nghĩa này, tất thành ra chỗ thấy cạn hẹp tư lợi của hàng phàm phu và nhị thừa, tu hạnh màu, cảm quả rất thấp kém.

✿ Có một bí quyết, khẩn thiết bảo nhau: "Hết lòng thành kính," nhiệm màu nhiệm màu!

Phụ: Khi làm việc lành chi, dù nhỏ nhất, cũng nên chấp tay đối trước Phật, hoặc hướng về Tây, đọc bài kệ hồi hướng vắn tắt này.

Nguyện đem công đức này
Cầu bốn ân, ba cõi,
Con cùng với chung sanh
Đồng sanh về Cực Lạc.



Hoàng Nhật Đại Sư

(Đại Sư họ Lý, húy Diển Âm, tự Thúc Đồng, từng sang Nhật học về chuyên khoa mỹ thuật và làm giáo sư nhiều học hiệu trong nước Trung Hoa. Năm dân quốc thứ 7, ngài xuất gia nơi chùa Đại Từ tại Hàng Châu, sau thọ đại giới ở chùa Linh Ẩn, Đại Sư cảm thấy luật học suy vi, mới phát tâm chấn chỉnh. Nhân đó, ngài vân du qua vùng Mân, Triết, chuyên về giảng thuật, có trứ tác bộ "Nam Sơn Luật Uyển Tông Thư" lưu hành ở đời. Ngài chuyên tu tịnh nghiệp, rất mến phục Ấn Công ở Linh Nham, hằng lấy việc "sống hoằng truyền giới luật, chết vãng sanh Tây Phương" làm chí nguyện. Mùa thu năm Dân quốc thứ 31, Đại Sư ở Ôn Lăng, dự biết lâm chung, niệm Phật mà tịch, hưởng 64 tuổi đời, 24 tăng lạp. Sau khi thiêu hóa, được xá lợi hơn 1800 hạt).

✿ Đại Sư dạy: Cổ thi nói: "Ta thấy người khác chết. Trong lòng nóng xót xa. Chẳng phải xót kẻ mất. Vì sẽ đến phiên ta". Vậy việc lớn rốt sau của đời người, đâu tạm quên trong giây phút ư!

✿ Khi bệnh nặng, phải buông bỏ tất cả việc nhà cho đến thân tâm của mình, chuyên nhất niệm Phật, một lòng mong cầu vãng sanh Tây Phương. Làm như thế, nếu thọ mạng đã hết, quyết định được vãng sanh. Như thọ mạng chưa dứt, tuy cầu vãng sanh mà trở lại mau lành bệnh, do vì lòng mình chuyên thành, nên có thể diệt trừ

ngiệp ác đời trước. Trái lại, nếu chẳng buông bỏ muôn duyên, chuyên nhất niệm Phật, như thọ mạng đã hết, quyết định không thể không vãng sanh, vì mình chỉ chuyên cầu lành bệnh chớ không cầu vãng sanh, nên không do đâu được về Cực Lạc. Nếu như thọ mạng đã dứt, chẳng những không được mau thuyên giảm, mà bệnh lại tăng thêm, vì mình nhân cầu lành bệnh vọng sanh lòng lo lắng sợ hãi vậy.

✿ Khi bệnh chưa nặng, cũng nên uống thuốc, nhưng vẫn phải tinh tấn niệm Phật, chớ tưởng nghĩ rằng: Uống thuốc rồi bệnh sẽ lành. Lúc bệnh đã nặng, có thể không cần dùng thuốc. Khi ta bệnh nằm ở Thạch thất, có kẻ khuyển nên rước thầy hốt thuốc, liền từ tạ mà nói kệ rằng:

"A Di Đà Phật. Vô Thượng Y Vương. Bỏ đây không cầu. Ấy là si cuồng! Một câu niệm Phật. Là thuốc Đà Đà. Bỏ đây không uống. Làm to lắm mà!". Nhân vì bình nhật ta đã tin pháp môn niệm Phật, thường giảng nói cặn kẽ cho mọi người nghe. Nay chính mình bị bệnh lại bỏ đây cầu thuốc sao?

✿ Nếu mình bệnh trở nặng, đau khổ quá lắm, rất không nên kinh hoàng, vì cơn bệnh khổ này do bởi túc nghiệp, hoặc nhân ta tu hành nên chuyển nghiệp báo của ác đạo thành ra quả nhẹ bệnh khổ, để trả xong tất rồi mới sanh về Tây phương.

✿ Khi bệnh nặng, những y phục vật dụng của mình, nên đem thí cho kẻ khác, hoặc y theo phẩm "Như Lai Tán Thán" trong Kinh Địa Tạng, đem vật liệu ấy cúng dường kinh tượng lại càng hay.

✿ Lúc bệnh nhân đau nhiều, như thần thức còn thanh tỉnh, người nhà nên thỉnh bậc thiện tri thức đến thuyết pháp. Vì thiện tri thức phải hết sức an ủi, đem việc lành, công tu của bệnh nhân kể rõ ra và khen ngợi, khiến cho người bệnh sanh lòng vui mừng không còn nghi ngại, tự biết khi mình chết sẽ nương nơi nghiệp lành ấy sanh về Tây Phương.

✿ Khi bệnh nhân sắp chết, người thân cận không được hỏi han về di chúc, cũng không được nói chuyện tạp vô ích, khiến cho người bệnh động tâm niệm tình ái, quyến luyến thế gian, có ngại cho sự vãng sanh. Nếu muốn để di chúc, thì trong lúc còn mạnh khỏe làm di ngôn trước giao cho người cất giữ.

✿ Lúc bệnh nhân gần qua đời, tự họ muốn tắm gội thay y phục, thì có thể thuận theo, nhưng nhẹ nhàng cẩn thận mà làm. Như họ không chịu, hoặc á khẩu không nói được, thì không nên miễn cưỡng mà làm. Bởi người sắp chết thường thường thân thể đau nhức, nếu ép khuyên dời động, tắm rửa, thay y phục, thì bệnh nhân càng đau đớn thêm nhiều. Ở đời có người tu hành phát nguyện cầu về Cực Lạc, nhưng khi lâm chung vì bị quyến thuộc di động nhiễu loạn, phá hoại chánh niệm,

nên không được vãng sanh, việc này xảy ra rất nhiều. Lại có kẻ mạng chung có thể được sanh về cõi lành, nhưng bị người khác không biết, xúc chạm làm cho đau đớn, nên sanh lòng giận tức, do đó phải bị đọa vào đường ác. Như Vua A Xà Thế, tu nhiều phước lành, khi lâm chung nhân bị người hầu cận ngủ gục làm rớt cây quạt trên mặt nên giận, chết đọa làm rắn mãng xà. Gương này há không nên răn sợ ư!

✿ Khi lâm chung, hoặc ngồi hoặc nằm, đều tùy tiện chớ nên gượng gượng. Nếu cảm thấy khí lực suy nhược chỉ có thể nằm, mà muốn xem cho ra vẻ, gượng gượng ngồi dậy là điều nguy hại không nên. Hoặc theo lẽ phải nằm nghiêng bên mặt, hướng về Tây, nhưng vì thân thể đau nhức phải nằm ngửa, hay nằm nghiêng bên trái, hướng về Đông, cũng cứ để tự nhiên không nên gượng gượng. Đây là chính bệnh nhân phải hiểu như thế mà tự xử sự. Còn người thân thuộc cũng phải hiểu lẽ này, chớ nên cầu danh bắt người bệnh nằm nghiêng bên mặt hướng về Tây, hay đỡ dậy mặc áo tràng sửa ngồi kiết dà. Đâu biết rằng chỉ vì cầu chút hư danh mà khiến cho người chết phải đọa tam đồ, chịu vô lượng sự khổ.

✿ Khi đại chúng trợ niệm, nên thỉnh tượng Di Đà tiếp dẫn để trước bệnh nhân, khiến cho họ trông thấy.

✿ Người trợ niệm, không luận nhiều ít, nếu được nhiều, nên luân phiên mà niệm, khiến cho tiếng Phật không gián đoạn. Muốn niệm bốn chữ hay sáu chữ, hoặc

niệm mau niệm chậm, phải hỏi trước bệnh nhân. Lại phải tùy chỗ tập quán ưa thích thuở bình nhật của bệnh nhân mà niệm, khiến cho họ có thể niệm thầm theo. Thường thấy kẻ trợ niệm không vì người sắp chết, chỉ niệm theo ý mình. Như thế đã trái chỗ tập quán ưa thích của bệnh nhân, họ làm sao niệm thầm theo được? Nguyên những người trợ niệm đặc biệt lưu ý đến điều này! Nếu mình phá chánh niệm của kẻ khác tức là có tội, đến phiên mình lâm chung cũng bị quả báo gặp kẻ khác phá hoại mà không được vãng sanh!

✿ Thông thường, người trợ niệm hay đánh khánh hoặc đánh mõ nhỏ. Theo kinh nghiệm, kẻ mang bệnh, thần kinh suy nhược, rất sợ nghe tiếng khánh và mõ nhỏ, vì âm thanh của những thứ này chát chúa đĩnh tai, kích thích thần kinh khiến cho họ tâm thần không an. Theo thiên ý, chỉ nên niệm suông là thỏa đáng hơn hết. Hoặc nếu có, thì chỉ đánh thứ chuông, khánh hay mõ lớn, mấy món này âm thanh hùng tráng, khiến cho người bệnh sanh niệm nghiêm kính, thiệt hơn đánh khánh và mõ nhỏ nhiều. Thứ mõ âm thanh đục cũng không nên đánh, vì làm cho bệnh nhân tâm thần hôn trược. Nhưng sở thích của mỗi người không đồng, tốt hơn là nên hỏi trước bệnh nhân. Nếu có chỗ nào không hợp, phải tùy cơ cải biến, chớ nên cố chấp.

✿ Người mới tắt hơi, điều thiết yếu là không nên vội di động, hoặc kẻ chết thân mình dính chất dơ cũng không nên gấp lau rửa, phải đợi qua tám tiếng đồng hồ, mới

được tắm rửa thay y phục. Trước và sau khi chết, người nhà không được khóc lóc, khóc là vô ích mà lại có hại vì làm cho kẻ mạng chung, sanh niệm quyến luyến, không được giải thoát, chỉ nên gắng sức niệm Phật là thật ích cho vong nhân. Nếu muốn khóc lóc phải đợi tám giờ sau. Tại sao thế? Vì bệnh nhân tuy tắt hơi, nhưng thức A Lại Da còn chưa đi. Nếu khi ấy lay động, tắm rửa, thay y phục, hoặc kêu khóc họ vẫn còn cảm giác đau đớn, hoặc sanh buồn giận, thương bi mà phải sa đọa. Điều này rất quan hệ, rất cần yếu, nên để ý ghi nhớ kỹ.

✿ Cái thuyết thăm dò hơi nóng để nghiệm xem sanh về đâu tuy có chứng cứ, nhưng cũng không nên cố chấp. Nếu bệnh nhân bình thời tín nguyện chân thiết, khi lâm chung chánh niệm rõ ràng, có thể chứng nghiệm là vãng sanh. Nhiều kẻ không kỹ, cứ mãi thăm dò, rời chỗ này chỗ kia làm động niệm kẻ mạng chung, cũng có hại lớn lắm. Sau khi bệnh nhân tắt hơi, trợ niệm xong, phải đóng cửa phòng lại canh chừng cho kỹ, kéo loài mèo, hoặc kẻ không am hiểu đổ xô vào xúc chạm, đợi qua tám giờ sau sẽ tắm rửa thay y phục. Trong vòng tám giờ, nếu có người ở gần bên niệm Phật luôn là điều rất tốt, ngoài ra cấm tuyệt không nên làm điều chi khác. Xin nhắc lại, trong khoảng thời gian này, người chết vẫn còn cảm giác!

✿ Sau tám giờ, nếu tay chân người chết đã cứng không thể chuyển động, nên dùng vải thấm nước nóng đắp

bao xung quanh các khớp xương, giầy lâu có thể co duỗi tay chân như thường.

✿ Khi làm những Phật sự truy tiền cho vong nhân, nên hồi hướng công đức ấy đến chúng sanh trong pháp giới. Như thế công đức sẽ càng thêm lớn mà sự lợi ích của vong nhân đó cũng được tăng thêm nhiều.

✿ Buổi lâm chung là lúc rất quan yếu trong một đời người, nếu trước dự bị tư lương vãng sanh cho đầy đủ, đến chừng ấy khó khỏi kinh hoàng bối rối, rồi kêu mẹ réo cha, nghiệp ác trong nhiều kiếp đồng thời hiện ra, làm sao giải thoát? Cho nên khi lâm chung tuy nhờ người y theo phương pháp mà trợ niệm, nhưng chính mình lúc bình nhật phải cố gắng tu trì, chừng ấy mới được tự tại. Hỡi người tu tịnh nghiệp! Xin sớm dự bị là hơn.!



Tịnh Độ Thập Nghi Luận

Nguyên Tác:
Trí Giả Đại Sư

Dịch Giả:
Hòa Thượng Thích Thiên Tâm

Phi Lộ

Có người cho rằng Tịnh Độ Giáo thuộc về hành môn không phải lý môn, nghĩa là Đức Thích Ca chỉ trần thuật cảnh Cực Lạc, rồi khuyên người niệm Phật để cầu sanh, không thiệp đến phần lý thuyết. Nhưng thật ra, lý để đi đến hành, trong hành tức đã có ẩn phần giáo lý. Và lại pháp môn của Đức Phật chia làm Không Tông, Hữu Tông, Hiền Giáo, Mật Giáo, tất cả đều nương tựa và làm sáng tỏ cho nhau. Cho nên nếu nhận định rằng: không có Duy Thức hay Thiền, thì Mật và Tịnh Độ thành ra thần quyền mê tín, hoặc không có Tịnh Độ cùng Mật, tất Duy Thức và Thiền thành ra lý thuyết trệ không, đều là biết qua các tông phái Phật Giáo bằng lối nhìn phiến diện. Chẳng hạn như bên Thiền Tông, tuy chỉ dạy tham một câu thoại đầu, nhưng trong ấy đã hàm ẩn vô biên đạo lý. Tịnh Độ Tông cũng thế, một câu niệm Phật gồm cả Thiền, Giáo, Luật, Mật, nên cổ đức đã phán định pháp môn này thuộc về đốn giáo. Và Ngẫu Ích Đại Sư, một vị đích truyền thuộc phái Thiền Thai, cũng bảo: 'Một câu Phật hiệu nếu niệm cho thuần thực, thì ba ngàn oai nghi tám muôn tế hạnh, bao nhiêu công án của Thiền Tông và đạo lý cực tấc của Giáo môn đều ở trong đó.'

Để chứng minh câu niệm Phật hàm đạo lý nhiệm mầu, và giải mối nghi cho những vị tìm hiểu cùng hành trì về môn này, bút giả xin phiên dịch quyển Thập Nghi của ngài Trí Giả, tập Hoặc Vấn của ngài Thiên Như, hợp lại tạm lấy nhan đề là Tịnh

Độ Quyết Nghi Luận. Trong đây phần nhiều bàn giải những nghi vấn hơi cao, đáng lẽ bút giả phải phụ thích thêm những nghi điểm thông thường về Tịnh Độ, song vì tự thân kém sức khỏe lại Phật sự bận nhiều, nên xin hẹn chờ dịp khác.

Nội dung quyển này trừ một vài điểm phụ giải có ghi chú, ngoài ra toàn là những luận thích của bậc danh đức. Học giả có thể đặt niềm tin tưởng nơi cổ huấn, mà mở đường vào Tịnh Độ Huyền Môn.

Liên Du Thích Thiền Tâm

Tịnh Độ Thập Nghi Luận

Đời Tùy, Thiền Thai Trí Giả Đại Sư soạn

Nghi thứ nhất

Hỏi:- Chư Phật Bồ Tát lấy đại bi làm sự nghiệp. Vậy người đã phát tâm Bồ Đề, nếu muốn cứu độ chúng sanh, chỉ nên nguyện sanh trong ba cõi, ở nơi đời ngũ trược, vào ba đường ác mà cứu khổ cho các hữu tình. Tại sao chúng ta đã học theo Phật, lại xa rời chúng sanh, tự sống riêng một cuộc đời yên ổn? Đó có phải là thiếu lòng từ bi, chuyên lo tự lợi và trái với đạo Bồ Đề chăng?

Đáp:- Bồ Tát có hai hạng. Thứ nhất, bậc tu Bồ Tát Đạo đã lâu, chứng được Vô Sanh Pháp Nhẫn. Với những vị này, đem lời đó trách thì đúng. Thứ nhì, bậc chưa chứng Vô Sanh và hàng phàm phu mới phát tâm Bồ Tát. Những vị sau này cần phải thường không rời Phật, mới thành tựu được nhẫn lực và có thể ở trong ba cõi, vào nơi đời ác để cứu độ chúng sanh. Cho nên Luận Trí Độ nói: ‘Hạng phàm phu còn đủ mọi sự ràng buộc, dù có lòng đại bi, nhưng vọng muốn sanh trong đời ác để cứu chúng hữu tình khổ não, đó là điều không hợp lý.’ Tại sao thế? Vì trong cõi đời ác trược, nghiệp phiền não mạnh mẽ lẫy lừng. Khi ấy, mình đã không có nhẫn lực, tất tâm sẽ tùy cảnh mà chuyển, rồi bị sắc, thanh danh, lợi trói buộc, sanh ra đủ nghiệp tham, sân, si. Chừng đó tự cứu đã không rồi, nói chi là cứu chúng sanh? Giả sử được sanh trong cõi người thì cảnh xấu ác kẻ tà ngoại

dầy đầy, người chánh chơn khó gặp, cho nên Phật Pháp không dễ gì nghe, Thánh Đạo không dễ gì chứng.

Nếu người nhân bố thí, trì giới, tu phước được làm bậc quyền quý, mấy ai không mê đắm cảnh giàu sang, buông lung trong trường dục lạc?

Lúc đó dù có bậc Thiện Tri Thức khuyên bảo, họ cũng không chịu tin làm theo, lại vì muốn thỏa mãn lòng tham dục của mình, nương quyền thế sẵn có, gây ra nhiều tội nghiệp. Đến khi chết rồi, bị đọa vào tam đồ trải qua vô lượng kiếp, khi khỏi tam đồ, sanh được làm người, phải thọ thân bần tiện; nếu không gặp Thiện Tri Thức lại mê lầm gây tội ác, rồi bị đọa nữa. Từ trước đến nay chúng sanh luân hồi đều ở trong tình trạng ấy. Đây gọi là *nan hành đạo* vậy.

Kinh Duy Ma cũng nói: ‘Chính bệnh của mình còn không tự cứu được, đâu có thể cứu được bệnh cho kẻ khác.’

Luận Trí Độ cũng nói: ‘Ví như hai người, mỗi kẻ đều có thân nhân bị nước lòi cuốn; một người tánh gấp nhảy ngay xuống nước để cứu vớt, nhưng vì thiếu phương tiện nên cả hai đều bị đắm chìm. Một người sáng tỉnh hơn vội chạy đến lấy thuyền bơi ra cứu vớt, nên cả hai đều không bị nạn trầm溺.’ Bậc Bồ Tát mới phát tâm vì chưa đủ nhẫn lực nên không thể cứu chúng sanh, cũng như người trước. Những vị Bồ Tát thường gần gũi Phật chứng được Vô Sanh Nhẫn, mới có thể nhập thế và cứu độ vô lượng chúng sanh cũng như người sau. Như trẻ thơ không nên rời mẹ, nếu rời mẹ thì hoặc rơi vào hầm giếng, té xuống sông đầm, hoặc

đói khát mà chết. Lại như chim non chưa đủ lông cánh, chỉ có thể nhảy chuyền theo cành cây; đợi chừng nào lông cánh đầy đủ, mới có thể bay xa, thông thả vô ngại. Phàm phu không nhẫn lực, chỉ nên chuyên niệm Phật A Di Đà cho được nhất tâm, đợi khi tịnh nghiệp thành tựu, lúc lâm chung sẽ được Phật tiếp dẫn vãng sanh, quyết định không nghi. Khi thấy Đức A Di Đà chứng quả Vô Sanh rồi, chừng ấy sẽ cỡi thuyền Pháp Nhẫn vào biển luân hồi cứu vớt chúng sanh, mặc ý làm vô biên Phật sự.

Cho nên bậc bi tâm hành giả, như muốn giáo hóa nơi địa ngục, vào biển trầm luân, nên chú ý đến nhân duyên cầu sanh Tịnh Độ. Điều này Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận gọi là *Dị Hành Đạo*.

Nghi thứ hai

Hỏi:- Thế của Pháp là không, xưa nay vẫn vô sanh và bình đẳng vắng lặng. Nếu bỏ Ta Bà cầu về Cực Lạc, há chẳng là trái lý ư? Lại trong Kinh nói: ‘Muốn cầu về Tịnh Độ, trước phải tịnh tâm mình; tâm mình thanh tịnh, cỡi Phật mới thanh tịnh.’ Người cầu sanh Tịnh Độ, cũng chẳng là trái lý này?

Đáp:- Vấn đề ấy có hai nghĩa. Xin phân làm tổng đáp và biệt đáp.

Về phần tổng đáp, nếu ông cho rằng cầu về Tịnh Độ tức là bỏ đây tìm kia, không hợp với lý bình đẳng như như. Còn ông chấp Ta Bà không cầu về Cực Lạc, há lại không bị lỗi bỏ kia chấp đây sao? Nếu ông bảo: ‘Tôi không cầu kia cũng không chấp đây’ thì lại mắc lỗi

đoạn diệt. Cho nên Kinh Kim Cang Bát Nhã nói: ‘Tu Bồ Đề! Ông đừng nghĩ rằng nói phát tâm Vô Thượng Bồ Đề là đoạn diệt hết tướng của các pháp. Tại sao thế? Vì phát tâm Vô Thượng Bồ Đề, đối với các pháp không nói tướng đoạn diệt.’

Về phần biệt đáp, như ông đã gạn về lý Vô Sanh và tâm tịnh, tôi xin giải thích. Vô Sanh cũng chính là lý bất sanh bất diệt. Bất sanh là các pháp giả hợp của sanh duyên không tự tánh, nên không thật có sanh thể và thời gian sanh. Xét ra không phải thật từ đâu mà đến, nên gọi là bất sanh. Bất diệt là khi các pháp hoại diệt cũng không tự tánh, nó không bảo rằng mình hoại diệt. Vì nó không thật có chỗ đi về nên gọi là bất diệt. Cho nên lý Vô Sanh hay bất sanh diệt không phải ngoài các pháp sanh diệt mà có. Vì thế chẳng phải không cầu sanh Tịnh Độ mà gọi là Vô Sanh. Trung Quán Luận nói: ‘Các pháp nhân duyên sanh, ta nói chính là không, đó gọi là giả danh, cũng là nghĩa Trung Đạo.’ Lại nói: ‘Các pháp không tự sanh, không từ nơi cái khác mà sanh, không phải cộng sanh, cũng không phải vô nhân, nên gọi là Vô Sanh.’ Kinh Duy Ma nói: ‘Tuy biết các cõi Phật, cùng với hữu tình không, mà thường tu Tịnh Độ, để giáo hóa quần sanh.’ Lại nói: ‘Ví như có người tạo lập cung thất, nếu cất ở chỗ đất trống thì tùy ý không ngại. Nếu muốn xây giữa hư không, tất không thể thành. Chư Phật thuyết pháp thường nương theo nhị đế, không phải hoại giả danh mà nói thật tướng của các pháp.’ Cho nên người trí tuy siêng cầu sanh Tịnh Độ, mà rõ sanh thể không thật có. Đây mới là chân Vô

Sanh và cũng là nghĩa tâm tịnh cõi Phật thanh tịnh. Trái lại kẻ ngu bị cái sanh ràng buộc, nghe sanh liền nghĩ là sanh, nghe nói Vô Sanh lại chấp là không có sanh về nơi nào cả, đâu biết rằng sanh chính là Vô Sanh, Vô Sanh há lại ngại vì sanh? Vì không hiểu lẽ ấy, họ sanh lòng tranh chấp thị phi khinh chê người cầu sanh Tịnh Độ, thật rất sai lầm! Đây chính là kẻ tội nhờn báng Pháp, hạng tà kiến ngoại đạo vậy.

Nghi thứ ba

Hỏi:- Tất cả cõi Tịnh Độ của chư Phật ở mười phương công đức đều bình đẳng, pháp tánh cũng như vậy. Người tu nên nhớ nghĩ khắp tất cả công đức của chư Phật, cầu về các cõi tịnh ở mười phương mới phải, sao nay lại riêng cầu Tịnh Độ của một Đức Phật? Như thế chẳng là trái với lý bình đẳng cầu sanh ư?

Đáp:- Tất cả cõi tịnh của chư Phật, thật ra đều bình đẳng. Nhưng vì chúng sanh ở cõi này phần nhiều là kẻ độn căn trực loạn, nếu không buộc tâm chuyên vào một cảnh, thì Tam Muội khó thành. Chuyên niệm Phật A Di Đà, tức là Nhất Tướng Tam Muội, vì tâm chuyên nhất, nên được sanh về cõi kia. Như trong Kinh Tỳ Nguyện Vãng Sanh, Phổ Quảng Bồ Tát hỏi Phật: ‘Bạch Đức Thế Tôn, Mười phương đều có Tịnh Độ, tại sao Thế Tôn lại riêng khen ngợi cõi Tây Phương Cực Lạc và khuyên chúng sanh nên chuyên niệm Phật A Di Đà để cầu về cõi ấy?’ Phật bảo ngài Phổ Quảng: ‘Chúng sanh ở cõi Diêm Phù Đề phần nhiều tâm trực loạn, vì thế ta

chỉ tán thán một Tịnh Độ ở Tây Phương, khiến các hữu tình chuyên tâm vào một cảnh, để cho sự vãng sanh được dễ thành tựu. Nếu nhớ niệm tất cả chư Phật, vì niệm cảnh quá rộng, nên tâm mênh mang tán lặc, Tam Muội khó thành, không được vãng sanh. Lại sự cầu công đức của một vị Phật cùng sự cầu công đức của tất cả Phật không khác nhau, vì chư Phật đồng một pháp tánh. Cho nên niệm Phật A Di Đà tức là niệm tất cả Phật, sanh Tây Phương Tịnh Độ, tức là sanh tất cả Tịnh Độ. Vì thế Kinh Hoa Nghiêm nói: ‘Thân tất cả chư Phật, là thân một Đức Phật, một tâm một trí huệ, lực vô úy cũng thế.’ Lại nói: ‘Ví như trăng tròn sáng, in bóng khắp sông hồ, ảnh tượng tuy vô cùng, mặt trăng chỉ là một, như đấng Vô Ngại Trí, thành bậc Đẳng Chánh Giác, ứng hiện tất cả cõi, thân Phật không có hai.’

Tóm lại, người có trí huệ nương nơi thí dụ trên sẽ hiểu được lý một tức tất cả, tất cả là một. Khi hiểu được lý này, thì niệm một Đức Phật, chính là niệm tất cả chư Phật vậy.

Nghi thú tư

Hỏi:- Mười phương đều có chư Phật và Tịnh Độ. Nếu vì lẽ chúng sanh ở cõi này tâm tánh trước loạn, niệm nhiều vị Phật e Tam Muội khó thành, tại sao người tu không tùy ý niệm một Đức Phật, tùy nguyện cầu sanh về một Tịnh Độ nào khác, hà tất phải riêng niệm Đức A Di Đà cầu sanh về Cực Lạc ư?

Đáp:- Phàm phu vô trí phải theo lời Phật dạy, chẳng nên tự chuyên, vì thế xưa nay những người tu Tịnh Độ đều chuyên niệm Phật A Di Đà. Theo lời Phật dạy là thế nào? Đức Thích Ca Thế Tôn một đời thuyết pháp, hằng khuyên chúng sanh niệm Phật A Di Đà cầu sanh về thế giới Cực Lạc. Như trong các Kinh Vô Lượng Thọ, Quán Vô Lượng Thọ, Phật Thuyết A Di Đà, Pháp Hoa, Hoa Nghiêm... có đến mấy mươi bộ, Phật đều ân cần khuyên sanh về Tây Phương. Chẳng những riêng các Kinh, mà trong các luận, chư Bồ Tát, Tổ Sư đều bảo nên cầu sanh về Cực Lạc.

Lại nữa, Đức Phật A Di Đà có bốn mươi tám điều đại bi nguyện lực để tiếp độ chúng sanh. Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: ‘Phật A Di Đà có tám mươi bốn ngàn tướng, mỗi tướng có tám mươi bốn ngàn vẻ đẹp tùy hình, mỗi vẻ đẹp phóng ra tám mươi bốn ngàn tia sáng soi khắp pháp giới nhiếp lấy chúng sanh niệm Phật không rời bỏ. Nếu có chúng sanh nào niệm danh hiệu ngài, thì cơ cảm tương ứng, quyết định sẽ được vãng sanh.’ Các Kinh Phật Thuyết A Di Đà, Vô Lượng Thọ, Cổ Âm Vương Đà La Ni đều nói: ‘Khi Đức Thích Ca thuyết Kinh, hằng hà sa chư Phật ở mười phương đều hiện tướng lưới rộng dài che khắp cõi đại thiên để chứng thật rằng nếu chúng sanh nào niệm Phật A Di Đà, tất sẽ nương nhờ đại bi nguyện lực của ngài, quyết định được sanh về thế giới Cực Lạc.’

Nên biết Phật A Di Đà đối với cõi này có nhân duyên lớn. Như Kinh Vô Lượng Thọ nói: ‘Trong thời mạt, khi các Kinh khác đã diệt hết, chỉ còn Kinh này lưu

trú ở đời một trăm năm để tiếp độ loài hữu tình vãng sanh về cõi kia.’ Đây là điểm chứng minh Phật A Di Đà đối với chúng sanh ở cõi trước này có đại nhân duyên.

Về các Tịnh Độ khác, tuy một hai bộ Kinh có lược khuyên vãng sanh, song chẳng bằng cõi Cực Lạc là tiêu điểm mà các Kinh Luận đều ân cần khuyến hướng.

Nghi thứ năm

Hỏi:- Hàng cụ phược phạm phu nghiệp ác sâu dày, đầy đủ tất cả phiền não, dù có chút ít công đức tu hành, hoặc chướng vẫn chưa vơi được trong muôn một. Cõi Cực Lạc rất thanh tịnh trang nghiêm, còn siêu việt hơn tam giới. Thế thì hạng phạm phu ấy làm sao được vãng sanh?

Đáp:- Có hai duyên: tự lực và tha lực. Về tự lực, hàng cụ phược phạm phu ở thế giới này tuy có đôi chút tu hành, thật ra chưa có thể sanh về Tịnh Độ và xứng đáng được ở Tịnh Độ. Kinh Anh Lạc nói: ‘Từ địa vị cụ phược phạm phu chưa biết Tam Bảo và nhân quả thiện ác, trước tiên mới phát tâm Bồ Đề phải lấy tín làm gốc, đến khi vào Đạo Phật lại lấy giới làm nền tảng. Hạng phạm phu này khi mới thọ giới Bồ Tát, nếu mỗi đời cứ tiếp tục giữ giới như thế không cho khuyết phạm, trải qua ba kiếp mới đến địa vị Sơ Phát Tâm Trụ. Lại cứ như thế mà tu Thập Tín, Thập Ba La Mật cùng vô lượng hạnh nguyện, nối nhau không gián đoạn, mãi một vạn kiếp, mới đến ngôi đệ lục Chánh Tâm Trụ. Khi tiến lên đệ thất Bất Thối Trụ tức là đã vào Chứng Tánh Vị, nhưng

địa vị này cũng chưa được sanh về Tịnh Độ. Đây là ước về tự lực.

Về tha lực, nếu kẻ nào tin nơi nguyện lực đại bi nhiếp lấy chúng sanh niệm Phật của Đức A Di Đà, rồi phát lòng Bồ Đề tu môn Niệm Phật Tam Muội, chán thân hữu lậu trong ba cõi, thực hành bố thí, trì giới cùng các phước nghiệp, mỗi hạnh đều hồi hướng nguyện sanh Tây Phương thì cơ cảm hợp nhau, nương nhờ Phật lực liền được vãng sanh. Cho nên Thập Trụ Tỳ Bà Sa Luận nói: ‘Có hai lối tu: Nan Hành Đạo và Dị Hành Đạo. Nan Hành Đạo là chúng sanh ở cõi ngũ trước trải qua vô lượng đời chư Phật, cầu ngôi A Bệ Bạt Trí, thật rất khó được. Nỗ lực này nhiều vô số như cát bụi, nói không thể xiết. Nay chỉ kể sơ lược năm điều:

- 1- Ngoại đạo dấy dậy, làm loạn Bồ Tát Pháp.
- 2- Bị người ác, kẻ vô lại phá hư thắng đức của mình.
- 3- Dễ bị phước báo làm điên đảo, có thể khiến hoại mất phạm hạnh.
- 4- Dễ bị lạc vào lối tự lợi của Thanh Văn, làm chướng ngại lòng đại từ.
- 5- Bởi duy có tự lực không tha lực hộ trì, nên sự tu hành rất khó khăn, ví như người què yếu đi bộ một mình tuy rất khó nhọc, một ngày chẳng qua chỉ được vài dặm.

Dị Hành Đạo là chúng sanh ở cõi này nếu tin lời Phật, tu môn Niệm Phật nguyện về Tịnh Độ, tất sẽ nhờ nguyện lực của Phật nhiếp trì, quyết định được vãng sanh không còn nghi. Ví như người nương nhờ sức

thuyền xuôi theo dòng nước, tuy đường xa ngàn dặm cũng đến nơi không mấy chốc. Lại ví như người tầm thường nương theo luân bảo của Thánh Vương, trong một ngày đêm có thể du hành khắp bốn châu thiên hạ. Đây không phải do sức mình, mà chính là nhờ thế lực của Chuyển Luân Vương.’

Cũng có kẻ suy theo lý mà cho rằng hạng phàm phu hữu lậu không thể sanh về Tịnh Độ và không thể thấy thân Phật. Nhưng công đức niệm Phật thuộc về vô lậu thiện căn, hạng hữu lậu phàm phu do phát tâm Bồ Đề cầu sanh Tịnh Độ và thường niệm Phật, nên có thể phục diệt phiền não, được vãng sanh, và tùy phần thấy thô tướng của Phật. Còn bậc Bồ Tát thì cố nhiên được vãng sanh, lại thấy tướng vi diệu của Phật, điều ấy không còn nghi ngờ chi nữa. Cho nên Kinh Hoa Nghiêm nói: ‘Tất cả các cõi Phật, đều bình đẳng nghiêm tịnh, chúng sanh hạnh nghiệp khác, chỗ thấy chẳng đồng nhau.’ Đây là chỉ cho ý nghĩa trên vậy.

Nghi thứ sáu

Hỏi:- Hàng cụ phược phàm phu được sanh về cõi Cực Lạc, giả sử phiền não ác kiến thường nổi lên, thì làm sao được gọi là: ‘vượt hơn ba cõi, lên ngôi bất thối?’

Đáp:- Người được sanh về Tây Phương, dù là hàng cụ phược phàm phu, cũng không khi nào khởi phiền não ác kiến và không được lên ngôi bất thối; bởi có năm nhân duyên:

1. Do nguyện lực đại bi của Phật nhiếp trì.

2. Ánh sáng của Phật thường soi đến thân, nên lòng Bồ Đề của chư thiên như luôn luôn tăng tiến.
3. Chim, nước, rừng, cây gió, âm nhạc thường phát ra tiếng pháp: khổ, không, vô thường, vô ngã; hành giả nghe rồi sanh lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.
4. Chúng sanh được sanh về Cực Lạc, thì bạn lành toàn là bậc Bồ Tát thượng thiện, tuyệt tất cả chướng nạn, ác duyên, lại không ngoại đạo tà ma, nên tâm thường an tịnh.
5. Đã được sanh về cõi ấy thì thọ lượng vô cùng, đồng với Phật và Bồ Tát, an nhiên tu tập trải qua vô biên A Tăng Kỳ kiếp.

Do năm nhân duyên trên nên chúng sanh sanh về Cực Lạc tất được bất thối chuyển và không khi nào khởi phiền não ác kiến. Còn chúng hữu tình ở cõi ác trước này, thọ số ngắn ngủi, ác duyên chướng nạn đầy đầy, nên rất khó được bất thối chuyển, lý ấy đã hiển nhiên, không còn chi phải nghi ngờ.

Nghi thứ bảy

Hỏi:- Di Lạc Bồ Tát là bậc nhưt sanh bổ xứ, hiện ở cung trời Đâu Suất; Ngài sẽ kế vị đức Thích Ca mà thành Phật trong tương lai. Thiết tưởng chúng ta nên tu thượng phẩm thập thiện cầu sanh về nơi đó để được diện kiến Ngài. Đợi đến khi Bồ Tát giáng thế thành Phật, ta cũng theo Ngài mà hạ sanh, trong ba hội Long Hoa tất sẽ được chứng thánh quả. Thế thì cần chi phải cầu sanh về Tây Phương Tịnh Độ?

Đáp:- Cầu về Đâu Suất cũng có thể gọi là nghe đạo, thấy Phật, gần giống như cầu về Tây Phương. Nhưng nếu xét kỹ lại trong ấy có sự hơn kém rất xa. Xin kể ra hai việc để luận:

1. Dù chúng ta có tu thập thiện, chưa chắc đã được sanh về Đâu Suất. Vì Kinh Di Lạc Thượng Sanh nói: ‘Hành giả phải tu các môn Tam Muội đi sâu vào chánh định, mới được sanh lên Nội Viện thiên cung’. Xét qua phương diện ấy, ta thấy Di Lạc Bồ Tát không có phương tiện tiếp dẫn, đâu bằng sức bản nguyện cùng sức quang minh của Đức A Di Đà có năng lực nhiếp thủ và tế độ những chúng sanh niệm Phật. Lại khi Đức Thích Ca nói về nghĩa phương tiện tiếp dẫn trong cứu phẩm giáo môn, Ngài đã ân cần khuyên chúng sanh nên về Cực Lạc. Phương tiện này rất giản dị, hành giả chỉ cần niệm Phật A Di Đà, cơ cảm hợp nhau, liền được vãng sanh. Như ở thế gian chiêu mộ người, nếu kẻ nào muốn gia nhập thì cơ hội hợp nhau, liền thành sự việc.

2. Đâu Suất thiên cung dù sao cũng ở trong Dục giới, nên kẻ thối vị rất nhiều. Nơi ấy chim, nước, rừng cây gió, âm nhạc không phát ra tiếng pháp, có thể khiến chúng sanh phục diệt phiền não nhớ nghĩ Tam Bảo, phát lòng Bồ Đề. Trái lại còn có nữ nhơn gây tăng thượng duyên cho tâm trước nhiễm ngũ dục của hành giả. Mà vẻ xinh đẹp của các thiên nữ ấy lại vi diệu tuyệt vời, làm cho chư thiên đắm mê, ít có vị nào tránh khỏi. Sao bằng cõi Cực Lạc cây chim tuyên Diệu Pháp,

gió nhạc diễn Bồ Đề, chúng sanh nghe rồi phiền não tiêu tan, đạo tâm tăng tiến? Cõi Tịnh Độ của Phật A Di Đà, không có người nữ và kẻ phát tâm nhị thừa, chỉ thuần là những pháp lữ Đại Thừa thanh tịnh, phiền não ác nghiệp không thể phát khởi; như thế làm sao hành giả không mau chứng quả vị Vô Sanh? Chỉ so sánh qua vài điều mà sự hơn kém đã hiển nhiên, còn chi phải nghi ngờ do dự?

Đến như sự gặp Phật Di Lạc được chứng thánh quả, cũng đã vị tất! Như khi Đức Thích Ca còn tại thế có biết bao nhiêu chúng sanh thấy Phật, mà vẫn không được chứng thánh quả? Lúc Đức Di Lạc ra đời cũng vậy, có vô số chúng sanh thấy Phật nghe pháp, song không được chứng thánh quả. Riêng về Tịnh Độ của Phật A Di Đà, chỉ được sanh về, quyết sẽ chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn, không một kẻ nào thối đọa trở lại tam giới, bị nghiệp sanh tử buộc ràng.

Lại nghe Tây Vực Truyện nói: - Có ba vị Bồ Tát là Vô Trước, Thế Thân, Sư Tử Giác thâm tu thiền định quyết chí đồng sanh về Đâu Suất. Ba vị đó cùng ước hẹn, nếu ai sanh lên Nội Viện được thấy Đức Di Lạc trước, phải trở về báo tin cho huynh đệ biết. Ngài Sư Tử Giác quy tịch trước, trải qua thời gian khá lâu, không trở lại báo tin. Kế đó ngài Thế Thân vô thường; khi lâm chung, Vô Trước Bồ Tát dặn rằng: ‘Sau khi em bái kiến Đức Di Lạc, phải trở xuống cho anh biết ngay.’ Thế Thân Bồ Tát tịch rồi ba năm sau mới trở lại báo tin. Ngài Vô Trước hỏi: ‘Tại sao em thông báo trễ như thế?’ Thế Thân đáp: ‘Sau khi lễ kiến Đức Di Lạc, vừa nghe

Ngài thuyết pháp chỉ dạy xong, em cung kính đi vì nhiều ba vòng rồi trở xuống đây báo tin liền. Vì một ngày đêm ở Đâu Suất bằng 400 năm nơi hạ giới, nên mới trở đến ba năm.’ Vô Trước lại hỏi: ‘Còn Sư Tử Giác hiện ở đâu?’ Thế Thân đáp: ‘Sư Tử Giác bị lạc vào Đâu Suất ngoại viện, đang say đắm cảnh ngũ dục, từ khi sanh lên đến nay, chưa được thấy Đức Di Lạc.’

Xem thế thì biết các bậc tiểu Bồ Tát sanh về Đâu Suất còn bị mê lạc, hưởng nữa là phàm phu. Cho nên người tu muốn chắc chắn được bất thối chuyển, nên cầu về Cực Lạc, chớ nguyện sanh lên Đâu Suất.

Nghi thứ tám

Hỏi:- Chúng sanh từ vô thủy đến giờ tạo vô lượng tội; đời nay lúc bé đến già, do không gặp thiện tri thức, lại gây thêm nhiều nghiệp ác. Như thế làm sao lại bảo: ‘Khi lâm chung mười niệm thành tựu liền được vãng sanh?’ Và cái lý ‘vượt qua kiết nghiệp ba cõi’ làm sao giải thích cho thông?

Đáp:- Những nghiệp chủng lành dữ của chúng sanh từ kiếp vô thủy đến nay, hoặc ít hoặc nhiều, hoặc yếu hoặc mạnh thật ra vẫn khó biết. Nhưng nếu người nào khi lâm chung gặp thiện tri thức và thành tựu mười niệm, tất kẻ ấy đã có túc thiện nghiệp. Nếu chẳng thế thì thiện tri thức còn không được gặp, huống chi là thành tựu mười niệm? Như ông cho rằng ác nghiệp từ vô thủy là nặng, mười niệm khi lâm chung là nhẹ; tôi xin đem ba đạo lý để giải thích sự vãng sanh ấy không thuộc về

trường hợp khinh trọng, không phải tại công hạnh nhiều ít hay thời gian lâu mau. Ba đạo ấy là: Do bởi tâm, do bởi duyên, và do bởi quyết định.

Do bởi tâm, là loài hữu tình khi tạo tội đều từ nơi vọng niệm điên đảo mà sanh, còn lúc niệm Phật lại từ nơi nghe danh hiệu công đức chân thật của Phật A Di Đà mà khởi; một bên hư một bên thật đâu thể sánh nhau! Ví như một gian thạch thất đóng kín để tối muôn năm, nếu được người mở ra cho ánh sáng mặt trời soi vào, sự tối ấy liền mất; đâu phải vì do tối tăm đã lâu mà không được sáng ư? Người tạo ra tội nhiều kiếp, khi lâm chung thành tựu mười niệm được vãng sanh cũng lại như vậy.

Do bởi duyên, là loài hữu tình khi tạo tội đều từ nơi vọng niệm tối tăm điên đảo, duyên theo cảnh giới hư huyền mà sanh; lúc niệm Phật lại từ nơi nghe danh hiệu công đức chân thật thanh tịnh của Phật Di Đà duyên theo Bồ Đề tâm mà khởi. Như thế, một bên chân một bên ngụy, đâu thể sánh nhau! Ví như có người bị trúng tên độc, tên ghim sâu sức độc mạnh, xương thịt nhiễm trọng thương, nếu được nghe được tiếng trống thần dược, thì tên tự bắn ra, độc tiêu tan hết; đâu phải vì do tên sâu độc nặng, mà không được an lành ư? Người tạo tội nhiều kiếp, khi lâm chung thành tựu mười niệm mà được vãng sanh cũng lại như vậy.

Do bởi quyết định, là loài hữu tình khi tạo tội đều từ nơi gián tâm hoặc hậu tâm; lúc lâm chung niệm Phật lại không có hai tâm đó, mà từ nơi một niệm mãnh liệt trì danh rồi xả mạng, nên được siêu thoát. Ví như sợi dây

cực to, cả ngàn người bứt không đứt, nếu có đứa bé cầm gươm Thái A mà chém, dây liền đứt đoạn. Lại như đồng củi rất lớn chứa góp từ cả ngàn năm, nếu có người dùng một đống lửa mà đốt, củi liền cháy hết. Và như có người trọn đời tu mười nghiệp lành ưng được sanh về cõi trời, nhưng khi lâm chung kẻ ấy khởi một niệm tà kiến mạnh mẽ, liền vạ vào A Tỳ địa ngục. Nghiệp ác vẫn hư vọng, mà do bởi tâm niệm quyết liệt, còn có thể lẩn lướt nghiệp lành một đời, khiến cho chúng sanh bị vạ vào ác đạo; huống chi sự niệm Phật là nghiệp lành chân thật, có người khi lâm chung dùng tâm mãnh liệt trì danh, lại không thể lẩn áp ác nghiệp từ vô thỉ ư? Cho nên người tạo tội nhiều kiếp, khi lâm chung dùng tâm mãnh liệt thành tựu mười niệm mà không được vãng sanh, quyết không có lý đó!

Kinh nói: ‘Chí tâm niệm một câu A Di Đà, sẽ tiêu diệt được tội nặng nơi đường sanh tử trong tám mươi ức kiếp.’ Sở dĩ có sự kiện đó, vì hành giả niệm Phật dùng tâm mãnh liệt nên mới phục diệt được ác nghiệp; nếu khi lâm chung dùng tâm ấy niệm Phật, quyết định sẽ vãng sanh, không còn nghi ngờ chi nữa! Cổ truyền phán định mười niệm khi lâm chung hoàn toàn thuộc về biệt thời ý (ý nói tức nhân). Lý ấy không đúng. Tại sao thế? - Vì trong Nhiếp Luận nói: ‘Nếu chỉ là biệt thời, thì duy phát nguyện, toàn không có hạnh.’ Tạp Tập Luận nói: ‘Nếu nguyện vãng sanh về Cực Lạc liền được vãng sanh, nếu nghe danh hiệu Phật Vô Cấu liền chứng được quả Vô Thượng chánh giác, đó mới là biệt thời nhân.’ Riêng về người khi lâm chung thành tựu mười

niệm, là do duyên lành nên được gặp thiện tri thức dạy bảo, lại cũng do tự mình chí tâm thật hành pháp niệm Phật, mới có kết quả; nếu chỉ định cho hoàn toàn thuộc về túc nhân, thật đã sai lầm! Nguyện các hành giả nghĩ sâu lý này tự sanh lòng kiên cố đừng tin theo dị kiến mà để lạc lối mê.

Nghí thú chín

Hỏi:- Thế giới Cực Lạc cách đây mười muôn ức cõi Phật, hạng phàm phu yếu kém làm sao có thể đi đến? Lại, trong luận Vãng Sanh nói: ‘Người nữ, kẻ căn thiếu. Nhị thừa chúng không sanh.’ Đã có lời ấy thì người nữ và kẻ sáu căn không toàn vẹn chắc là không được vãng sanh?

Đáp:- Thế giới Cực Lạc cách đây mười muôn ức cõi Phật, là đối với tâm lượng của hạng nhục nhãn phàm phu ở trong nẻo luân hồi mà nói vậy thôi. Nếu đối với chúng sanh tịnh nghiệp thành tựu, thì tâm ở trong định khi lâm chung, chính là tâm thọ sanh về Tịnh Độ, vừa động niệm liền được vãng sanh. Vì thế trong Quán Kinh nói: ‘Cõi nước của Phật A Di Đà cách đây không xa!’ Lại nghiệp lực không thể nghĩ bàn, trong một niệm liền được sanh về cõi Phật, không cần phải lo đường lối xa xôi. Ví như người nằm mơ, thân tuy ở nơi giường, mà tâm đi khắp các nơi xa lạ như lúc còn thức. Sự sanh về Tịnh Độ đại để cũng như vậy.

Còn câu: ‘Người nữ, kẻ căn thiếu. Nhị thừa chúng không sanh’ là ý nói người nữ khi sanh về Cực Lạc sẽ

chuyển thành nam, kẻ căn thiếu lúc về đó các căn sẽ đầy đủ, và tất cả đều được ba mươi hai tướng tốt; chớ không phải bảo người nữ cùng kẻ căn thiếu, không được vãng sanh. Nếu quả như thế thì bà Vi Đề Hy và năm trăm thị nữ đâu được Phật thọ ký cho sanh về Cực Lạc? Thế nên, người nữ cùng kẻ đui điếc câm ngọng ở cõi này, nếu niệm Phật A Di Đà, tất đều được vãng sanh. Đến như hàng nhị thừa, nếu chịu hưởng về Đại Thừa tin môn Tịnh Độ, nguyện về Cực Lạc, niệm Phật A Di Đà, quyết định đều được vãng sanh, và khi đã về cõi ấy không còn chấp theo tâm lượng hẹp hòi của nhị thừa nữa. Trong Kinh Vô Lượng Thọ, Pháp Tạng Tỳ Khưu, tiền thân của Phật A Di Đà đã phát nguyện rằng: ‘Như tôi đắc quả Vô Thượng Giác, tất cả người nữ trong mười phương thế giới nhằm chán thân nữ, xưng danh hiệu tôi, nguyện kiếp sau không còn thọ nữ nhân, quyết đều sẽ được toại ý. Nếu chẳng như thế, tôi thề không thành Phật.’ Người nữ chỉ vì muốn chuyển nữ thành nam, niệm Phật A Di Đà, còn được toại nguyện, hưởng chi những vị đã sanh về Cực Lạc? Cho đến kẻ căn thiếu cũng lại như thế.

Tóm lại, hai câu trên đại ý chỉ luận ở cõi Cực Lạc không có người nữ, kẻ căn thiếu, cùng hạng chủng tử nhị thừa mà thôi.

Nghi thứ mười

Hỏi:- Nay tôi quyết định cầu sanh Tây Phương, nhưng chưa biết phải làm những nghiệp gì, và lấy chi làm chủng tử để được sanh về Cực Lạc? Lại hạng phàm phu

ở thế tục đều có gia đình, chưa biết không đoạn dâm dục có được sanh về cõi kia chăng?

Đáp:- Muốn quyết định được sanh về Tây Phương phải có đủ hai hạnh: *yếm ly* và *hân nguyện*.

Nói *yếm ly*, là hàng phàm phu từ vô thủy đến nay bị ngũ dục buộc ràng nên luân hồi trong sáu đạo, chịu không biết bao nhiêu nỗi khổ! Trong vòng lẩn quẩn ấy, nếu không chán lìa ngũ dục thì làm sao có thể thoát ly? Cho nên người tu Tịnh Độ phải thường xét thân này là một khối thịt xương máu mủ, chứa đựng đàm dãi, đại tiểu tiện và các thứ nhơ nhớp hôi tanh. Kinh Niết Bàn nói: ‘Vòng thành thân kiến như thế, duy loài La Sát ngu si mới chịu ở trong đó; nếu người có trí ai lại đắm nhiễm thân này! Lại trong Kinh cũng nói: ‘Thân này là nơi tập hợp của các thứ khổ, là cảnh tù ngục, là một khối ung sanh tất cả đều bất tịnh. Nên xét cho cùng, nó không có nghĩa lý lợi ích chi khi ta chấp lấy nó, dù là thân của chư thiên.’ Vì thế, hành giả ở trong các oai nghi hoặc khi nằm nghỉ, lúc thức giấc, nên thường quán sát thân này chỉ có khổ không chi vui, mà thâm tâm sanh niệm chán lìa. Như thế, dù cho không dứt liền được việc nam nữ, cũng có thể lần lần khởi tâm nhàm chán.

Lại hành giả cũng cần nên quán bả pháp bất tịnh. Bả pháp ấy là:

1- **Chủng tử bất tịnh:** Thân này do nơi nghiệp dâm dục, từ hạt giống tham ái mà sanh.

- 2- Thọ sanh bất tịnh: Mầm sanh khởi của bản thân lại do một điểm tinh huyết cha mẹ hòa hợp trong khi gần gũi.
- 3- Trụ xứ bất tịnh: Thai thân ở trong tử cung nhơ nhớp, nằm dưới ruột non, trên là ruột già.
- 4- Thực đạm bất tịnh: Khi còn ở trong thai, huyết thân lại thọ dụng huyết phần của người mẹ.
- 5- Sơ sanh bất tịnh: Khi đã đủ tháng ngày, thai thân đầu hướng về sản môn, ra khỏi mình người mẹ cùng một lúc với máu mủ, sự hôi nhơ dầy đầy.
- 6- Cử thể bất tịnh: Trong lớp da ngoài che đậy, thân này là tất cả sự hôi nhơ của các chất: thịt, xương máu, đàm đại tiểu.
- 7- Cứu cánh bất tịnh: Đến khi chết rồi, thân này là một đồng thịt sinh thối rã rời, mặc cho vùi tủa bò lan hoặc quạ điều tha mổ.

Thân của mình đã thế, thân người khác cũng như vậy. Nếu thường quán sát bảy điều ấy, đối với các thân nam nữ mà người đời cho rằng xinh đẹp, cũng sanh niệm yếm ly và lửa ái dục cũng lần lần tiêu giảm. Như thật hành được môn cứu tử tưởng quán, càng thêm tốt:

- 1- Tưởng thân mới chết.
- 2- Tưởng thân chết đổi sắc bầm xanh tím.
- 3- Tưởng thân chết sinh lên dầy đầy máu mủ và sấp rã.
- 4- Tưởng thân sinh bấy nước rã, nước hôi chảy ra.
- 5- Tưởng thân sinh rã, vùi tủa bò lúc nhúc.
- 6- Tưởng thân sinh thịt tiêu hết chỉ còn gân và xương.

- 7- Tướng gân cũng tiêu hoại chỉ còn xương nằm ngổ ngang.
- 8- Tướng thân bị thiêu chỉ còn bộ xương co rút, hay thân rã chỉ còn những khúc xương thúí.
- 9- Tướng nắng chan mưa gội, xương hóa thành khô trắng.

Lại nên phát nguyện cầu cho mình vĩnh viễn thoát ly thân nam nữ mê nhiễm, tạp thực, không sạch của ba cõi, mà được thân pháp tánh Tịnh Độ. Trên đây là đại lược về yếm ly môn.

Về hạnh *hân nguyện*, đại khái có hai điều kiện.

1. Phải nhận rõ mục đích cầu sanh: Sở dĩ chúng ta cầu về Tịnh Độ, là vì muốn thoát sự khổ cho mình và tất cả chúng sanh. Hành giả phải nghĩ rằng: Sức mình yếu kém, còn bị nghiệp ràng buộc, mà ở cõi đời ác trước này cảnh duyên nào phiền quá mạnh. Ta cùng chúng sanh bị chìm đắm nơi dòng mê, xoay vần trong sáu nẻo, trải qua trần kiếp từ vô thủy đến nay, cũng vì lẽ ấy. Bánh xe sống chết quay mãi không ngừng, ta làm thế nào để tìm con đường độ mình độ người một cách yên ổn chắc chắn? Muốn được như thế, duy có cầu sanh Tịnh Độ, gần gũi Phật, Bồ Tát, nhờ cảnh duyên thắng diệu bên cõi ấy tu hành chứng Vô Sanh Nhẫn, mới có thể vào nơi đời ác cứu khổ cho hữu tình. Luận Vãng Sanh đã nói: ‘Phát tâm Bồ Đề chính là phát tâm cầu thành Phật, tâm cầu thành Phật là tâm độ chúng sanh, tâm độ chúng sanh là tâm nhiếp chúng sanh về cõi Phật.’

Lại muốn sanh về Tịnh Độ, phải có đủ hai phương diện: xa lìa ba pháp chướng Bồ Đề và y theo ba pháp thuận Bồ Đề. Ba pháp chướng Bồ Đề là thế nào? Một là tâm cầu sự an vui riêng cho mình, chấp ngã và tham trước bản thân. Hành giả phải y theo trí huệ môn mà xa lìa tâm niệm ấy. Hai là tâm rời bỏ không chịu cứu vớt chúng sanh khổ. Hành giả phải y theo từ bi môn mà xa lìa tâm niệm ấy. Ba là tâm chỉ cầu sự cung kính cúng dường, không tìm phương pháp làm cho chúng sanh được lợi ích an vui. Hành giả phải y theo phương tiện môn mà xa lìa tâm niệm ấy. Nếu lìa ba pháp chướng Bồ Đề, thì sẽ được ba pháp thuận Bồ Đề. Xin kể rõ ra đây ba pháp tùy thuận ấy: Một là Vô Nhiễm Thanh Tịnh tâm, không vì tự thân mà cầu các sự vui. Bởi Bồ Đề là thể trong sạch lìa nhiễm trước, nếu cầu sự vui riêng cho mình tức thân tâm có nhiễm, làm chướng Bồ Đề môn; nên tâm thanh tịnh không nhiễm gọi là tùy thuận Bồ Đề. Hai là An Thanh Tịnh tâm, vì cứu độ tất cả khổ cho chúng sanh. Bởi Bồ Đề là tâm trong sạch làm cho chúng sanh được an ổn, nếu không cứu độ loài hữu tình khiến họ được lìa sự khổ sanh tử, tức là trái với Bồ Đề môn; nên tâm cứu khổ đem lại an ổn cho chúng sanh gọi là tùy thuận Bồ Đề. Ba là Lạc Thanh Tịnh tâm, muốn khiến cho chúng sanh được đại niết bàn. Bởi đại niết bàn là chỗ cứu cánh thường vui, nếu không khiến cho loài hữu tình được niềm vui cứu cánh tức là ngăn che Bồ Đề môn; nên tâm muốn cho chúng sanh được hưởng cảnh thường lạc gọi là tùy thuận Bồ Đề. Làm thế nào để thành tựu sự xa lìa và tùy thuận trên đây? - Ấy là

phải cầu sanh Tịnh Độ để được thường gần Phật, tu hành cho đến khi chứng Vô Sanh Nhẫn. Chừng đó mặc ý cõi thuyền đại nguyện vào biển luân hồi, vận tâm bi trí cứu vớt chúng sanh, tùy duyên mà bất biến, không còn chi trở ngại nữa. Tất cả mấy điểm trên đây là thuyết minh về mục đích cầu sanh.

2. Nên quán tưởng y chánh cõi Cực Lạc: Hành giả nên quán tưởng báo thân của Phật A Di Đà sắc vàng rực rỡ, có tám muôn bốn ngàn tướng, mỗi tướng có tám muôn bốn ngàn vẻ đẹp, mỗi vẻ đẹp có tám muôn bốn ngàn tia sáng, soi khắp pháp giới, nhiếp lấy chúng sanh niệm Phật. Lại nên quán cõi Cực Lạc bảy báu trang nghiêm như các Kinh Tịnh Độ đã nói. Ngoài ra, người niệm Phật khi bố thí, trì giới, cùng làm tất cả hạnh lành, đều phải hồi hướng cầu cho mình và chúng sanh đồng sanh Cực Lạc.

Nếu thật hành hai điều trên, hành giả sẽ phát tâm khát ngưỡng Tây Phương, quyết định sẽ được vãng sanh. Và đây là hân nguyện môn.

Trí Giả Đại Sư



Tĩnh Độ Hoặc Vấn

Thiên Như Duy Tắc Thiền Sư thuật

Dịch Giả:
Hòa Thượng Thích Thiền Tâm

Tĩnh Độ Hoặc Vấn

Đời Nguyên, Thiên Như Duy Tắc Thiền Sư thuật

Đề Từ:

Ngoài song non xanh giếng màn hoa
Triền non thanh tuyền buông cầm ca
Trong song kìa ai im như mơ
Ngồi xem Thiên Như câu Di Đà
Người đời đều ưa cơ Thiền sâu
Hành hơn ai vào tâm vương màu
Đền sương trơ vơ ngoài trời thu
Non Tu vi trần đều gồm râu
Mà trong A Di hồng danh thâm
Ngàn muôn khôn tìm ra tri âm!
Thiên Như lòng từ soi chân đấng
Đưa người mau ra vòng mê lầm
Hư không chim bay dường như tranh
Lưu tuyền quanh co triền non xanh
Người đi xa xa làn mây trôi
Di Đà chân như này tâm lành
Ôi câu hồng danh màu thâm xa
Sâu cùng chư tông làng thiền na
Buông ra râu vào đều như như
Tương tư tâm đầy trời Liên Hoa

Thuật ý Thành Thời Đại Sư

Liên Du

Thiên Như lão nhơn đang tĩnh tọa nơi thất Ngọa Vân, bỗng có người đẩy cửa bước vào, tự xưng là Thiền khách. Lão nhơn im lặng gật đầu chào, đưa tay ra ý mời ngồi. Đối tọa đã lâu, ánh tịch dương tà tà xuyên qua song trúc, lò hương thiền khói sắp muốn tan, khách từ từ đứng dậy, sửa y phục nghiêm trang, thưa thả mở lời thưa thỉnh:

Hoặc vấn thứ 1

Hỏi:- Trộm nghe Vĩnh Minh Hòa Thượng ấu thọ môn học đơn truyền nơi Thiều Quốc Sư ở Thiên Thai, mà cũng chính là đích tôn của ngài Pháp Nhãn. Khi Hòa Thượng trụ trì chùa Tịnh Từ ở Hàng Châu, đã khai thị cho học chúng rất nhiều, biện tài cơ trí dường như gió cuốn sấm vang, hải nội thiên lâm đều kính xưng là bậc đại tông tượng. Tại sao ngoài sự nói Thiền, ngài lại tự tu Tịnh Độ, khuyên người niệm Phật, viết sách rộng truyền môn ấy nơi đời. Hơn nữa, ngài lại làm kệ Tứ Liệu Giản, đại ý nói: ‘Có Thiền không Tịnh Độ, mười người chín ngại đường, không Thiền có Tịnh Độ, muôn tu muôn người sanh.’ Qua mấy câu ấy, có phải ngài đã chủ trương Tịnh Độ, tự hạ môn Thiền của mình, lời nói dường như quá đáng chăng? Ngụ ý nghi ngờ việc này rất nhiều, mong Đại Sư chỉ thị.

Đáp:- Lời hỏi ấy rất thích đáng! Tuy nhiên, Vĩnh Minh Đại Sư không phải quá khen Tịnh yểm Thiền, mà thật ra lời nói của ngài rất có công với bên Tông cũng như bên

Giáo. Tiếc vì trong Tứ Liệu Giản, ngài chỉ nói lược qua đại cương, chưa phát minh hết ý thú, nên chưa đánh tan được mối nghi hoặc của nhà Thiền. Tôi học tập theo Thiền Tông, chưa tinh tường về Tịnh Độ, nhưng cũng thường qua những kinh sách của môn đó, nên cũng biết phần đại khái.

Tịnh Độ là pháp dễ tu dễ chứng, song cũng là môn khó nói khó tin. Cho nên khi còn tại thế, Đức Thích Ca Từ Phụ vì hàng đệ tử nói Kinh A Di Đà đã dự biết chúng sanh đời mạt pháp khó sanh lòng tin tưởng, mới dẫn lời thành thật của sáu phương chư Phật để phá mối nghi và phát khởi tín tâm cho người sau. Lúc thuyết kinh gần xong, nhân nói đến chư Phật khen ngợi mình, Đức Bổn Sư lại bảo: ‘Nên biết ta ở nơi đời ác năm trước làm việc khó này đắc quả Vô Thượng Bồ Đề vì tất cả thế gian nói pháp khó tin đây, thật là một điều rất khó!’ Ấy đều là những lời tha thiết cặn kẽ, dạn dò để khuyên người tin tưởng vậy. Và Đấng Thế Tôn đã rủ lòng đại bi, cứu đời trong kiếp mạt, khi kim khẩu nói ra một câu một kệ, hàng nhưn phi nhưn đều tín thọ phụng hành, nhưng riêng về thuyết Tịnh Độ, thế gian có xen lẫn lòng nghi, là tại sao? Bởi giáo môn Tịnh Độ cực rộng lớn, mà pháp tu Tịnh Độ lại quá giản dị, hai điểm ấy dường như cách biệt, khiến cho người nghe khó nén lòng nghi. Nói rộng lớn, là môn này thâm nhiếp tất cả căn cơ: trên từ bậc Đẳng Giác Bồ Tát, vị Nhứt Sanh Bồ Xứ đều cầu về Tịnh Độ, dưới cho đến hàng ngu phu ngu phụ, kẻ tạo ngũ nghịch, thập ác, nếu quyết tâm tín hướng đều được vãng sanh. Nói giản dị, là người tu không phải quá gian

nan lao khổ, không trải qua cảnh giới sai biệt mê lầm, chỉ trì niệm sáu chữ hồng danh, mà được thoát Ta Bà, được sanh Cực Lạc, được bất thối chuyển, cho đến khi thành Phật mới thôi. Bởi có sự rộng lớn mà lại giản dị như thế nên dù cho người trí cũng sanh mỗi nghi ngờ. Nếu ông nhận thức rõ được điểm này, tất sẽ biết lời khen của ngài Vĩnh Minh rất có ý thâm, mà không phải là quá đáng.

Hoặc vấn thứ 2

Hỏi:- Sự rộng lớn và giản dị, tôi đã nghe lời chỉ dạy. Nhưng bậc ngộ đạt trong Thiên Tông, đã gọi thấy tánh thành Phật, há lại khứng chịu cầu sanh về Tây Phương ư?

Đáp:- Thật ra ông chưa biết đó thôi. Chính những bậc ngộ đạt càng cấp thiết cầu sanh. Cổ đức đã bảo: ‘Không cầu về Tịnh Độ, còn nguyện sanh cõi nào?’ Nay ông chưa ngộ đạo, giả sử khi được tỏ ngộ rồi, e cho tâm niệm cầu sanh Cực Lạc của ông, muôn trâu cũng không thể kéo lại!

Hoặc vấn thứ 3

Hỏi:- Sở dĩ Phật, Tổ ra đời vì độ chúng sanh; học giả chỉ lo việc lớn chưa xong, nếu đã phát minh đại sự (tức ngộ đạo), nên theo gương đấng Đại Giác hiện thân vào nơi khốn khổ, không hiểm đường sanh tử, mà độ khắp hàm linh. Nếu bậc đã ngộ đạt mà còn cầu sanh Tịnh Độ, đó chẳng qua là tâm niệm chán khổ tìm vui, không

đoái đến kẻ đang ở trong vòng chìm đắm? Tôi dù ngu hèn, vẫn không thích làm như vậy!

Đáp:- Thấy chiếc trứng mà muốn cho nó nở liền, tâm niệm ấy sao đà vội gấp! Ông cho rằng sau một phen tỏ ngộ, thì nghiệp tập đã dứt sạch, được ngay vị bất thối chuyển ư? Và cũng không còn học khắp Phật Pháp, không cần phải tu hành thêm để chứng những quả vị từ thấp đến cao ư? Hay là ông lại nghĩ: sau một phen ngộ đạo, tất đã đồng hàng với chư Phật, có thể vào sanh ra tử không bị chướng duyên nhiều loạn ư? Nếu quả như thế thì chư Đại Bồ Tát trải qua hằng hà sa kiếp tu sáu độ muôn hạnh, cũng đều phải hổ thẹn với ông vậy! Cổ giáo đã có lời răn nhắc: ‘Hàng Thanh Văn còn muội lúc ra thai, bậc Bồ Tát còn mê khi cách ấ!’ Hai hạng ấy mà còn như thế, huống chi người ngộ giải non kém, tự cứu chưa xong giữa đời nay ư? Dù cho chỗ tỏ ngộ có sâu xa, trí thông hiểu có cao sáng, hạnh cùng giải hợp nhau, chí quyết muốn độ người; nhưng vì chưa lên hàng bất thối, lực dụng chưa đầy đủ, mà muốn ở cõi đời ác này hóa độ kẻ cương, điều ấy bậc Tiên Thánh cũng chưa hứa nhận. Ví như đem chiếc thuyền đóng trám chưa kỹ, để vớt người nơi biển dậy ba đào, cái họa trầm溺 cả đoàn tất không tránh khỏi. Cho nên Luận Vãng Sanh nói: ‘Muốn du hành nơi địa ngục, muốn cứu độ chúng hữu tình mê khổ, trước phải cầu sanh về cõi kia, đợi khi chứng được Vô Sanh Nhẫn rồi sẽ trở lại đường sanh tử mà thật hành bản nguyện. Do nhân duyên ấy nên người tu mới cầu về Tịnh Độ.’ Lại

Tiên Thánh cũng đã bảo: ‘Chưa được vị Bất Thối Chuyển, chưa chứng Vô Sanh Nhẫn, cần phải thường không rời Phật. Ví như trẻ thơ không nên xa mẹ, như chim non chỉ có thể bay chuyền theo cành cây.’

Nay ở cõi Ta Bà này Đức Thích Ca đã diệt, Phật Di Lạc chưa sanh. Huống nữa, bốn đường khổ thú, nhân quả dây dưa, trăm mối ngoại tà, thị phi rối loạn; sắc tốt tiếng dâm hằng quyến dụ, cảnh hư duyên ác mãi vây quanh. Trong hiện trạng ấy, đã không có Phật để nương nhờ, lại bị cảnh duyên làm khuấy động, hàng sơ tâm ngộ đạo hỏi mấy ai không bị thối lui? Cho nên Đấng Thế Tôn ân cần chỉ về Cực Lạc là bởi lý do ấy. Phương chi ở cõi kia, Đức Di Đà hiện đang nói pháp, cảnh diệu độ muôn thứ thuận duyên; đã nương nhờ hải chúng, nhẫn lực mau thành, lại gần Đấng Pháp Vương, Phật Thừa dễ đạt. Chừng ấy muốn ra ứng hoá độ sanh, còn chi trở ngại? Cũng vì lẽ ấy, nên bậc thượng căn lợi trí còn nguyện thác sanh, huống chi ông là hạng trung hạ mới được đòi chút giải ngộ đó ư?

Ông há không thấy trong kinh Quán Phật Tam Muội, Ngài Văn Thù tự bày tỏ túc nhân, bảo mình đã chứng môn Niệm Phật Tam Muội, thường sanh ở Tịnh Độ ư? Do bởi đó, Đức Thế Tôn mới thọ ký cho ngài rằng: ‘Ông sẽ được sanh về thế giới Cực Lạc.’

Lại chẳng thấy trong kinh Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ Tát đem mười đại nguyện vương khuyến tấn Thiện Tài Đồng Tử và đại chúng nơi hải hội, nên dùng công đức đó cầu sanh về Cực Lạc ư? Trong ấy có đoạn nói: ‘Tôi nguyện khi đến lúc lâm chung. Dứt trừ tất cả điều

chương ngại. Diện kiến Đức Phật A Di Đà, liền được sanh về cõi Cực Lạc.’

Lại chẳng thấy trong Kinh Lăng Già, Đức Thế Tôn đã huyền ký: ‘Sau xứ Nam Thiên Trúc, có danh đức Tỳ Khưu, tôn hiệu là Long Thọ. Hay phá hữu, vô tông. Trong thế gian hiển ngã. Pháp Vô Thượng đại thừa. Chứng Sơ Hoan Hỷ Địa. Sanh về cõi Cực Lạc’ ư?

Và chẳng thấy trong Luận Khởi Tín, Mã Minh Bồ Tát, khen ngợi sự vãng sanh; trong Kinh Đại Bảo Tích, Phật hứa khả cho Tịnh Phạn Vương và bảy muôn Thích chủng đồng về An Dưỡng; trong Kinh Thập Lục Quán, Đức Thế Tôn chỉ dạy phương pháp cho bà Vi Đề Hy cùng năm trăm thị nữ được lễ cấn Đức A Di Đà ư?

Trong mấy vị trên, như Vua Tịnh Phạn và bà Vi Đề Hy hiện tiền đều đã chứng được Vô Sanh Pháp Nhẫn. Ở Tây Trúc những hạng ấy cầu vãng sanh rất nhiều. Bên đông độ thì có Viễn Công ở Lô Sơn cùng các bậc cao hơn trong Liên Xã, những vị tôn túc ở hai tông Thiên Thai, Hiền Thủ, tất cả đều dùng môn niệm Phật tự tu và độ người khuyến hóa hàng tăng tục đồng cầu sanh về Tịnh Độ. Nói chung những bậc cao đức tu tịnh nghiệp số lượng không biết bao nhiêu mà kể! Đến như hai ngài Văn Thù, Phổ Hiền là bậc Đại Bồ Tát, Thiện Tài Đồng Tử và hải chúng Hoa Tạng đều là bậc đại hơn trong bốn mươi một vị. Mã Minh, Long Thọ là hàng Bồ Tát, mà cũng là bậc Đại Tổ Sư.

Những thánh hơn ấy chỗ ngộ và chứng siêu xuất hơn người ngộ đạt ngày nay như trời với vực, mà còn nguyện sanh về Tây Phương, ông bảo rằng đã tỏ ngộ

không cầu về Cực Lạc, lại bác sự cầu sanh, thì các ngài Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ, chắc là không bằng ông rồi! Ông thử tự lượng xem chỗ tu chứng có bằng hai bậc Đại Sĩ, và hai vị Tổ Sư; sự tham ngộ có bằng ngài Thiện Tài cùng hải chúng, cảnh giới sở đắc và được Phật hứa khả có bằng vua Tịnh Phạn và bà Vi Đề Hy chăng? Và Tịnh Phạn Vương là thân sanh của Phật, bảy muôn Thích chủng là tộc thuộc của Ngài, nếu sự về Tịnh Độ không có lợi ích thì Đức Thế Tôn đâu nỡ khiến phụ vương và hàng thân thuộc cầu vãng sanh? Trước kia đã nói bậc chứng được Vô Sanh Nhẫn có thể vào tục độ sanh, nay vua Tịnh Phạn và người thân thuộc của Phật đã đắc quả ấy mà Đức Như Lai còn khuyên và thọ ký cho vãng sanh, thì tấm lòng hộ trì bảo dưỡng của Ngài há chẳng là thân thiết và sâu xa ư?

Tôi thấy hàng thiên giả đời nay phần nhiều không xét liễu nghĩa của Như Lai, chẳng rõ huyền cơ của Đạt Ma, bụng rộng lòng cao, tập quen thành bệnh cuồng vọng. Khi thấy người tu Tịnh Độ, họ khinh thường và cười bảo: ‘Đó là việc làm thấp kém của hàng ngu phụ ngu phụ!’ Tôi thường cho đó không phải khinh hạng ngu phụ ngu phụ, mà chính là khinh các Ngài Văn Thù, Phổ Hiền, Mã Minh, Long Thọ; đó chẳng những tự mê chánh đạo, tự làm mất căn lành mà còn tự bỏ quên huệ thân và tự để tiêu Phật chủng. Đó cũng là tự gây ra tội báng Chánh Pháp, tự kết thành nghiệp khinh Thánh Tăng. Chư Phật, Tổ xem những kẻ ấy là hạng người đáng thương xót! Vì lẽ ấy nên Ngài Vĩnh Minh động mối bi tâm đem hết tâm can chủ trương Tịnh Độ, đã tự

tu lại khuyên đời. Nên khi lâm chung, Đại Sư biết trước ngày giờ, có các điềm lành ứng hiện; lúc trà tỳ xá lợi tuôn ra vô số. Về sau có một vị tăng ở Phủ Châu thường cung kính đi nhiều xung quanh tháp của ngài, nhiều người hỏi lý do thì vị tăng ấy đáp: ‘Nhân lúc tôi bị bệnh nặng thần thức đi vào minh giới, Diêm Vương xét thấy thọ số chưa mãn, cho đưa trở về. Khi ấy tôi thấy bên phía tả đại điện có thiết bàn thờ di tượng một vị Đại Đức, Diêm Vương lễ bái ân cần. Hỏi ra thì Quan Chủ lại bảo đó là chân dung của Vĩnh Minh Diên Thọ Thiền Sư, vì ngài tu hành tinh tấn, được sanh về Thượng Phẩm ở Cực Lạc, nên Diêm Vương họa tượng để thờ.’ Vĩnh Minh Đại Sư là bậc đã ngộ suốt môn thiền trực chỉ của tổ Đạt Ma, mà lại gửi chất nơi phẩm sen thượng thượng bên trời An Dưỡng; những sự kiện ấy đủ giải thích mối tình chấp của người tu thiền, còn làm duyên khuyến tấn cho chúng sanh đời mạt pháp. Cho nên tôi nói ngài rất có công đối với bên tông cũng như bên giáo là ở điểm này.

Song chẳng những chỉ có Vĩnh Minh Đại Sư mới như thế mà thôi. Ngoài ra, còn có Tử Tâm Tân Thiền Sư đã ngộ bên Thiền, lại khuyên tu bên Tịnh. Ngài đã bảo: Di Đà rất dễ niệm, Tịnh Độ rất dễ sanh. Người tham thiền niệm Phật rất tốt. Nếu kẻ căn cơ hơi kém, sợ e đời nay chưa được đại ngộ, kiếp sau dễ lạc bến mê, thì nên nhờ sức bi nguyện của Đức A Di Đà để sớm vãng sanh về Cực Lạc. Nếu vị nào chí tâm niệm Phật mà không được sanh về Tịnh Độ, lão tăng xin chịu đọa vào địa ngục Bạt Thiệt (ngục rút lưỡi). Lại như Chân Yết

Liễu Thiên Sư, trong bài văn khuyên tu Tịnh Độ, có nói: ‘Tại sao người trong tông Tào Động, ngoài sự tập thiền, còn mật tu Tịnh Độ? Sở dĩ có việc ấy, vì pháp môn niệm Phật là con đường tắt trong các lối tu hành. Xét trong Đại Tạng môn này ngoài sự tiếp dẫn bậc thượng thượng căn còn thâm nhiếp hạng người trung hạ... Bậc đại tượng trong tông môn đã ngộ pháp phi không phi hữu, lại chăm chú tu tịnh nghiệp, có phải sự thấy Phật cửa Tịnh Độ còn giản dị hơn tông môn chăng? Cho nên dù Phật dù Tổ, hoặc Giáo hoặc Thiền, đều do nơi cửa Tịnh Độ đồng về nơi chân nguyên. Vào được môn này, tức có thể vào được vô lượng pháp môn khác...’

Đến như các ngài: Thiên Y Hoài Thiền Sư, Viên Chiếu Bản Thiền Sư, Từ Thọ Thâm Thiền Sư, Nam Nhạc Tư Thiền Sư, Pháp Chiếu Thiền Sư, Tịnh Yết Thiền Sư, Tịnh Từ Đại Thông Thiền Sư, Thiên Thai Hoài Ngọc Thiền Sư, Lương Đạo Trân Thiền Sư, Đường Đạo Xước Thiền Sư, Tỳ Lăng Pháp Chân Thiền Sư, Cô Tô Thủ Nạp Thiền Sư, Bắc Nhân Giản Thiền Sư, Thiên Mục Lễ Thiền Sư, những đại lão ấy là bậc tông tượng trong thiền môn, song xét ra chỗ mật tu và hiển hóa đều phát dương ý chỉ Tịnh Độ, tuy không ước hẹn mà ngẫu nhĩ đồng đường. Chẳng những các vị đại lão ấy như thế mà thôi, tôi lại thường nghe một vị kỳ túc bên tông môn nói: ‘Hầu hết ngũ gia tông phái và những thiền tăng trong thiên hạ, đã tỏ ngộ cùng chưa tỏ ngộ, đều quy hướng về Tịnh Độ.’ Hỏi lý do thì vị đó đáp: ‘Ngài Bá Trượng Trí Hải Thiền Sư là đích tử của Giang Tây Mã Tổ, những tông lâm trong thiên hạ đều y theo cách thức của ngài mà kiến

lập và thanh quy ở khắp thiền môn đều y theo pháp chế của ngài mà cử hành. Từ xưa đến nay không ai dám có lời thị phi và trái với pháp chế ấy. Theo thanh quy của ngài, thì nghi thức tụng cầu cho những vị tăng bệnh nặng có lời văn như sau: ‘Phải nhóm chúng lại, tất cả đồng tụng bài kệ tán Phật A Di Đà, rồi cao tiếng niệm Nam Mô A Di Đà Phật, hoặc trăm câu, ngàn câu. Khi niệm xong, hồi hướng phục nguyện rằng: Nếu các duyên chưa mãn, sớm được an lành. Như hạn lớn đến kỳ, sanh về A Dươg.’ Đó chẳng phải là bằng chứng chỉ quy Tịnh Độ hay sao? Lại trong nghi thức đưa những vị tăng đã tịch có đoạn nói: ‘Đại chúng đồng niệm A Di Đà Phật hồi hướng phục nguyện rằng: Thần siêu cõi tịnh, nghiệp dứt đường trần, thượng phẩm sen nở hiện kim thân, nhưt sanh Phật trao phần quả ký.’ Đó không phải là bằng chứng chỉ quy Tịnh Độ hay sao? Đến như lúc trà tỳ, trong thanh quy lại dạy: Vị Duy Na chỉ dẫn khánh niệm Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới Đại Từ Đại Bi A Di Đà Phật mười lần, đại chúng đồng xướng họa theo.

Khi xướng xong, lại hồi hướng rằng: ‘Trước đây xướng dương mười niệm, phụ giúp vãng sanh...’ Đó không phải là bằng chứng chỉ quy Tịnh Độ hay sao? Cho nên lão tăng nói: ‘Các thiền gia trong thiên hạ đều quy hướng Tịnh Độ, là bởi nguyên nhân đó.’ Tôi nghe những lời dẫn chứng của vị kỳ túc ấy đều có y cứ, nên không biện bác ra sao được. Nhân đó tôi lại chợt hiểu chỗ lập pháp của ngài Bá Trượng tất có thâm ý nhiệm màu.

Nay ông ở tòng lâm, thân đã đưa không biết bao nhiêu vị tăng quy tịch, tai cùng miệng đã nghe và xướng không biết bao nhiêu lần mười niệm, ý đã chuyên chú hồi hướng về Tịnh Độ lại không biết bao nhiêu lần nữa! Thế mà ông đã không hiểu ý Tổ Sư, đã không phát lòng thức tỉnh, lại lầm bảo: những bậc ngộ đạt không nguyện vãng sanh. Quả thật cái bệnh chấp thiên trong thiên hạ, không còn ai hơn ông được.

Hoặc vấn thứ 4

Hỏi:- Sự nhiếp cơ của Tịnh Độ quả thật là rộng, ngu giả không còn dám luận bàn. Nhưng tôi thường nghe nói: ‘Di Đà bản tánh, Tịnh Độ duy tâm,’ trong ý cũng có trộm mừng! Đến chùng xem qua các kinh luận về tông này, thì Tịnh Độ là miền Cực Lạc ngoài muôn ức cõi. Di Đà là vị giáo chủ ở Liên Bang. Như vậy thì kia đây cách xa, ngoài nghĩa lý duy tâm bản tánh rồi! Thế là ý chỉ gì?

Đáp:- Chỗ hiểu ấy còn nông cạn hẹp hòi. Ông không biết rằng chân tâm của ông rộng rãi và sáng suốt vô cùng? Kinh Lăng Nghiêm nói: ‘Những non sông đất liền cho đến hư không ở ngoài sắc thân ta, đều là cảnh vật trong chân tâm màu sáng.’ Lại nói: ‘Các pháp sanh hóa, đều là hiện cảnh của duy tâm.’ Thế thì đâu có cõi Phật nào ngoài tâm ta ư? Cho nên ý nghĩa của Tịnh Độ duy tâm là nói cõi Tịnh Độ ở trong chân tâm của ta, như biển cả nổi lên vô lượng bóng bọt, mà không có bóng bọt nào ở ngoài biển cả. Lại như những hạt bụi nơi đất

liền, không có hạt bụi nào chẳng phải là đất; cũng như không có cõi Phật nào chẳng phải là tâm. Nên Tiên Thánh đã nói: ‘Chỉ một tâm này có đủ bốn cõi là: Phàm Thánh Đồng Cư, Phương Tiện Hữu Dư, Thật Báo Vô Chướng Ngại, và Thường Tịch Quang.’

Cõi Phàm Thánh Đồng Cư có hai: Đồng Cư Tịnh Độ và Đồng Cư Uế Độ. Đồng Cư Uế Độ là như cõi Ta Bà trong quốc độ này có phàm có thánh ở chung lẫn, mà phàm và thánh đều có hai hạng. Hai hạng của phàm là ác chúng sanh, tức bốn thú, và thiện chúng sanh, tức trời người. Hai hạng của thánh là thật thánh và quyền thánh. Thật thánh là các thánh như thuộc bốn đạo quả, bậc Bích Chi Phật, bậc thất địa trong Thông giáo, thập trụ trong Biệt giáo, thập tín hậu tâm trong Viên giáo. Những vị này phần thông hoặc tuy dứt song sắc thân quả báo hầy còn, nên đều gọi là *thật*. Quyền thánh là các vị Bồ Tát trụ ở những cõi Phương Tiện, Thật Báo, Tịch Quang cùng bậc Diệu Giác (Phật) vì làm lợi lạc cho kẻ hữu duyên nên ứng sanh vào cõi Đồng Cư. Bởi tùy cơ thị hiện nên gọi là *quyền*. Những vị trên đây cùng với phàm phu đồng ở, nên gọi là *Phàm Thánh Đồng Cư*, và cảnh cư trú về phần khí thể giới, có hầm hố, gai góc, bùn đất, cùng các tướng như nhớp, về phần hữu tình giới có bốn ác thú, nên gọi là *Uế Độ*. Đồng Cư Tịnh Độ là như cõi Cực Lạc, tuy y báo chánh báo nơi đây trang nghiêm màu nhiệm, không có bốn ác thú, song cũng gọi *Phàm Thánh Đồng Cư* vì chúng sanh về cõi này không phải đều là bậc đắc đạo. Như trong kinh nói: ‘Hạng người phạm tội nặng, khi lâm

chung chí tâm sám hối và niệm Phật, đều được vãng sanh.’ Do đó nên biết nơi cõi này chúng sanh còn hoặc nhiễm cũng có thể được ở. Thế Giới Cực Lạc cũng có hai hạng Thánh Cư và bởi y báo chánh báo đều sạch sẽ trang nghiêm, nên gọi là Tịnh Độ. Để nói rộng thêm, tuy gọi Tịnh Độ nhưng thật ra trong ấy có nhiều hạng hơn kém không đồng. Như thế giới Diệu Hỉ tuy là Tịnh Độ, song còn có nam nữ và núi Tu Di, và Tịnh Độ đã như thế, uế độ cũng như vậy.

Cõi Phương Tiện Hữu Dư là chỗ ở của bậc Nhị Thừa và ba hạng Bồ Tát đã chứng Phương Tiện Đạo. Những vị này do tu hai môn quán, dứt phần thông hoặc, phá hết trần sa, bỏ thân phân đoạn thọ thân pháp tánh, tự tại ở ngoài ba cõi; nhưng vì họ chưa đoạn được biệt hoặc vô minh nên còn có sự biến dịch sanh tử. Sở dĩ gọi *phương tiện* vì đó là cảnh giới của hành nhơn tu chứng Phương Tiện Đạo. Gọi *hữu dư* là bởi họ chưa đoạn được vô minh. Cho nên trong Thích Luận nói: ‘Ngoài tam giới có cõi Tịnh Độ, đây là chỗ của hàng Thanh Văn, Bích Chi Phật cư trú, thọ Pháp Tánh thân, không còn sự phân đoạn sanh tử.’

Cõi Thật Báo Vô Chướng Ngại là nơi không có hàng Nhị Thừa, chỉ thuần là bậc pháp thân Bồ Tát ở. Những vị này phá từng phần vô minh, chứng từng phần pháp tánh, được quả báo chân thật. Song vì họ chưa đoạn hết vô minh nên còn nhuận vô lậu nghiệp, thọ báo thân pháp tánh, và cảnh giới này cũng gọi là Quả Báo Độ. Kinh Nhân Vương nói: ‘Ba hiền mười thánh trụ quả báo’ là chỉ cho sự việc trên đây. Sở dĩ gọi *Thật Báo*, vì

các Đại Sĩ ấy do quán thật tướng, phát được chân vô lậu thọ hưởng quả báo chân thật. Gọi *Vô Chướng Ngại* là bởi chư Bồ Tát đây, tu chân không định, sắc cùng tâm không ngăn ngại lẫn nhau. Trong Kinh Hoa Nghiêm thuyết minh thế giới Nhân Đà La Võng, chính là cảnh này.

Cõi Thường Tịch Quang là chân lý pháp giới như như, sáng suốt cùng cực của bậc Diệu Giác. Đây là Phật Tánh Chân Như, tức độ là thân, tức thân là độ, thân và độ không hai, là trụ xứ của Đức Tỳ Lô Giá Na, cũng gọi là Pháp Tánh Độ. *Thường* chính là đức pháp thân. *Tịch* là đức giải thoát. *Quang* là đức bát nhã, như chữ Y (∴) có ba điểm, không thể cách lìa, một tức là ba, ba nguyên vẫn một. Đây cũng gọi là Bí Mật Tạng, là cảnh giới du hóa của Như Lai, cứu cánh chân thường, thanh tịnh cùng cực.

Hai cõi trước là chỗ ở của Ứng Thân Phật. Cõi thứ ba cũng thuộc về Ứng cũng thuộc về Báo, mà chánh thức là chỗ ở của Báo Thân Phật. Cõi thứ tư không phải Ứng và Báo mà kiêm cả Ứng, Báo, là chỗ ở của Pháp Thân Phật.

Bốn cõi trên đây tùy theo chỗ tu chứng mà phân chia, song kỳ thật vẫn là một. Cho nên chân tâm bao trùm muôn tượng, vô biên quốc độ như vi trần ở khắp mười phương, chính là cảnh giới trong tâm ta, hằng sa chư Phật trong ba đời, cũng là các Đức Phật trong tâm ta; tất cả không ngoài bản tâm mà có. Hiểu được lý này thì biết không có cõi nào chẳng nương nơi tâm ta mà kiến lập, không có vị Phật nào chẳng nương nơi tánh ta

mà xuất sanh. Thế thì miền Cực Lạc ngoài mười muôn ức cõi há chẳng phải là cảnh Tịnh Độ của duy tâm ư?

Thế Giới Cực Lạc đã như thế, thì vị giáo chủ ở cõi ấy cũng là Đức Di Đà của bản tánh. Nên biết chỉ một tâm này bao trùm đủ mười giới, thân và độ dung thông, trùng trùng không ngại. Lại nên biết tâm, Phật, chúng sanh, ba chính là một, đồng thể không khác nhau, chúng sanh và Phật hỗ hiện, mỗi niệm giao tham. Cho nên cổ đức nói: ‘Chúng sanh trong tâm chư Phật, mỗi trần đều là Cực Lạc, chư Phật trong tâm chúng sanh, mỗi niệm chính thật Di Đà. Mười phương tịnh ược gom về trong khoảng sát na. Một niệm sắc tâm, bủa khắp gồm thâu pháp giới.’ Xem thế thì biết tất cả đều sẵn đủ trong thể thiên chân, không phải do duyên khởi mới thành lập. Một tâm niệm đã như thế, một điểm trần lại khác chi? Vì vậy nên mới có thể: ‘Trong mỗi mỗi trần tất cả cõi. Trong mỗi mỗi tâm tất cả tâm. Mỗi mỗi tâm trần lại khắp nhau. Trùng trùng không tận không chướng ngại. Đồng thời hiện rõ không ẩn hiển. Tất cả viên thành chẳng kém hơn.’ Cảnh giới chân tâm bao hàm vô biên quốc độ trên đây, như lưới báu Thiên Châu của trời Đế Thích, bóng và ánh sáng của bao nhiêu hạt châu đều gom hiện vào một hạt châu, bóng và ánh sáng của một hạt châu lại hiện khắp vào tất cả các hạt châu khác. Tuy mỗi mỗi hạt châu giao hiện lẫn nhau, nhưng hạt châu này không thể là hạt châu kia, hạt châu kia không thể là hạt châu này, xen mà không tạp, lìa mà chẳng phân, mỗi mỗi khắp bày, vẫn không sở tại! Thế giới Cực Lạc cho đến mười muôn ức cõi mỗi miền cũng

như một trong các hạt châu. Nói tinh tế hơn khắp mỗi cõi từ tam thừa thánh nhơn cho đến trời, người, tu la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục, mỗi mỗi lại cũng như một trong các hạt châu. Và Đức A Di Đà cũng là một trong các hạt châu. Cho nên, thấy một vị Phật, tức thấy mười phương chư Phật, mà cũng là thấy chín giới chúng sanh ở khắp mười phương. Cõi Phật vô biên, mười phương kim cổ toàn thể là một hải ấn đốn viên, không còn pháp chi khác nữa!

Như thế thì, thần trải qua mười muôn ức cõi, chính hóa sanh trong bản tâm ta; chất gởi nơi chín phẩm hoa sen, há cách biệt ngoài chân như Phật? Những lời dẫn giải trên đây đều là những minh huấn của Phật, Tổ, Thánh, Hiền đã tuyên dương vậy. Hiểu được lý này tất sẽ thấy thế giới Cực Lạc là duy tâm, mỗi cõi Phật mỗi điểm trần đều là duy tâm; Đức Di Đà là bản tánh, mỗi vị Phật mỗi chúng sanh cũng đều là bản tánh. Như thế lại còn chi phải nghi ngờ?

Lời phụ:

Pháp giới chân tâm là một thể rộng rãi vô biên, bao hàm vi trần thế giới, chư Phật và chúng sanh. Trong thể nhất chơn ấy, phần thế giới chúng sanh luôn luôn biến đổi, thuộc về sanh diệt môn; phần tịch quang lặng mầu sáng suốt và thường hằng, gọi là chân như môn. Chân tâm là một thật thể chung, gồm hai môn hữu vi và vô vi đó. Tất cả những danh từ: Chân Tâm, Bản Tánh, Bản Thể, Phật Tánh, Như Lai Tạng, Pháp Giới, Pháp Tánh, Thật Tướng, Niết Bàn, Pháp Thân, Vô Cấu Bạch Tịnh Thức, Như Lai A Lại Da Thức, Bản Lai Điện Mục, Bát

Nhã, Chân Không, đều là chỉ cho thật thể ấy. Để trở về thật thể này, giáo môn của Phật chia làm hai. Các tông như: Thành Thật, Tam Luận, Thiên Thai, Thiền, Thai Tạng Bộ của Mật Giáo, từ nơi không môn mà đi vào. Còn các tông: Câu Xá, Pháp Tướng, Luật, Hoa Nghiêm, Tịnh Độ, và Kim Cang Bộ của Mật Giáo, lại do nơi hữu môn mà thể nhập. Cho nên những vị hiểu sâu về lý Bát Nhã của Thiền, hay lý huyền môn của Hoa Nghiêm, đều nhận rõ sắc chẳng khác không, không chẳng khác sắc, sắc chính là không, không chính là sắc. Trái lại, các vị học chưa thấu đáo, nếu không chấp có tất cũng chấp không. Nhưng chấp có thì còn biết kiêng sợ nhân quả, lánh dữ làm lành, đời sau hưởng phước nhân thiên, hoặc chuyên niệm Phật lại có thể sanh về Tịnh Độ. Đến như chấp không tất sẽ đi đến chỗ bài nhân quả, bác Phật Thánh, tương lai bị đọa xuống tam đồ. Cho nên tiên đức đã răn bảo: ‘Thà chấp có như non Tu, chớ chấp không như hạt cải!’

Vị thiền giả trên, vì chưa nhận rõ chân tâm, nên nghe nói ‘duy tâm Tịnh Độ, bản tánh Di Đà’, vội hiểu lầm rằng tâm mình thanh tịnh đó là Tịnh Độ là Di Đà rồi, chớ không có cõi Cực Lạc hay Đức Di Đà nào khác nữa. Phật Pháp dù ở xứ nào, Trung Hoa hay Việt Nam cũng có hạng người tà kiến chấp không ấy. Đại khái họ bác không có Di Đà, Cực Lạc, không có địa ngục, thiên cung, hoặc như nói Địa Tạng là tâm địa tánh tạng, chớ không có Đức Địa Tạng nào cả. Như người đeo cặp kính đen thì thấy nơi nào cũng tối tăm, những kẻ ấy dù có giảng thuyết bao nhiêu lời, diễn dịch bao nhiêu kinh

sách, kết cuộc cũng lạc vào bịnh không chấp. Những kẻ chấp không thường tự cao tự mãn, cho mình là cao siêu, bác người là chấp tướng. Xét ra khi diễn dịch kinh, họ cũng có tâm muốn hoằng dương Phật Pháp, không dè ngược lại thành ra kết quả hủy báng Tam Bảo; tự mình đã sai lầm, khiến cho bao nhiêu người khác bị lầm lạc theo. Ví như kẻ dung y đem tâm muốn cứu đời, chẳng ngờ sự học hiểu về y dược không rành, trở lại làm cho nhiều người thêm bịnh.

Cho nên sự dịch kinh, thuyết pháp, vị tất là có phước, là hoằng dương Phật Giáo nếu hành giả lạc vào tà kiến, không hiểu ý kinh.

Hoặc vấn thứ 5

Hỏi:- Đã gọi tịnh ược dung thông, mỗi điểm trần đều là Cực Lạc, tại sao cõi Ta Bà lại thành ược độ?

Đáp:- Do nghiệp cảm của phàm phu, chính nơi tịnh mà thành ược. Còn Phật nhãn nhìn xem tất cả ược đều thành tịnh. Báo cảnh của Đức Thích Ca, há phải thật là ược ư?

Hoặc vấn thứ 6

Hỏi:- Lý duy tâm bao gồm tất cả, viên dung không ngại, tôi đã tin là rộng lớn, là nhiệm mầu. Nhưng kẻ còn trệ nơi tình mê, chưa lìa nghiệp ược, làm sao mà được thanh tịnh?

Đáp:- Tâm nhơ thì cõi nhơ, tâm sạch thì cõi sạch. Kinh Duy Ma nói: ‘Muốn được Tịnh Độ, trước phải tịnh tâm; tùy tâm thanh tịnh, cõi Phật thanh tịnh.’ Pháp tu Tịnh Độ là một môn huyền diệu để đi đến chỗ tịnh tâm, không còn phương tiện nào đặc biệt hơn nữa!

Hoặc vấn thứ 7

Hỏi:- Về phần đại khái của pháp môn Tịnh Độ, tôi có thể nghe được chăng?

Đáp:- Tịnh Độ nguyên không chi tu, tu nhân bởi mê lầm mới có; pháp môn vẫn không cao thấp, cao thấp do căn lành mà phân. Vì chúng sanh căn cơ sai biệt nhau, nên pháp tu cũng có nhiều cách. Tuy nhiên, nếu tóm lại, có thể chia thành ba môn là: quán tưởng, ức niệm, và chúng hạnh.

Môn thứ nhất, nói *quán tưởng* là như trong Quán Kinh dạy: ‘Chư Phật Như Lai là thân pháp giới, vào trong tâm tưởng của tất cả chúng sanh. Cho nên khi tâm các ông tưởng Phật, thì tâm ấy chính là 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp tùy hình, tâm ấy làm Phật, tâm ấy là Phật. Biến chánh biến tri của Phật từ nơi tâm tưởng mà sanh. Vì thế các ông phải nhớ nghĩ và quán tưởng kỹ thân Đức Phật kia.’

Thiên Thai Sớ nói: *Mấy chữ chư Phật Như Lai* sắp xuống, là thuyết minh tất cả chư Phật; *mấy chữ phải nhớ nghĩ* sắp xuống, là chỉ cho quán tưởng riêng Đức A Di Đà. Pháp giới thân là pháp thân của Báo Phật. Tâm chúng sanh tịnh, pháp thân tự hiện, nên gọi là *vào*; như

khi vầng hồng nhật mọc lên tất bóng hiện xuống trăm sông. Đây là chỉ cho Phật thân tự tại, có thể tùy vật hiện hình vậy. Lại *pháp giới thân* là chỉ cho thân Phật, khắp tất cả chỗ, lấy pháp giới làm thể. Khi hành giả chứng được môn quán Phật Tam Muội này, giải nhập tương ưng, nên nói *vào trong tâm tưởng*. *Tâm này làm Phật* là Phật nguyên vẫn không, nhân chúng sanh tâm tịnh mới có. *Tâm này là Phật*, ý nói trước nghe bảo: Phật nguyên vẫn không, nhân chúng sanh tâm tịnh mới có, sợ e người hiểu lầm cho rằng bỗng nhiên mà có, nên mới nói *là Phật*. Mới khởi tu quán nên nói *làm*, sự tu đã thành nên gọi *là*.

Diệu Tông Thích nói: ‘Muốn tưởng thân Phật, phải hiểu rõ quán thể. Thể đó là bản giác, từ nơi đây mà khởi thành pháp quán. Bản giác là thân pháp giới của chư Phật, vì chư Phật không sở chứng chi khác, toàn chứng bản tánh của chúng sanh. Nếu thể giác có công, bản giác mới hiển, nên nói ‘pháp thân từ nơi tâm tưởng mà sanh.’ Lại Đức Di Đà cùng tất cả chư Phật đồng một Pháp thân một trí huệ, sự ứng dụng cũng như vậy. Hiển được thân Đức Di Đà tức là hiển được thân chư Phật, tỏ được thân chư Phật tức là lộ được thể Di Đà. Cho nên trong văn kinh nói rộng qua chư Phật để kết về sự quán tưởng Đức A Di Đà. Từ mấy chữ *thân pháp giới* trở xuống là nói về sự giao cảm của đạo cảm ứng và ước về lý giải nhập tương ưng.

Phê bình về hai lời giải trên, ngài Dung Tâm đã nói: ‘Nếu không có lời giải trước, thì môn quán tưởng ấy không phải là quán Phật; như không có lời giải sau, e

học giả hiểu lầm rằng thể của chúng sanh và Phật, khác nhau. Hai lối giải đã tác thành cho nhau mà thuyết minh quán pháp vậy.’

Môn thứ hai, nói *ức niệm* là hành giả hoặc duyên theo tướng tốt, hoặc trì danh hiệu của Phật, đều gọi là ức niệm. Môn này có lý có sự. Trong Kinh Hoa Nghiêm, Giải Thoát trưởng giả nói: ‘Nếu tôi muốn thấy Đức Vô Lượng Thọ Như Lai và thế giới An Lạc, thì tùy ý liền được thấy. Tôi có thể biết rõ tất cả chư Phật, quốc độ tùy thuộc, cùng những việc thần thông của các Ngài. Bao nhiêu cảnh tượng trên đây, không từ đâu mà đến, không đi về đâu, không có xứ sở và không chỗ trụ; cũng như thân tôi không thật có đi, đứng, tới lui. Các Đức Như Lai kia không đến chỗ tôi, tôi cũng không đi đến chỗ của các Ngài. Sở dĩ như thế, vì tôi hiểu rõ tất cả chư Phật cùng với tâm mình, đều như mộng. Lại hiểu tự tâm như nước trong chum, các pháp như hình bóng hiện trong nước. Tôi đã ngộ tâm mình như nhà huyền thuật, tất cả chư Phật như cảnh huyền hóa. Lại biết chư Phật Bồ Tát trong tự tâm, đều như tiếng vang, như hang trống tùy theo âm thanh mà phát ra tiếng dội lại. Vì tôi ngộ giải tâm mình như thế nên có thể tùy niệm thấy Phật.’

Về đoạn kinh trên, ngài Trinh Nguyên giải rằng: ‘Từ câu đầu đến mấy chữ *chỗ của các ngài* chính là thuyết minh lý duy tâm, nếu ngộ tức tâm mà vô tâm liền vào chân như Tam Muội. Khi hành giả hiểu rõ các cảnh tượng đều hư huyền, duy tâm hiện ra, đã ngộ duy tâm và tức tâm là Phật, thì tùy chỗ tưởng niệm, không đâu

chẳng là Phật. Đoạn sau nêu ra bốn điều thí dụ: cảnh mộng là dụ cho lý không đến không đi, hình bóng trong nước là dụ cho lý không ra không vào, tướng huyễn hóa là dụ cho lý chẳng có chẳng không, tiếng vang là dụ cho lý chẳng tan chẳng hợp. Và dụ thứ nhất là nói toàn thể đều duy tâm, dụ thứ hai nói vì duy tâm nên *không*, dụ thứ ba nói vì duy tâm nên *giả* dụ, thứ tư nói vì duy tâm nên *trung*. Bốn dụ đều đủ bốn quán gồm thông và biệt để hiển lý duy tâm, tất cả vẫn viên dung không ngại, đó là ý Kinh Hoa Nghiêm.’

Nếu hành giả hiểu rõ lý trên đây, rồi chấp trì bốn chữ A Di Đà Phật, không dùng tâm có, tâm không, tâm cũng có cũng không, tâm chẳng phải có chẳng phải không, dứt cả quá khứ hiện tại vị lai mà niệm, đó gọi là *lý ức niệm*. Và ngày đêm sáu thời cứ như thế mà nhiếp tâm trì niệm không cho gián đoạn, không sanh một niệm thì chẳng cần vượt giai tầng mà đi thẳng vào cõi Phật. Đây cũng gọi là *lý nhất tâm*.

Về *sự ức niệm*, như trong Kinh Lăng Nghiêm nói: ‘Nhớ Phật niệm Phật, hiện đời hoặc đương lai nhất định sẽ thấy Phật, cách Phật không xa, không cần mượn phương tiện chi khác mà tâm tự được khai ngộ.’ Hay như các kinh sách khác đã chỉ dạy, hoặc hệ niệm suốt một đời, hoặc trì niệm trong ba tháng, bốn mươi chín ngày, một ngày đêm, cho đến bảy ngày đêm, hoặc mỗi buổi sớm mai giữ mười niệm. Nếu hành giả dùng lòng tin sâu, nguyện thiết, chấp trì câu niệm Phật như rồng gặp nước, như cọp dựa non, thì được sức Phật gia bị đều vãng sanh về Cực Lạc. Theo trong kinh, cho đến

hạng phàm phu tạo tội ngũ nghịch thập ác, nếu khi lâm chung chí tâm xưng danh hiệu Phật mười niệm, cũng được vãng sanh. Và đây gọi là *sự nhất tâm*.

Nói tóm lại, lý nhất tâm là người thông đạt bốn lý quán trên, dùng tâm ấy mà niệm Phật, tương ứng với không huệ, đi đến chỗ thuần chơn. Sự nhất tâm là hành giả tâm còn giữ niệm, mỗi niệm không cho xen hở, đi đến chỗ không còn tạp niệm. Lý nhất tâm là hành môn của bậc thượng căn, sự nhất tâm thông về hàng trung hạ.

Môn thứ ba, nói *chúng hạnh* là hành giả dùng nhiều hạnh để vãng sanh về Cực Lạc. Như trong Kinh Hoa Nghiêm, Phổ Hiền Bồ Tát khuyến tấn Thiện Tài Đồng Tử và đại chúng nơi hải hội dùng mười đại nguyện vương cầu sanh Tịnh Độ. Mười đại nguyện ấy là: lễ kính chư Phật, khen ngợi Như Lai, rộng tu sự cúng dường, sám hối nghiệp chướng, tùy hỷ các công đức, thỉnh Phật chuyển pháp luân, thỉnh Phật trụ ở đời, thường theo Phật tu học, hằng tùy thuận chúng sanh, và hồi hướng khắp tất cả. Trong mỗi nguyện ấy đều có nói: khi nào cõi hư không, cõi chúng sanh, nghiệp chúng sanh, phiền não của chúng sanh hết, thì nguyện tôi mới hết. Và hành giả phải dùng ba nghiệp thân, khẩu, ý, thật hành nguyện đó không gián đoạn, không chán mỏi. Đến khi lâm chung, tất cả mọi thứ tùy thân đều để lại, cho đến các căn đều tan rã, duy đại nguyện ấy hằng theo bên mình trong khoảng sát na hành giả liền được sanh về Cực Lạc. Đây là nói về dùng nguyện lực để vãng sanh.

Lại như trong Kinh Đại Bảo Tích, Đức Thế Tôn bảo ngài Di Lạc: ‘Mười thứ tâm này, không phải hạng phàm ngu, bất thiện, kể nhiều phiền não có thể phát được. Mười thứ tâm ấy là gì?’

- 1- Đối với chúng sanh khởi lòng đại từ, không làm tổn hại.
- 2- Đối với chúng sanh khởi lòng đại bi, không làm bức não.
- 3- Với chánh pháp của Phật, hết lòng hộ trì, không tiếc thân mạng.
- 4- Với chánh pháp sanh lòng thắng nhẫn, không chấp trước.
- 5- Tâm điềm tĩnh an vui, không tham sự lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng.
- 6- Tâm cầu chứng trí của Phật trong tất cả thời không quên lãng.
- 7- Đối với chúng sanh khởi lòng tôn trọng cung kính, không cho là hạ liệt.
- 8- Không tham trước thế luận, với phần Bồ Đề sanh lòng quyết định.
- 9- Tâm thanh tịnh không tạp nhiễm, siêng trồng các căn lành.
- 10- Đối với chư Phật, xả ly các tướng, khởi lòng tùy niệm.

Đây là mười thứ phát tâm của Bồ Tát, do tâm này nên được vãng sanh. Nếu có kẻ nào thành tựu một trong mười tâm trên, muốn sanh về thế giới Cực Lạc mà

không được như nguyện, đó là điều không khi nào có.’
Đoạn kinh trên là nói về dùng tâm lực để vãng sanh.

Lại nữa, như trong Kinh Đại Bi Tâm Đà La Ni, Đức Quán Thế Âm Bồ Tát bạch Phật: ‘Bạch Thế Tôn! Nếu chúng sanh nào tụng trì thần chú Đại Bi, mà còn bị đọa vào ba đường ác, tôi thề không thành Chánh Giác. Tụng trì thần chú Đại Bi, nếu không được sanh về cõi Phật, tôi thề không thành Chánh Giác. Tụng trì thần chú Đại Bi, nếu không được vô lượng Tam Muội biện tài, tôi thề không thành chánh giác. Tụng trì thần chú Đại Bi, tất cả sự mong cầu trong đời hiện tại, nếu không được như nguyện, thì chú này không được gọi là Đại Bi Tâm Đà La Ni; duy trừ cầu những việc bất thiện, trừ kẻ tâm không chí thành.’ Ngoài ra, những kẻ chí tâm trì tụng các chú như: Bạch Táng Cái, Chuẩn Đề, Vãng Sanh, đều có thể sanh về Cực Lạc hoặc các Tịnh Độ khác. Đây là nói về dùng thần lực để vãng sanh.

Và, như trong Kinh Quán Vô Lượng Thọ nói: ‘Muốn sanh về Cực Lạc, phải tu ba thứ phước: 1. Hiếu dưỡng cha mẹ, phụng thờ sư trưởng, tâm từ bi không giết hại, tu mười nghiệp lành. 2. Thọ trì tam quy, giữ kỹ các giới, không phạm oai nghi. 3. Phát lòng Bồ Đề, tin lý nhân quả, đọc tụng kinh điển đại thừa, khuyến tấn người tu hành. Ba thứ phước này là chánh nhân tịnh nghiệp của chư Phật quá khứ, hiện tại và vị lai.’ Đây là nói về dùng phước lực để vãng sanh.

Ngoài ra những kẻ cất chùa, xây tháp, tạo tượng, lễ bái tán tụng, giữ gìn trai giới, đốt hương, rải hoa, cúng dường tràng phang bảo cái, trai tăng bố thí, nếu hạnh

lành thuần thực, dùng lòng tín nguyện hồi hướng, đều có thể vãng sanh. Các điều dẫn ra trên đây gọi là *chúng hạnh*. Nhưng nguyện hạnh đã có lớn nhỏ không đồng, lý sự sai biệt, thì việc thấy Phật, nghe pháp, cảm thọ y chánh tất cũng có hơn kém khác nhau, đây là chỉ nói phần đại lược.

Lời phụ:

Muốn sanh về Cực Lạc, hành giả có thể dùng một trong các hạnh: nguyện lực, tâm lực, thần lực, phước lực để hồi hướng, không phải chỉ đặc biệt có môn quán tưởng hay trì danh. Tuy nhiên, trong bốn phương pháp ấy, người tu phải thật hành cho đến độ công đức tinh thuần, hạnh lành thành tựu mới có hy vọng. Mà kẻ dung thường thì nghiệp chướng nặng không dễ gì đoạn, hạnh lành khó không dễ gì thành, duy có hạnh trì danh nương cầu nơi tha lực, là chắc chắn nhất. Cho nên, Ấn Quang Pháp Sư đã nói: ‘Hạng phàm phu kém cõi mà được vãng sanh, toàn là nhờ từ lực của Như Lai.’ Vậy người niệm Phật đời nay muốn cho phần vãng sanh được đảm bảo, nên lấy sự trì danh làm phần chánh, còn các công đức như: tụng kinh, trì chú, bố thí và những hạnh lành khác, để vào phần trợ, mới là đường lối an toàn.

Trong ba môn của ngài Thiên Như trình bày, đại khái môn thứ nhất nói về Thật Tướng Niệm Phật, hạng trung hạ khó hành trì. Môn thứ ba, thì hạng dung thường, nhiều nghiệp duyên, cũng ít có hy vọng, chỉ nên dùng làm phần trợ. Duy phương pháp sự trì danh thuộc môn thứ hai là mọi người đều có thể thật hành và

có hy vọng thành tựu. Tuy nhiên, vì căn tánh của chúng sanh khác nhau, ngài phải nói cho đủ để mọi người tùy sở thích mà lựa chọn. Về phần dịch giả chỉ căn cứ theo phần đông hạng dung thường đời nay mà biện minh sự lợi hại thế thôi.

Hoặc vấn thứ 8

Hỏi:- Tôi nghe Thiện Tài Đồng Tử là bậc viên đốn lợi căn, một đời được chứng quả. Sao Đức Phổ Hiền không khuyên ngài sanh về cõi Hoa Tạng mà lại khuyên sanh về Cực Lạc, là ý thế nào?

Đáp:- Trong Hoa Nghiêm Sớ có lời hỏi ấy. Sớ bản đã đáp: ‘Việc đó hàm ẩn nhiều lý do: vì có nhân duyên, vì để tâm niệm được quy nhất, vì không lìa cõi Hoa Tạng, vì tức là bản sư.’ Hai lý do trước dễ hiểu. Lý do thứ ba là trong thế giới Hoa Tạng có vi trần cõi Phật, miền Cực Lạc cách đây mười muôn ức Phật độ, tất cả đều không ngoài số sát chủng ấy. Lý do thứ tư là như trong kinh nói: ‘Hoặc thấy pháp hội Phật Vô Lượng Thọ, có nhiều vị Bồ Tát như Quán Thế Âm vi nhiều, liền khen ngợi thân dị hóa của Đức Tỳ Lô Giá Na. Tỳ Lô Giá Na Như Lai là Giáo Chủ cõi Hoa Tạng, Đức A Di Đà đã là thân dị hóa của ngài thì đâu có khác chi ngài, vì thế nên mới nói ‘tức là bản sư.’ Trong ấy lại nói: ‘Phổ Hiền Bồ Tát vì Thiện Tài và hải chúng kết khuyến về Cực Lạc bởi ngài Thiện Tài là bậc tin hiểu viên thông, vào trí Văn Thù, tu hạnh Phổ Hiền, phước huệ và sự lý đều xứng hợp pháp giới. Đó là bậc đại tâm, tuy đã ngộ

thể bản minh, đồng hàng với chư Thánh, nhưng vì lực dụng chưa đầy đủ, không thể nhập thế làm lợi ích khắp quần sanh như các Đức Như Lai. Vì thế Phổ Hiền Bồ Tát khuyên ngài, cho đến hải chúng, nương về Tịnh Độ, gần gũi Di Đà, không ngoài ý muốn cho tất cả được mau chứng quả Phật.'

Hoặc vấn thứ 9

Hỏi:- Trong môn chúng hạnh nói: 'Nguyện hạnh đã có lớn nhỏ không đồng, lý sự sai biệt, thì việc thấy Phật, nghe pháp, cảm thọ y chánh, tất cũng có hơn kém khác nhau; thế thì hai môn quán tưởng ức niệm, nhân tu không đồng, sự cảm tướng có khác nhau chăng?

Đáp:- Việc ấy cố nhiên là phải khác. Vì thế ngài Vĩnh Minh đã bảo: 'Sự vãng sanh có chín phẩm, không phải đồng một bậc. Hoặc có kẻ nương về hóa quốc, thấy ứng thân của Phật; hoặc có vị sanh nơi báo độ, thấy chân thể của Như Lai; hoặc có kẻ trải qua nhiều kiếp, mới chứng quả tiểu thừa, hoặc có vị vừa sanh một đêm liền siêu lên thượng địa. Nói tóm lại, vì người vãng sanh căn hạnh không đồng, có độn căn lợi căn, có định ý tán ý, nên hoa nở có sớm muộn, quả chứng có chậm mau, thời hạn rất là cách biệt.' Từ Vân Sám Chủ cũng bảo: 'Tuy chia ra chín phẩm nhưng đó chỉ là lược phân; nếu tế phân lẽ ưng phải có vô lượng phẩm.'

Hoặc vấn thứ 10

Hỏi:- *Cực Lạc chỉ là cõi Đồng Cư, không phải cõi Thật Báo, tại sao lại nói: ‘hoặc có vị sanh nơi báo độ, thấy chân thể của Như Lai?’*

Đáp:- Ông cho rằng có cõi Thật Báo ở riêng ngoài cõi Đồng Cư hay sao? Nên biết ba cõi kia không là cõi Đồng Cư mà có, chỉ khác là thân, cảnh và sự thọ dụng không đồng nhau thế thôi! Như trong kinh nói: ‘Thân của Phật A Di Đà cao sáu mươi muôn ức na-do-tha hằng hà sa do tuần.’ Các bậc cổ đức bình giải cho đó là thân Thật Báo. Chẳng những thế giới Cực Lạc có bốn độ không đồng, mà các cõi khác cũng đều như vậy. Nên ngài Kinh Khê nói: ‘Ngay cõi Ta Bà này có đủ bốn độ. Như đương thời hải hội Hoa Nghiêm không là Thệ Đa Lâm, mà các bậc đại Thanh Văn vẫn không nghe thấy và hay biết.’

Hoặc vấn thứ 11

Hỏi:- *Nếu cõi Ta Bà có đủ bốn độ, thì chỉ nên ở tại đây mà lần lượt tu hành, cần chi phải cầu sanh Cực Lạc?*

Đáp:- Cõi này tuy đủ bốn độ, nhưng vì thuộc về Đồng Cư Uế Độ, nên người tu khó trừ nghiệp nhiễm. Muốn thoát ly nhiễm nghiệp, hành giả phải cầu sanh về Đồng Cư Tịnh Độ ở Liên Bang. Nên Tứ Minh Tôn Giả nói: ‘Cõi Ta Bà cảnh duyên trước ác nặng, người tu phải chứng đến vị thập tín mới thoát khổ luân. Miền Cực Lạc cảnh duyên thắng diệu nên khi về chín phẩm đều lên hàng bất thối. Ông há không nghe trong Kinh Pháp

Hoa nói có những vị thọ giáo với Đại Thông Trí Thắng Như Lai, từ đó đến nay đã trải qua số kiếp như bụi nhỏ của vô lượng vô biên cõi Phật mà còn ở nơi địa vị Thanh Văn hay sao? Ấy đều bởi do mãi thói chuyển nên phải trải qua thời kiếp lâu xa. Chẳng hạn như ngài Xá Lợi Phất tiền kiếp đã chứng đến lục trụ mà còn thói tâm, hưởng nữa là hạng tu hành lơ láo ư? Nói chung, ở cõi này vì có nhiều chướng duyên, nên người tu dễ bị lui sụt. Nên tiên đức đã bảo: ‘Số lượng Bồ Tát mới phát tâm nhiều như bông xoài trứng cá, nhưng kết cuộc còn lại không được bao nhiêu.’

Nếu kẻ nào biết hướng về Cực Lạc, nhờ thắng duyên bên cõi ấy, dù cho hạng phàm phu thấp thỏi, cũng lên ngay ngôi bất thối. Đây là lý do tất yếu trong sự cầu sanh, mà các hành nhơn nên suy gẫm kỹ.

Hoặc vấn thứ 12

Hỏi:- Trong mười phương, cõi đồng cư Tịnh Độ rất nhiều. Nay lại riêng chỉ thế giới Cực Lạc và duy khen cảnh duyên ở cõi ấy thắng diệu, là tại sao?

Đáp:- Kinh Phật Thuyết A Di Đà nói: ‘Chúng sanh ở cõi ấy không có các sự khổ, chỉ hưởng những điều vui, nên gọi là Cực Lạc.’ Cảnh duyên ở Cực Lạc rất thù thắng, có nhiều sự kiện thuận lợi cho chúng sanh nơi cõi này hơn các Tịnh Độ khác, mà tâm lượng của phàm phu trong tam giới không thể thấu hiểu được. Nay xin tạm đem cảnh duyên ở Ta Bà đối chiếu để so sánh lược qua:

Ở cõi này loài người bầm thọt thân hình huyết nhục, có sanh là có khổ; cõi kia thì chúng hữu tình đều hóa chất nơi hoa sen, không còn sự khổ về sanh. Ở cõi này thời tiết đổi dời, con người lần lần đi đến cảnh già yếu; cõi kia là thế giới trường xuân, không có đêm, ngày, nóng, lạnh, chúng sanh không bị sự khổ suy già. Ở cõi này con người thân tứ đại khó điều hòa, dễ sanh nhiều bệnh hoạn; cõi kia thì chúng sanh thể chất kim cương thơm sạch, không có sự khổ về yếu đau. Ở cõi này con người ít ai sống đến bảy mươi, cơn vô thường mau chóng; cõi kia thì chúng sanh thọ số đến kiếp lượng vô biên, không có sự khổ về chết. Ở cõi này con người bị sợi dây thân tình ái luyến ràng buộc, chịu đau khổ vì nổi tử biệt sinh ly; nơi cõi kia chúng sanh hóa thân nơi hoa sen, không có cha mẹ vợ con, nên không bị khổ về ân tình chia cách. Ở cõi này ai không có kẻ thương người ghét, nên khi oán thù gặp gỡ tất phải chịu nhiều nỗi phiền não gian truân; nơi cõi kia toàn là bậc thiện nhưn dắt dìu giúp đỡ lẫn nhau, không có sự khổ về oan gia hội ngộ. Ở cõi này con người phần nhiều nghèo khổ thiếu kém, dù kẻ giàu sang cũng có biết bao ước vọng không thành; nơi cõi kia, sự thọ dụng về ăn, mặc, ở, các thứ trân bảo, bao nhiêu điều mong muốn, đều được hóa hiện tự nhiên, chúng sanh an vui, không có nỗi đau buồn về thất vọng. Ở cõi này con người hoặc hình thể xấu xa, các căn không đủ; cõi kia chúng sanh đều có 32 tướng tốt, thân kim cương xinh đẹp, có ánh quang minh. Ở cõi này chúng sanh xoay vần trong nẻo

luân hồi, nơi cõi kia bậc thượng thiện đều chứng Vô Sanh Pháp Nhẫn. Ở cõi này có đủ bốn ác thú khổ não; nơi cõi kia tên ba ác đạo hãy còn không. Ở cõi này nhiều gò nổng hang hố, rừng rậm chông gai, đầy đầy các tướng như ác; nơi cõi kia thì vàng ròng làm đất, cây báu vút trời, lầu chói trên châu, hoa đua bốn sắc. Ở cõi này thì Song Lâm đã khuất, Long Hoa còn xa; nơi cõi kia, Di Đà Thế Tôn hiện đang thuyết pháp. Ở cõi này thì Quán Âm, Thế Chí, luống mền danh lành; nơi cõi kia, chư Bồ Tát thượng nhưn hằng làm thắng hữu. Ở cõi này thì các ma cùng ngoại đạo, làm não loạn bậc chánh tu; nơi cõi kia, Phật hóa tinh thuần, ngoại ma tuyệt tích. Ở cõi này thì sắc thính danh lợi, khiến mê hoặc người tu; nơi cõi kia, y chánh sạch nghiêm, không còn duyên nhiễm. Ở cõi này thì ác thú muối mòng, khiến hành nhưn không yên ổn; nơi cõi kia, nhạc cây chim nước, hằng nói pháp âm.

So sánh lược qua hai cõi, cảnh duyên hơn kém thật đã cách xa, nếu nói cho kỹ thì sự ưu liệt làm sao kể xiết! Tuy nhiên tóm lại phần khái yếu cũng không ngoài hai quan điểm: một là vì cảnh Cực Lạc thù thắng, nên có thể khích phát lòng mong mến và quy hướng của loài hữu tình; hai là duyên liên quốc nhiệm màu, nên có thể giúp ích cho người vãng sanh để tiến mau trên đường tu chứng. Vì thế, cõi Đồng Cư Tịnh Độ ở mười phương tuy nhiều, song riêng cõi Cực Lạc có đầy đủ thắng duyên, các kinh luận đều chỉ quy, cũng do lẽ đó.

Hoặc vấn thứ 13

Hỏi:- Trong mười phương có vô số chư Phật, những chúng sanh hữu tâm đều có thể thân cận. Nay lại riêng suy cử Đức A Di Đà, là tại sao?

Đáp:- Trong ấy có ba lý do: Vì Đức A Di Đà thệ nguyện sâu rộng, vì chúng sanh ở cõi này có nhân duyên lớn với Ngài, và vì sự giáo hóa của hai Đức Thế Tôn ở Tây Phương và Đông Độ liên quan nhau.

Về nguyên nhân thứ nhất, như kinh Vô Lượng Thọ nói: Đức A Di Đà trong thời kỳ tu nhân, đã phát nhiều thệ nguyện rộng lớn. Phần khái yếu trong các lời nguyện ấy là: ‘Khi tôi thành Phật, nếu có chúng sanh nào muốn sanh về nước tôi, siêng tu các căn lành và chí tâm xưng danh hiệu tôi cho đến mười niệm, như kẻ ấy không được vãng sanh thì tôi thề không thành chánh giác. Kẻ nào đã sanh về nước tôi mà còn bị thối chuyển và không quyết định được thành Phật, tôi thề không thành chánh giác.’ Nên trong Hoa Nghiêm Sớ nói: ‘Phật A Di Đà có lời thề sâu nặng nguyện tiếp dẫn chúng sanh ở cõi Ta Bà.’

Về nguyên nhân thứ hai, khi Phật Thích Ca còn ở đời, chúng sanh nghe lời từ huấn, quy hướng về Đức A Di Đà rất nhiều. Từ khi Đức Thế Tôn niết bàn về sau, không luận là hàng tăng tục nam nữ, giàu nghèo sanh hèn, kẻ đã nghe chánh pháp hay chưa biết gì về Phật Giáo vẫn thường xưng niệm danh hiệu A Di Đà Phật. Dù cho hạng hung dữ, kẻ không lòng tin, khi gặp cảnh nguy khốn tai nạn, hay lúc vui mừng, thán oán, bất giác cũng kêu gọi A Di Đà Phật. Cho đến trẻ nhỏ khi chơi

đùa vắn thường nắn hình, vẽ tượng Phật A Di Đà; người hát xướng hay đũa hài nhi năm ba tuổi nói năng chưa rành, cũng biết niệm A Di Đà Phật. Sự không ai khuyến khích mà vẫn biết niệm ấy không phải do nhân duyên là gì? Lại như trong kinh Vô Lượng Thọ, Đức Thế Tôn đã bảo: ‘Nay ta nói kinh này khiến cho chúng sanh được thấy Phật Vô Lượng Thọ và quốc độ của Ngài. Những kẻ muốn bước lên đường giải thoát, nên cầu vãng sanh. Pháp môn này mọi người đều có thể tu, chớ vì ta diệt độ rồi mà sanh lòng nghi hoặc. Trong đời đương lai, khi tam tạng giáo điển đã diệt hết, ta dùng nguyện lực từ bi, duy lưu kinh này trụ thế một trăm năm. Những chúng sanh nào có duyên được gặp, tùy ý mong cầu thấy đều đắc độ.’ Lại nói: ‘Sau khi kinh này diệt rồi, Phật pháp hoàn toàn mất hẳn trong đời, chỉ còn lưu truyền bốn chữ A Di Đà Phật để cứu độ chúng sanh; kẻ nào không tin mà hủy báng, sẽ bị đọa vào địa ngục, chịu đủ các sự khổ.’ Vì lẽ đó, nên ngài Thiên Thai nói: ‘Phải biết Đức Phật kia đối với cõi trược này, có nhân duyên rất lớn.’

Về nguyên nhân thứ ba, thì các vị tiên giác đều bảo: ‘Đức Thích Ca ứng sanh nơi cõi uế, đem các duyên: như ác, khổ não, vô thường, chướng nạn, mà chiết phục chúng sanh, khiến cho họ sanh lòng nhàm chán mà tu theo chánh đạo. Đức Di Đà hiện thân nơi cõi tịnh, dùng các duyên: trong sạch, an vui, lâu dài, không thối chuyển mà nhiếp hóa loài hữu tình, khiến cho họ khởi tâm ưa mến mà trở lại nguồn chân. Hai bậc Thánh Nhơn đã dùng hai môn chiết và nhiếp làm cho chánh giáo lưu hành, nên sự hóa độ có liên quan nhau. Lại

Đức Bổn Sư ngoài sự chỉ dạy ba thừa để giáo hóa chúng sanh, đặc biệt nói thêm môn Niệm Phật để nhờ Đức A Di Đà tiếp dẫn những kẻ còn chưa được độ. Vì thế, trong các kinh đại thừa, Đức Thế Tôn đã ân cần dặn bảo, luôn luôn khen ngợi và khuyến khích sự vãng sanh.’

Ba lý do trên đây đã nói rõ tại sao Đức A Di Đà được riêng suy cử, trong số mười phương chư Phật.

Hoặc vấn thứ 14

Hỏi:- Về việc duy chỉ cõi Cực Lạc, riêng suy cử Đức A Di Đà, cùng những ý nghĩa: chiết, nhiếp, chán, ưa, tôi đã nghe lời diệu chỉ. Nhưng thiết tưởng chân tâm vẫn bình đẳng trong lành, nếu còn niệm chán ưa, tức là còn sự ghét, yêu, lấy, bỏ. Như thế có lỗi hay chăng?

Đáp:- Ông chưa hiểu sâu về việc trên, nên mới có lời hỏi ấy. Sự chán ưa đó không phải là lòng yêu ghét của thế gian, mà chính là đường lối chung để chuyển phàm thành thánh của mười phương chư Phật. Nếu không chán bỏ, làm sao chuyển phàm; nếu không có ưa lấy, làm sao thành thánh?

Cho nên từ phàm phu đi đến thánh vị, từ thánh vị đi đến Đẳng Giác, khoảng thời gian tăng tiến đó, đều ở trong vòng lấy bỏ chán ưa. Chừng nào hành như đã chứng đến ngôi cực quả là Diệu Giác, mới không còn sự lấy bỏ chán ưa, vào thể như như bình đẳng. Vì thế tiên đức đã bảo: ‘Người tu trước tiên phải có lấy bỏ để đi đến chỗ không lấy bỏ. Khi sự lấy bỏ đã chí cực, thì

cùng với sự không lấy bỏ vẫn đồng nhau.’ Huống chi pháp môn Tịnh Độ vốn do Đức Thích Ca và Di Đà kiến lập, một vị khuyến khích cầu sanh, một vị giữ phần tiếp dẫn; nếu người tu tịnh nghiệp không có niệm chán bỏ thì làm sao lìa cõi Ta Bà, không có tâm ưa cầu, làm sao sanh về Cực Lạc? Sự sanh về Tịnh Độ chẳng qua là mượn thắng duyên bên cõi ấy để mau thành quả Bồ Đề, thì việc lấy bỏ chán ưa đã không có công lớn thì thôi, sao lại cho là có lỗi?

Hoặc vấn thứ 15

Hỏi:- Thuyết lấy bỏ đã đúng, tôi không còn dám luận bàn. Song việc vãng sanh chẳng biết có trái với lý vô sanh hay chăng?

Đáp:- Ngài Thiên Thai đã bảo: ‘Người trí sốt sáng cầu sanh Tịnh Độ, song hiểu rõ sanh thể vốn không. Đó chính là lý sanh mà vô sanh, và tâm tịnh cõi Phật thanh tịnh. Kẻ ngu bị cái sanh ràng buộc, nghe nói sanh hiểu là thật có sanh, nghe nói vô sanh lại nhận lầm rằng không sanh về đâu cả. Đâu biết sanh tức là vô sanh và vô sanh há lại ngại gì sanh ư?’ Trường Lô Thiền sư nói: ‘Cho sanh là thật có sanh, lạc vào lỗi chấp thường; cho vô sanh là không có sanh, lạc vào lỗi chấp đoạn. Sanh mà không sanh, không sanh mà sanh, mới chính thật đệ nhất nghĩa đế.’ Thiên Y Thiền Sư cũng bảo: ‘sanh thì quyết định sanh, song về vẫn thật không về.’ Lý thuyết của ba Đại Sư trên, ý nghĩa rất rõ ràng; nay tôi xin đem hai chữ *tánh, tướng* để giải thích rộng thêm. Về phần

tánh thì chân tâm màu lạng, thể nó vốn tự không sanh. Về phần tướng thì khi nhân duyên hòa hợp, trong chân tâm vẫn hiển hiện ra các tướng sanh diệt. Vì tánh hay hiện tướng, nên nói vô sanh tức là sanh. Vì tướng do tánh mà hiện, nên gọi sanh tức là vô sanh. Hiểu được nghĩa này thì sanh về Tĩnh Độ, tức là sanh trong thể duy tâm, sanh mà không sanh, lý đâu có trái!

Hoặc vấn thứ 16

Hỏi:- Thuyết vãng sanh, ý nghĩa đã rõ ràng. Song về việc đó, hàng học giả đời nay, trong ngàn muôn người, mấy ai được thông hiểu? Vì thế họ đều nghi rằng miền Cực Lạc cách đây mười muôn ức cõi, lộ trình đã xa vời, khi mạng chung làm sao có thể đến nơi? Chẳng biết Đại Sư có phương sách gì để thuyết minh việc ấy chăng?

Đáp:- Mới nghi ấy thật đã vớ vẩn! Tôi đã nhiều lần nói ngoài tâm không độ, ngoài độ không tâm, mà ông còn chưa hiểu sao? Song việc ấy không chi khác, chỉ vì nhiều người đã nhận lầm rằng tâm mình thuộc vào phạm vi nhỏ hẹp ở trong sắc thân. Họ đâu ngờ đó chỉ là vọng thức, mà thật ra chân tâm của mỗi người rộng rãi vô biên, bao trùm sa giới, đầy khắp thái hư. Cho nên mười phương hư không vô tận vô cùng, hằng sa thế giới vô biên vô số, đều bị tâm lượng của ta bao trùm và đầy khắp tất cả. Xem thế thì biết mười muôn ức cõi chỉ ở trong tâm ta, kỳ thật rất gần, có chi là xa? Và khi mạng chung được vãng sanh, cũng chỉ sanh ở trong tâm ta, kỳ thật rất dễ, có chi là khó? Thập Nghi Luận nói: ‘Mười

muôn ức cõi là đối với tâm lượng của hạng nhục nhãn phàm phu ở trong nẻo luân hồi mà nói đó thôi. Nếu đối với chúng sanh tịnh nghiệp thành tựu, thì tâm ở trong định khi lâm chung, chính là tâm thọ sanh về Tịnh Độ, vừa động niệm liền được vãng sanh. Vì thế trong Quán Kinh nói: ‘cõi nước của Phật A Di Đà cách đây không xa.’ Lại nghiệp lực không thể nghĩ bàn, trong niệm liền được sanh về cõi Phật, không cần phải lo đường lối xa xôi. Ví như người nằm mơ, thân tuy ở nơi giường mà tâm đi khắp các nơi xa lạ như lúc còn thức. Sự sanh về Tịnh Độ đại để cũng như vậy.

Các kinh có chỗ nói trong khoảng khảy ngón tay, liền được vãng sanh. Có chỗ nói khoảng co duỗi cánh tay, hoặc nói trong khoảnh khắc. Nên Tự Tín Lục đã bảo: ‘Trong khoảnh khắc liền vượt qua mười muôn ức cõi, vì tự tâm vốn nhiệm mầu.’ Những điểm thí dụ trên đại ý chỉ cho: vì sanh trong chân tâm rộng lớn của mình, nên rất dễ và rất gần đó thôi. Hãy gác qua việc chân tâm rộng, nay tôi chỉ căn cứ nơi tâm lượng phàm phu nhỏ hẹp của ông, lập ra một thí dụ cho dễ hiểu: Ví như từ đây sang sứ Tây Thiên Trúc, lộ trình trải qua nhiều nước và xa hơn mười muôn dặm. Có người tuy chưa đi đến Tây Thiên, nhưng nghe kẻ khác đã đi rồi trở về thuật lại rành rẽ, để ý ghi nhớ kỹ nơi lòng. Về sau người ấy trong khi ngồi nằm, bỗng động niệm nhớ lại việc trước, suy nghĩ trải qua ngàn dặm đến nước nào, muôn dặm đến nước nào, và kết cuộc đến xứ Thiên Trúc ra làm sao; liền thấy hiện ra cảnh giới của mỗi giai đoạn, lúc nghĩ tới đâu như thấy mình thân hành đến

ngay nước đó. Sự vãng sanh về Cực Lạc cũng không ngoài đạo lý ấy, trong khoảng khảy ngón tay hoặc trong một niệm liền đi đến, có chi là khó khăn ư? Nếu ông không tu Tịnh Độ mà muốn đến Cực Lạc, cố nhiên là khó; như tịnh nghiệp của ông thành tựu thì sự đi đến rất dễ dàng. Chỉ cần quyết tâm là sẽ được mãn nguyện, Phật Thánh không khi nào có lời nói dối đâu!

Hoặc vấn thứ 17

Hỏi:- Không tu tịnh nghiệp, tất khó vãng sanh, đó là điều chắc chắn. Nhưng tại sao hàng phàm phu nghịch ác khi lâm chung cũng có thể vãng sanh? Điểm ấy tôi còn chưa hiểu và có chỗ nghi ngờ, mong Đại Sư chỉ dạy rành rẽ?

Đáp:- Trong Quán Kinh đã dạy: ‘Hạ phẩm hạ sanh là như có người tạo tội ngũ nghịch, thập ác, làm đủ các việc không lành, do vì ác nghiệp, nên đáng lẽ phải bị đọa vào ác đạo, trải qua nhiều kiếp, chịu khổ vô cùng! Nhưng khi lâm chung, kẻ ấy được gặp thiện tri thức an ủi và thuyết pháp cho nghe, khuyên phải nhớ tưởng đến Phật; song đương nhơn vì bị sự khổ bức bách nên không nhớ tưởng được. Thiện hữu lại bảo: ‘Nếu ông không thể nhớ Phật, thì hãy chí tâm xưng *Nam Mô A Di Đà Phật* âm thanh liên tiếp nhau cho đủ mười niệm.’ Người ngu ác kia vâng lời hết lòng xưng danh, nên trong mỗi niệm diệt được tội nặng nơi đường sanh tử trong tám mươi ức kiếp. Khi người ấy niệm Phật, bỗng thấy hoa sen vàng chói sáng như vàng nhựt hiện ra ở

trước, trong khoảng một niệm, đương nhiên liền được sanh về thế giới Cực Lạc và kế tiếp đó phải ở trong hoa sen mãn mười hai đại kiếp. Khi hoa sen nở ra, kẻ ấy thấy Đức Quán Thế Âm, Đại Thế Chí dùng tiếng đại bi, vì mình nói thật tướng của các pháp và cách trừ diệt tội chướng. Đương nhơn nghe pháp rồi tự nhiên vui vẻ, phát tâm Vô Thượng Bồ Đề.’

Đoạn kinh trên chỉ rõ cảnh tượng của bậc hạ phẩm hạ sanh. Mười hai đại kiếp ở trong hoa sen, tuy thời gian có lâu xa, nhưng người vãng sanh thấy mình ở trong một bầu thế giới riêng biệt, hưởng thọ sự vui như chư thiên nơi cung trời Đao Lợi. Vì thế cổ đức đã bảo: ‘Trong hoa vui vẻ như Đao Lợi. Khác hẳn thai phàm của thế gian.’

Theo Quán Kinh Sớ, thì người nghịch ác mà được vãng sanh, là do khi lâm chung, kẻ ấy chí tâm niệm Phật, nên tội chướng được tiêu trừ. Thế thì ý của Sớ Văn cho sự niệm Phật là thắng duyên vãng sanh. Riêng tôi, sau khi tham khảo các kinh luận và sớ giải về Tịnh Độ, lại ước kết trong ba nghĩa:

Điều thứ nhất, hành nhơn chỉ niệm Phật trong thời gian ngắn ngủi mà có thể thắng nổi nghiệp ác trọn đời, là do nhờ tâm lực rất mạnh mẽ ý chí cực quyết định; đó gọi là đại tâm. Tình cảnh ấy ví như người bị quân giặc vây khốn, đang lúc nguy cấp, do liều chết không kể đến thân mạng, nên phát được sức dũng mãnh cùng cực, xông phá vượt ra khỏi trùng vi.

Điều thứ hai, kẻ ấy tuy tạo ác, song hoặc hiện đời đã có tu Tam Muội, nên khi lâm chung nghe người nhắc

bảo, định lực được dễ thành. Đây cũng thuộc về hạng người, mà trong nhà Phật gọi là thừa cấp giới huân. Nếu đương nhơn hiện đời không tu Tam Muội, tất đời trước cũng đã có huân tu. Hạt giống lành ấy nay đã đến thời kỳ thuần thực, nên khi lâm chung gặp thiện tri thức khuyến bảo, kẻ đó nương nơi túc thiện nghiệp, trong mười niệm mà được thành công.

Điều thứ ba, nếu không phải do công tu trong hiện đời hay nghiệp lành về kiếp trước, tất khi lâm chung kẻ ấy đã niệm Phật với lòng sám hối tha thiết cùng cực. Nên ngài Vĩnh Minh nói: ‘Vì thể nhân duyên vốn không, nên nghiệp thiện ác chẳng định; muốn rõ đường siêu đọa, phải nhìn nơi tâm niệm kém hơn. Cho nên một lượng vàng ròng thặng nổi bông gòn trăm lượng, chút lửa le lói đốt tiêu rơm cỏ muôn trùng.’

Một trong ba nhơn duyên trên, cộng thêm công đức của Phật hiệu, nguyện lực của Di Đà, nên khi lâm chung kẻ nghịch ác mới thặng được tội khiên, sanh về Cực Lạc.

Hoặc vấn thứ 18

Hỏi:- Sống trong đời ác năm trước, mỗi người đều có tội; giả sử không tạo tội nặng ngũ nghịch, thì cũng vương vào các lỗi khác. Nếu có người không sám hối, hoặc sám hối mà tội chưa tiêu diệt hết, khi bình thời và lúc lâm chung đều chí tâm niệm Phật, thì có được vãng sanh hay chẳng?

Đáp:- Những kẻ hành trì như thế đều được vãng sanh, do nhờ sức đại nguyện không thể nghĩ bàn của Đức A Di Đà. Kinh Na Tiên nói: ‘Như đem tảng đá thật to để trên thuyền, do nhờ sức thuyền nên đá không bị chìm và được chuyển sang bờ bên kia. Nếu không có thuyền thì dù đem hạt cát để xuống nước, hạt cát ấy cũng vẫn bị chìm.’ Tảng đá to dụ cho người nghiệp nặng, hạt cát dụ cho người nghiệp nhẹ, chiếc thuyền dụ cho nguyện lực của Phật. Người dù nghiệp nặng bao nhiêu mà biết ăn năn chí tâm niệm Phật thì cũng được Phật tiếp dẫn, ví như tảng đá to được thuyền chở qua bờ bên kia. Kẻ nghiệp tuy nhẹ mà không niệm Phật, khi mạng chung sẽ tùy nghiệp chịu khổ luân hồi, ví như hạt cát bị chìm, bởi không thuyền chuyên chở. Cho nên trong nhà Phật có thuyết *đới nghiệp vãng sanh*, là còn mang nghiệp mà được sanh về Tây Phương, chính ý nghĩa đó. Trong Tịnh Độ văn, đoạn nói về bốn cõi cũng bảo: ‘Người còn đủ hoặc nhiễm, vẫn được sanh về Đồng Cư Tịnh Độ.’ Như Hùng Tuấn, Trương Chung Quỳ, và một người ở Phần Châu đều lấy nghiệp đồ sát làm nghề sanh sống; khi lâm chung cả ba người kẻ thì thấy bầy trâu ồ ạt kéo đến muốn chém, kẻ lại thấy thần nhơn đuổi bầy gà đến mổ khắp cả mình và đôi mắt, làm cho máu chảy ướt giường. Nhưng nhờ chí tâm niệm Phật, nên cả ba đều thoát khỏi nghiệp nê lê (địa ngục), được sanh về Cực Lạc. Sự tích này có chép rõ trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục. Những việc trên đây không phải bằng chứng của Phật lực là gì?

Xin đem một thí dụ nữa để nói rõ: Như có người phạm pháp quan đáng lẽ phải bị tù ngục, nhưng kẻ ấy biết cầu cứu với vua, nhờ che chở cho để chờ lúc lập công; do vua tuyên triệu nên quan không thể gia hình. Đương nhơn nhờ đó mà đi thẳng đến đế kinh, không ai cầm bắt được. Cho nên bộ Tây Tư Sao nói: ‘Chúng sanh được về Tịnh Độ là do nhờ Đức Thích Ca chỉ đường, Phật A Di Đà tiếp dẫn, và chư Phật mười phương đều hộ niệm. Như người qua biển cả, đã được thuyền to, lại nhờ tay lương đạo, thêm vào đó sức gió thuận, nên có thể mau đến bờ bên kia. Nếu còn không chịu bước lên thuyền, lưu liên nơi miền ác địa, đó là lỗi của ai ư?’

Hoặc vấn thứ 19

Hỏi:- Trước đã nói: ‘Hàng phàm phu cũng được lên ngôi bất thối.’ Theo thiền ý, ngôi bất thối là để cho hạng người không ác nghiệp. Nay những kẻ đối nghiệp vãng sanh mà cũng được bất thối ư?

Đáp:- Chỉ được vãng sanh là đều lên hàng bất thối chuyển. Kinh nói: ‘Những kẻ sanh về, đều trụ nơi chánh định tụ.’ Lại nói: ‘Ở cõi Cực Lạc, chúng sanh nào sanh về đó, đều là bậc A Bệ Bạt Trí.’ Thập Nghi Luận nói: ‘Có năm nhân duyên khiến cho người vãng sanh không thối chuyển: 1- Do nguyện lực đại bi của Phật nhiếp trì. 2- Ánh sáng của Phật thường soi đến thân, nên lòng Bồ Đề của chư thiện nhơn luôn luôn tăng tiến. 3- Chim, nước, rừng cây, gió, âm nhạc,

thường phát ra tiếng pháp: khổ, không, vô thường, vô ngã; hành giả nghe rồi sanh lòng niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng. 4- Chúng sanh được sanh về Cực Lạc, thì bạn lành toàn là bậc Bồ Tát thượng thiện, tuyệt tất cả chướng nạn, ác duyên, lại không ngoại đạo, tà ma, nên tâm thường an tịnh. 5- Đã được sanh về cõi ấy, thì thọ lượng vô cùng, đồng với Phật và Bồ Tát, an nhiên tu tập trải qua vô biên A Tăng Kỳ kiếp,’ Cổ đức cũng bảo: ‘Không nguyện sanh Tịnh Độ thì thôi, có thật nguyện tất đều được vãng sanh. Không sanh Tịnh Độ thì thôi, đã vãng sanh tất đều được bất thối chuyển.’

Hoặc vấn thứ 20

Hỏi:- Kể một đời tạo ác, khi lâm chung duy niệm Phật, đã được đơi nghiệp vãng sanh, lại còn không thối chuyển; nguyện lực của Đức A Di Đà thâm diệu, thật không thể nghĩ bàn! Vậy thì bây giờ tôi tạo tác theo duyên đời, đơi khi sắp chết rồi sẽ niệm Phật có được chăng?

Đáp:- Khổ thay! Lời ấy rất ngu muội sai lầm, còn nguy hiểm hơn thứ rượu độc, đã hại mình lại làm hại lây đến hàng tăng ni, người, thiện tín trong đời nữa! Sở dĩ hàng phàm phu nghịch ác khi lâm chung biết niệm Phật, là do từ trước họ đã có căn lành, phước đức, nhân duyên, nên mới được gặp thiện tri thức, mới khởi lòng tin tưởng và phụng hành. Đó là việc cầu may trong muôn một, đâu phải mỗi người đều được như thế? Luận Quần

Nghi nói: ‘Trong đời có mười hạng người khi lâm chung không niệm Phật được: 1- Không gặp bạn lành, nên chẳng ai khuyên niệm. 2- Nghiệp khổ bức thiết, không yên ổn rồi rảnh để niệm Phật. 3- Trúng phong cứng họng, không thể xưng danh Phật. 4- Cuồng loạn mất trí, không thể chú tâm tưởng niệm. 5- Thoạt gặp tai nạn nước lửa, mất sự điềm tỉnh chí thành. 6- Bỗng gặp cọp beo ác thú làm hại. 7- Khi lâm chung bị bạn ác phá hoại lòng tin. 8- Gặp bạo bệnh hôn mê bất tỉnh mà qua đời. 9- Bị trúng thương thoạt chết giữa quân trận. 10- Từ trên cao té xuống mà mạng vong.’

Mười sự kiện trên đây là những việc thường nghe thấy, không luận tăng, tục, nam, nữ, hạng nào cũng có thể bị vướng vào. Đó là do túc nghiệp hoặc hiện nghiệp chiêu cảm, nên sự việc bỗng nhiên xảy ra, không còn trốn tránh kịp. Ông đã không phải là bậc thánh như chứng túc mạng thông, biết được khi lâm chung có nghiệp hay không nghiệp, lại chẳng phải là bậc đủ tha tâm, thiên nhãn, biết mình khi mạng chung chết tốt hoặc xấu, mà bình thời không niệm Phật, đến khi lâm chung nếu rủi mắc phải một trong mười duyên ác đó, thì sẽ liệu ra sao? Chừng ấy dù có Phật sống hay bao nhiêu thiện tri thức đứng vây quanh cũng không làm thế nào cứu được, và thần thức ông sẽ tùy theo nghiệp đi vào chốn tam đồ bát nạn, nhiều kiếp chịu khổ, biết có còn được nghe danh hiệu của Phật như ngày nay chăng?

Giả sử ông không bị những ác duyên đó, chỉ bệnh sơ sài rồi mãn phần, thì lúc sắp chết bốn đại phân ly, gân

xương rút chuyển, thân tâm đau đớn kinh hoàng, như con đò mồi bị lật vẫy, con cua rớt vào nước sôi, làm sao mà niệm Phật? Dù cho ông không bệnh mà chết một cách yên ổn nữa, khi lâm chung hoặc e duyên đời chưa dứt, niệm tục còn vương, nổi tham sống sợ chết làm cho tâm ý rối loạn phân vân cũng không niệm Phật được. Nếu là người tục, thì lại thêm gia vụ chưa xong xuôi, việc sau chưa sắp đặt, vợ kêu con khóc, trăm mối ưu tư cũng không rỗi rảnh để niệm Phật. Chẳng đợi lúc lâm chung, giả sử trước khi ông chưa chết mà có chút bệnh nơi thân, phải gắng chịu sự đau khổ, rên rĩ không yên, tìm thuốc hỏi thầy, nhờ người cầu an sám hối, tạ niệm rồi ren, chưa dễ nhiếp tâm niệm Phật. Dù lúc ông chưa có bệnh, thì bị tuổi cao sức yếu, đủ sự kém suy, áo não buồn than, chỉ lo sự việc trên cái thân già còn chưa xong, chắc chi đã niệm Phật? Ví như lúc ông chưa già, thân lực đang cường tráng, mà còn đeo việc thế, chưa dứt niệm đời, bôn tẩu đông tây, âu lo đủ việc, biển thức mệnh mang, làm sao có thể niệm Phật? Dù ông được muôn duyên rỗi rảnh, có chí tu hành, nhưng đối với tướng thế gian, nếu nhìn không thấu, nắm không vững, dứt không xong, khi xúc đối với ngoại duyên không thể tự chủ, tâm tùy theo cảnh mà điên đảo làm sao yên chí để niệm Phật?

Ông thử nghĩ xem, chỉ khi già, bệnh, cho đến thuở mạnh khỏe an nhàn nếu còn một việc đeo đẳng nơi lòng, cũng không thể chánh tâm niệm Phật, huống nữa là đợi đến lúc lâm chung ư? Phương chi, ông lại còn nói tạo tác theo duyên đời, đó phải chăng là lời si mê, là

chỗ dụng tâm rất nên làm lỗi? Về sự nghiệp thế gian, như giấc mơ, trò huyền, như bóng bọt, tiếng vang, chỉ thoáng chốc rồi không, nó có lợi ích chi thiết thật cho ông trên đường giải thoát? Dù cho ông có tạo được chùa chiền quy mô rộng lớn, gây nên thanh thế địa vị cao tôn, kết thân với nhiều kẻ quyền chức sanh giàu, trong tâm tự hào cho đó là đã thành công nơi đường tu, đâu ngờ thật ra chính lại phạm nhằm điều răn của tiên thánh! Bởi cổ đức từng khuyến giới rằng: ‘Người xuất gia phải chí thú nơi sự giải thoát, đừng quá đua theo công nghiệp hữu vi, vì trong ấy có nhiều làm lỗi, e cho thiên đường chưa thấy, địa ngục đã trước! Nếu việc sống chết chưa xong, thì tất cả công nghiệp hữu vi đều là nguyên nhân của sự khổ. Một mai nhắm mắt đi rồi, tùy theo nghiệp mà thọ báo, chừng ấy mới hay việc đã làm là trên gông cùm thêm xiềng xích, dưới vạc nóng thêm củi than, mãnh pháp y đã mất nơi thân, nẻo dị loại đổi hình muôn kiếp!’

Qua mấy lời trên, nếu người có chí giải thoát, biết cảm thương thân thể của mình, phải nên động lòng rơi lệ! Tổ sư đã tha thiết khuyên răn như thế, đâu có hứa cho ông tạo tác duyên đời, rồi đợi khi lâm chung mới niệm Phật ư?

Ông há không thấy Tử Tâm Thiền Sư bảo: ‘Trong đời, những người tiền của như núi, thê thiếp đầy nhà, đâu phải họ không muốn trẻ mãi để ngày đêm hưởng phước báo thế gian? Nhưng vì kiếp sanh có hạn, tháng năm thúc dục tuổi già, cái chết há thiên vị kẻ giàu sang, sức nghiệp đâu nề kiêng người tài trí? Chừng ấy tội

hành nghiệp cảm, còn chi là thói phong lưu; kiếp trả đền vay, lưỡng hối cho đời phóng đảng! Những việc vừa nói, thế nhân hầu hết mắt đã từng thấy và tai cũng đã từng nghe. Người đời thường lần lựa chờ khi lớn tuổi, việc nhà xong xuôi rồi sẽ niệm Phật, nhưng cái chết đâu có hẹn trẻ hay già, và tuy nói như thế, đã mấy ai tuổi cao mà biết lo niệm Phật? Cổ nhơn bảo: ‘Chớ đợi đến già rồi niệm Phật. Đồng hoang mồ trẻ đã nhiều đây!’ Lại nói: ‘Con người từ lúc còn trẻ, có gia đình rồi đến nuôi con cái, trong cuộc sanh sống phải chịu biết bao là nỗi khổ nhọc đắng cay! Khi hơi thở đã tàn thì gia đình tiền của, tất cả đều bỏ lại hết, chỉ theo nghiệp mà đi. Nếu là con có nghĩa thì nó khóc cho ít tiếng, đốt cho mấy xấp giấy tiền, rước thầy tụng cho năm ba bộ kinh, rồi đến ngày lại sắm cơm canh cúng quải; đó gọi là còn biết tưởng nhớ đến mẹ cha. Rủi gặp con bất hiếu, thì cha mẹ vừa nhắm mắt, đầu xương chưa lạnh, nó đã lo tranh nhà giành đất, cãi cọ kiện thưa, khi được phần rồi lại phung phí ăn chơi, thậm chí lãng quên ngày cúng giỗ. Việc đời kết cuộc bất quá chỉ như thế, có điều chi đáng hẹn chờ! Cho nên bậc hiểu rộng thấy xa, phải sớm niệm Phật tu hành, con cháu mỗi người tự có phước riêng, kẻ làm cha mẹ chỉ lo bốn phận phần nào mà thôi, chớ vì nó suốt đời làm thân trâu ngựa!’ Xin dẫn thêm ra đây mấy lời của cổ đức: ‘Cười thương kẻ giàu sang. Lo giàu thêm rộn ràng! Hủ gạo sanh sâu mọt. Kho tiền đầy ngổn ngang. Ngày cầm cân suy nghĩ. Đêm đốt đuốc tính toán. Hình hài trơ lẩn thẩn. Tâm trí

rối bàng hoàng. Vô thường khi chợt đến. Biển nghiệp sóng mênh mang!’

Ngài Tử Tâm đã tha thiết nhắc khuyên như thế, đâu có hứa cho ông tạo tác duyên đời rồi đợi đến khi lâm chung mới niệm Phật ư?

Cho nên ông phải xét nghĩ kiếp người mong manh ngắn ngủi, như lửa nhán thân đá, như chớp giạt lưng trời, mới còn đó đã mất đi, có chi là trường cửu? Phải nhận định cho chắc, rồi thừa lúc chưa già chưa bệnh, gác qua thế sự, rửa sạch thân tâm, được một ngày quang âm lo một ngày niệm Phật, được một khắc rồi rảnh tu một khắc công phu, đến lúc lâm chung mọi việc đã an bài, trời tây cũng sẵn mở lối đường quang đặng! Bằng chẳng thế khi duyên nghiệp đáo đầu, chừng ấy ăn năn đã muộn! Nên suy nghĩ kỹ!

Hoặc vấn thứ 21

Hỏi:- Lời ngu giả đã thành lỗi lầm, dù có dong xe bốn ngựa cũng không thể vớt lại kịp! Nghe qua mấy điều Đại Sư chỉ dạy, ai lại chẳng lạnh lòng! Hiềm vì nổi lòng người tuy dễ tinh tiến song cũng dễ thối lui, khi nghe lời khuyên nhắc thì dũng mãnh siêng năng, lúc gặp việc chi chướng ngại lại giải đãi thối lui ngã theo hướng khác. Phần đông đều bảo: kết quả của sự niệm Phật có lẽ đợi sau khi chết rồi; còn hiện tại chỉ thấy nhọc nhằn mà không lợi ích chi thiết thật cả. Phải chăng đó cũng là duyên cố thích đáng trong sự thối tâm biếng trễ của người tu?

Đáp:- Chỗ thấy của ông chưa được rộng. Trong kinh nói: Người nào chí tâm thọ trì danh hiệu Phật, hiện đời sẽ được mười điều thắng lợi:

- 1- Ngày đêm thường được tất cả chư thiên, đại lực thần tướng và hằng sa quyến thuộc ẩn hình ủng hộ.
- 2- Thường được hai mươi lăm vị Đại Bồ Tát như Đức Quán Thế Âm và tất cả Bồ Tát theo thủ hộ bên mình.
- 3- Hằng được chư Phật ngày đêm hộ niệm; Đức A Di Đà thường phóng ánh sáng nhiếp thọ người ấy.
- 4- Tất cả ác quỷ như Dạ Xoa, La Sát đều không thể làm hại. Tất cả rồng độc, rắn độc và thuốc độc đều không thể xâm phạm.
- 5- Không bị những tai nạn như: nước trôi, lửa cháy, giặc oán, đao tên, gông xiềng, tù ngục, hoạch tử.
- 6- Những nghiệp ác về trước lần lượt tiêu diệt. Những oan mạng bị đương nhưn giết, nhờ công đức niệm Phật, đều được giải thoát, không còn theo báo phục.
- 7- Đêm nằm nghỉ yên ổn, hoặc mơ thấy điềm lành hay thấy sắc thân thắng diệu của Phật A Di Đà.
- 8- Tâm thường an vui, nhan sắc sáng nhuận khí lực đầy đủ, việc làm có kết quả tốt đẹp.
- 9- Thường được mọi người kính trọng giúp đỡ, hoặc hoan hỷ lễ bái cũng như kính Phật.
- 10- Khi lâm chung tâm không sợ hãi, chánh niệm hiện ra, được thấy Phật A Di Đà và các Thánh Chúng tay bưng đài vàng tiếp dẫn vãng sanh về Cực Lạc, cùng tận kiếp vị lai hưởng thọ sự vui nhiệm màu.

Mười điều lợi ích như trên chính do kim khẩu nói ra, mà kinh văn đã ghi chép lại. Niệm Phật đã có lợi ích trong hiện tại và tương lai như vậy, thì đó chính là pháp khẩn yếu trong các môn thế và xuất thế gian. Cho nên người tu chỉ gắng tinh tấn, đừng mang tâm niệm hoài nghi.

Hoặc vấn thứ 22

Hỏi:- Về môn niệm Phật, nhờ ơn nhiều phen chỉ dạy, nên các mối nghi đã tiêu tan, và lòng chánh tín cũng đã khai phát. Nhưng trước đã nói: ‘Gác qua thế sự, rửa sạch thân tâm,’ mà người đời hoàn cảnh đều khác nhau; kẻ được rảnh rỗi thuận duyên thì có thể tu hành, người bị trăm việc buộc ràng phải làm sao để tu tập?

Đáp:- Nếu người tu biết thống cảm cảnh vô thường và thiết tha vì sự giải thoát, thì dù gặp duyên thuận nghịch khổ vui, động tịnh gặp hỷ, hoặc khi tiếp tân đãi khách, lo việc công tư, đối xử muôn duyên, ứng thù tám mặt, cũng không ngại gì đến sự niệm Phật. Cổ nhơn đã bảo: ‘Non cao khó đón đường mây bạc. Trúc rậm khôn ngăn ngọn suốt trong!’ Lại nói: ‘Mai lại A Di Đà. Chiều cũng A Di Đà. Dù gặp như tên bắn. Không rời A Di Đà.’ Cho nên muôn cảnh vẫn nhàn, tự mình náo động, nếu người thiết thật cầu về Cực Lạc và biết cách dụng tâm, thì không có duyên nào làm trở ngại được sự tu niệm cả.

Tuy nhiên, những kẻ năng lực kém yếu, việc đời bận nhiều, phải nên trong gấp cố tìm chút thời giờ rảnh, trong động gắng giữ niệm lắng yên, rồi tùy sức niệm Phật hoặc nhiều hoặc ít. Mỗi ngày nên định khóa hoặc ba muôn hay một muôn câu, ba ngàn hay một ngàn câu, và giữ mực thường hằng, đừng cho gián đoạn. Nếu vị nào duyên sự quá nhiều, ít có giây phút rảnh, thì mỗi buổi sớm mai tu theo pháp Thập Niệm Hồi Hương, cứ giữ như thế suốt đời, cũng được nhờ ơn tiếp dẫn. Người có thì giờ hay phương tiện, ngoài thời niệm Phật, hoặc trì chú tụng kinh, hoặc sám hối bố thí, tùy phần tùy lực mà tu các phước lành, dù có mảy may công đức, cũng đem hồi hương Tây Phương. Dụng công như thế, chẳng những quyết định được vãng sanh mà cũng sẽ tăng cao thêm phẩm vị.

Hoặc vấn thứ 23

Hỏi:- Từ trước đến nay, kẻ hậu tiến này chỉ nghe nói nhiều về niệm Phật mà chưa hiểu rõ phương châm; và pháp Thập Niệm Hồi Hương thế nào, riêng lòng cũng chưa được tường tất. Xin nhờ Đại Sư chỉ thị?

Đáp:- Niệm Phật là duyên tưởng theo ba mươi hai tướng, buộc tâm vào định, làm sao cho khi mở mắt hay nhắm mắt thường được thấy Phật. Hoặc phương pháp nữa là chuyên xưng danh hiệu, chấp trì không tán loạn, cứ bền giữ như thế, trong đời này cũng được thấy Phật. Hiện nay, tôi thấy phần đông người tu Tịnh Độ đều lấy pháp Trì Danh làm thắng. Phép xưng danh cần phải

lắng lòng không cho tán loạn, mỗi niệm nối tiếp nhau, buộc tâm nơi hiệu Phật. Khi miệng niệm Nam Mô A Di Đà Phật, tâm phải soi theo mỗi câu mỗi chữ cho rành rẽ rõ ràng. Khi xưng danh hiệu Phật, không luận ít hay nhiều, đều phải một lòng một ý tâm tâm nối nhau. Niệm như thế, mới có thể mỗi câu diệt được tội nặng nơi đường sanh tử trong tám mươi ức kiếp. Nếu chẳng vậy thì tội chướng khó tiêu trừ.

Còn về pháp Thập Niệm, thì mỗi buổi sớm mai hành giả phải quỳ trước bàn Phật, hoặc chấp tay đứng ngay thẳng hướng về phương Tây, niệm Phật liên tiếp, luôn một hơi, cứ mỗi hơi kể một niệm, mười hơi là mười niệm. Khi niệm không hạn số câu ít hay nhiều, chỉ tùy theo hơi dài ngắn, chuyên chú niệm luôn cho hết hơi mới thôi. Nên giữ tiếng niệm Phật cho rành rẽ, không thấp không cao, không gấp không huẩn, niệm mười hơi liên tiếp, chớ để tâm ý tán loạn. Đây là pháp mượn hơi nhiếp tâm, quý ở nơi chuyên nhứt, và phải giữ như thế trọn đời, không được một ngày tạm bỏ.

Về phần hồi hướng là sau khi niệm xong, dùng tâm chí thành nguyện rằng: ‘Con là (pháp danh), phát lòng Bồ Đề, một lòng quy mạng Đức A Di Đà, nguyện về Cực Lạc. Xưa Phật lập thế: ‘Nếu chúng sanh nào muốn về nước ta, hết lòng xưng danh, cho đến mười niệm, như không được sanh, ta không thành Phật.’ Con nguyện nương nhờ, từ lực của Phật, tội diệt phước sanh. Con nguyện lâm chung, biết ngày giờ trước, dứt trừ chướng ngại, Phật cùng Thánh Chúng, tiếp dẫn vãng sanh, mau ngộ Phật Thừa, độ khắp muôn loại.’

Môn Thập Niệm Hồi Hướng trên đây là phương pháp rất thiết yếu của tiên đức đã chỉ dạy. Môn này rất được thanh truyền và có lợi ích cho đời, người niệm Phật nên tuân hành.

Hoặc vấn thứ 24

Hỏi:- Đối với người ở trong lưới tục, cổ đức đã tùy lượng mà chỉ dạy phương pháp rất cặn kẽ rõ ràng. Nhưng với chúng tôi là hạng người thế ngoại, lại phải làm sao để dụng công?

Đáp:- Trước tôi đã nói pháp tu có nhiều loại tổng nhiếp thành ba môn. Trong ba môn ấy, mỗi người tùy ý mình lựa chọn hoặc chuyên tu hay kiêm tu, chỉ yếu tâm chân thiết và giữ cho bền lâu, tự sẽ có kết quả.

Hoặc vấn thứ 25

Hỏi:- Phương tu viên quán, pháp niệm duy tâm, dường như hành môn của bậc thượng khí. Còn mười nguyện trong kinh Hoa Nghiêm, mười tâm trong kinh Bảo Tích, cũng là dụng công của hạng lợi căn. Nếu như căn khí không xứng hợp, e cho công hạnh khó thành! Nay tôi tự xét căn tánh và sở thích của mình, thì chỉ nên chuyên trì danh hiệu, nếu rảnh thì thêm lễ Phật sám hối mà thôi. Ý Đại Sư như thế nào?

Đáp:- Lành thay! Ông biết tự lượng đó! Xét qua lời ông nói thật rất hợp với thuyết chuyên tu vô gián của Thiện Đạo Đại Sư. Thuyết ấy đại khái như sau:

Chuyên tu là do chúng sanh phần nhiều chướng nặng, tâm tưởng thô phù, ý thức rối loạn, mà quán cảnh lại quá tinh tế, nên công hạnh khó thành. Do đó nên đáng đại thánh xót thương, bảo chuyên xưng ngay danh hiệu; vì xưng danh rất dễ, nếu giữ mỗi niệm tương tục, liền được vãng sanh. Kẻ nào suốt đời hành trì như thế, thì mười tu mười người về, trăm tu trăm người về. Bởi tại sao? Vì không tạp duyên nên dễ được chánh niệm. Vì cùng với bản nguyện của Phật hợp nhau. Vì không trái giáo pháp. Vì thuận theo lời Phật dạy. Nếu bỏ chuyên tu mà hành theo tạp hạnh để cầu sanh thì trong trăm ngàn người chỉ hy vọng được ba bốn. Sở dĩ như thế, vì bởi tạp duyên loạn động làm mất chánh niệm. Vì trái bản nguyện của Phật. Vì trái giáo pháp. Vì không thuận theo lời Phật dạy. Vì sự hệ niệm không nối tiếp nhau. Vì không tương tục để báo ân Phật. Vì tuy có hạnh lành mà tương ứng với danh lợi. Vì ưa theo tạp duyên mà làm chướng sự sanh Tịnh Độ cho mình và người.

Vô gián tu là thân chuyên lễ Phật A Di Đà, không lễ vị thánh nào khác; miệng chuyên xưng danh Phật A Di Đà, không trì tụng các kinh và xưng danh hiệu khác; ý chuyên tưởng Phật A Di Đà, không xen tạp các tưởng niệm khác. Lại khi những nghiệp tham, sân, si, nổi lên làm cho công tu gián đoạn, phải tùy phạm tùy sám hối, đừng để qua cách ngày, cách đêm, cách giờ. Phải làm

sao giữ một niệm thanh tịnh, không xen tạp, không hở dứt, đó mới thật là vô gián tu.

Trên đây là pháp chuyên tu vô gián của Thiền Đạo Đại Sư. Theo Thiền Trúc Truyện, Đại Sư là hóa thân của Phật A Di Đà. Chỗ lập thuyết của ngài, điểm chính yếu là ở nơi niệm niệm tương tục. Cô Sơn Hòa Thượng cũng bảo: ‘Chẳng nên xưng danh tán loạn, phát nguyện lơ là.’ Và Vĩnh Minh Đại Sư cũng dạy: ‘Phải một lòng quy mạng, trọn kiếp tinh tu khi ngồi nằm thường hướng về Tây. Lúc lễ bái, niệm Phật, phát nguyện, phải khẩn thiết chí thành, không xen lẫn tạp niệm, trạng như người sắp bị hình phạt, như kẻ đang ở lao tù, như người gặp giặc oán rượt theo, như bị nạn nước lửa bức bách, một lòng cầu cứu, nguyện thoát khổ luân, mau chứng vô sanh, để nối ngôi Tam Bảo, đền đáp bốn ân, độ loài hàm thức. Chí thành như thế, tất công phu không uổng. Trái lại, nếu lời và hạnh không hợp nhau, lòng tin không vững chắc, niệm lực thường gián đoạn không tương tục, đem sự biếng trễ ấy để mong vãng sanh, thì e cho khi lâm chung khó gặp bạn lành, bị sức nghiệp lôi kéo, sự đau khổ ép bức mà không thành chánh niệm. Vì sao? Bởi việc hiện tại là nhân, lúc lâm chung là quả; nhân phải cho thật, quả mới không hư, như âm thanh lớn thì tiếng vang dội rền xa, và hình ngay bóng mới thẳng vậy.’

Hoặc vấn thứ 26

Hỏi:- Tu làm sao cho mỗi niệm nối nhau, thật ra tôi vẫn muốn được như thế. Song chỉ hiềm định lực chưa

thành, niệm đầu không chủ, hoặc tri giác cũ khó quên, hoặc tư tưởng vọng nổi dậy, hoặc xúc đối cảnh duyên tự kèm giữ không vững, hoặc tâm tình rối loạn cố ngăn dẹp chẳng kham. Cứ ngồi vào lần chuỗi một lúc, là tâm niệm đã chạy hết đông sang tây, bất giác nó đã đi xa cách mấy ngàn muôn dặm hồi nào, cũng không tự hay biết. Có khi phải bận lo một việc chi, thì luôn trong năm mười ngày hoặc đến cả tháng, tâm trí vẫn vướng vít chưa quên, chỉ dẹp trừ nó còn chưa xong, nói gì đến việc gián đoạn! Điều này thốt ra thật đáng hổ thẹn, song nghĩ lại cũng đáng thương tâm! không biết có cách gì đối trị chẳng, xin nhờ Đại Sư chỉ bảo?

Đáp:- Đó là căn bệnh chung của hầu hết người tu. Trong lúc ấy nếu ông không thống thiết tự trách răn, thì khó mà thành tựu pháp chuyên tu vô gián. Tôi nghe người xưa có ba điều thống thiết tự trách răn, nay vì ông tỏ bày, nên ghi nhớ cho kỹ:

Điều thứ nhất là phải nghĩ đến sự báo ân. Người tu có những ân trọng. Hãy tạm gác qua ân Phật ân thầy, như ông là phận xuất gia, công ơn sanh dưỡng của cha mẹ há chẳng phải là sâu nặng ư? Ông đã lìa tục xuất gia, vì đi học đạo nên phải xa cách quê quán nhiều năm, cha mẹ nhọc nhằn cực khổ ông cũng không biết, khi già yếu đau bệnh lại cũng không hay mà săn sóc thuốc thang. Đến lúc cha mẹ mãn phần, ông không biết, hoặc có được tin gì về cũng đã trễ muộn. Khi ông còn nhỏ, có khi cha mẹ vì nuôi nấng thương lo cho con mà gây ra nhiều tội nghiệp, lúc chết rồi hoặc bị đọa vào nẻo

khổ, hy vọng ông cứu độ, như khát chờ uống, như hạn trông mưa. Nếu ông tu hành lơ láo tất tịnh nghiệp không thành; đã không thành thì tự cứu chưa xong, làm sao cứu được cha mẹ? Đối với song thân ông đã lỗi phần phụng dưỡng về thể chất, mà còn không cứu độ được phần hương linh, tức là phụ nghĩa quên ân, là người đại bất hiếu. Kinh nói: ‘Phạm tội bất hiếu, sẽ bị đọa vào địa ngục.’ Thế thì tâm niệm gián đoạn không chuyên tu, chính là nghiệp địa ngục vậy.

Lại ông không dệt mà mặc, không cày mà ăn. Phòng, nhà, chăn, gối, cơm áo, thuốc thang đều do đàn việt cúng dâng. Tổ sư từng răn dạy: ‘Hàng thiện tín vì sùng kính Tam Bảo đã chia cắt bớt phần ăn của gia đình đem đến cúng dường. Nếu người tu đạo hạnh không tròn, thì dù là tấc vải hạt cơm, kiếp sau cũng phải đền trả. Muốn báo ân đàn việt ông phải lo chuyên tu tịnh nghiệp để độ mình độ người. Nếu ông sanh một niệm gián đoạn không chuyên. Tất đã có phần trong kiếp luân hồi vay trả. Và tâm niệm ấy chính là nghiệp hạ tiện hoặc súc sanh vậy.

Điều thứ hai là phải có chí quyết định. Người tu hành phải kiên quyết để đi đến kết quả. Ông một đời tham thiền đã chẳng ngộ thiền, khi học giáo lại không tinh về giáo. Cho đến ngày nay tâm địa chưa lắng yên, niệm đầu còn sôi nổi, khi thì muốn làm thi, lúc lại thích tả tự, khi thì thuyết giáo, lúc lại đàm thiền, ý chí ly tán đi ba bốn nẻo. Tổ sư đã bảo: ‘Tâm niệm còn vướng mắc, đó là nghiệp luân hồi. Tình tưởng vừa sanh ra, muôn kiếp bị ràng buộc.’ Sở dĩ ông chưa được chánh

niệm, là do vì còn tình tưởng phân vân, và tình tưởng còn phân vân cũng bởi chí không quyết định. Cho nên người tu mà ý chí không nhất quyết, đó chính là đầu mối của sự sa đọa tam đồ vậy.

Lại nếu người tu ý chí không quyết định, thì không thể gìn giữ giới căn. Do ý niệm phân vân nên không thể thâm nhiếp thân và khẩu. Kinh nói: ‘Thà lấy nước đồng sôi rót vào miệng, nguyện không để miệng phá giới này thọ các thức ăn uống của tín tâm đàn việt. Thà dùng lưới sắt nóng quấn thân thể mình, nguyện không để thân phá giới này thọ những y phục của tín tâm đàn việt.’ Phương chi, do các giới không trang nghiêm, nên tâm càng vọng động; nhân sự vọng động ấy mà phần chuyên tu bị gián đoạn. Thế thì một niệm gián đoạn, đâu chỉ là nghiệp nhân của lưới sắt nóng và nước đồng sôi ư?

Và nếu người tu ý chí không quyết định, tất không nhận rõ tướng đời giả huyễn, dễ chạy theo danh lợi hư phù. Khi danh lợi thuộc về mình thì sanh lòng mê đắm, danh lợi thuộc kẻ khác lại sanh lòng ganh ghét hơn thua. Cổ đức bảo: ‘Tham đắm danh lợi đi về nẻo súc đường quỷ, buông lòng thương ghét đồng vào hầm lửa vạc dầu!’ Thế thì một niệm gián đoạn chính là ngạ quỷ, hầm lửa vậy.

Điều thứ ba là cầu sự ứng nghiệm. Người đã tu tịnh nghiệp, nên cố gắng làm sao cho có sự ứng nghiệm. Kiếp người mong manh, vô thường chẳng hẹn. Như ông nay tóc đã điểm bạc, da đượm nét nhăn, tướng suy tàn hiện rõ, kỳ lâm chung phỏng còn được mấy ngày?

Vậy ông phải cố gắng chuyên tu, làm sao cho có triệu chứng vãng sanh chắc chắn. Như khi xưa, Huệ Viễn Pháp Sư ở Lô Sơn, ba phen thấy Phật xoa đầu. Lại như Hoài Cẩm Pháp Sư chí thành xưng danh hiệu Phật, liền thấy Đức A Di Đà phóng ánh quang minh, hiện ra tướng hảo. Và như Thiếu Khang Pháp Sư khi niệm Phật một câu, đại chúng liền thấy một vị Phật từ nơi miệng bay ra, cho đến trăm ngàn câu cũng như thế, tợ hồ các hạt chuỗi nối tiếp nhau. Những sự ứng nghiệm như thế có đến muôn ngàn. Nếu tâm ông không gián đoạn, thì thấy Phật rất dễ; như còn gián đoạn, tất khó thấy Phật. Đã không thấy Phật thì cùng với Phật vô duyên. Và đã vô duyên quyết khó sanh Tịnh Độ. Khi không được sanh về Tịnh Độ tất sớm muộn gì cũng bị đọa vào ác đạo. Thế thì một niệm gián đoạn chính là nghiệp tam đồ vậy. Phải nên răn dè và suy nghĩ kỹ!

Ba điều cảnh sách trên, người tu tịnh nghiệp phải ghi nhớ suy nghĩ rồi tự trách răn một cách thống thiết, làm sao cho tâm không rời Phật, Phật chẳng rời tâm, đạo cảm ứng giao thông, hiện đời được thấy Phật. Đã thấy Đức Phật ở Cực Lạc, tức thấy chư Phật khắp mười phương, và thấy chư Phật mười phương, tức thấy vị Phật thiên chân của tự tánh. Khi thấy được Phật tự tánh, thì sự đại dụng sẽ hiện tiền. Chừng ấy mới theo lòng bị nguyện, độ khắp quần sanh. Đó gọi là Tịnh Độ Thiền mà cũng là Thiền Tịnh Độ vậy. Thế thì ý của ngài Vĩnh Minh nói: ‘Có Thiền có Tịnh Độ, dường như cọt mọc sừng, đời nay làm thầy người, đời sau làm Phật Tổ.’ há

chẳng là ứng nghiệm trong giai đoạn này ư? Phải nên cố gắng!

Thiền giả nghe xong vừa kinh ngạc vừa mừng rỡ, lặng lẽ giây lâu, dường như tìm được vật chi đã mất. Thiền Như lão nhơn lại bảo: ‘Thiền cùng Tịnh Độ vẫn không hai, nếu liễu thì liễu cả, mê cũng đồng mê, bởi ngoài tâm không pháp, ngoài pháp không tâm, đừng nên lầm nhận!’ Thiền thượng nhơn liền đánh lễ mà thưa rằng: ‘Tôi rất may mắn được nhờ ơn chỉ bảo, nay đã biết đường về!’ rồi từ tạ mà lui.



Lời phụ

‘Thiền cùng Tịnh Độ vẫn không hai, nếu liễu thì liễu cả, mê cũng đồng mê.’ Lời của Thiền Như Đại Sư quả thật xác đáng. Bởi chân tâm bao hàm sa muôn pháp, hàm vô biên quốc độ, nơi Thiền gọi là Bản Lai Diện Mục, nơi Tịnh gọi là Tự Tánh Di Đà. Kinh Lăng Nghiêm nói: ‘Mười phương hư không sanh trong tâm ông như ánh mây nổi điểm giữa trời xanh rộng lớn bao la, hướng chi vô lượng thế giới ở trong hư không ư?’ Cổ đức cũng bảo: ‘Hằng sa pháp ấy Bồ Đề Đạo, nghĩ đến Bồ Đề cách vạn tầm!’ Vì chân tâm bao hàm muôn tượng nên nếu người tu Thiền mà hiểu Thiền bằng lý không không, rồi bác chẳng có Cực Lạc, bác sự cầu sanh, tất chưa phải là người hiểu Thiền. Sở dĩ ngài Thiền Như nhiều phen cặn kẽ chỉ bày là để phá mối chấp không đó. Về phần thể, chân tâm sáng lặng bao hàm vô biên thế giới, gọi là *Thiền Tịnh Độ* và vô lượng thế giới ảnh hiện trong chân tâm, tất cả đều tịch tịnh như huyền, gọi là *Tịnh Độ Thiền*. Về phần dụng, hành giả khi đã ngộ tánh bản lai, rồi khởi lên bi nguyện tu những hạnh trang nghiêm cõi Phật, thành tựu chúng sanh, gọi là *Thiền Tịnh Độ* và nếu dùng môn Tịnh Độ để nhiếp hóa hữu tình trở về chân tánh, gọi là *Tịnh Độ Thiền*.

Tóm lại, Thiền tức Tịnh Độ, Tịnh Độ tức là Thiền. Nếu bác Tịnh Độ chính là chưa hiểu rõ Thiền, và bác Thiền cũng chẳng suốt thông Tịnh Độ. Liễu thì liễu cả, mê cũng đồng mê, bởi do lý đó.



Đề Bạt

Tức tâm là độ lý không ngoa
Tịnh khác Thiền đâu vẫn một nhà
Phước kết trang nghiêm phần sắc tướng
Huệ tuôn vô ngại cõi hằng sa
Trời Tây sáng lạ màu vi diệu
Nguyện Phật thâm sâu đức hải hà
Ngoảnh lại đường tu ai sớm tỉnh?
Nỗi thương ác đạo mãi vào ra!

Tây Trai Lão Nơn



Nam Mô Hộ Pháp Vị Đà Tôn Thiên Bồ Tát

Hồi Hương

Nguyện đem công đức này
Trang nghiêm Phật Tịnh Độ
Thượng báo tứ trọng ân
Hạ tế tam đồ khổ
Nếu có ai thấy nghe
Đều phát Bồ Đề tâm
Khi mãn báo thân này
Sanh qua cõi Cực Lạc

Nam Mô Tây Phương Cực Lạc Thế Giới
Đại Từ Đại Bi Tiếp Dẫn Đạo Sư
A Di Đà Phật

